

## QUYỂN III

### F. THU SÁU NHẬP

Kinh : “Lại nữa, Anan, như sao là Lục Nhập vốn là Như Lai Tạng Diệu Chân Như Tánh ?

*Thông rằng* : Lục nhập cũng gọi là lục xứ, là cái chỗ để cho cảnh do đó mà nhập vào vậy. Ở đây chỉ lấy căn làm nhập. Lục căn sao lại là Diệu Chân Như Tánh ? Chẳng phải là “*Một căn đã trở về nguồn thì sáu căn đều thành giải thoát*” sao ? Bởi thế, sáu căn tức đó là Phật Tánh vậy.

Vua Dị Kiến hỏi Tôn giả Ba La Đề : “Cái gì là Phật ?”

Tổ đáp : “Thấy Tánh là Phật.”

Vua hỏi : “Thầy thấy tánh chẳng ?”

Tổ đáp : “Tôi thấy Phật Tánh.”

Vua hỏi : “Cái tánh ở chỗ nào ?”

Tổ nói : “Tánh ở trong tác dụng.”

Vua hỏi : “Ấy là tác dụng nào mà tôi không thấy ?”

Tổ nói : “Nay hiện là tác dụng mà vua tự chẳng thấy.”

Vua hỏi : “Hiện nơi tôi có chẳng ?”

Tổ nói : “Vua mà tác dụng thì không có gì chẳng phải là đó ; vua mà chẳng dùng, thể ấy khó thấy.”

Vua hỏi : “Như khi đang dùng thì xuất hiện mấy chỗ ?”

Tổ đáp : “Như khi xuất hiện thì hiện có tám chỗ.”

Vua nói : “Xin vì tôi nói ra tám chỗ xuất hiện ấy.”

Tổ Ba La Đề nói bài kệ :

“Ở thai làm Thân

Ở đời làm Người

Ở mắt là Thấy  
 Ở tai là Nghe  
 Ở mũi Ngửi mùi  
 Ở miệng Đàm Luận  
 Ở tay Cầm Nắm  
 Ở chân Đi Chạy  
 Hiện khắp đồng đều pháp giới  
 Thân lại trong một vi trần  
 Tỏ hiểu, biết đó là Phật Tánh  
 Không hiểu, lại gọi là tình hồn."

Vua nghe xong bài kệ, tâm liền khai ngộ.

Ông Trình Minh Đạo đọc Trung Dung có câu thơ "Điều bay tận trời. Cá nhảy trong vực", nói rằng "Trên dưới đều rõ ràng vậy". Đây là Ông Tử Tư quả là vì người mà gắng sức. Biết được thì đời sống quá đổi tự do. Chẳng biết, thì chỉ là "Đùa giỡn với tình hồn". Những lời nói ấy, người học vẫn thường nghe. Vì sao vua Dị Kiến lại tỏ ngộ, nhỉ ?

Thiền sư Phật Nhật Tài thượng đường : "Gió mưa tiêu điều lấp kín tai ông ! Lá rụng lại qua lấp kín mắt ông ! Hương mùi loạn xạ lấp kín mũi ông ! Lạnh nóng, ngọt bùi lấp kín lưỡi ông ! Áo gấm ấm mát lấp kín thân ông ! Vọng tưởng diên đảo lấp kín ý ông ! Này chư vị Thiền đức, cho dù các ông có lật lại được chặng nữa thì cũng là đồng xương đất bằng ! Tham !"

Chỗ này chẳng tham thì không được !

Kinh : "Anan, tức nơi tròng mắt kia, ngó sống sanh ra mỗi lò. Cả hai cái : con mắt và sự mỗi lò đều là cái tướng sinh mỗi lò do nhìn chăm chăm của Bồ Đề.

“Nhân nơi hai thứ vọng trần sáng và tối phát ra cái thấy ở bên trong, thu nạp các trần tượng mà gọi là cái thấy. Cái thấy này rời ngoài hai trần sáng và tối, rốt ráo không có tự thể.

“Thật vậy, Anan, phải biết rằng cái thấy đó chẳng phải từ nơi sáng, nơi tối mà đến, chẳng phải từ căn mắt mà ra, chẳng phải từ hư không mà sanh. Vì sao thế ? Nếu từ cái sáng mà đến, thì khi tối đã theo cái sáng mà diệt, lẽ ra không thấy được cái tối ! Nếu từ cái tối mà đến thì khi sáng phải theo cái tối mà diệt, lẽ ra không thấy được cái sáng ! Nếu do căn mắt mà sanh, hẳn không có sáng, có tối thì cái thấy như vậy vốn không tự tánh. Nếu do hư không mà ra thì ngó tới trước phải thấy các trần tượng, quay về phải thấy con mắt ! Lại nữa, hư không mà tự thấy nào có liên quan gì đến chỗ thâm nhập của ông.

“Thế nên, phải biết Nhãn Nhập là hư vọng, vốn chẳng phải tánh nhân duyên, chẳng phải tánh tự nhiên.

*Thông rằng* : Ngó sững chặp lâu thì mắt mỏi mà phát lòà, nên thấy hoa đốm loạn xạ, cái căn mắt phân biệt cũng là cái tướng lòà ở trong Giác Tánh Bồ Đề, nên nói “Cả con mắt và cái lòà đều là cái tướng mỗi sanh ra lòà của Bồ Đề”. Mượn con mắt lòà tạo thành sắc ấm để ví dụ là nhãn nhập hư vọng vậy. Nếu mắt chẳng mỏi, tướng lòà tự là không, nguyên một Tinh Minh lấy đâu mà vọng ? Cái thấy này lìa ngoài hai trần sáng, tối rốt ráo không tự thể. Rõ ràng hiển bày cái Chân Kiến Vô Sanh, chẳng vì thấy sáng, thấy tối mà có, chẳng vì lìa sáng, tối mà không. Chân Kiến là Chân Thật, còn cái thấy này là hư vọng, có thể thấy rõ ràng vậy.

Đoạn trước nói “Hoa đốm chẳng phải từ hư không sanh, chẳng từ con mắt sanh ra” chỉ thẳng sắc ấm vốn không.

Ở đoạn này nói “Tánh thấy chẳng từ hư không sanh cũng chẳng do con mắt sanh ra” để chỉ bày nhãn nhập là hư vọng. Vọng vốn không tự tánh, đương thể tức Chân. Nên nói “Tức là Như Lai Tạng Diệu Chân Như Tánh” vậy.

Tổ Triệu Châu nói : “Cầm chắc Càn Khôn nhãn, lâu lâu chẳng lọt mảy lông. Mong ông hiểu thấu, ông lại làm gì nữa ?”

Ngài Thiên Đồng nêu ra rằng : “Trở lại đầu mối được chưa ? Dù cho ông ở trong ấy hiểu được bảy lỗ, tám hang đi nữa, ta cũng biết ông chẳng ra khỏi cái nôi mây kết trời của Tổ Triệu Châu đâu !”

Lại có nhà sư hỏi Tổ Cửu Phong Kiên : “Như thế nào là con mắt Càn Khôn ?”

Tổ Phong nói : “Càn khôn ở trong ấy !”

Nhà sư hỏi : “Con mắt Càn Khôn ở đâu ?”

Tổ Phong nói : “Chánh đó là con mắt Càn Khôn.”

Sư hỏi : “Lại có chiếu sáng không ?”

Tổ Phong nói : “Chẳng nhờ đến thế lực của ba loại ánh sáng.”

Sư hỏi : “Đã chẳng nhờ sức của ba loại ánh sáng thì nhờ vào đâu mà chiếu sáng, mà gọi là con mắt Càn Khôn ?”

Tổ Phong nói : “Nếu chẳng như thế thì trước sọ khô thấy quý ma vô số !”

Hợp hai tắc này lại mà xem xét, nếu mà có nương nhờ thì đó chính là chỗ rỉ giọt,<sup>(1)</sup> cho dù có hiểu được cũng là trước mắt thấy quý. Chỉ nơi một câu “Con mắt Càn Khôn

---

<sup>1)</sup> Sấm lậu.

ở tại chỗ nào ?” mà trộm thấy suốt được thì mới nắm chắc. Tướng *mới sanh* lòa từ chỗ nào mà khởi ra thế ?

Kinh : “Anan, ví như có người lấy hai ngón tay bịt chặt lỗ tai, do căn tai mỗi, trong đầu hóa ra có tiếng. Cả hai cái : lỗ tai và cái mỗi mệ, đều là tướng *lâu mà sanh* ù *mới* của Bồ Đề.

“Nhân nơi hai thứ vọng trần động và tĩnh phát ra cái nghe ở trong, thu nạp cái trần tượng đó mà gọi là cái nghe. Cái nghe đó rời hai trần động tĩnh ráo ráo không có tự thể.

“Thật vậy, Anan, ông nên biết cái nghe đó không phải từ nơi động, nơi tĩnh mà đến, không phải từ lỗ tai mà ra, không phải nơi hư không mà sanh. Tại sao thế ? Nếu cái nghe ấy từ nơi tĩnh mà đến thì khi động phải theo cái tĩnh mà diệt, lẽ ra không nghe được cái động. Nếu từ nơi động mà đến thì khi tĩnh sẽ theo cái động mà diệt, lẽ ra không nghe thấy cái tĩnh. Nếu do lỗ tai mà sanh, hẳn là không có động, không có tĩnh, thì cái nghe như vậy vốn không có tự tánh. Nếu do hư không mà ra, thì đã có tánh nghe, chắc không phải là hư không nữa. Lại nữa, hư không mà tự nghe nào có liên quan gì đến chỗ thâm nhập của ông ?

“Vậy, nên biết rằng Nhĩ Nhập là hư vọng, vốn chẳng phải tánh tự nhiên, chẳng phải tánh nhân duyên.

*Thông rằng* : Từ nhãn nhập đến ý nhập đều như hoa không, nên nói “Đều là cái tướng mỗi mệ sanh ra của Bồ Đề”. Căn tai mỗi ù, thì trong đầu có ra tiếng. Giác Tánh Bồ Đề phát sanh mỗi, ắt trong tai thành có cái nghe. Cái nghe này hư vọng mà sanh ra, cũng như hoa không vậy.

Cái nghe này rời hai vọng trần động và tĩnh thì rốt ráo không có tự thể. Trần đến thì có, trần đi thì không. Cái nghe ấy vốn không gốc gác nên gọi là hư vọng. Cái nghe hay phân biệt được động, tĩnh nên chẳng từ cảnh mà sanh. Cái nghe thật linh mãi, còn hư không thì trơ trơ, nên chẳng phải từ hư không mà ra. Như cái thể nghe của nhĩ căn, mỗi mỗi đều có mặt, sao lại nói là không tự tánh ? Vì lìa ngoài tiền trần ắt là vô phân biệt. Nếu có phân biệt, đáng lẽ phải chỉ ra được. Nay không thể chỉ ra, thì biết là không tự tánh. Nghiệm xét cái nghe ở nơi cảnh, ở nơi căn, ở nơi hư không đều không có cái thể nhất định để tìm ra được, tức là cái nghe hư huyền này vốn chẳng phải tính nhân duyên, chẳng phải tính tự nhiên, bèn là tức huyền tức chơn vậy. Nếu mà có nhân duyên hay tự nhiên khá được thì cái nghe ấy bèn là pháp sanh diệt, sao có thể gọi đó là Diệu Chân Như Tánh ?

Có vị tăng hỏi Ngài Huyền Sa : “Nhờ Hòa thượng dạy “Cái tánh nghe cùng khắp pháp giới”. Ngài Tuyết Phong đánh trống ở trong ấy vì sao chẳng nghe ?”

Tổ Sa nói : “Ai biết chẳng nghe ?”

Lại có vị tăng hỏi Tổ Tào Sơn : “Gần bạn đạo nào để được hằng nghe chỗ chưa nghe ?”

Tổ Sơn nói : “Cùng chung nhau một cái trùm che khắp hết.”

Hỏi : “Cái này cũng như là Hòa thượng được nghe. Như sao là hằng nghe ở chỗ chưa nghe ?”

Tổ Sơn nói : “Chẳng đồng với gỗ đá.”

Hỏi : “Cái nào là trước, cái nào là sau ?”

Tổ Sơn nói : “Chẳng thấy nói “Hằng nghe ở chỗ chưa nghe” sao ?”

Thế mới biết, *hằng nghe ở chỗ chưa nghe* thì cái nghe này cùng khắp vậy.

Kinh : “Anan, ví như có người bịt gấp hai lỗ mũi. Bịt lâu thành ra mỗi mệ, thì ở trong mũi nghe có cảm giác lạnh. Nhân những cảm xúc như vậy mà phân biệt được là thông, là bít, là rộng, là đặc cho đến các mùi thơm, thối. Cả hai cái : Ngửi và cái mỗi mệ, đều là cái tướng bịt lâu phát mỗi của Bồ Đề.

“Nhân nơi hai thứ vọng trần thông và bít phát ra cái ngửi ở trong, thu nạp các trần tượng mà gọi là cái ngửi. Cái ngửi đó rời ngoài hai trần thông và bít rất ráo không có tự thể. Thế nên, phải biết cái ngửi ấy chẳng phải từ thông, bít mà đến, chẳng phải nơi căn mà ra, chẳng từ hư không mà phát sanh. Tại sao thế ? Nếu từ cái thông mà đến thì khi bít, cái ngửi đã mất rồi làm sao mà biết được cái bít ? Nếu nhân cái bít mà có thì khi thông, không còn cái ngửi làm sao biết được các mùi thơm, thối ? Nếu từ lỗ mũi sanh ra hẳn không có cái thông, cái bít thì cái ngửi như vậy vốn không tự tánh. Nếu do hư không mà ra thì cái ngửi đó phải xoay lại ngửi được lỗ mũi của ông ! Lại nữa, hư không mà tự ngửi được nào có liên quan gì đến chỗ thâm nhập của ông ?

“Vậy, nên biết rằng Tỷ Nhập là hư vọng, vốn chẳng phải là tánh nhân duyên, chẳng phải là tánh tự nhiên.

*Thông rằng* : Bịt mũi là bịt ngừng hơi thở, khí không ra vào. Cái lạnh nhân nín thở mà có, không nín thì không có. Nhân nín thở mà biết có thông, bít, rộng, đặc. Nhân thông, bít mà phân biệt các mùi thơm, thối. Cái ngửi đó, rõ ràng nhân hư vọng mà có vậy. Như chẳng có cái thông,

bít, cái người thấy đó hiện đang ở chỗ nào ? Ở tai thì gọi là cái nghe thấy, ở mũi thì gọi là cái người thấy. Công năng lớn nhỏ có thể thấy được. Cái nghe thì đâu cũng khắp, cái người thì phát ra do tiếp xúc với tiền trần. Tuy nhiên, căn mũi là hư vọng, vốn không có chỗ chỉ ra được, hướng là cái việc hướng thượng nằm ngay trên mũi mình, lại càng khó sờ nắm !

Có vị tăng hỏi Thiền sư Hải Yến ở chùa Chứng Mê rằng : “Như thế nào là chùa xưa một lư hương ?”

Tổ nói : “Qua nhiều đời không có người người.”

Hỏi : “Người người như thế nào ?”

Tổ nói : “Sáu căn đều chẳng đến.”

Ngài Ba Lăng Giám<sup>(1)</sup> ban đầu ra mắt Tổ Vân Môn.

Tổ Vân Môn nói : “Hòa thượng Tuyết Phong nói “Mở cửa ra thì Đạ Ma đến”, tôi hỏi ông làm sao đây ?”

Ngài Giám nói : “Ở trên lỗ mũi Hòa thượng !”

Tổ Môn nói : “Địa Thần nổi dữ, cầm núi Tu Di đập một cái, nhảy tót lên trời Phạm Thiên, bứt phá lỗ mũi của Đế Thích. Ông vì sao mà hướng về trong nước Nhật Bản ẩn mình ?”

Ngài Giám nói : “Hòa thượng không lừa dối người thì tốt.”

Tổ Môn nói : “Ở trên lỗ mũi của lão tăng, lại làm sao ?”

Ngài Giám không có lời đáp.

Tổ Môn nói : “Hãy biết ông chỉ là phường Học nói.”

---

<sup>1)</sup> Tổ Hạo Giám tại Ba Lăng, Nhạc Châu. Người nổi kế chánh pháp của Tổ Vân Môn.



Nếu tham suốt được lời nói của Tổ Vân Môn thì thật như nửa đêm rờ trúng lỗ mũi, xưa nay chỉ ở trên mặt !

Kinh : “Anan, ví như có người dùng lưỡi liếm mép, liếm mãi sanh ra mồi. Nếu người đó đang bệnh thì thấy có vị đắng, còn người không bệnh thì có chút vị ngọt. Do cảm xúc ngọt, đắng mà hiện ra có căn lưỡi, khi không động thì vẫn có tánh nhạt. Cả cái nếm cùng cái mồi đều là cái tướng lâu mà sanh mồi của Bồ Đề.

“Nhân hai thứ vọng trần nhạt và ngọt đắng phát ra cái nếm ở bên trong, thu nạp các trần tượng đó mà gọi là cái nếm biết. Cái nếm biết này ngoài hai vọng trần nhạt và ngọt đắng kia, rốt ráo không có tự thể.

“Thật vậy, Anan, phải biết rằng cái nếm biết được đắng, nhạt như vậy không phải từ ngọt đắng mà đến, không phải nhân tánh nhạt mà có, cũng không từ căn lưỡi mà ra, cũng không từ hư không mà sanh. Vì sao thế ?

“Nếu từ các vị ngọt, đắng mà đến thì khi nhạt, cái nếm biết đã diệt mất làm sao biết được vị nhạt ? Nếu từ cái nhạt mà ra, thì khi ngọt, cái nếm biết đã mất rồi làm sao biết được vị ngọt đắng ? Nếu do cái lưỡi sanh ra, hẳn không có những vị ngọt, đắng và nhạt, thì cái căn biết mùi vị đó rõ là vốn không tự tánh. Nếu do hư không mà ra thì hư không tự nếm biết, chẳng phải lưỡi ông biết được vị. Hơn nữa, hư không mà tự biết thì có liên quan gì đến chỗ thâm nhập của ông đâu ?

“Vậy, nên biết rằng Thiệt Nhập là hư vọng, vốn chẳng phải là tánh nhân duyên, chẳng phải là tánh tự nhiên.

*Thông rằng* : Cái căn biết mùi dây, biết ngọt, biết đắng, biết nhạt. Vị ngọt, đắng, nhạt không thường còn nên cái

căn nếm biết cũng tùy theo mà thay đổi. Cái biết vị này không phải từ ngọt, đắng, nhạt mà đến, không phải từ hư không mà ra thì còn dễ biết, nhưng tại sao không từ lưỡi mà sanh ? Cái lưỡi vốn không mùi vị, nên không có tự tánh khá được. Chỉ do tiếp xúc với mùi vị mà nếm biết sanh ra, mùi vị hết thì phải diệt, vốn đều là hư vọng. Bám chấp mà cho là có thì không biết nó ở đâu ra ! Bám chấp mà cho là không thì lại rõ ràng ra đó ! Cho nên mới nói là Diệu. Ở đây mà chẳng biết mùi vị là cái gì thì không có đủ sức để bàn luận vậy.

Ngài Sam Sơn đang lựa rau quyết, Tổ Nam Tuyên nhạt lên một cọng, nói : “Cái này dùng rất tốt.”

Ngài Sơn nói : “Không những cái này mà món ngon trăm vị hần ta cũng chẳng thêm đoái tới.”

Tổ Tuyên nói : “Tuy là như thế, mỗi cái phải nên nếm qua mới được.”

Ngài Huyền Giác nói rằng : “Đó là lời tương kiến hay không phải là lời tương kiến ?”

Ngài Thiên Đồng nói : “Hỏi lấy Nam Tuyên Vương Lão sư, ai ai cũng chỉ ăn một cọng rau.”

Có thể nói là biết mùi vị vậy.

Kinh : “Anan, ví như có người dùng bàn tay lạnh sờ bàn tay nóng. Nếu bên lạnh nhiều hơn thì bên nóng lạnh theo. Nếu bên nóng nhiều hơn thì bên lạnh thành nóng lên. Như vậy, do cảm xúc nhận biết trong lúc hợp lại mà rõ sự nhận biết lúc rời ra. Cái thế chênh lệch giữa nóng và lạnh này thành là do mỗi một mà có ra cảm xúc. Cả hai thứ : Thân biết cảm xúc và cái mỗi đều là cái tướng sanh mỗi do chăm chú của Bồ Đề.

“Nhân nơi hai thứ vọng trần lìa và hợp phát ra cái hay biết ở bên trong, thu nạp các trần tượng đó mà gọi là cái biết cảm xúc. Cái biết như vậy lìa ngoài hai trần lìa và hợp, trái và thuận kia, rốt ráo không có tự thể.

“Thật vậy, Anan, phải biết rằng cái cảm xúc đó không phải từ cái lìa, cái hợp mà tới, không phải từ nghịch thuận mà có, chẳng phải do nơi thân căn mà ra, cũng không phải do hư không mà sanh ra. Vì sao thế ?

“Nếu từ hợp mà đến, thì khi lìa, cái biết đã mất rồi, làm sao biết được cái lìa. Đối với hai tướng nghịch thuận thì cũng như thế. Nếu từ thân căn mà có ra, hẳn không có những tướng lìa, hợp, nghịch, thuận thì cái biết cảm xúc của thân vốn không có tự tánh. Nếu từ hư không mà sanh ra thì hư không tự biết lấy, nào có liên quan gì đến chỗ thâm nhập của ông ?

“Thế nên, phải biết Thân Nhập là hư vọng, vốn chẳng phải tánh nhân duyên, chẳng phải tánh tự nhiên.

*Thông rằng* : Cái biết do hợp lại mà có thì khi lìa ra bèn không có. Nhưng lìa ra rồi mới biết cảm xúc là thuận hay nghịch. Cái biết do đụng chạm với thân này, hơi khác với cái biết ở lưỡi. Tùy theo cái thế tương quan mà có hơn thua. Ví như cái nóng chạm cái lạnh, mà nóng mạnh hơn, thì cái lạnh nóng lên và ngược lại. Lạnh và nóng can thiệp nhau, hai tướng thành ra, chẳng có cái cảm xúc mỗi nhọc thì chẳng có việc nóng lạnh ấy. Cảm xúc dễ chịu thì nói là thuận, cảm xúc nghịch với thân thì gọi là trái nghịch. Nếu không có bốn tướng : lìa, hợp, thuận, nghịch, chỉ còn mỗi cái thân thì cái biết cảm xúc này ở tại nơi nào ? Cho nên mới nói vốn là không tự tánh. Tức là cái biết của thân này không do trần mà sanh, không do căn thân mà có ra, hẳn

chẳng phải phân biệt mà biết. Không phải từ hư không mà sanh ra, hẳn chẳng phải là tự nhiên. Chẳng phải nhân duyên, chẳng phải tự nhiên, gọi đó là Diệu Chân Như Tánh. Cái chuyện thấy, nghe, hay, biết ở trên là năm cái thức bên ngoài, do đối với cảnh mà biết, chẳng phải là cái biết của ý thức phân biệt. Tất cả đều là chỗ bày biện của Như Lai Tạng Tánh vậy.

Có nhà sư hỏi Tổ Động Sơn : “Lạnh, nóng đến làm sao mà trốn tránh ?”

Tổ Động Sơn nói : “Sao chẳng ở trong chỗ không nóng lạnh ?”

Hỏi : “Như thế nào là chỗ không hề nóng lạnh ?”

Tổ Sơn nói : “Lạnh thì lạnh chết Xà lê, nóng thì nóng chết Xà lê !”

Lại Tổ Tào Sơn hỏi một nhà sư : “Nóng như thế này, hướng về chỗ nào trốn tránh ?”

Sư đáp : “Trốn vào trong vạc nước sôi, lò lửa !”

Tổ hỏi : “Trong vạc nước sôi, lò lửa làm sao trốn tránh ?”

Sư đáp : “Các khổ không thể đến !”

Đây là những lời trong nhà, như ra từ một miệng.

Ngài Tuyết Đậu tụng rằng :

*“Buông tay lại đồng vách núi muôn tầm  
Chánh Thiên nào cần đến việc an bài  
Cổ điện lưu ly trắng chiếu sáng  
Nực cười binh mạnh bắc thang lên không !”*

(Thù thủ hoàn đồng vạn nhận nhai  
Chánh Thiên hà tất tại an bài

Lưu ly cổ điện chiếu minh nguyệt  
 Nhấn tuấn hàn lưu không thương giai.)

Rõ được ý này thì *Thông tay vào chợ* cũng đồng là *Núi cô riêng đứng một mình*.<sup>(1)</sup> Về nguồn rõ *Tánh* và *Sai Biệt Trí* đều chẳng khác nhau. Chẳng khế hợp sâu xa với *Tông Tào Động*, chưa dễ nói được chỗ này.

Kinh : “Vị như có người mỗi mệ̄t thì ngủ. Ngủ chán thì thức dậy. Xem trần cảnh thì nhớ, hết nhớ thì quên. Các thứ sanh, trụ, dị, diệt điên đảo này hấp thu những kết tập thói quen đưa vào bên trong, mỗi mỗi liên tục, gọi đó là ý căn. Cả hai cái : Ý và mỗi mệ̄t, đều là tướng phát mỗi do chăm chú của Bồ Đề.

“Nhân hai thứ vọng trần sanh và diệt kết tập cái biết ở bên trong, thu nhóm nội trần, dùng thấy, nghe chảy ngược vào trong, chảy không chỗ đến, mà gọi là cái Ý Hay Biết. Cái Ý Hay Biết này rời ngoài hai trần thức và ngủ, sanh và diệt rốt ráo là không có tự thể.

“Thật vậy, Anan, nên biết rằng cái Căn Hay Biết đó chẳng từ thức hay ngủ mà đến, chẳng phải từ sanh diệt mà có, chẳng phải nơi căn ý mà có ra, cũng chẳng phải hư không sanh. Tại sao thế ?

“Nếu từ nơi thức mà đến, thì khi ngủ đã theo cái thức diệt mất, lấy gì để thành ra cái ngủ mê ? Nếu quả là lúc sanh mới có, thì lúc diệt đã không còn, lấy ai mà thọ cái diệt ? Nếu từ cái diệt mà có, thì khi có cái sanh : cái diệt không có, có ai để biết cái sanh ? Nếu từ căn mà ra thì hai tướng thức và ngủ theo thân mà có mở, có khép. Nếu rời ngoài hai tướng thức, ngủ này thì cái Ý Hay Biết

<sup>1)</sup> Tự do, Giải thoát.

đó cũng giống như hoa đốm trên không, rốt ráo là vô tự tánh. Nếu từ hư không mà sanh ra, thì hư không tự biết lấy, dính dáng gì đến chỗ thâm nhập của ông ?

“VẬY, nên biết rằng : Ý Nhập là hư vọng, vốn chẳng phải tánh nhân duyên, chẳng phải tánh tự nhiên.

*Thông rằng* : Trong mộng hiện cảnh, bởi ngủ nên có ra, cái thân thơ thối mà là hư giả. Đã tỉnh thức, chẳng rõ là giả, rồi nhận mà tưởng nhớ đến, cho là chân thật, chuyện ấy là điên đảo vậy. Các hình tướng hữu vi cũng thế. Động tâm thì sanh ra cảnh, đã là hư vọng lại do cái thức phân biệt nhớ giữ mà cho là thật có, thì đều là điên đảo. Nhớ đến thì sanh ra, quên đi thì diệt mất, nên bốn tướng sanh, trụ, dị, diệt rõ ràng, rời rạc trôi ra chẳng ngừng, sát na sát na liên tục nối tiếp, đó là Ý Căn.

Khi ý chẳng duyên ra, thức ngủ là một. Cầu lấy cái tướng thức ngủ còn chẳng thể có, huống là có các tướng sanh, trụ, dị, diệt sao ? Ngay khi cái ý cùng theo pháp tướng duyên ra, thu nạp các tập khí vào trong đã thành ngay cái tướng mỗi mảy. Thế nên cái Bồ Đề mà bất giác khởi động để thành ra cái ý, thế là lọt vào chỗ mỗi nhọc của thế trần.

Bộ Tông Cảnh Lục<sup>(1)</sup> nói rằng : “Các giác quan níu giữ lấy cảnh bên ngoài, niệm niệm chảy vào cõi ý.”

Từ ngoài đưa vào trong nên gọi là chảy ngược dòng. Cái ý đã có chỗ duyên, tức “thức xem trần cảnh thì nhớ”, gọi làm cái sanh. Còn câu “Chảy không chỗ đến” là nói trong khi ngủ mê, các căn không duyên với trần thì không có ngoại trần chảy vào trong đất ý, ý cũng không có chỗ

<sup>1)</sup> Của Thiền sư Vĩnh Minh Diên Thọ.

duyên gặp, nên kinh nói “Khi ngủ thì hết nhớ mà quên”, đó là sự diệt vậy.

Phân ra như thế hình như là gương ép, bởi vì trong ngủ cũng có mộng, trong thức cũng có quên, nghĩa là thức hay ngủ đều có hai tướng sanh và diệt, làm sao mà cho là khi thức chỉ thuộc về sanh, còn ngủ chỉ thuộc về diệt ư ? Theo ngu ý của tôi : cái thấy, nghe của tai, mắt thì thuận chiều ra đến bên ngoài ; còn cái thấy, nghe của ý căn thì ngược chiều chảy vào trong. Khi ý căn hấp thu nội trần, mắt như có thấy, tai như có nghe, ẩn hiện dường như không dấu vết, chảy vào chỗ mà thấy, nghe không đến được, chỉ có ý căn biết được mà thôi, chẳng phải là chỗ tai mắt đến được vậy. Bởi thế, năm căn mỗi cái đều có vị trí của nó, mà ý căn thì vô hình, chỉ nương gởi vào các tướng thức, ngủ, sanh, diệt mà thôi. Lìa ngoài thức ngủ, sanh diệt không lấy gì thấy cái ý được. Do đó, ở kinh không nói “Nếu từ căn sanh thì hẳn không có thức, ngủ, sanh, diệt”, mà lại nói “Nếu từ căn sanh thì hai tướng thức, ngủ tùy theo cái ý mà có mở, khép”. Cái ý mà đã lìa ngoài hai tướng này thì cái ý hay biết này tuy có sanh, có diệt cũng giống như không hoa, có chỗ nào để nương vào mà tỏ bày cái ý ! Ý đã lìa hình tướng, hình tướng cũng rời ý, rốt chẳng có tướng thức, ngủ, sanh, diệt làm sao có tự tánh ư ? Nên mới nói do căn sanh ra là chẳng đúng vậy. *Mở Khép*, hai chữ này hình dung hai tướng thức, ngủ rất kỳ diệu. Thức thì *hình* mở ra, ngủ thì *hình* khép lại. Cái thức, ngủ, sanh, diệt này là cái chỗ ở của ý. Cho nên kinh mới nói là “Lấy gì để làm ra cái ngủ mê ?”, “Lấy ai mà thọ cái diệt ?”, thật chẳng phải là trí vậy. Thế là cái ý hay biết này chẳng phải từ nhân duyên sanh, chẳng phải từ tự nhiên mà sanh, tức đó là cái bản thể của vô trụ, mà không gọi ấy là Diệt Chân Như Tánh thì gọi là cái gì ?

Ban đầu, Tổ Ngưỡng Sơn hỏi Tổ Quy Sơn : “Như sao là trụ xứ chân thật của Phật ?”

Tổ Quy Sơn nói : “Hãy suy nghĩ chỗ nhiệm mầu của cái vốn không suy nghĩ, trở lại suy nghĩ chỗ vô cùng linh diệu, niệm hết bèn đó là Nguồn, tánh tướng đều thường trụ, sự lý không hai là Chân Phật Như Như.”

Ngài Ngưỡng Sơn ngay dưới lời mà đốn ngộ.

Sau này, có vị sư tên Tư Ích hỏi Tổ Ngưỡng Sơn : “Thiền tông đốn ngộ, rốt ráo cái ý vào cửa là như thế nào ?”

Tổ Ngưỡng nói : “Ý ấy rất khó. Nếu thật là môn hạ của Tổ Tông, thượng căn thượng trí, một nghe ngàn ngộ, đắc Đại Tổng Trì. Còn căn nhỏ, trí hèn nếu chẳng ở trong thiền định thì đến vào trong ấy ắt phải hoang mang !”

Hỏi : “Ngoài một đường ấy ra, lại còn có chỗ khác để vào không ?”

Tổ Ngưỡng đáp : “Có.”

Hỏi : “Như sao là phải ?”

Tổ nói : “Ông là người xứ nào ?”

Đáp : “Người xứ U Châu.”

Hỏi : “Ông còn nghĩ đến xứ ấy chẳng ?”

Đáp : “Thường vẫn nhớ nghĩ.”

Tổ Ngưỡng nói : “Cái suy nghĩ ấy là tâm, cái chỗ suy nghĩ là cảnh. Xứ ấy nào nhà cửa, vườn rừng, ngựa xe... đầy đầy. Ông hãy xoay sự suy nghĩ trở lại để suy nghĩ cái tâm ấy, thật có bao nhiêu thứ đó chẳng ?”

Đáp : “Tôi đến trong ấy toàn chẳng thấy có gì !”

Tổ Ngưỡng nói : “Tín vị thì phải, nhưng nhân vị thì chưa phải.”



Hỏi : “Ngoài cái ấy ra, riêng còn có ý hay không ?”

Tổ nói : “Riêng có, riêng không thì chẳng kham được vậy.”

Hỏi : “Đến trong đó, làm gì là phải ?”

Tổ Ngưỡng nói : “Cứ theo chỗ ông hiểu, chỉ được một cái huyền, được an nhiên mặc áo, về sau tự xem.”

Ngài Thiên Đồng tụng rằng :

*“Không có ngoài, nên dung chứa  
 Không có ngại, nên an hòa  
 Tường vách chất ngất  
 Cửa khóa trùng trùng  
 Rượu thường vui mà dẹp khách  
 Cơm tuy no mà chẳng cày  
 Đột nhiên ra khỏi hư không, hề, cánh mâu cuốn gió  
 Đạp lật lại biển cả, hề, sấm tiễn rồng chơi.”*

Bài tụng này là *Đầu sào trăm thước cần tiến bước*. Không thể chấp bám cánh giới của ngộ, tự cho là đủ. Nếu chỉ tuyệt không thấy có một lời, chỉ làm rỗng không ý căn, thì đối với cái chỗ Chân Phật Như Như còn rất xa lắm lắm.

## G. THU MƯỜI HAI XỨ

Kinh : “Lại nữa, Anan, như sao là Mười Hai Xứ vốn là Như Lai Tạng Diệu Chân Như Tánh ?”

*Thông rằng* : Mới đầu, ở trong năm ấm thì dùng phép tỷ dụ để phá tình chấp, vì ngũ ấm vốn không, nếu không so sánh thì khó hiển bày. Tiếp đến, ở trong sáu nhập chỉ ra cái sự việc giả để hiển bày cái vọng tướng của chúng. Sáu nhập vốn vọng, nên dùng vọng để dẫn đến vọng, có thể suy

ra mà thông hiểu. Đoạn này nói đến Mười Hai Xứ cho đến đoạn sau là Bảy Đại thì lấy ngay cái cảnh thấy, nghe trước mắt mà chỉ bày cái Như Lai Tạng Tánh của chúng. Thật là mỗi cỗi Phật độ, mỗi hạt trần rành rành không hở sót vậy.

Đức Tam Tổ Tăng Xán nói : “Chẳng ghét sáu trần. Liên đồng Chánh Giác”, là đã thấy sâu xa chỗ này vậy.

Thiền sư Kim Sơn Thiện Minh thượng đường nói với đại chúng rằng : “Người xưa nói : Ở mắt là thấy, ở tai là nghe, ở mũi là ngửi hương, ở lưỡi là bàn luận, ở thân là cảm xúc, ở ý là bám níu. Tuy nhiên như thế là chỉ thấy đầu đuôi nhọn, chẳng thấy đầu đục vuông !

“Nếu là Kim Sơn tôi ắt chẳng phải thế : Có mắt mà nhìn chẳng thấy, có tai mà lắng chẳng nghe, có mũi mà chẳng biết mùi, có lưỡi mà chẳng hề đàm luận, có thân mà chẳng biết cảm xúc, có ý mà chẳng bám níu. Một niệm tương ứng, sáu căn liền giải thoát. Dám hỏi các vị Thiền đức : Thử nói xem là đối với lời trước là đồng hay khác ? Nếu có bậc cụ nhân thì xin bước ra làm cho rõ thông tin tức. Còn nếu không có, xin vì các ông mà giải nghĩa trùng trùng. Buông mở ra thì riêng thông xe, ngựa. Nắm tóm lại thì mảy lông cũng chẳng còn. Nếu là bậc thiền gia cự phách thì kham hết mọi trái phải, phân chia.”

Một đoạn chỉ bày này quả là cùng đoạn kinh trên trùng trùng giải thích.

Kinh : “Anan, ông hãy xem rừng cây Kỳ Đà và các suối ao đó. Ý ông thế nào ? Như thế là sắc trần sanh ra cái thấy hay là cái thấy sanh ra sắc tướng ?

“Anan, nếu nhãn căn sanh ra sắc tướng, thì khi thấy hư không không có sắc tướng lẽ ra cái tánh của sắc đã

tiêu mất rồi. Mà đã tiêu mất thì tỏ rõ hết thấy đều không. Sắc tướng đã không thì lấy gì rõ được tướng hư không ? Đối với hư không thì cũng như vậy.

“Lại nếu sắc trần sanh ra cái thấy, thì khi thấy hư không bèn không có sắc, cái thấy hẳn tiêu mất. Tiêu mất thì tất cả đều không, lấy gì mà rõ được hư không và sắc tướng ?

“Thế nên, phải biết cái thấy cùng với sắc, không đều không có xứ sở. Tức sắc trần và cái thấy, cả hai xứ đó đều hư vọng, vốn chẳng phải tánh nhân duyên, chẳng phải tánh tự nhiên.

*Thông rằng* : Ở đoạn trước dựa trên sáu nhập để phá sáu căn thì tuy dùng sáu trần để đối biện mà ý chánh vẫn ở tại căn. Hiện đây là nói về Mười Hai Xứ, thì tuy là phá cả căn lẫn trần, mà chánh là phá cái trần. Sau này, nói về mười tám giới, thì chỉ chuyên phá cái thức. Đoạn trước về sáu nhập thì luôn luôn có câu “Đều là tướng phát mỗi do chăm chú của Bồ Đề”, đó là từ trên căn mà nói. Đoạn này nói “Hãy xem rừng Kỳ Đà và các suối ao” là từ trên sắc mà khởi nói.

Nếu nói là sắc sanh ra cái thấy, thì chắc hư không chẳng sanh ra cái thấy. Vậy lấy cái gì giúp thấy sắc, lại rõ thấy hư không ? Nếu nói là con mắt sanh ra sắc tướng, thì chắc là nó không thể sanh ra tướng hư không, thì cái gì giúp hiển bày sắc, lại hiển bày hư không ? Do đây mà nói : Con mắt không thể sanh ra sắc, con mắt vốn tự tịch diệt, nào cùng với sắc ư ? Sắc không thể sanh ra con mắt, sắc vốn tự tịch diệt, đâu cùng với mắt ư ? Chỉ lấy hư không mà hình dung ra sắc thì sắc trần tự phá. Cái thấy cùng với sắc, không đều không có xứ sở. Sắc là Không mà cái thấy cũng Không

dó vậy. Sắc và cái thấy đều Không, lấy gì làm nhân duyên, lấy gì làm tự nhiên, thì chẳng gọi đó là Tánh Chân Như sao ?

Xưa, Tổ Ngưỡng Sơn chỉ con sư tử ở ngoài tuyết nói :  
“Có vượt qua được cái sắc này không, nhĩ ?”

Tổ Vân Môn nói : “Hiện giờ nên cùng nhau đẩy ngã cho xong.”

Ngài Tuyết Đậu nói : “Chỉ biết đẩy ngã, chẳng biết đỡ dậy.”

Ngài Phật Giác tụng rằng :

*“Một sắc không qua chỉ bày người  
Trong cõi bạc trắng luống than van  
Vượt ngoài “xô ngã” và “đỡ dậy”  
Cũng tựa gió Đông đón sáng Xuân.”*

(Nhất sắc vô quá chỉ thị nhân  
Bạch ngân thế giới lý tần thân  
Siêu nhiên thôi đảo hoàn phù khởi  
Tranh tợ Đông phong hú nhật tân.)

Ngài Thiên Đồng tụng rằng : “Một ngã một dậy, sư tử sân tuyết. Khéo không phạm đến nhưng chứa lòng nhân. Mạnh mẽ ở chỗ làm mà thấy nghĩa. Ánh sáng trong suốt soi mắt mà tựa người mê. Rõ ràng đối thân sa vào địa vị. Là kẻ thầy tu, rõ không nương gởi, cùng tử cùng sanh, nào đây, nào đó ? Tin ấm nứt cây mai, hè, xuân đến lạnh cành. Gió mưa lay rụng lá, hè, thu lặng mưa đầy.”

Tổ Vạn Tùng nói : “Đã kêu là sắc ắt cùng với con mắt mà đối nhau. Cái sắc vượt qua màu trắng, chỉ là một vô sắc, nên không cùng với mắt đối nghịch.”

Tổ Vân Môn nói : “Sở dĩ nói “Hiện nên cùng đẩy ngã”, vì nếu hướng về chỗ trắng, chỗ không trắng mà nhận lấy

thì thật đã rơi vào trong cõi vô sắc. Ngài Tuyết Đậu sở dĩ riêng chỉ ra một con đường để sống lại, ấy là hướng về chỗ xô ngã mà dạy đỡ dậy.”

Tổ Phật Nhãn nói : “Nếu ở trong ấy mà giúp đỡ nâng cho đứng dậy thì liền sanh có thứ lớp.”

Như các vị Tôn túc đối với một sắc tướng nhỏ nhặt mà còn cần phá sạch hết ráo, huống gì là trước mắt thấy có đủ thứ sao ?

Kinh : “Anan, ông lại nghe trong vườn Kỳ Đà này, khi thức ăn dọn rồi thì đánh trống, khi chúng nhóm lại thì đánh chuông. Tiếng chuông, tiếng trống trước sau nối tiếp nhau. Ý ông thế nào ? Như vậy là cái tiếng đến bên cái nghe hay cái nghe đến chỗ cái tiếng ?

“Anan, nếu như cái tiếng đó đến bên cái nghe, thì cũng như ta khát thực trong thành Thất La Phiệt, ở rừng Kỳ Đà không có ta nữa. Cái tiếng đó đã riêng đến bên cái nghe của Ông Anan, thì lẽ ra Ông Mục Liên, Ông Ca Diếp không cùng nghe được một lần. Huống gì trong này có một ngàn hai trăm năm mươi vị Sa môn, một khi nghe tiếng chuông thì đồng đến chỗ ăn cơm cả.

“Lại như cái nghe của ông đến chỗ cái tiếng, thì cũng như ta đã về rừng Kỳ Đà rồi, trong thành Thất La Phiệt không còn ta nữa. Vậy, khi ông nghe tiếng trống, cái nghe của ông đã đến nơi tiếng trống rồi, thì khi có lúc tiếng chuông phát ra, đáng lý ông không thể cùng nghe, huống nữa, ông còn nghe được cả tiếng voi, ngựa, bò, dê và nhiều tiếng khác. Còn nếu chúng không đi đến với nhau thì lại là không có nghe gì cả.

“Thế nên, phải biết rằng cái nghe và cái tiếng đều không có xứ sở. Tức cái nghe và thanh trần, hai xứ đều

hư vọng, vốn chẳng phải tánh nhân duyên, chẳng phải tánh tự nhiên.

*Thông rằng* : Câu “*Cũng như Ta khát thực trong thành Thất La Phiệt, tại rừng Kỳ Đà không có Ta nữa*” để ví dụ cho cái tiếng đến bên cái nghe, thì các chỗ khác không còn có cái tiếng, vậy sao một ngàn hai trăm năm mươi vị Sa môn lại còn cùng nghe ? Câu “*Cũng như ta đã về rừng Kỳ Đà rồi, trong thành Thất La Phiệt không còn có ta nữa*” để ví dụ cho cái nghe đến chỗ cái tiếng thì các chỗ khác phải không còn cái nghe, vậy thì tại sao lại nghe tiếng voi, ngựa, bò, dê và nhiều tiếng khác nữa ? Câu “*Nếu không đi đến với nhau*” tức là rơi vào ngoan không. Nghĩa nghe không thành lập được, thì cái tiếng và cái nghe đều không có dấu tích. Uyển chuyển mà cùng khắp, gặp chỗ đều thông suốt, có xứ sở nào đâu ? Cho là nhân duyên, thì không có chỗ duyên. Cho là tự nhiên, thì cũng chẳng có chỗ nào mà tự. Ngay ấy là hư vọng, bèn là không có gì chẳng phải là chân thể, nên gọi đó là Tánh Chân Như Nhiệm Mầu vậy.

Tổ Huyền Sa nhân có người đang tham học, nghe thấy tiếng chim én, bèn nói : “Bàn sâu thật tướng, khéo thuyết pháp yếu !”

Liền xuống tòa giảng.

Khi ấy, có một vị sư hỏi thêm : “Thưa, tôi chẳng hiểu.”

Tổ Sa nói : “Đi đi, ai tin được ông !”

Lại có Tổ Báo Tử lên tòa giảng, nghe chim tu hú kêu, bèn hỏi nhà sư : “Tiếng gì thế ?”

Sư đáp : “Tiếng chim tu hú.”

Tổ Tử nói : “Nếu muốn không chiêu vô gián nghiệp, chớ báng Như Lai chánh pháp luân.”

Rồi xuống tòa.

Tất cả âm thanh là Phật Thanh. Thế còn hiểu được.

Còn, Tổ Huyền Sa nói : “Trong chuông không có tiếng trống, trong trống không có tiếng chuông, chuông trống chẳng có xen lẫn nhau, mỗi mỗi không sau trước.”

Hiểu thế nào ? Đây là ý chỉ vô sanh duyên khởi. Ngộ đó thì cái chỗ nói là thật tướng, là pháp yếu, có thể thấy rồi.

Kinh : “Anan, ông hãy ngửi mùi hương chiên đàn trong lư này. Hương ấy, nếu đốt đến một thù thì cả thành Thất La Phiệt, trong bốn mươi dặm đều đồng thời ngửi được mùi thơm. Ý ông thế nào ? Mùi thơm ấy sanh ra do cây chiên đàn, do nơi mũi ông, hay sanh từ hư không ?

“Anan, nếu mùi thơm ấy sanh ra do mũi ông, đã nói là từ mũi sanh ra, tất phải từ lỗ mũi mà ra, lỗ mũi không phải chiên đàn, làm sao trong lỗ mũi lại có được mùi thơm chiên đàn ? Lại đã gọi rằng ông ngửi mùi thơm, thì mùi thơm phải vào trong lỗ mũi ; còn nói là trong lỗ mũi phát ra mùi thơm, nói thế là không đúng nghĩa. Nếu sanh ra do nơi hư không, thì tánh hư không là thường còn, mùi thơm lẽ ra cũng phải thường có, cần gì phải đốt cây chiên đàn khô trong lư rồi mới có ? Nếu mùi thơm sanh ra từ cây chiên đàn, thì cái chất thơm ấy nhân đốt mà thành khói, nếu mũi ngửi được là do khói xông đến mũi. Tại sao khói đó xông lên khoảng không chưa được bao xa mà trong vòng bốn mươi dặm đều đã ngửi thấy ?

“Thế nên, phải biết hương trần và cái ngửi đều không xứ sở. Tức cái ngửi và hương thơm, cả hai xứ ấy đều hư vọng, vốn chẳng phải tánh nhân duyên, chẳng phải tánh tự nhiên.

*Thông rằng* : Cái ngửi này cùng với hương thơm, chẳng phải mũi, chẳng phải hư không, chẳng phải gỗ chiên đàn, tức là cái hương xứ không có thật vậy. Thế nào mà trong vòng bốn mươi dặm đồng thời ngửi thấy, thì cái sức đặc biệt của mùi thơm cũng là không thể nghĩ bàn.

Táo Bách Luận : “Cây chiên đàn Ô Lạc Ca : Ô Lạc Ca là tên con rắn. Chiên đàn là cây thơm. Rắn này rất độc, nó hay sợ nóng độc, thường quấn quanh cây thơm này thì độc khí hết. Ý nói rằng nếu có chúng sanh nghe nói cái hương mà tâm cảnh đều không, vốn không thể tướng, không xứ sở, không một pháp khá được, tin mà ngộ nhập thì tất cả phiền não, độc khí tự nhiên đều thanh tịnh.”

Thiền sư Hương Nghiêm Trí Nhàn<sup>(1)</sup> có bài kệ :

*“Có một lời, toàn quy củ  
Định suy lường, theo bọn xấu  
Đạp lên mà chẳng lằm, bèn tỉnh ngay xứ sở  
Một đời tham học, sự không thành  
Ăn cần ôm được gốc chiên đàn.”*

Bài kệ này từ đây mà ra vậy.

Tổ Chí Công<sup>(2)</sup> nói : “Trộn ngày lấy hương chọn lửa. Không hay thân tức Đạo Tràng.”

Ngài Thiên Đồng nêu ra : “Kẻ giỡn tinh hồn nào có giới hạn ?”

<sup>1)</sup> Đời Đường, tại Đãng Châu, núi Hương Nghiêm, tại Ngụy Sơn học Tổ Linh Hựu được tổ ngộ. Sắc tặng hiệu tự là Tập Đãng Đại sư.

<sup>2)</sup> Tổ sư đời vua Lương Võ Đế. Vua thường hỏi việc an nguy đất nước về sau. Tổ không nói, lấy tay chỉ yết hầu để chỉ bày, ý nói Hậu Cảnh. Vua không hiểu. Sau quả bị nghịch thần là Hậu Cảnh bức bách.



Ngài Huyền Sa nói : “Suốt ngày lấy hương chọn lửa. Chẳng hay Chơn Thật Đạo Tràn.”

Ngài Thiên Đồng nêu ra : “Thật kỳ quái : tám mươi ông vào trường ốc, chẳng phải là trẻ nhỏ giỡn chơi ? Thử nói cái lợi cái hại ở chỗ nào ? Có trí hay chẳng có trí, so ra trong ba mươi dặm đều đồng một tác dụng Vô Sanh, mới là có chút hào ly biện biệt ở đây.”

Người có trí hãy biện biệt.

Kinh : “Anan, ông thường hai thời ở trong chúng cầm bình bát khát thực. Trong đó, hoặc gặp những món tô lạc đề hồ, gọi là vị quý. Ý ông thế nào ? Vị ấy sanh ra ở trong hư không, do nơi cái lưỡi hay do nơi đồ ăn ?

“Anan, nếu cái vị ấy sanh ra do nơi cái lưỡi của ông, thì ở trong miệng ông chỉ có một cái lưỡi. Cái lưỡi lúc ấy đã thành vị tô rồi, nếu gặp cục đường phèn, lẽ ra cái vị không thay đổi. Nếu chẳng thay đổi thì không gọi được là biết vị. Còn nếu thay đổi thì cái lưỡi không có nhiều tự thể, thì làm sao một cái lưỡi lại biết được nhiều vị thể thể ?

“Nếu vị ấy sanh ra do nơi đồ ăn, thì đồ ăn không có sự biết, làm sao tự nó biết vị ? Lại như đồ ăn tự biết, thì cũng giống như người khác ăn, nào có dính dáng gì đến ông, mà nói là ông biết vị ?

“Nếu vị ấy sanh ra từ hư không, thì ông hãy ném hư không xem là vị gì. Nếu hư không đó mà có vị mặn, làm mặn lưỡi ông, chắc cũng làm mặn cái mặt ông và mọi người trong cõi này : cũng giống như cá biển, đã thường thọ nhận cái mặn thì không còn biết cái vị nhạt là gì nữa. Nhưng nếu không biết nhạt thì lại cũng không biết mặn. Tức là không có chỗ biết, sao gọi là biết vị ?

“Thế nên, phải biết : các vị và lưỡi biết nếm đều không xứ sở. Tức cái biết nếm và các vị, cả hai xứ đều hư vọng, vốn chẳng phải tánh nhân duyên, chẳng phải tánh tự nhiên.

*Thông rằng* : Đoạn này chứng minh cái tánh của vị, chẳng sanh ra do nơi hư không, chẳng sanh ra do nơi lưỡi, thì còn dễ biết. Nhưng sao lại nói chẳng do món ăn sanh ra ? Vì, món ăn chẳng có thức, nó chẳng tự nói : vị của tôi ngon, vị tôi dở. Phân biệt ngon, dở là thuộc về căn lưỡi. Mà căn lưỡi thì không có định thể, theo vị mà dời đổi. Đủ biết rằng : vị tự là vị, lưỡi tự là lưỡi. Cả hai đều lặng nhiên. Biết lưỡi cùng vị đều vắng lặng, thì thật tin là chúng chẳng phải là nhân duyên, chẳng phải là tự nhiên mà chính là Như Lai Tạng Diệu Chân Như Tánh.

Thiền sư Thần Đánh Nhân có lần cùng với chúng Tăng đến miền Tương Miện. Có một vị sư khởi bàn về Thiền rất trôi chảy. Trong quán Dã Phạm Sơn đã bày xong thức ăn, mà nhà sư luận nói vẫn chưa xong.

Tổ Đánh nói : “Ba cõi duy chỉ một Tâm, muôn pháp duy chỉ là thức. Duy thức, duy tâm, mắt thanh, tai sắc là lời của ai thế ?”

Nhà sư nói : “Lời của Tổ Pháp Nhãn.”

Tổ Đánh hỏi : “Nghĩa ấy như thế nào ?”

Sư đáp : “Duy tâm nên căn và cảnh không đến nhau. Duy thức nên thanh, sắc khua đánh.”

Tổ Đánh nói : “Cái lưỡi, cái vị có phải là căn và cảnh không ?”

Nhà sư đáp : “Phải.”

Tổ Đảnh lấy dưa gắp rau bỏ vào miệng, giỡn cợt nói rằng : “Nào gọi là tương nhập sao ?”

Người ngồi chung quanh đều kinh hãi. Nhà sư chẳng thể đáp lại.

Tổ Đảnh nói : “Cái vui dọc đường rốt cuộc chưa đến nhà. Kiến giải đầu vi diệu cũng chẳng gọi là thấy đạo. Tham, cần thật tham. Ngộ, cần thật ngộ. Diêm vương chẳng sợ chuyện nói nhiều.”

Vị sư làm lễ mà cáo từ.

Tổ Huyền Sa có lần ăn trái vải, hỏi đại chúng : “Trái vải này cho là màu hồng ư ? Cho là màu đỏ ư ? Các ông làm sao đây ? Nếu nói là một màu lại là mộng lung ; nói là nhiều màu thì chỉ thành cái đoạn-thường.<sup>(1)</sup> Các ông làm sao đây ?”

Sư Ngạn Thao nói : “Đó chỉ vì Hòa thượng phân biệt.”

Tổ Sa nói : “Ngu si mơ hồ như thế có giao thiệp gì đâu ?”

Sư Xung Cơ nói : “Hết thấy xưa nay chỉ là một màu.”

Tổ Sa nói : “Đều là mơ hồ hết, có khi nào mà hiểu được ?”

Bèn quay qua hỏi sư Kiểu Nhiên : “Ông nói thế nào ?”

Sư Kiểu Nhiên nói : “Không thể không biết đó là trái vải.”

Tổ Sa nói : “Thật chỉ là trái vải.”

Lại nói : “Các ông như lâu nay ở trong Giá Lý (Tâm Pháp) của tôi, cùng nói gì mà chẳng biện nổi trắng đen, không biết lành dữ. Tôi luôn nói với các ông là : Dụng xứ chẳng hoá<sup>(2)</sup> cơ. Nhân sao chỉ lo đối đáp, có giao thiệp gì đâu !”

<sup>1)</sup> Tức Đoạn Thường Nhị Kiến. Cái thứ hai trong năm Ác Kiến, gọi là Biên Kiến. Biên Kiến có hai thứ : một là Đoạn Kiến ; hai là Thường Kiến.

<sup>2)</sup> Thay đổi.

Người xưa nơi một miếng ăn, một thức uống đều cốt phát minh chuyện hương thượng. Mỗi mỗi đều như thế, há phải ở chỗ đối đáp lưu loát. Cần phải thực ngộ mới cùng người sáng mắt tương kiến vậy.

Kinh : “Anan, buổi sớm mai ông thường lấy tay xoa đầu, ý ông thế nào ? Trong việc biết xoa đó, lấy cái gì làm cái biết cảm xúc ? Cái biết ấy ở nơi tay hay ở nơi đầu ?

“Nếu nó ở nơi tay, mà cái đầu không biết, làm sao thành ra cảm xúc ? Nếu nói ở nơi đầu, mà cái tay lại vô dụng thì làm sao gọi là cảm xúc ? Nếu đầu lẫn tay mỗi cái đều có cái biết, thì một mình Anan lại có hai cái thân hay sao ? Nếu đầu và tay đều do một cảm xúc sanh ra thì tay và đầu phải là một tự thể. Mà nếu chỉ có một tự thể thì cảm xúc không thành được. Còn nếu là hai thể thì cảm xúc ở phía nào ? Ở bên năng thì không ở bên sở, ở bên sở thì không có ở bên năng. Chẳng có lẽ là hư không tạo thành cảm xúc cho ông ?

“Thế nên, phải biết : cảm xúc và thân căn đều không xứ sở. Tức cái thân biết cảm xúc và cái cảm xúc, cả hai đều hư vọng, vốn chẳng phải tánh nhân duyên, chẳng phải tánh tự nhiên.

*Thông rằng* : Ở đây, chỉ rõ tánh xúc là hư vọng, ở năng thì chẳng ở sở, ở sở thì chẳng ở năng. Năng sở đều chẳng phải, thì xúc tức là Tánh Chân Như.

Kinh Hoa Nghiêm nói : “Như thế, tự tánh như huyền, như mộng, như bóng dáng rốt chẳng thành tự. Trong Tánh Chân Như các pháp tùy duyên. Tuy là tùy duyên, các pháp quy tánh. Khi tùy duyên thì hình như có hiện ra. Như xem làm huyền thuật : không có mà có. Như nhìn cảnh mộng :

không thấy mà thấy. Như xem ảnh trong nước : chẳng phải sanh ra, chẳng phải nhập vào. Như nhìn bóng trong gương : chẳng trong, chẳng ngoài. Vì vô tánh mà tùy duyên, nên lý chẳng thành tựu. Vì tùy duyên mà vô tánh, nên sự chẳng thành tựu. Lý sự không thành tựu thì tất cả các pháp đều không thành. Cũng như trong chiêm bao mộng thấy đánh võ với người : cũng có cảm nhận xúc chạm, nhưng rốt ráo ai là người đánh, ai cảm thấy bị đánh ? Thế nên, tất cả các pháp đều như thế cả.”

Tổ Bửu Phước thấy có vị tăng đi lại, lấy cây gậy đánh vào cây cột lộ trụ, rồi đánh vào đầu ông tăng.

Vị này buông tiếng kêu đau.

Tổ Phước nói : “Cái ấy vì sao chẳng đau ?”

Vị tăng không đáp được.

Tổ Huyền Giác nói thay rằng : “Ham đi thì chống gậy.”

Lại còn Tổ Bửu Giác có lần hỏi Ông Chuyển vận phán quan là Hạ Ý rằng : “Ông nói Hữu Tình với Vô Tình đều cùng một thể phải không ?”

Khi ấy, có con chó nằm dưới bàn hương án, bèn lấy cây thước đập xuống bàn hương án rồi lại đập con chó, nói : “Con chó hữu tình thì chạy đi, bàn hương án vô tình thì vẫn còn đó. Như thế sao là một thể được ?”

Ông Hạ Ý không thể đáp.

Tổ Bửu Giác nói : “Vừa mới tư duy liền thành dư pháp !”

Cái hiểu biết của chư vị Thánh đời trước trao truyền cho nhau đều là ý chỉ này.

Kinh : “Anan, ông thường trong ý duyên với ba tánh thiện, ác và vô ký sanh ra có các pháp trần. Những pháp

trần đó tức nơi tâm mà sanh ra, hay là rời ngoài tâm mà có riêng nơi chốn ?

“Anan, nếu tức nơi tâm thì các pháp không phải là trần cảnh, như thế thì chúng không phải là cái sở duyên của tâm, làm sao thành một xứ được ?

“Nếu rời ngoài cái tâm có riêng nơi chốn, thì bản tánh của pháp trần là có biết hay không có biết ? Nếu có biết thì gọi là tâm, nhưng nếu nó khác với ông và không phải là trần cảnh, thì cũng như là cái tâm của người khác. Còn nếu nó tức là ông và cũng tức là tâm, thì làm sao mà cái tâm ông lại trở thành hai ở nơi ông ?

“Nếu không có biết thì cái pháp trần đó đã không phải là sắc, thanh, hương, vị, ly, hợp, lạnh, nóng và tướng hư không, thì nó hiện ở chỗ nào ? Hiện nay, ở nơi sắc không, không thể chỉ ra nó được, chẳng lẽ trong nhân gian lại có cái ngoài hư không ? Không có cảnh sở duyên thì ý căn do đâu mà lập thành một xứ được ?

“Thế nên, phải biết : Pháp trần cùng ý căn đều không xứ sở. Tức ý căn và pháp trần cả hai xứ đều hư vọng, vốn chẳng phải tánh nhân duyên, cũng chẳng phải tánh tự nhiên.

*Thông rằng* : Ba sự thiện, ác, vô ký ngay khi đối đãi với căn thì các sự ấy đều thật, nên gọi là thật cảnh. Còn khi không đối đãi với cảnh, chỉ có một mình ý thức duyên mà thôi, bèn là bóng dáng của thật cảnh, nên gọi là nội trần. Nội trần không ra ngoài ba tánh thiện, ác, vô ký duyên ra sắc không, hết thấy pháp, nên cũng gọi là pháp trần. Từ vô thủy đến nay, trong và ngoài huân tập lẫn nhau, nên nói là “*Sanh thành*”.

Nếu nói “Pháp tức nơi tâm”, thì tâm là năng duyên, pháp là sở duyên làm sao mà tức được. Điều này dễ biện rõ. Nếu nói “Pháp lìa ngoài tâm”, thì cái pháp này thật ở đâu ? Cho pháp là có biết, thì đồng với tâm, mà đã đồng với tâm bèn chẳng phải là trần cảnh vậy. Chẳng phải trần mà lại khác với ông, mà vẫn phải gọi là tâm, tức là cũng như tâm của người khác. Chẳng phải trần mà không khác với ông, thì sao tâm ông lại thành hai ở nơi ông, mà gọi đó là pháp trần vậy sao ? Do đó, lấy sự có biết mà làm nơi chốn thì không thể được. Còn cho là không biết thì pháp trần ấy lấy cái gì mà bày tỏ ra được ?

Pháp trần đã chẳng phải là các tướng sắc không, lại chẳng phải rời ngoài sắc không mà có riêng chỗ chứa lập. Ngoài sắc có hư không, hư không thì chẳng có gì ở ngoài. Nếu pháp trần có cái xứ để cho tâm duyên được thì chắc là hư không đã có cái ở ngoài nó. Nhưng hư không làm gì có cái ở ngoài nó, thì tâm duyên vào đâu ?

Sở dĩ tâm mà duyên với pháp, nghĩa là sắc không thì vô tri, do tri mà hiển bày. Tri thì có phân biệt, bèn gọi đó là pháp. Nay pháp đã vô tri, lại không nơi chốn, thì tâm tuy là có biết, mà biết cái gì ? Do đó, lấy vô tri làm nơi chốn cho pháp trần thì cũng không được. Chẳng phải có biết, chẳng phải không có biết, thì xứ do đâu mà lập được ? Tức nơi tâm chẳng có pháp, lìa ngoài tâm cũng chẳng có pháp, nên pháp trần không có tự tánh vậy. Thế thì chẳng phải hư vọng sao ? Pháp không xứ sở thì ý căn là không. Nên gọi đó là Diệu Chân Như Tánh vậy.

Thiền sư Thanh Châu Pháp Bốn thượng đường, nói : “Khởi lên âm thanh mà muốn bật tiếng vang, đâu biết âm thanh là gốc của tiếng vang. Giỡn bóng mà muốn trốn hình, đâu biết hình là gốc của bóng. Lấy pháp hỏi pháp, chẳng

hay pháp vốn chẳng phải pháp. Lấy tâm truyền tâm, nào hay tâm vốn vô tâm. Tâm vốn vô tâm, biết tâm như huyền. Ngộ pháp chẳng phải pháp, biết pháp toàn như mộng. Tâm, pháp không thực, chớ giả dối truy cầu. Mộng huyền, không hoa nhọc gì nắm bắt ! Đến vào trong ấy thì ba đời chư Phật, một Đại Tạng giáo, lời lẽ Tổ sư, Tôn túc trong thiên hạ đều lộ bày là đám dây leo, chùm gởi, trợn chẳng còn bám chấp. Tại sao thế ? *"Thái bình vốn chỗ tướng quân mong. Không để tướng quân thấy thái bình"*.

Bài kệ trong kinh Tạp Hoa nói :

*"Nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân  
Tâm, ý các tình căn  
Bởi đó thường lưu chuyển  
Mà thật không người chuyển  
Pháp tánh vốn không sanh  
Thị hiện mà có sanh  
Trong ấy không năng hiện  
Cũng không vật sở hiện  
Nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân  
Tâm, ý các tình căn  
Cả thấy : Không, vô tánh  
Vọng tâm phân biệt : Có  
Như thế mà quan sát  
Tất cả đều vô tánh."*

Đại ý đoạn này thật cùng với kinh mà hiển phát.

## H. THU MƯỜI TÁM GIỚI

Kinh : *"Lại nữa, Anan, như sao là Mười Tám Giới vốn là Như Lai Tạng Diệu Chân Như Tánh ?*



*Thông rằng* : Đối với trần thì gọi là căn, căn ở trong vậy. Đối với căn thì gọi là trần, trần ở ngoài vậy. Ở khoảng giữa, mỗi mỗi phân biệt là cái thức. Ba cái căn, trần, thức nương nhau mà thành lập, như cây lau gác lên nhau, nên có tên là Mười Tám Giới. Ba cái ấy, có thì cùng có, không thì cùng không, vốn không tự tánh. Đã không tự tánh, bèn vốn là Như Lai Tạng Diệu Chân Như Tánh vậy.

Thiền sư Thùy Lộc Bốn Tiên thượng đường, nói : “*Chỗ các pháp sanh ra là chỗ hiện bày của tâm*. Lời nói ấy thật là cửa ngõ để vào. Thử hỏi các ông : mắt thấy hết thấy sắc, tai nghe hết thấy thanh, mũi ngửi hết thấy mùi, lưỡi nếm hết thấy vị, thân chạm hết thấy các thứ mềm, trơn, ý phân biệt hết thấy các pháp. Vậy thì cái vật đối với mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý chỉ duy là tâm các ông hay chẳng phải là tâm các ông ? Nếu nói là duy chỉ tâm các ông, sao chẳng cùng thân các ông làm thành một khối cho rồi ? Vì sao các vật đối đãi ấy lại ở ngoài các căn của các ông ? Các ông nếu nói vật đối với mắt, tai, mũi, lưỡi... chẳng phải là tâm các ông thì tại sao có câu “*Chỗ các pháp sanh ra là chỗ hiện bày của tâm*” lưu truyền tại thế gian, ai cũng nêu bày ? Các ông nghe lời yếu lý ấy, có hiểu không ? Nếu không hiểu, hãy dụng tâm thương lượng để được dạy cho mà hiểu, ở trong ấy chớ có lưỡi biếng học hỏi. Vô sự, hãy lui.”

Có vị tăng hỏi Tổ Vân Cư : “*Khi sáu cửa chẳng rõ thì như thế nào ?*”

Tổ Cư nói : “*Chẳng giao thiệp với duyên.*”

Vị tăng hỏi : “*Thế nào là chuyện hướng thượng ?*”

Tổ Cư nói : “*Người cẩn thận thì không giữ gìn.*”

Ngài Đầu Tử tụng rằng :

*“Xuân đến, người đá nhìn núi xa  
Oanh kêu, hoa gỗ sóng xanh nhân  
Nên biết, ngoài mây, từng, núi đẹp  
Nghìn xưa đón gió mặc năm hàn.”*

Hai câu đầu tụng về *Chẳng giao thiệp với duyên*. Hai câu sau tụng về *Chuyện hưởng thượng*. Cần rõ được sự hưởng thượng mới tin Mười Tám Giới vốn là Tánh Chân Như vậy.

Kinh : “Anan, như chỗ ông bày tỏ : Nhân căn và sắc trần làm duyên, sanh ra nhãn thức. Cái thức này là nhân nhãn căn sanh ra, lấy nhãn căn làm giới ; hay nhân sắc trần sanh ra, lấy sắc trần làm giới ?

“Anan, nếu nhân nhãn căn sanh ra, mà không có sắc, có không, thì không thể phân biệt, dầu cho có cái thức của ông cũng chẳng làm gì. Cái thấy của ông mà không có xanh, vàng, trắng, đỏ thì không thể biểu hiện ra được, vậy do đâu mà lập ra giới ?

“Nếu nhân sắc trần sanh ra, thì khi ở hư không, chẳng có sắc, lẽ ra cái thức của ông phải diệt mất, làm sao mà biết đó là hư không ? Nếu khi sắc trần biến đổi, ông cũng biết sắc tướng biến đổi, mà cái thức của ông chẳng biến đổi, thế thì do đâu mà lập sắc trần làm giới ? Nếu theo sắc mà biến đổi thì cái giới không thành. Nếu không biến đổi, tức là thường hằng, cái thức đã từ sắc sanh ra, lẽ ra không biết hư không ở chỗ nào.

“Nếu do cả hai thứ nhãn căn và sắc trần chung nhau sanh ra, thì hợp lại ắt ở giữa phải có chỗ lìa ; còn như lìa, ắt hai cái có thể hợp lại. Như thế, thế tánh xen lộn, làm sao thành được giới ?

“Thế nên, phải biết : Nhân căn, sắc trần làm duyên sanh ra nhãn thức giới, cả ba chỗ đều không. Tức là cả

ba thứ nhân giới, sắc giới và nhân thức giới vốn chẳng phải tánh nhân duyên, chẳng phải tánh tự nhiên.

*Thông rằng* : Cái Mười Tám Giới này, chỉ phá sáu thức. Nói cái thức này chẳng phải từ mắt sanh ra mà lấy mắt làm giới, vì thức thì phân biệt, nhưng nếu không có sắc, không thì phân biệt dùng vào đâu ?

Cái thức này chẳng phải từ sắc sanh ra mà lấy sắc làm giới, vì sắc thì có biến diệt, thức thì không đổi thay, nếu chỉ từ sắc mà ra thì làm sao biện *không* ?

Thức ấy cũng không nhân nhãn và sắc hợp lại mà làm ra giới. Vì một bên *có biết* (nhãn căn) hợp với một bên *không biết* (sắc trần) ắt chống nhau, làm sao mà tương nhập ? Nên nói "*Ở giữa phải có chỗ lia*".

Bảo rằng lia ngoài nhãn và sắc mà sanh ư ? Lia căn tức là hợp với cảnh, lia cảnh tức phải hợp với căn, vậy thức thuộc bên nào ? Thế nên mới nói "*Xen lộn*".

Ba chỗ đồng chẳng phải, thì giới ở đâu mà có ?

Tổ Pháp Nhân chỉ cây tre, hỏi vị tăng : "Thấy không ?"

Vị tăng đáp : "Dạ, thấy."

Tổ Nhân nói : "Tre đến trong mắt hay mắt đến bên tre ?"

Vị tăng nói : "Đều chẳng phải như thế."

Sau này, Tổ Pháp Đăng riêng nói : "Khi ấy, chỉ nên bửa mắt ra mà ngó thầy."

Tổ Quy Tông Nhu riêng nói rằng : "Hòa thượng chỉ là chẳng tin hai chuyển ngữ của tôi lại có hơi thở của thiên tăng."

Lại có vị tăng hỏi Tổ Thiên Đồng Khải : “Như thế nào là con mắt ứng dụng không thiếu hụt ?”

Tổ Đồng nói : “Vẹn giống như mù một thứ !”

Ngài Đơn Hà tụng rằng :

*“Mù, ngọng, điếc, tâm xa Thiên Chân  
Mắt tợ lông mày : Đạo mới gần  
Đông Quân đêm trước ngâm ban lệnh  
Chốn hoàng oanh hót liễu xanh xuân.”*

Ở chỗ này mà tin được thấu đáo thì mặc tình ứng dụng không thiếu hụt.

Kinh : “Anan, lại như chỗ ông bày tỏ : Nhĩ căn và thanh trần làm duyên, sanh ra nhĩ thức. Thức ấy nhân nhĩ căn sanh ra, lấy nhĩ căn làm giới, hay nhân thanh trần mà sanh ra, lấy thanh trần làm giới ?

“Anan, nếu nhân nhĩ căn sanh ra mà không có mặt hai tướng động, tĩnh thì cái biết của căn chẳng thành. Mà đã không biết gì thì cái biết còn không thành huống là cái thức phân biệt còn có hình dạng gì ?

“Nếu nhân lỗ tai nghe, mà không có động, tĩnh, cái nghe cũng không thành, làm sao lấy hình tướng lỗ tai trộn lẫn sắc trần, mà gọi được là nhĩ thức giới. Cái nhĩ thức giới ấy do đâu mà thành lập ?

“Nếu nhân thanh trần mà sanh ra, thì cái nhĩ thức nhân thanh trần mà có, bèn chẳng liên quan gì đến cái nghe, mà đã không nghe, thì cũng không biết các tướng thanh trần ở đâu. Nhĩ thức mà do thanh trần sanh ra, dầu cho rằng thanh trần do cái nghe mà có tướng, thì cái nghe lẽ ra phải nghe được nhĩ thức. Nếu không nghe được nhĩ thức thì thanh trần chẳng phải là giới của nhĩ thức. Còn

nếu nghe được, thì nhĩ thức cũng đồng với thanh trần. Nhĩ thức đã bị nghe, thì cái gì biết sự nghe được cái nhĩ thức đó ? Còn nếu không ai biết thì rốt cuộc giống như cỏ cây.

“Chẳng lẽ thanh trần và cái nghe trộn lẫn thành ra cái giới ở giữa ? Giới không có ở giữa thì các tướng nội căn, ngoại trần do đâu mà thành ?

“Thế nên, phải biết : Nhĩ căn, thanh trần làm duyên sanh ra nhĩ thức giới, cả ba chỗ ấy đều không. Tức là ba thứ nhĩ giới, thanh giới và nhĩ thức giới vốn chẳng phải là tánh nhân duyên, chẳng phải tánh tự nhiên.

*Thông rằng* : Tiểu thừa cho rằng “*nhân duyên sanh ra pháp*”, lấy đó làm thật có, chẳng hiểu được “*tức Không*” nên Phật căn cứ vào chỗ nghe, thấy thường ngày ấy mà phá bỏ.

Nếu nhân nhĩ căn mà sanh ra, thì nhĩ căn có *thắng nghĩa căn* và *phù trần căn*. Thắng nghĩa căn biết phân biệt, nhưng nếu không có thanh trần tiếp xúc thì cái biết còn không có, huống là có hình tượng gì ? Phù trần căn thì dù có xen tạp với sắc trần, mà nếu không có hai tướng động, tĩnh thì cái nghe còn không có, huống là có thức giới ! Cho nên, nếu nói “*Nhĩ thức nhân nhĩ căn sanh ra*”, là sai lầm.

Nếu nhân thanh trần mà sanh ra, thế thì thanh trần đã tự có nhĩ thức, cần gì đến tai nghe ? Đã không có người nghe, thì ai phân biệt được các thanh trần ? Nếu nói nương nhau mà sanh, cho là thanh trần nhân cái nghe mà có tướng, thì cũng phải cho rằng cái nghe nhân thanh trần mà nghe được nhĩ thức. Nhĩ thức đã bị nghe, thì cũng chỉ là thanh trần, thì còn cái gì làm năng tri để biết rằng đã nghe nhĩ thức ? Nếu có cái biết, thì thành ra có hai cái thức ! Còn nếu không có cái biết, thì đồng với cỏ cây. Nên nói “*Thức sanh ra nơi thanh trần*” là sai lầm vậy.

Nếu nói rằng “*Thanh trần và cái nghe hòa hợp mà sanh ra nhĩ thức*”, thì một bên là có biết, một bên là không có biết, giữa khoảng biết và không biết đó, làm sao mà trộn lẫn để thành ra cái giới ? Cái giới ở giữa đã không có, thì thức không chỗ nương, thế thì nội căn, ngoại trần do đâu mà thành lập ? Nên nói “*Thanh trần và cái nghe hòa hợp mà sanh*” là sai lầm vậy.

Ba chỗ đều không, thì nhĩ thức chẳng sanh, nên biết cái nhĩ thức vô sanh ấy tức là Tánh Chân Như vậy.

Có lần, Đức Thế Tôn đang ngồi dưới cây Ni Câu Luật, có người đi buôn hỏi : “Ngài có thấy xe đi qua không ?”

Ngài nói : “Chẳng thấy.”

Lại hỏi : “Lại có nghe chẳng ?”

Đáp : “Chẳng nghe.”

Hai người đi buôn hỏi : “Không thiên định sao ?”

Đáp : “Không thiên định.”

Hỏi : “Không phải ngủ sao ?”

Đáp : “Không ngủ.”

Người đi buôn tán thán : “Lành thay ! Lành thay ! Thế Tôn thường biết mà chẳng thấy !” Bèn cúng dường lên hai cây vải trắng.

Có vị sư hỏi Thiên sư Hà Trạch Thần Hội : “Khi cái thấy, nghe chiếu thanh, sắc thì đồng thời hay có trước sau ?”

Tổ Hội nói : “Đồng thời hay trước sau hãy để đó. Rất ráo, ông lấy cái gì làm thanh, sắc ?”

Vị sư nói : “Như chỗ chỉ bày của thầy, thì không có thanh, sắc nào khá được.”

Rồi quỳ lạy mà đi ngay hôm đó. Sau sư ở ẩn tại núi Mông.

Có vị Tam Tạng xứ Thiên Trúc tên là Thanh Minh đến xứ Mân. Vua xứ Mân mời Ngài Huyền Sa đến để nghiệm luận.

Tổ Sa lấy chiếc đĩa sắt gấp lửa gõ vào cái lư đồng, rồi hỏi : “Đó là tiếng gì ?”

Vị Tam Tạng đáp : “Tiếng đồng-sắt.”

Tổ Sa nói : “Đại Vương chớ để người ngoại quốc lừa dối !”

Vị Tam Tạng không đáp được.

Ngài Thiên Đồng nêu ra rằng : “Hợp với Lý thì đó là thân : gã nghèo được viên ngọc trong tay áo. Bị tình gói kín thì đó là vật : người lực sĩ mất viên ngọc trên trán ! Vị Tam Tạng chỉ biết nhìn tới trước. Ngài Huyền Sa lại chẳng thể ngó lui. Hiểu được chăng ? Đặt bày điều tội cho người thì tội càng lớn.”

Cái tắc công án này, các vị Tôn túc nói rất nhiều.

Vị Tam Tạng nói “Tiếng đồng-sắt” thì rõ ràng đuổi theo thanh trần rồi vậy.

Tổ Pháp Nhãn riêng nói : “Thỉnh Đại sư làm Đại Vương.”

Tổ Pháp Đăng riêng nói : “Hãy nghe Hòa thượng hỏi !”

Tổ Tuyết Đậu nói : “Chớ lừa dối người ngoại quốc thì tốt.”

Ở chỗ vị Tam Tạng không trả lời được, Ngài Pháp Nhãn thay thế mà nói rằng : “Đại sư đã hưởng thọ lâu rồi sự cúng dường của Đại Vương.”

Tổ Pháp Đăng nói thay : “Ấy là Hòa thượng lừa dối Đại Vương !” Câu nói này rất có ý vị, đó là chỗ Ngài Thiên

Đồng nói “Đặt bày điều tội cho người thì tội lại càng lớn” đó vậy.

Cứ theo ý Tổ Huyền Sa thì gọi cái gì là tiếng đồng-sắc ? Còn theo ý vị Tam Tạng thì gọi cái gì chẳng phải là tiếng đồng-sắc ? Hai lời này rất dễ lừa người. Phải mỗi mỗi đều nhìn thấu mới chẳng bị người lừa.

Kinh : “Anan, lại như chỗ ông bày tỏ : Tỷ căn và hương trần làm duyên, sanh ra tỷ thức. Thức ấy nhân tỷ căn sanh ra, lấy tỷ căn làm giới, hay nhân hương trần sanh ra, lấy hương trần làm giới ?

“Anan, nếu nhân tỷ căn sanh ra, thì trong tâm ông, lấy cái gì làm tỷ căn ? Lấy cái hình tướng mũi thịt như hai móng tay, hay lấy sự người biết lay động làm tỷ căn ?

“Nếu lấy cái hình tướng mũi thịt, thì chất thịt là thân và cái biết của thân là cái cảm xúc. Đã gọi là thân thì không phải là lỗ mũi, gọi là cảm xúc thì thuộc về trần. Vậy còn không có gì để gọi là tỷ căn, làm sao mà giới được thành lập ?

“Nếu lấy cái người biết làm tỷ căn, thì trong tâm ông lấy cái gì làm cái biết ? Nếu lấy lỗ mũi thịt, thì cái biết của chất thịt là xúc trần, chứ không phải là tỷ căn. Nếu lấy hư không làm cái biết, thì hư không ắt tự biết, còn xác thịt lẽ ra chẳng biết. Như thế, lẽ ra hư không phải là ông ! Thân ông mà chẳng biết, thì Ông Anan hiện giờ chẳng còn ở đâu nữa.

“Nếu lấy cái hương làm cái biết, thì cái biết thuộc về hương trần, nào dính dáng gì đến ông ?

“Nếu mùi thơm, mùi thối sanh ra do tỷ căn của ông, thì hai mùi thơm, thối kia không sanh ra do cây y lan và



cây chiên đàn, hai vật đó không đến, thì ông tự nghĩ lỗ mũi là thơm hay thối ! Thối thì chẳng phải thơm ; thơm thì không phải thối. Nếu cả hai mùi thơm, thối đồng người được cả, thì một người ông phải có hai tử căn, đứng trước Ta hỏi đạo lại có hai Anan, thế thì ai mới là cái thể của ông ? Nếu tử căn là một, thì thơm, thối không hai. Thối đã thành thơm, thơm đã thành thối, hai tánh đó đã không có, thì giới do đâu mà thành lập ?

“Lại nếu nhân hương trần mà sanh, thì tử thức đã nhân hương trần mà có, cũng như nhân con mắt mà có thấy, thì không thể thấy con mắt : Tử thức nhân hương mà có, lẽ ra không biết được hương trần. Nếu biết được hương trần thì không phải do hương trần sanh ra, còn nếu không biết được hương trần thì không phải là tử thức. Hương trần mà không biết là có, thì cái giới của hương không thành. Tử thức mà không biết hương trần, thì cái giới của nó không phải do hương trần mà lập. Đã không có cái thức ở khoảng giữa thì nội căn, ngoại trần cũng không thành, thì các thứ nghĩ biết kia rốt ráo là hư vọng.

“Thế nên, phải biết tử căn và hương trần làm duyên, sanh ra tử thức giới, cả ba chỗ đều không. Tức là ba thứ tử giới, hương giới và tử thức giới vốn chẳng phải tánh nhân duyên, chẳng phải tánh tự nhiên.

*Thông rằng* : Cái mũi là căn. Hương là cảnh. Ở giữa hai cái ấy là thức. Phạm nói giới là duyên để chỉ thức. Cái thức này không ở nơi căn mà sanh, không ở nơi hương mà sanh, đại ý tương tự, nhưng văn nghĩa có hơi phức tạp.

Mượn cảnh để phá căn, thì thức chẳng phải do hư không sanh, mà là ở giữa. Ngay nơi cảnh mà phá căn, thì thức chẳng do hòa hợp mà sanh ra, cũng là dễ thấy. Ban

đâu phá phù trần căn, cái mũi thịt chẳng phải là cái biết. Rồi phá thẳng nghĩa căn, lại không phải hư không là cái biết. Nếu cái biết ở hương, thì can dự gì đến lỗ mũi ? Mà đã sanh ở lỗ mũi thì cần gì đến vật ? Nếu đồng ngữi được cả thơm thối, thì phải có hai mũi, vậy thì cái căn đâu có đủ để căn cứ. Đã chỉ một cái mũi, sao lại có hai mũi, vậy cái cảnh cũng không đủ làm bằng cứ. Do đó, nói "*Tỷ thức do nơi căn sanh*", là sai vậy.

Nếu nói "*Tỷ thức do hương trần sanh ra*", thì đáng lẽ không biết được hương, cũng như cái thấy do con mắt mà có ra thì không thể trở lại thấy con mắt. Nếu nói là biết, thì hương trần tự có thức, nào cần phải nói là sanh ra ? Nếu nói là không biết, thì không thể gọi là thức, thì giới do đâu mà lập ? Do đó, nói rằng "*Thức do hương trần sanh*", là sai lầm vậy.

Hương trần đã không thể tự biết mùi của nó, thì căn với trần lia nhau, chứ không thể hợp được. Mà thức nếu từ hương trần sanh ra, thì chẳng thể biết hương trần. Còn biết được hương trần, thì hẳn là chẳng phải từ hương sanh ra. Đó là căn, cảnh lia nhau, vốn chẳng nương nhau vậy. Nên nói rằng "*Tỷ Thức do căn và cảnh hợp nhau mà sanh*", là sai lầm vậy.

Cái giới của hương không thành, thì không thể ở giữa. Đã không có cái giữa, lấy đâu có trong, có ngoài ! Rõ là tỷ thức hư vọng, vốn không xứ sở, bèn hiểu tánh ngữi biết là Không, chẳng có tánh nhân duyên hay tự nhiên nào khá được.

Phẩm Pháp Giới của kinh Hoa Nghiêm : Trưởng giả Chúc Hương Ưu Bát La Hoa khéo phân biệt mà biết tất cả mùi hương, cũng biết điều hòa tất cả Hương Pháp, cho đến

nơi chốn bay ra của Hương Vương. Lại khéo biết trị các bệnh của hương, đoạn trừ các hương xấu, mà sanh ra Hoan Hỷ Hương, tăng Trí Huệ Hương, diệt Phiền Não Hương. Khiến ở vô vi mà sanh Ưu Luyến Hương, ở nơi hữu vi mà sanh Chán Lìa Hương, xả bỏ các Kiêu Dật Hương, phát tâm Niệm Phật Hương, chứng Giải Thoát Pháp Môn Hương, Thánh Sở Thọ Dụng Hương, Nhất Thiết Bồ Tát Sai Biệt Hương, Nhất Thiết Bồ Tát Địa Vị Hương.

Ngài dạy : “Ta chỉ biết môn Điều Hòa Hương Pháp này, cũng như các Bồ tát lìa xa hết thấy các ác tập khí, chẳng nhiễm thế dục, cầu cắt lìa lưới phiền não của bọn ma, vượt khỏi các nẻo luân hồi. Lấy Trí Huệ Hương mà tự trang nghiêm, nơi mọi thế gian đều không nhiễm trước, thành tựu đầy đủ giới “không chỗ bám”, làm trong sạch trí “không bám”, hành cái “không bám cảnh”, nơi hết thấy chốn đều không chỗ bám níu, tâm đều bình đẳng, không bám, không nương.”

Xưa, có một Tôn giả đi qua hồ sen. Vị Thần Sen trách rằng : “Không được trộm hương thơm của tôi.”

Vị Tôn giả bèn hỏi : “Người đời qua lại, ai chẳng ngửi mùi thơm, đâu chỉ một mình ta ngửi trộm sao ?”

Vị Thần nói : “Người đời tán loạn tâm, nên chẳng gọi là trộm. Tôn giả đây tâm trong sạch, nên có chút bám dính thì chẳng được !”

Tỷ thức chưa dễ hàng phục vậy ! Thế nên, hộ trì cái tâm vô trước mà ngao du cõi đời, đó là “Khéo phân biệt mà biết tất cả mùi hương”, thì không gì mà chẳng có thể.

Kinh : “Anan, lại như chỗ ông bày tỏ : Thiết căn và vị trần làm duyên, sanh ra thiết thức. Thức ấy nhân

thiệt căn sanh ra, lấy thiệt căn làm giới, hay nhân vị trần sanh ra, lấy vị trần làm giới ?

“Anan, nếu nhân thiệt căn sanh ra, thì trong thể gian mía ngọt, mơ chua, hoàng liên đắng, muối mặn, tế tân, gừng, quế hết thấy đều không có vị. Ông tự nếm cái lưỡi, là ngọt hay đắng ? Nếu cái lưỡi là đắng, thì lấy cái gì để nếm cái lưỡi ? Lưỡi chẳng thể tự nếm, thì lấy gì mà có hay biết ? Nếu lưỡi không đắng, vị tự chẳng sanh ra, làm sao lập thành giới ?

“Nếu nhân vị trần mà sanh ra, thì thiệt thức đã là vị rồi, đồng như thiệt căn, không thể tự nếm, làm sao mà biết là vị hay chẳng phải vị ? Lại tất cả các vị chẳng phải do một vật sanh ra. Các vị đã do nhiều vật sanh ra, thì cái thiệt thức nếu do vị trần sanh, cũng phải có nhiều tự thể. Nếu thiệt thức là một thể và thể đó do vị sanh ra, thì các vị mặn, nhạt, chua, cay, các tướng khác nhau này phải chỉ là một vị, không thể phân biệt. Không có phân biệt, thì không có thức, làm sao còn gọi là thiệt thức giới ? Chẳng lẽ hư không sanh ra cái thức phân biệt của ông ?

“Thế thì cái thức ở giữa do thiệt căn và vị trần hòa hợp mà sanh, vốn không tự tánh, làm sao mà cái giới có được ?

“Vậy nên phải biết : Thiệt căn, vị trần làm duyên, sanh ra thiệt thức, cả ba xứ đều Không. Tức là thiệt giới, vị giới và thiệt thức giới vốn chẳng phải tánh nhân duyên, chẳng phải tánh tự nhiên.

*Thông rằng* : Ban đầu, bác bỏ “Nhân thiệt căn sanh”, là phá cái lý *tự sanh*. Thứ hai là bác bỏ “Nhân vị trần sanh”, là phá cái lý *cái khác sanh*. Thứ ba là bác bỏ “Hư không

sanh”, là phá cái lý *không nguyên nhân mà sanh*. Thứ tư bác bỏ “Lưỡi và vị hòa hợp mà sanh”, là phá cái lý *chung nhau sanh*. Tức ở trong đó, vốn không tự tánh, thiệt căn chẳng thể tự nếm mùi, mùi vị cũng chẳng tự nếm biết, thì thức do đâu mà sanh ? Chính là hiển bày ý chỉ vô sanh. Biết thiệt thức vốn vô sanh, thiệt căn vốn tự trong sạch, tức là Diệu Chân Như Tánh vậy.

Xưa, có vị Thiên sư ăn uống hỗn tạp, không chọn lựa, nhiều đệ tử bắt chước theo. Một bữa nọ, bày một bữa cúng ở chỗ thiêu xác người chết, rồi lấy thịt thiêu còn sót, gồm chung vào rồi ăn. Đệ tử đều ói mửa, chạy mất.

Sư bèn nói : “Ta nhiều đời thanh tịnh, nên mới không chọn lựa. Các ông có thể cùng với ta ăn món này, mới nên duy trì việc ăn uống.”

Từ đó, cả chúng sợ hãi mà lo vâng giữ giới luật.

Tổ Tào Sơn cũng ưa rượu.

Có vị tăng hỏi : “Áo linh không khoác thì như thế nào ?”

Đáp : “Tào Sơn này trọn hiếu !”<sup>(1)</sup>

Hỏi : “Trọn hiếu rồi thì như thế nào ?”

Tổ đáp : “Tào Sơn khoái rượu từ Tôn Đảnh.”

Có đệ tử tên là Thuế Thanh, bạch hỏi : “Đệ tử cô bản, xin thầy cứu giúp.”

Tổ Sơn gọi lớn : “Thuế Xà lê !”

Sư Thuế ứng tiếng : “Dạ !”

Tổ Sơn nói : “Rượu Thanh Nguyên<sup>(2)</sup> trắng trong, uống rồi ba chén sao còn bảo chưa thấm môi !”

<sup>1)</sup> Đây nghĩa là xứng Tánh.

<sup>2)</sup> Phái Tào Động xuất phát từ Ngài Thanh Nguyên Hành Tư.

Tổ Huyền Giác nói : “Ở chỗ nào mà cho là có uống !”

Ba tắc này là : Tánh của vị vốn Không, thiết thức cũng vốn Không. Liễu đạt mới gọi rằng “*biết mùi vị*”.

Kinh : “Anan, lại như chỗ ông bày tỏ : Thân căn và xúc trần làm duyên sanh ra thân thức. Thân thức này do thân căn sanh ra, lấy thân căn làm giới, hay nhân xúc trần sanh ra, lấy xúc trần làm giới ?

“Anan, nếu nhân thân căn sanh ra, mà không có hai cảm xúc hợp và lìa, thì thân căn còn biết gì ? Nếu nhân xúc trần sanh ra, mà không có thân căn của ông, thì có ai chẳng có thân mà lại biết chuyện hợp, lìa được ?

“Anan, vật thì không biết cảm xúc, thân căn có biết mới có cảm xúc. Tức nơi cảm xúc, biết có thân. Tức nơi thân căn, mà biết cảm xúc. Nhưng nơi xúc, thì không phải là thân, nơi thân thì không phải là xúc. Hai tướng thân và xúc, vốn không xứ sở. Nếu xúc hợp với thân, thì làm thể tánh của thân. Lìa thân thì chẳng có thể tánh nào, bèn như tướng hư không. Nội căn, ngoại trần đã không thành, cái thức ở giữa làm sao mà lập ? Giữa chẳng lập được, trong ngoài đều là tánh Không, thì cái thân thức của ông do đâu mà lập thành giới ?

“Thế nên, phải biết : Thân căn và xúc trần làm duyên, sanh ra thân thức, cả ba chỗ đều Không. Tức là cả ba thứ thân giới, xúc giới và thân thức giới vốn chẳng phải tánh nhân duyên, chẳng phải tánh tự nhiên.

*Thông rằng* : Câu “Vật thì không biết cảm xúc”, nghĩa là vật có thể chạm biết. Vật thì thật, cái biết thì hư. Cái thật với cái hư chẳng có tiếp xúc với nhau. Cho nên, vật thì chỉ tiếp xúc với vật, không thể tiếp xúc với cái biết.

Một chữ *Biết* này bày rõ ràng ra cái Pháp Thân trong sạch, chẳng phải là chỗ mà sự chạm xúc có thể tới được.

Cái thân biết có cảm xúc là do sắc thân phân biệt mà biết, lấy hai chỗ hợp, lia làm duyên. Cảm xúc không lia thân căn, thân căn cũng không lia cảm xúc. Nhưng nói cảm xúc thì chẳng phải là thân căn, nói thân căn thì chẳng phải là cảm xúc, hai cái ấy thật là không thể xác định. Do đó, nếu hợp lại thì chỉ có một thân thể, mà cái cảm xúc ở tại đâu ? Nếu lia nhau, thì xúc không còn, đồng như hư không vậy. Cả hai đều không có ở đâu, trong ngoài đều không thành tựu. Thân và xúc đều không nơi chốn, thì thân thức do đâu mà thành lập ? Đã không có cái thức ở giữa, thì căn và cảnh rốt ráo là không. Thế nên biết cái thân thức giới chỉ là hư vọng.

Thiền sư Nam Nhạc Huệ Tư đã đắc tức mạng thông, bỗng nhiên lại bị nghiệp chướng khởi lên, tay chân rũ liệt, không thể đi đứng. Ngài tự nghĩ rằng : “Bệnh từ nghiệp sanh, nghiệp từ tâm khởi. Nguồn tâm vốn chẳng khởi, ngoại cảnh đâu có hình trạng gì ? Bệnh, nghiệp và thân đều như bóng mây !” Quán như thế, tướng diên đảo diệt, nhẹ nhàng yên ổn như xưa. Như Ngài mới có thể nói là rõ thấu thân thức là hư vọng vậy.

Thiền sư Hưng Dương Phẫu nằm bệnh.

Ngài Đại Dương đến thăm, hỏi : “Thân này như bọt huyễn, mà có ở trong bọt huyễn mới thành biện xét. Nếu không có cái bọt huyễn này, thì chuyện đại sự chẳng do đâu mà nghiệm xét. Nếu muốn xét chuyện đại sự, thì thức lại giữ lấy cái bọt huyễn này, làm sao đây ?”

Tổ Phẫu nói : “Vẫn còn là chuyện bên này.”

Đại Dương hỏi : “Thế chuyện bên kia thì làm sao ?”

Tổ Phẫu nói : “Quanh đất vững hồng đẹp, đáy biển chẳng trông bông.”<sup>(1)</sup>

Đại Dương cười nói : “Ông còn tỉnh táo không ?”

Tổ Phẫu quát : “Sắp nói ta quên mất à !”

Rồi liền tịch.

Như Tổ Hưng Dương Phẫu có thể nói là thấu rõ cái *Pháp Thân Hương Thượng Sự* vậy.

Có vị sư hỏi Ngài Đại Long : “Sắc thân thì hư hoại, như thế nào là cái Pháp thân kiên cố ?”

Tổ Long nói : “Hoa núi nở đường gắm. Nước khe trong như lam.”

Ngài Tuyết Đậu tụng rằng :

*“Hỏi, từng chẳng biết  
Đáp, lại chẳng hiểu  
Trăng lạnh gió cao, đỉnh xưa thông lạnh  
Cười vui thay  
Giữa đường gặp được người đắc đạo  
Chẳng lấy nói, im đối dãi cùng  
Tay cầm roi bạch ngọc đánh vụn ngọc Ly Châu  
Đánh chẳng nát, thêm dấu vết !  
Nước có hiến chương, thêm ba ngàn điều tội !”*

Theo bài tụng này thì cái Kiên Cố Pháp Thân còn phải đập cho nát, hướng là cái Sắc thân đó ư ?

Kinh : “Lại như chỗ ông bày tỏ : Ý căn và pháp trần làm duyên, sanh ra ý thức. Thức đó là nhân ý căn sanh

<sup>1)</sup> “Táp địa hồng luân tú, hải đế bất tài hoa.”



ra, lấy ý căn làm giới, hay nhân pháp trần sanh ra, lấy pháp trần làm giới ?

“Anan, nếu nhân ý căn sanh ra, thì trong ý ông chắc phải có chỗ suy nghĩ mà phát rõ ra cái ý của ông ; nếu không có các pháp trần thì ý không có chỗ sanh ra. Lìa các duyên trần, ý căn còn không có hình tướng, thì cái thức đem dùng vào chỗ nào ?

“Lại cái thức tâm của ông cùng các sự nghĩ suy, các sự rõ biết là đồng nhau hay khác nhau. Nếu đồng với ý căn, tức là ý căn rồi, làm sao lại do ý căn sanh ra ? Nếu khác mà không đồng với ý căn, thì lẽ ra không có biết gì. Nếu không có chỗ biết, thì làm sao lại do ý căn sanh ra ? Còn nếu có chỗ biết, làm sao biết được ý căn ? Khi hai tánh đồng nhau và khác nhau đều không thành, giới do đâu mà lập ?

“Nếu ý thức do pháp trần sanh ra, thì các pháp trong thế gian không ngoài năm trần. Ông hãy xem các pháp sắc, thanh, hương, vị, xúc đối với năm căn đều có hình tướng rõ ràng, chẳng phải chỗ thu nhiếp của ý căn. Nếu ý thức của ông quyết định nương nơi pháp trần mà sanh ra, thì ông hãy xem xét kỹ, mỗi pháp có hình trạng gì ? Nếu lìa ngoài sắc không, động tịnh, thông bí, lìa hợp, sanh diệt, vượt ngoài các tướng này, rốt ráo là không chỗ đắc. Sanh thì các pháp sắc không đều sanh ra, diệt thì các pháp sắc không đều diệt. Các nguyên nhân đã không, thì cái thức có là do chúng sanh ra, nào có hình tướng gì đâu ? Tướng trạng không thể có, giới do đâu mà sanh ?

“Thế nên, phải biết : Ý căn, pháp trần làm duyên, sanh ra ý thức, ba chỗ này đều không. Tức là ba thứ ý giới, pháp giới và ý thức giới vốn chẳng phải tánh nhân duyên, chẳng phải tánh tự nhiên.”

*Thông rằng* : Cái ý thức giới này là tánh hiểu biết, phân biệt của thức thứ sáu. Đã lấy sự biết do phân biệt làm tánh, thì lìa ngoài pháp hẵn không có duyên, ý bèn chẳng sanh. Lìa duyên thì vô hình, vậy ý thức dùng vào đâu ? Thế thì cái thức duyên theo pháp này, rõ ràng không sanh ra nơi ý căn. Nếu nói ý căn hay phân biệt mà sanh ra ý thức, vậy thì thức thứ bảy làm chỗ nương cho sự nhiễm, tịnh và thức thứ tám là thức tâm làm chỗ nương dựa căn bản của mọi thức, đối cùng thức thứ sáu có tánh hiểu biết do phân biệt là đồng hay là khác ?

Kinh Lăng Già nói : Tâm (Thức Thứ Tám) hay tích nhóm Nghiệp Ý (Thức Thứ Bảy), hay mở rộng sự tích nhóm, hiểu biết do phân biệt gọi là thức, đối đãi với hiện cảnh thì có năm thức.

Luận Duy Thức nói : Tập khởi gọi là Tâm, suy lường gọi là Ý, hiểu biết cảnh gọi là Thức. Chỉ là một pháp mà khác tên.

Đã duy chỉ một pháp, đều có thể gọi là Tâm, đều có thể gọi là Ý, đều có thể gọi đó là Thức. Nhưng sự tinh vi ấy có thể biện biệt, có nhiều thứ ấy mà đặt tên vậy.

Ở thức thứ tám, ý và thức đều không còn, nên chỉ có thể gọi là tâm.

Ở thức thứ bảy, chẳng phải tâm, chẳng phải thức, chỉ có thể gọi là ý.

Ở thức thứ sáu, thì tâm và ý đều đối đãi với cảnh, nên gọi là thức phân biệt sự vật.

Kỳ thật chỉ là một. Như biển khởi sóng : không khác cũng không khác. Thức thứ sáu đuổi theo trần sanh ra gió cảnh giới, liền khởi động các sóng suy lường của

thức thứ bảy, mà thật chẳng rời cái biển lặng chứa của thức thứ tám. Ba thức này chẳng phải đồng, chẳng phải khác, cứ hãy tạm để đó.

Bây giờ, nói về chuyện ý sanh ra thức. Nếu nói thức đồng với ý thì thức là ý, làm sao gọi ý là cái năng sanh và thức là cái được sanh ? Nói là đồng thì không được vậy. Nếu nói thức khác với ý, hoàn toàn chẳng đồng thì một cái thuộc hữu tình, một cái thuộc vô tình, lẽ ra không có chỗ biết, vậy bảo khác nhau thì không thể được. Nếu không có chỗ biết, thì chắc chẳng phải do ý sanh. Ý phân biệt được cái chỗ sở sanh thì phải có cái thức ở trong ấy. Nếu có chỗ để biết, thì khi ý sanh mà không có pháp nào để duyên, thì chỉ có cái ý làm sao mà tự biết cái ý ? Nếu cho là biết cái ý, thì cái ý trở lại thành cảnh, không còn là căn được. Nếu không biết cái ý, lại giống như không có thức, thì sao nói là ý sanh thức ?

Rời ngoài pháp mà tìm cái thức, rất khó hình dung : nếu nói là *đồng*, thì không còn có thể gọi là *sanh ra* ; nếu gọi là *khác* thì không thể gọi được là *thức*. Thế là hai tánh đồng nhau, khác nhau đều không thành tự. Thức không có chỗ định, giới làm sao lập thành ? Do đó mà nói thức do căn sanh là hư vọng vậy.

Nếu nói thức duyên với pháp trần mà hiện, nhân pháp mà có sanh ra, thế thì phải có pháp khá hình dung ra được rồi mới có thể làm nhân. Nay các pháp của thế gian chẳng thể ngoài năm trần, đối đãi năm căn, và làm cái sở nhân của năm thức. Ý có thể lìa ngoài năm trần này mà riêng có tướng trạng của các pháp để làm sở nhân không ? Cái nội cảnh mà ý tự duyên, tuy không nhờ năm căn bên ngoài nhưng rốt cuộc không thể ra khỏi bóng dáng của sắc không,

sinh diệt... các pháp. Dầu có duyên các pháp xuất thế gian là phi sắc, phi không, bất sinh bất diệt nhưng cái phi sắc phi không cũng do sắc không mà hiển, cái bất sinh bất diệt cũng do sinh diệt mà bày. Rốt là chẳng có thể rời ngoài sắc không, sinh diệt mà có riêng được cái pháp trần để làm nhân sanh thức. Ở nơi năm trần mà tìm pháp thì trần là nhân của ngũ căn, chẳng phải là nhân của ý. Mà rời năm trần để cầu pháp, thì không có pháp nào để được. Đã không thể đắc, thì không có nhân vậy. Nhân mà không có, lấy gì sanh ra ? Nếu không có nhân mà nói là có thức sanh ra, thì thức này chẳng thể nào phân biệt các pháp. Còn nếu phân biệt được các pháp thì tạo ra được tướng trạng gì ? Tướng trạng không có, thức thật chẳng sanh. Nên nói là nhân pháp mà thức sanh là sai lầm vậy. Đã chẳng phải ý sanh, lại chẳng phải pháp sanh, thì ý thức ở tại chốn nào ? Không có nơi chốn, tức là chốn chân thật vậy.

Xưa, Thượng tọa Quốc Thanh Tịnh hỏi Tổ Trường Sa : “Như trong kinh dạy : không thể lấy cái tâm có chỗ biết mà đo lường nổi cái Tri Kiến Vô Thượng của Như Lai, thế thì làm sao ?”

Tổ Sa nói : “Ông hãy nói xem : cứu xét cho cùng cái tâm có chỗ biết này, lại có đo lường nào được nổi chăng ? Theo đó mà tin nhập.”

Sau này, có vị tăng hỏi : “Đệ tử mỗi đêm ngồi thiền, tâm niệm tán loạn, chưa biết cách nào nhiếp phục. Xin thầy chỉ bảo.”

Ngài Quốc Thanh Tịnh trả lời : “Nếu ban đêm ngồi tịnh mà niệm niệm lăng xăng, thì lấy cái tâm lăng xăng đó cứu xét cái chỗ lăng xăng. Thấy là nó không có xứ sở, thì cái tâm niệm lăng xăng đó đâu còn ! Cứ xét ngược lại cái

tâm, thì cái tâm cứu xét đó đâu có tại chỗ nào. Trí chiếu soi vốn không, cái cảnh để duyên cũng tĩnh lặng vậy. Chiếu mà chẳng chiếu, tuyệt không có cảnh để chiếu soi vậy. Cảnh, trí đều tịch diệt, tâm lượng an nhiên. Ngoài chẳng tìm cầu lấy sự tán loạn, trong chẳng trụ nơi định tĩnh. Hai đường dứt bật, một tánh suốt nhiên. Đây là yếu đạo về nguồn vậy.”

Tổ Dược Sơn đang ngồi, có vị tăng hỏi : “Ở cái chỗ bằng phẳng, suy nghĩ cái gì ?”

Tổ Sơn nói : “Suy nghĩ cái thật chẳng có suy nghĩ.”

Hỏi : “Cái chẳng suy nghĩ đó, làm thế nào suy nghĩ ?”

Tổ Dược Sơn nói : “Tuyệt chẳng suy nghĩ !”

Có vị tăng hỏi Thiền sư Thục Châu Tây : “Thế nào là chỗ phi tư lượng ?”<sup>(1)</sup>

Ngài đáp : “Ai thấy một chấm trong đêm tối giữa hư không ?”

Ngài Đơn Hà tụng rằng :

“Một điểm linh minh, sáu chẳng thấu  
Rõ thay, nào phải sửng mắt vào  
Tin tức trong kia, người khó rõ  
Chỉ có hư không một điểm mù.”

(Nhất điểm linh minh lục bất thấu  
Chiêu nhiên hà dụng cánh ngưng mâu  
Cái trung tiên tức nhân nan ủy  
Độc hữu hư không ám điểm đầu.)

Cho nên, rõ được chỗ tâm thức chẳng thể đến được, bèn thấu suốt nguồn cội của thức vậy.

<sup>1)</sup> Chỗ chẳng phải suy nghĩ so lường.

## I. THU BẢY ĐẠI

Kinh : Ông Anan bạch Phật : “Thưa Thế Tôn, Như Lai thường nói về nhân duyên hòa hợp rằng : Tất cả các thứ biến hóa trong thế gian đều do bởi bốn đại hòa hợp mà phát hiện ra. Thế sao Như Lai đều bài bác cả hai nghĩa nhân duyên và tự nhiên ? Nay tôi không biết nghĩa ấy thế nào, xin Phật rủ lòng thương xót khai thị cho chúng sanh nghĩa rốt ráo của Trung Đạo, không còn các pháp hý luận.”

Lúc bấy giờ, Thế Tôn bảo Ông Anan rằng : “Trước ông đã chán lia các pháp Tiểu Thừa Thanh Văn, Duyên Giác mà phát tâm quyết cầu Bồ Đề Vô Thượng, nên ta nay vì ông mà khai thị cái Đệ Nhất Nghĩa Đế, sao ông lại còn đem những thứ vọng tưởng nhân duyên, hý luận của thế gian mà tự trói buộc ? Ông tuy là nghe nhiều mà như người nói tên vị thuốc, đến khi thuốc thật ở trước mắt lại chẳng hề phân biệt được. Như Lai bảo thế thật là đáng thương xót ! Nay ông hãy nghe kỹ, ta sẽ vì ông phân biệt khai thị. Cũng để cho những người tu Đại thừa mai sau thông đạt cái Thật Tướng.”

Ông Anan lặng yên, kính vâng thánh chỉ của Phật.

*Thông rằng* : Ông Anan mong Thế Tôn khai thị Trung Đạo. Nếu cho thực tại là nhân duyên hòa hợp của thế gian, thì mắc vào Có (Hữu). Nếu bài bác cả hai thứ nhân duyên và tự nhiên thì lại chìm đắm vào Không. Cái chẳng phải Có, chẳng phải Không mới là Trung Đạo. Ông không biết cái Bồ Đề Vô Thượng là cái Trung Đạo không chỗ bám nắm, mới là Đệ Nhất Nghĩa Đế vậy. Cái Đệ Nhất Nghĩa Đế này siêu khởi mọi Ấm, Nhập, Xứ, Giới chẳng phải tánh nhân duyên, chẳng phải tánh tự nhiên. Thấy các tướng chẳng phải tướng, tức đó là Đại Thừa Thật Tướng.

Ông Anan muốn rời bỏ Tiểu thừa mà cầu cái Bồ Đề Vô Thượng. Nay chỉ cho đó là Tánh Diệu Chân Như, thì hoang mang ngơ ngác, chẳng hiểu ra sao, như người nói ra tên thuốc, mà cái chơn dược ở ngay trước mắt lại chẳng có hay. Thật đáng thương xót ! Than ôi, thuốc nào có dễ biết !

Bồ tát Văn Thù một ngày nọ bảo Đồng tử Thiện Tài đi hái thuốc.

Ngài nói : “Cái gì là thuốc hãy hái mang về.”

Thiện Tài xem khắp đại địa không có gì chẳng phải là thuốc, trở về bạch rằng : “Không có cái gì mà chẳng phải là thuốc.”

Ngài Văn Thù nói : “Cái gì là thuốc hái mang về đây.”

Thiện Tài bèn ngay trên mặt đất ngắt lên một cọng cỏ, đưa cho Ngài Văn Thù. Ngài Văn Thù cầm lấy, đưa lên cho đại chúng xem, rồi nói : “Thuốc này cũng hay giết người, cũng hay cứu người.”

Tổ Vân Môn nói : “Thuốc và bệnh hiện hữu vì nhau, khắp cõi đất là thuốc, cái gì là tự kỷ ?”

Ngài Tuyết Đậu tụng rằng :

*“Khắp cõi đất là thuốc  
Xưa nay sao quá lắm  
Đóng cửa chẳng làm xe (để dùng)  
Đường thông tự trống rỗng  
Lắm, lắm !  
Lỗ mũi xa trời cũng xuyên suốt !”*

Theo ý bài tụng này, thì chân dược hiện tiền ấy cũng cần mưa ra hết, huống là cái chuyện chẳng thể phân biệt của Anan !

Kinh : “Anan, như chỗ ông nói : Tứ đại hòa hợp phát hiện ra các thứ biến hóa trong thế gian. Anan, nếu các đại ấy tánh chẳng phải hòa hợp thì không thể trộn lẫn với các đại khác, cũng như hư không không thể hòa hợp được với các sắc. Nếu tánh của các đại là hòa hợp, thì cũng đồng như các thứ biến hóa, trước sau hóa thành lẫn nhau, sanh diệt nối nhau, sanh rồi diệt, diệt rồi sanh, sanh sanh diệt diệt như vòng lửa quay tròn, chưa hề ngừng nghỉ. Anan, như nước thành băng, băng trở lại thành nước.

*Thông rằng* : Nếu nói tứ đại chẳng phải hòa hợp, thì chẳng phải nghĩa *Chân Như tùy duyên*, đồng như ngoan không mà thôi. Nếu nói tứ đại nhất định phải hòa hợp, thì chẳng phải là nghĩa *Chân Như bất biến*, giống như biến hóa mà thôi. Như nước thành băng, băng trở lại thành nước, tứ đại vốn là Như Lai Tạng Tánh, chẳng phải ngoài nước mà có băng. Nước hòa với cái gì mà thành băng ? Băng hòa với cái gì mà thành nước ?

Vốn chỉ là một vật, không có cái gì khác hòa lẫn vào. Tìm cầu tướng hòa hợp rõ là chẳng thể có, do đó, thật chẳng phải hòa hợp mà cũng chẳng phải không hòa hợp. Chỉ vì mê thì *Chân Như* là tứ đại : như nước thấy thành băng. Ngộ, thì tứ đại là *Chân Như* : như băng vốn là nước. Nước vốn là một mà thôi vậy.

Có vị tăng hỏi Tổ Lâm Tế : “Thế nào là bốn cảnh vô tướng ?”

Tổ Lâm Tế nói : “Ông khởi một niệm tâm nghi, bèn bị đất ngăn ngại. Ông khởi một niệm tâm ái, bèn bị nước nhận chìm. Ông khởi một niệm tâm sân, liền bị lửa cháy thiêu. Ông có một niệm tâm hỷ, liền bị gió thổi bay. Nếu hay rõ ràng được như thế, Cảnh nào trói buộc nổi ? Chốn



chốn đều dùng được cảnh : Đông mọc Tây lặn, Nam mọc Tây chìm, giữa nổi bên chìm, bên nổi giữa chìm. Đi trên nước như trên đất, vào đất như nước. Do sao mà vậy ? Vì thấu suốt tứ đại như mộng như huyễn vậy. Nay các đạo lưu ! Nay đây cái nghe pháp là ông, chẳng phải là tứ đại của ông, mà hay dùng tứ đại của ông. Thấy được như thế, thì bèn đi hay ở đều tự do.”

Xem như lời Tổ Lâm Tế thì đi đâu cũng là nước, làm gì có băng đâu ?

Tổ Dược Sơn nhân có thí chủ cúng dường bộ thường phục. Đưa ra trước chúng, nói rằng : “Pháp thân có đủ bốn đại hay không ? Nói được, thì cho một áo lá.”

Ngài Đạo Ngô nói : “Tánh đất chẳng phải là Không. Không chẳng phải là tánh đất. Đó là Đại Địa. Ba đại kia cũng thế.”

Tổ Sơn nói : “Cho ông một cái áo lá.”

Chỗ thấy của Ngài Đạo Ngô sao lại trái ngược với kinh này ? Thử tham xem !

Kinh : “Ông hãy xét cái tánh của địa đại : thô lớn thì làm đất liền, nhỏ nhặt thì làm vi trần, cho đến lân hư trần, do chia chẻ cái sắc cực vi nhỏ nhất làm bảy phần mà thành. Nếu chẻ lân hư trần nữa, thì thật là tánh hư không.

“Anan, nếu cái lân hư trần đó chẻ ra thì thành hư không, vậy thì biết hư không sanh ra sắc tướng. Nay ông hỏi rằng : Do hòa hợp mà sanh ra các tướng biến hóa trong thế gian, thì ông hãy xét một cái lân hư trần dùng bao nhiêu hư không hòa hợp lại mà có ? Không lẽ lân hư trần hợp lại thành lân hư trần ? Mà lân hư trần đã

chẻ ra được thành hư không, thì dùng bao nhiêu sắc tướng để hợp thành hư không ? Nếu sắc hợp lại thì hợp sắc không thể thành hư không. Nếu hư không hợp lại, thì hợp hư không làm sao ra thành sắc ? Sắc có thể chẻ ra được, chứ hư không làm sao mà hợp lại được ?

“Ông vốn chẳng biết, trong Như Lai Tạng : tánh sắc là Chân Không, tánh Không là Chân Sắc, bản nhiên thanh tịnh, tròn khắp pháp giới, tùy tâm chúng sanh ứng ra chỗ hay biết, theo nghiệp mà hiện bày. Thế gian không biết, lầm cho là nhân duyên hay tự nhiên. Đó đều là thức tâm phân biệt, đo lường : chỉ có lời nói, danh tự, toàn không có thật nghĩa.

*Thông rằng : Bài tụng Pháp Giới rằng :*

*“Có ai muốn biết lý Chân Không  
Chân Như trong thân hiện khắp ngoài  
Tình với vô tình chung một thể  
Chốn chốn đều đồng Pháp Giới chơn !”*

Đây là yếu chỉ của bảy đại.

Chân Không là cái Thể Nhất Như vậy. Bảy đại là cái dụng duyên theo nghiệp vậy. Thế, dụng không hai, nương nhau mà hiển, chẳng lìa Diệu Tánh, nên mỗi mỗi đều là Tánh. Duy chỉ một Tánh. Không là tánh Không, sắc là tánh Sắc, bèn *Tức Không, Tức Sắc*, đó là Diệu Hữu, đó là Diệu Chân Như Tánh vậy. Không sa vào Hữu, Vô nên nói là thanh tịnh, mà chưa từng chẳng Hữu, Vô nên gọi là bản nhiên. Là trong sạch, tức nhân duyên chẳng thể ô nhiễm. Là bản nhiên, tức chẳng phải hòa hợp mà thành. Cái gì mà từ nhân duyên hay hòa hợp sanh, đó chỉ là hình tướng, có nơi chốn làm sao mà đầy khắp pháp giới ? Duy chỉ chẳng

từ nhân duyên hay hòa hợp mà sanh thì không hình tướng, không xứ sở nên toàn khắp pháp giới. Toàn khắp pháp giới là Tánh, thì có gì chẳng phải là thất đại ? Toàn khắp pháp giới là thất đại thì có gì chẳng phải là Tánh ?

Tâm Như Lai chỉ một vị thanh tịnh, chỉ một vị bản nhiên, chỉ một vị toàn khắp nên không thể biết, không thể lường. Tâm của chúng sanh thì ở nơi cái thanh tịnh ấy lại có thời gian mà ô nhiễm. Ở trong cái bản nhiên ấy lại có thời gian mà chẳng như nhiên. Ở trong cái toàn khắp ấy, lại có thời gian mà hạn hẹp. Tùy cái tâm năng tri, xứng vừa với cái lượng sở tri. Biết cho lắm thì tích tụ thành nghiệp, nghiệp tích tụ thành quả, có thiện, có ác mà biến tạo ra cái Y báo, Chánh báo mười cõi. Tâm của chúng sanh tán loạn không bờ nên nghiệp của chúng sanh cũng đầy dẫy không bờ. Tâm ấy nếu không có cái Tánh toàn khắp pháp giới làm thể thì làm sao tùy nghiệp mà phát hiện, để càng phát ra thì càng vô cùng ư ?

Nghiệp lực của chúng sanh mỗi mỗi chẳng đồng. Nhưng đồng ở trong cái Thanh Tịnh Bản Nhiên, một mảy lông cũng chẳng hề thêm bớt, nên nói rằng xuẩn động hàm linh đều có Phật Tánh. Thế gian mê lầm chẳng ngộ Tam Giới Duy Tâm, Vạn Pháp Duy Thức. Thế nên, ở nơi những sự việc phát hiện ra theo nghiệp, thấy ra là có nhân duyên sanh, mà lầm cho là tánh nhân duyên ; còn thấy ra là không có nhân duyên sanh thì lầm cho là tánh tự nhiên. Chẳng rõ cái Thanh Tịnh Bản Nhiên thì sự Có Không đều lìa, cả nhân duyên hay tự nhiên đều không có ở nơi nào để bám níu.

Nói là nhân duyên sanh ư ? Thế thì lân hư duyên với cái gì để sanh ra hư không, hư không duyên với gì mà sanh ra lân hư ? Chỉ có hư không duyên với hư không, chỉ có

sắc mới duyên với sắc. Dù cho lân hư chẻ ra thành hư không, thì phải bao nhiêu hư không để hiện thành lân hư. Lân hư chẳng phải do hư không mà có, thì hư không cũng chẳng phải nhân lân hư chẻ thành. Sắc, không đã chẳng thể sanh lẫn nhau, thì sự sanh ra của địa đại là vô tự tánh.

Thế nên, nói nhân duyên hòa hợp sanh là sai lầm vậy.

Nói là tự nhiên sanh ư ? Hư không nào có vô cơ mà có hư không, sắc nào có vô cơ mà có sắc. Chẳng có nhân chẻ lân hư, thì nào có thấy được hư không ? Chẳng nhân gom tụ lân hư, làm sao thành địa đại ? Thế thì sự sanh ra của địa đại nào phải không có nguyên nhân mà tự nhiên bỗng có đâu ?

Do đó, nói tự nhiên sanh là sai lầm.

Cả hai thuyết đều là do thức tâm phân biệt suy lường, không phải nhân duyên mà gượng nói nhân duyên ; không phải tự nhiên mà gượng cho là tự nhiên, chỉ là lời nói, toàn là hý luận không có căn cứ. Nào có biết rằng Như Lai Tạng Tánh chẳng có khởi lên đối với cái thấy, chẳng bám vào cái tướng. Không khởi nơi cái thấy, cho nên suy tính không thể tới nổi. Không bám nơi cái tướng nên lời nói không thể thấu đến. Đó là cái chỗ mà *tâm hành xứ diệt*,<sup>(1)</sup> *ngôn ngữ hết đường*, ấy mới là Thật Tướng, mới là Đệ Nhất Nghĩa Đế vậy.

Thiền sư Tần Bạt Đà hỏi Pháp sư Sanh : “Thầy giảng kinh luận gì ?”

Thầy Sanh đáp : “Kinh Đại Bát Nhã.”

Sư Đà nói : “Làm thế nào nói nghĩa sắc không ?”

Thầy Sanh đáp : “Các vi trần tụ lại là sắc, các vi trần vô tự tánh là Không.”

<sup>1)</sup> Chỗ tâm hành mất dấu.

Sư Đà nói : “Vi trần chưa tụ, gọi là gì ?”

Thầy Sanh không giải bày được.

Thiền sư Đà lại hỏi : “Còn giảng kinh nào khác nữa ?”

Thầy Sanh đáp : “Kinh Đại Niết Bàn.”

Sư Đà nói : “Nói nghĩa Niết Bàn như thế nào ?”

Thầy Sanh đáp : “Niết mà chẳng sanh, Bàn mà chẳng diệt, nên gọi đó là Niết Bàn.”

Sư Đà nói : “Cái ấy là Niết Bàn của Như Lai, cái gì là Niết Bàn của Pháp sư ?”

Thầy Sanh đáp : “Nghĩa của Niết Bàn há có hai sao ? Tôi chỉ như thế này, chưa hiểu Thiền sư nói Niết Bàn như thế nào ?”

Sư Đà đưa cây hốt như ý lên, rồi nói : “Thấy chằng ?”

Đáp : “Thấy.”

Sư Đà nói : “Thấy cái gì ?”

Đáp : “Thấy cái hốt như ý trong tay Thiền sư.”

Sư Đà ném cái hốt như ý xuống đất, rồi hỏi : “Thấy không ?”

Đáp : “Thấy.”

Sư Đà nói : “Thấy cái gì ?”

Đáp : “Thấy cái hốt trong tay Thiền sư rớt xuống đất.”

Thiền sư chê rằng : “Xem qua chỗ thấy hiểu của ông, chưa ra khỏi đám thường tình, sao gọi được là làm ồn não vũ trụ.”<sup>(1)</sup>

Rồi phất tay áo bỏ đi.

Các đệ tử của pháp sư nghi ngờ chưa dứt, bèn chạy theo níu Thiền sư Đà lại, hỏi : “Thầy tôi nói sắc không, Niết

<sup>1)</sup> Giảng kinh.

Bàn chẳng khế hợp, chưa rõ Thiên sư nói nghĩa sắc không như thế nào ?”

Thiên sư Đà nói : “Ta chẳng nói thầy các con thuyết không được đúng, nhưng thầy các con chỉ nói sắc không trên quả vị, mà chẳng biết nói cái sắc không ngay chỗ nguyên nhân.”

Đệ tử thưa : “Như thế nào là sắc không ngay chỗ nguyên nhân ?”

Thiên sư Đà nói : “Một vi trần Không nên chúng vi trần Không. Chúng vi trần Không nên một vi trần Không. Trong một vi trần Không, không có chúng vi trần. Trong chúng vi trần Không, không có một vi trần.”

Đây không phải là lời Thiên sư Đà đặt ra, vì kinh nói : Một căn thanh tịnh nên các căn thanh tịnh. Các căn thanh tịnh nên một căn thanh tịnh. Trong một căn thanh tịnh không có các căn. Trong các căn thanh tịnh không có một căn.

Lấy chỗ này phát minh thì chẳng phải khó hiểu. Bèn cùng với “Tánh Sắc Chân Không, Tánh Không Chân Sắc” chỉ ngay đường vào.

Kinh : “Anan, tánh lửa vô ngã, nhờ ở các duyên mà hiện. Ông hãy xem các nhà chứa nấu ăn ở trong thành, khi muốn nấu bếp thì tay cầm kính dương toại đưa ra ngoài mặt trời mà cầu lửa.

“Anan, phạm gọi là hòa hợp thì như Ta, ông và một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ kheo nay hợp thành một chúng. Chúng tuy là một, nhưng gạn xét về căn bản, thì mỗi người đều có thân, đều có chỗ sanh, tên hiệu, họ hàng của mình. Như Ông Xá Lợi Phất thuộc dòng Bà La Môn, Ông Ưu Lâu Tần Loa thì thuộc dòng Ca Diếp Ba, cho đến Ông Anan thì thuộc dòng Cù Đàm.

“Anan, nếu tánh lửa nhân hòa hợp mà có ra, thì khi người kia cầm kính lấy lửa nơi ánh sáng mặt trời, lửa đó từ trong kính mà ra, do từ bụi nhùi mà có hay là từ mặt trời mà đến ?

“Anan, nếu từ mặt trời mà đến, lửa ấy đã đốt được bụi nhùi trong tay ông, thì những rừng cây mà ánh sáng mặt trời đi qua phải bị đốt cháy cả. Nếu từ trong kính mà ra, thì lửa ấy đã có thể từ nơi kính ra mà đốt cháy bụi nhùi, làm sao kính lại không bị cháy. Cho đến cả tay cầm kính cũng không thấy nóng, thì làm sao kính chảy ra được. Nếu do bụi nhùi sanh ra, thì cần gì ánh sáng mặt trời và kính tiếp xúc với nhau, rồi lửa mới sinh. Ông hãy xét cho kỹ : kính thì do tay cầm, ánh sáng mặt trời thì từ trên xuống, còn bụi nhùi thì từ đất sanh, vậy lửa từ phương nào đến đây ? Mặt trời và kính xa nhau, chẳng có hòa, chẳng có hợp không lẽ lửa kia không do đâu mà tự có ?

“Ông còn không biết rằng : Trong Như Lai Tạng, tánh hỏa là Chân Không, tánh Không là Chân Hỏa, thanh tịnh bản nhiên, toàn khắp pháp giới tùy theo tâm chúng sanh mà ứng vừa với chỗ hay biết.

“Anan, ông phải biết : Người đời cầm kính ở một chỗ thì một chỗ lửa sanh, khắp pháp giới cầm kính thì khắp pháp giới có lửa. Lửa khắp thế gian mà nào có nơi chốn, chỉ theo nghiệp phát hiện. Thế gian không biết, lầm cho là tánh nhân duyên và tánh tự nhiên. Hết thấy đều là sự phân biệt, đo lường của thức tâm : chỉ có lời nói, danh tự, toàn không có thật nghĩa.

*Thông rằng* : Ngài Long Thắng nói : “Nếu các pháp là thật có, thì chẳng cần dùng tâm thức mới biết là có tướng.

Nếu dùng tâm thức mới biết là có, ấy là chẳng phải có. Như tướng cứng của đất, phải dùng thân căn, thân thức mới biết là có. Còn nếu không có thân căn, thân thức thì không thấy có tướng cứng.”

Hỏi rằng : “Thân căn, thân thức thì có khi cảm biết, có khi không cảm biết, còn đất thì vẫn luôn luôn có tướng cứng chứ ?”

Đáp rằng : “Hoặc trước đã tự nhiên biết cái tướng cứng, hoặc nghe người nói mới biết là có tướng cứng. Nếu trước chẳng nhiên biết, chẳng nghe nói thì làm gì có cái tướng cứng ? Lại nữa, nếu đất luôn luôn thật là tướng cứng, thì không thể bỏ tướng cứng ấy. Nhưng như tô lặc, mặt ong, nhựa cây khi nấu thì phải bỏ cái tướng cứng mà biến thành thể lỏng. Vàng, bạc, đồng, sắt hết thủy đều như thế. Còn nước đang ở thể lỏng, lạnh thì chuyển thành tướng cứng là băng. Như vậy, tất cả mọi thứ mọi loại đều có thể biến đổi tướng trạng.”

Ngài lại nói : “Nếu lửa thật có tánh nóng, thì sao có người vào lửa chẳng cháy. Trong thân cũng có lửa nóng, sao chẳng thiêu thân ? Lửa ở trong mây mà nước không diệt được. Bởi thế, lửa không có tánh nóng nhất định. Vì thần thông lực, lửa không thể cháy thân. Vì nghiệp nhân duyên, ngũ tạng không nóng. Vì lực điện trong mây, nước không diệt được. Nếu tánh nóng và lửa khác nhau, thì lửa chắc chẳng nóng. Nếu tánh nóng và lửa là một, thì sao còn gọi là nóng ? Tánh lửa như thế, các đại khác cũng vậy.”

Như thế, tánh chung và tánh riêng đều Không, nên gọi là Tánh Không. Lấy theo lý ấy mà suy ra tánh của đất, nước, lửa thì cũng như theo dòng mà thấu được nguồn : tất cả đều Không.



Chỗ chỉ bày của Đức Thế Tôn là : Từ cái tánh mà phát ra tướng, gọi là theo nghiệp mà phát hiện, ứng với cái lượng của sở tri. Còn chỗ luận của Ngài Long Thắng là : Từ nơi tướng mà thấu cùng đến cái tánh, đặc biệt hiển bày cái sắc tâm chẳng hai vậy.

Cái kính Dương Toại cũng gọi là Ngũ Phương Chư. Sách Luận Hành chép : “Tháng Năm, ngày Bính Ngọ, giờ Ngọ làm đá Ngũ Phương tròn như cái gương, ở giữa trứng. Soi vật thì ảnh ngược, hướng về mặt trời thì có lửa.”

Thế gian chỉ biết bụi nhùi, kính với mặt trời : ba cái nhân duyên hòa hợp lại thì lửa sanh. Chẳng biết rằng kính, bụi nhùi cùng với mặt trời đều ở xa nhau, chẳng phải hòa hợp nên chẳng phải là nhân duyên. Nếu nói bỗng nhiên tự có ra, thì đáng lẽ chẳng cần kính hướng vào mặt trời, thế nên cũng chẳng phải tự nhiên. Nếu nói cả ba cái, mỗi cái đều có tánh lửa, thì lẽ ra bụi nhùi phải tự cháy, kính phải tự cháy và chỗ ánh sáng mặt trời đi đến, như rừng cây phải bị cháy thiêu ! Cả ba cái đều không có tánh lửa, đủ biết là hỏa tánh vốn Không. Nhưng vì cái sức nghiệp của ba cái mà lửa tùy theo nghiệp hiện ra. Thế mới biết, lửa có khắp thế gian là Tánh Không, nào có nơi chốn. Nên cọ xát cây thì có lửa, đập đá là có lửa. Tất cả đều theo nghiệp mà phát hiện, chẳng riêng ở một cái kính Dương Toại, đều từ trong cái Tánh Thanh Tịnh phát khởi ra. Ngay Tánh tức là lửa, nào mượn nhân duyên ? Ngay lửa là Tánh, sao nói là tự nhiên ? Thế nên, hỏa đại vốn chẳng phải nhân duyên, chẳng phải tự nhiên. Tánh lửa ấy bèn chính là Thật Tướng vậy.

Tổ Tuyết Phong nhóm lửa xong, bèn chỉ ngay ngọn lửa mà khai thị cho đại chúng : “Ba đời chư Phật đang ở trong ngọn lửa chuyển Đại Pháp Luân.”

Tổ Vân Môn nói rằng : “Ngọn lửa là ba đời chư Phật thuyết pháp. Ba đời chư Phật lập tức nghe.”

Tổ Huyền Sa nói : “Gần đây lệnh vua khá nghiêm ngặt !”

Tổ Tuyết Phong nói : “Là làm sao ?”

Tổ Sa nói : “Chẳng để cho trà trộn cướp đồ ngoài chợ !”

Tổ Tuyết Phong bèn le lưỡi.

Ngày nọ, Tổ Tào Sơn vào tăng đường hơi lửa.

Có vị sư nói : “Hôm nay lạnh thật.”

Tổ Sơn nói : “Nên biết có cái chẳng lạnh !”

Vị sư hỏi : “Ai là kẻ chẳng lạnh ?”

Tổ Sơn gấp lửa mà chỉ đó.

Vị sư nói : “Chớ nói là không có người.”

Tổ Sơn ném bỏ lửa xuống.

Vị sư nói : “Con ở trong chỗ ấy chẳng hiểu được.”

Tổ Sơn nói : “Mặt trời soi đêm lạnh, sáng ngời lại sáng ngời.”

Cổ nhân gặp cảnh thì phát minh *một đường hướng thượng*. Đó là *tánh lửa Chân Không, tánh Không chân lửa*, nơi ấy là chỗ thấu thoát chân thật.

Kinh : “Anan, tánh nước chẳng định : khi chảy, khi ngừng không có chừng. Như trong thành Thất La Phiệt, các ông Tiên Ca Tỳ La, Chước Ca La và các nhà đại huyện thuật Bát Đầu Ma, Ha Tát Đa... muốn cầu tinh Thái Âm để hòa với các thuốc huyện thuật, thì các ông ấy trong lúc mặt trăng tròn sáng, tay cầm hạt châu Phương Chư, hứng nước trong ánh mặt trăng. Vậy, nước ấy từ trong hạt châu mà ra hay ở trong hư không tự có hay từ mặt trăng đến ?

“Anan, nếu từ mặt trăng đến, thì ở phương xa còn có thể làm hạt châu có ra nước, thì ánh sáng qua những rừng cây lẽ ra đều phải có chảy nước. Có chảy nước thì cần gì phải đợi hạt châu Phương Chư ? Còn nếu không chảy nước thì biết là nước chẳng phải từ mặt trăng xuống. Nếu từ hạt châu mà ra, thì trong hạt châu thường phải chảy nước, sao lại phải đợi nửa đêm có mặt trăng sáng ? Nếu do hư không mà sanh, thì hư không vô bờ bến, thì nước cũng không có giới hạn, vậy thì cõi người đến cõi trời đều phải chìm ngập, làm sao còn các loài ? Ông hãy xét kỹ : mặt trăng từ trời chiếu xuống, hạt châu do tay cầm, còn cái mâm hứng nước thì do người xếp đặt, vậy nước kia từ phương nào mà chảy đến đây ? Mặt trăng và hạt châu thì cách xa nhau, không phải hòa, không phải hợp, chẳng lẽ nước kia không từ đâu mà tự có ?

“Ông còn không biết rằng trong Như Lai Tạng, tánh Thủy là Chân Không, Tánh Không là Chân Thủy, thanh tịnh bản nhiên, toàn khắp pháp giới tùy theo tâm chúng sanh mà ứng vừa với chỗ hay biết.

“Một chốn cầm châu thì một chốn có nước chảy ra. Khắp pháp giới cầm hạt châu thì khắp pháp giới nước sanh ra. Nước có khắp thế gian mà nào có nơi chốn, chỉ theo nghiệp mà phát hiện. Thế gian không biết, lầm cho là tánh nhân duyên hay tánh tự nhiên. Hết thấy đều là sự phân biệt, đo lường của thức tâm, chỉ là lời nói, danh tự, toàn không có thật nghĩa.

*Thông rằng* : Châu Phương Chư còn gọi là Âm Toại, hình giống con sò. Chà cho nóng, để dưới ánh trăng sẽ sinh ra nước. Phương là đá, Chư là ngọc. Luyện nấu đá mà thành, làm vào tháng Một (Mười Một), ngày Nhâm Tý, giờ Tý.

Nước sinh ra ở hạt Phương Chư vốn chẳng phải do hòa hợp, chẳng phải là tự nhiên thì cũng giống như kính Dương Toại. Nhưng chỗ nói “Nếu do hư không mà sanh, thì hư không vô biên, nước cũng không giới hạn... làm sao còn các loài ?” Chẳng phải là mâu thuẫn với chỗ *Tánh Không Chân Thủy* sao ? Bởi vì, lấy tướng mà luận thì có hình, nên nước đầy hư không mà làm đắm chìm cả. Nhưng lấy tánh mà luận thì vô hình, nên hư không vô tận thì nước hiện ra cũng vô tận. Câu “Tánh Thủy Chân Không” này là chỉ về tánh của tứ đại thanh tịnh mà nói. Tánh vốn là Không, Không Không tương dung, Không Không bất nhị làm gì thấy có lẩn đoạt lẫn nhau ?

Đoạn sau, chỗ nghi của Ông Phú Lô Na là ở nơi tánh mà nghi có sự lẩn đoạt, chứ chẳng phải nghi ở nơi tướng. Tướng thì chẳng tương dung, Thế Tôn đã nói trước rồi còn nghi gì nữa !

Tổ Dược Sơn hỏi vị sư : “Từ đâu tới ?”

Đáp : “Ở Hồ Nam lại.”

Tổ Sơn hỏi : “Nước hồ Động Đình đầy chưa ?”

Đáp : “Dạ, chưa.”

Tổ Sơn nói : “Mưa đã lâu, sao chưa đầy ?”

Vị sư không đáp được.

Tổ Đạo Ngô nói thay rằng : “Đầy rồi mà !”

Tổ Vân Nham nói : “Chỗ sâu xa !”

Tổ Động Sơn nói : “Trong kiếp nào mà từng có tăng, giảm ?”

Tổ Vân Môn nói : “Chỉ ở trong ấy !”

Tổ Tuyết Phong nói : “Ngồi bên rá cơm mà đói chết vô số người. Ngồi bên biển nước, khát chết vô số người !”

Tổ Huyền Sa rằng : “Ngồi trong rá cơm, đói chết vô số người. Ngập đầu trong biển nước, khát chết vô số người !”

Tổ Vân Môn : “Suốt thân là cơm, suốt thân là nước.”

Tổ Thiên Đồng nêu ra : “Ta thì chẳng vậy, ngồi trong rá cơm, cái no làm chết vô số người. Ngập đầu trong biển nước, cái nê làm chết vô số người !”

Trước là cái họa vì chẳng nuốt vào. Sau là cái họa vì chẳng mưa ra. Chỉ như Ngài Vân Môn nói : Suốt thân là cơm, suốt thân là nước. Ở trong ấy thì không còn chỗ nuốt vào, mưa ra. Cổ nhân cử xướng cái tánh biển thật như sóng nước trùng trùng vô tận, đến Tổ Vân Môn : “Suốt thân là nước”, lời nói mới trọn thành. Cùng với “Tánh nước Chân Không, Tánh Không thật nước, bản nhiên thanh tịnh, toàn khắp pháp giới”, thật là khế hợp. Do đó mà biết rằng lấy ý thức mà đo lường tánh Không, tánh Thủy thì biết kêu gào mấy cho vừa.

Kinh : “Anan, tánh gió không có tự thể, khi động khi tĩnh bất thường. Ông thường sửa áo, vào trong đại chúng, gấu áo Tăng Già Lê động đến người gần bên thì có chút gió phát qua mặt người kia. Gió đó là do gấu áo cà sa mà ra, từ hư không mà phát khởi hay do mặt người kia mà sanh ?

“Anan, nếu gió ấy phát ra do gấu áo cà sa, thì ông đã mặc cả gió, cái áo phải bay tung rời khỏi thân ông. Nay ta thuyết pháp, rừ áo ở trong hội này, ông hãy xem cái áo của Ta, gió ở nơi đâu ? Không lẽ trong áo lại có chỗ chứa gió ?

“Nếu gió đó do hư không sanh ra, thì khi áo ông không động sao gió chẳng bay phát. Tánh của hư không

thì thường còn, gió phải thường sanh ra. Còn khi không có gió, hư không phải diệt mất ! Gió diệt có thể thấy được, hư không diệt thì có nghĩa gì ? Bởi vì có sanh diệt, thì đâu có gọi là hư không ? Còn đã gọi là hư không, thì gió ở đâu mà ra được ?

“Nếu gió ấy sanh ra do cái mặt người bị phát, thì đã do mặt người ấy sanh ra, lẽ ra phải phát vào ông, sao tự ông sửa áo mà lại phát ngược vào người kia ?

“Ông hãy xét kỹ : sửa áo là do nơi ông, mặt thuộc về người kia, hư không lặng yên chẳng hề lay động, thì gió từ phương nào phát động đến đây ? Tánh của gió và của hư không cách biệt, chẳng có hòa, chẳng có hợp, không lẽ gió kia không do đâu mà tự có ?

“Ông thật không rõ ràng : Trong Như Lai Tạng, tánh gió là Chân Không, tánh Không là Thật Gió, thanh tịnh bản nhiên, toàn khắp pháp giới tùy theo tâm chúng sanh mà ứng vừa với chỗ hay biết.

“Anan, như một mình ông hơi động cái áo thì có chút gió bay ra. Khắp pháp giới đều phát, thì khắp các quốc độ đều có gió. Phong đại có ở cùng khắp thế gian mà không có nơi chốn, chỉ theo nghiệp mà phát hiện. Thế gian không biết, lầm cho là tánh nhân duyên hay tánh tự nhiên. Hết thảy đều là những phân biệt, đo lường của thức tâm, chỉ có lời nói, danh tự, toàn không có thật nghĩa.

*Thông rằng : “Ông tự sửa áo mà áo không bay mất. Cái mặt thuộc người kia mà gió chẳng phát ngược lại. Hư không lặng yên, chẳng theo gió mà có sanh có diệt”. Ba cái ấy chẳng can dự gì tánh lưu động của gió, thì cái gì mà cho là hòa hợp ? Chẳng lẽ gió không đâu mà có ra, sao gọi là tự nhiên ? Bởi vì gió tức là tánh, tánh tức là gió vậy. Chỉ theo nghiệp*

mà phát hiện ra, như áo động thì có gió sinh. Tánh cùng khắp pháp giới, thì gió cũng cùng khắp pháp giới, nên cùng gọi là *Đại* (lớn).

Nho gia nói Khôn là Đất, Khảm là Nước, Ly là Lửa, Tốn là Gió. Tất cả không ra ngoài Âm Dương. Âm Dương từ đâu sanh ra ? Từ trong Động Tĩnh của Thái Cực sanh ra vậy. Mỗi vật đều đầy đủ một Thái Cực. Vạn vật đều suốt một thể Thái Cực. Chưa từng chẳng phải tức Lý là Sự, tức Sự là Lý. Nhưng mà ngộ Tâm là Thái Cực thì ít có thay ! Đã ngộ Tâm là Thái Cực, dưới trời đâu có cái vật ở ngoài Tâm ư ?

Tổ Ma Cốc đang quạt, có nhà sư hỏi : “Tánh của gió thường trụ, không nơi nào chẳng khắp, Hòa thượng còn động quạt làm gì ?”

Tổ Cốc nói : “Ông chỉ biết “Tánh gió thường trụ”, mà không biết chuyện *không đâu chẳng khắp*.”

Nhà sư nói : “Sao là *không đâu chẳng khắp* ?”

Tổ Cốc lại phẩy quạt.

Nhà sư làm lễ.

Tổ Cốc nói : “Cái ông sư không có chỗ dùng, dầu có ngàn ông thì có ích gì !”

Lại Tổ Nam Tuyền hỏi nhà sư : “Đêm qua gió mạnh, nhỉ ?”

Nhà sư đáp : “Đêm qua gió mạnh.”

Tổ Tuyền nói : “Thối gãy một cành tùng trước cửa !”

Sư nói : “Thối gãy một cành tùng trước cửa.”

Tổ Nam Tuyền lại hỏi một nhà sư khác : “Đêm qua gió mạnh, nhỉ ?”

Nhà sư nói : “Là ngọn gió nào ?”

Tổ Tuyên nói : “Thối gãy một cành tùng trước cửa !”

Nhà sư nói : “Là cây tùng nào ?”

Tổ Tuyên nói : “Một đực, một mất.”

Căn cứ vào chỗ đáp của hai vị tăng thì đều có hơi thờ thiên tăng. Sao Ngài Nam Tuyên lại nói một đực, một mất ? Nếu định ngay ra đực, mới cho là tự mình thấy Nam Tuyên.

Kinh : “Anan, hư không không có hình, nhân sắc mà hiển ra. Như trong thành Thất La Phiệt là chỗ xa sông, những người dòng Sát Ly, dòng Bà La Môn, dòng Tỳ Xá, dòng Thủ Đà hay dòng Phả La Đa, dòng Chiên Đà La... Khi dựng nhà mới thì đào giếng để lấy nước. Đào lên một thước đất, thì trong đó có một thước hư không, như vậy cho đến đào lên được một trượng, thì trong đó lại được một trượng hư không. Hư không sâu hay cạn tùy theo đào lên nhiều hay ít. Hư không đó, do đất mà ra, nhân đào mà có hay không nhân gì mà tự sanh ?

“Anan, hư không đó không do gì mà tự sanh, thì trước khi chưa đào đất, sao chỗ ấy lại không trống rỗng, mà chỉ thấy là đất, chẳng có gì thông suốt. Nếu nhân đất mà ra, thì khi đất được moi ra phải thấy có hư không vào. Nếu đất ra trước mà không thấy hư không vào, làm sao nói là hư không nhân đất mà ra ? Còn nếu không ra, không vào thì hư không với đất vốn không khác nguyên nhân. Không khác tức là đồng, thì khi đất ra, hư không sao chẳng có ra ? Nếu nhân đào mà ra, thì đào phải có ra hư không chớ chẳng phải ra đất. Nếu chẳng nhân đào mà có ra, khi tự đào thì ra đất, sao lại thấy hư không ?

“Ông hãy xét xem, xét kỹ, xem kỹ : sự đào do từ tay người chuyển vận theo phương hướng, đất thì từ nơi mặt đất mà dời đi, như thế hư không nhân đâu mà có



ra ? Sự đào và hư không : một cái thật, một cái hư, không tác dụng gì với nhau, chẳng phải hòa, chẳng phải hợp, chẳng lẽ hư không không do đâu mà tự có ra ?

“Nếu hư không đó bản tánh tròn đầy toàn khắp, vốn chẳng hề lay động thì phải biết rằng hiện giờ ngay trước mặt đây : Hư không và địa, thủy, hỏa, phong đều gọi là năm đại, bản tánh vốn chân thật, viên dung, đều là Như Lai Tạng, vốn không sanh diệt.

“Anan, tâm ông mê muối, chẳng ngộ bốn đại vốn là Như Lai Tạng. Phải nhìn ngay hư không là ra, là vào hay chẳng phải ra, vào. Ông hoàn toàn không biết trong Như Lai Tạng : Tánh Giác là Chân Không, Tánh Không là Chân Giác, thanh tịnh bản nhiên, toàn khắp pháp giới tùy theo tâm chúng sanh mà ứng với lượng hay biết.

“Anan, như một cái giếng trống không thì hư không có trong một cái giếng, mười phương hư không thì cũng như vậy. Không đại tròn đầy khắp mười phương, thật không nơi chốn, theo nghiệp mà phát hiện. Thế gian không biết, lầm cho đó là tánh nhân duyên hay tánh tự nhiên. Hết thấy đều là những phân biệt, đo lường của tâm thức, chỉ có lời nói, danh tự, toàn không có thật nghĩa.

*Thông rằng* : Hư không chẳng có hình, sao có ra, vào ? Chỉ bởi sắc hiện bày mà biết có hư không : có sắc thì chẳng phải là hư không, không có sắc tức là hư không. Sắc có đến, đi ; hư không chẳng hề khởi, diệt. Khi tứ đại diệt, hư không chẳng phải lúc ấy mới có. Bốn đại có đến-di, hư không vốn chẳng hề ra-vào. Tánh hư không tròn khắp cũng dễ hiểu, bốn đại Chân Không cũng giống như vậy. Khi chưa tùy theo nghiệp thì thanh tịnh bản nhiên, toàn khắp pháp giới, vốn chưa hề không có. Khi đã theo nghiệp phát

hiện rồi, tùy cảm tùy ứng mà đầy khắp thế gian thì cũng không phải lúc ấy mới có. Tướng có sanh diệt, tánh không sanh diệt. Có sanh diệt, thì chẳng có toàn khắp. Còn cái toàn khắp thì tự nó không có sanh diệt, gọi đó là Như Lai Tạng, không từ đâu đến, không đi về đâu, há lại có sanh tử ở trong ấy ư ?

Nói về cái ngoan không<sup>(1)</sup> thì tuy không có ra vào, nhưng cũng là sanh diệt. Như sau này có nói "Hư Không sanh trong cái Đại Giác như một cái bọt sinh ra trong biển cả... Mười phương hư không cũng đều tiêu mất, chỉ duy cái Chân Không là Chân Giác vốn không sanh diệt."

Ở bốn đại trước thì nói Chân Sắc, Chân Hỏa, Chân Thủy, Chân Phong đều dùng chữ *Chân*. Sau thì nói "Bốn đại thanh tịnh" là đều nói trong tánh. Không giữ lấy tướng, bèn là "tánh chân thật, viên dung, đều là Như Lai Tạng, vốn không sanh diệt." Thật rành rành tự tánh chân thật mà nói. Nếu các tướng hữu tình, làm sao mà viên dung vô ngại ? Nói là Dung, thì "tức sắc tức Không, tức Không tức sắc", chẳng hề thấy có dấu vết của ngũ đại, duy chỉ thuần nhất một cái Không. Nói là Viên, thì "Không chẳng ngại sắc, sắc chẳng ngại Không", ngũ đại đắp đổi lẫn nhau, hiển xuất vô cùng mà chẳng rời Nhất Chân vậy.

Trước thì lấy tứ đại mà dung hội Chân Không. Đây thì lấy Chân Không tan về Chân Giác. Rõ ràng cái gọi là Chân Không tức là Chân Giác, cái ngoan không làm sao so sánh được.

Thiền sư Hoàng Long Tổ Tâm thượng dương rằng :  
"Tâm đồng hư không giới, bình đẳng với tánh Không. Chứng

---

<sup>1)</sup> Cái Không trợ trợ, chết cứng của ngoại đạo.

đắc tánh Không bèn không có pháp nào phải, trái. Cứ như thế mà ngồi nghỉ. Dừng chèo, thả neo về bến đậu thuyền. Cứ theo như môn đệ của lão tăng thì trời đất cách riêng không dính. Nói thử môn đệ của lão tăng có chỗ nào kỳ đặc :

*“Vác ngang ngọn lược chẳng đoái người  
Thẳng vào ngàn muôn đỉnh núi đi.”*

Lại có Ông Hồ Đình Giao tham lễ Tổ Bửu Thọ.

Tổ hỏi : “Chẳng phải là Hồ Đình Giao<sup>(1)</sup> ư ?”

Ông Hồ trả lời : “Không dám.”

Tổ Thọ nói : “Có đóng được hư không chẳng ?”

Ông Hồ nói : “Xin Hòa thượng dả phá cho !”

Tổ Thọ bèn đánh.

Ông Hồ chẳng kham được ý chỉ ấy.

Tổ Thọ nói : “Về sau sẽ có ông thầy lắm lời vì ông mà chỉ cho chỗ này.”

Sau, Ông Hồ đến tham Ngài Triệu Châu.

Tổ hỏi : “Chẳng phải là Hồ Đình Giao ư ?”

Ông Hồ nói : “Không dám.”

Tổ Châu hỏi : “Có đóng được hư không chẳng ?”

Ông Hồ đáp : “Xin Hòa thượng dả phá cho !”

Tổ Châu nói : “Hãy đóng vào một đường giáp nối ấy !”

Ông Hồ bèn kể chuyện bị gậy của Tổ Bửu Thọ.

Rồi hỏi : “Không rõ lỗi ở chỗ nào ?”

Tổ Châu nói : “Chỉ một đường giáp nối ấy còn chẳng biết làm sao, lại còn bảo người dả phá hư không !”

---

<sup>1)</sup> Đình Giao có nghĩa là đóng dính.

Nhân đó, Tổ nói thay : “Hãy đóng vào một đường giáp nối ấy !”

Tổ Châu lại nói : “Ta nói như thế thì đối cùng với Ông Bửu Thọ kia thật là ngàn dặm muôn dặm.”

Ông Hồ bèn có chỗ thức tỉnh.

Hợp hai tắc mà xét, thì chúng đắc hư không cũng chẳng đúng, mà đả phá hư không cũng chẳng đúng. Vậy, thế nào mà thoát thân ? Tham đi !

Kinh : “Anan, cái biết của Kiến đại nhân sắc không mà có, ngoài ra là chẳng biết. Như hiện nay ông ở trong rừng Kỳ Đà, sớm mai thì sáng, chiều thì thấy tối. Đến lúc nửa đêm có trăng thì sáng, không trăng thì tối. Những tướng sáng, tối ấy do cái thấy phân tích ra. Cái thấy ấy với cái tướng sáng, tối và cả hư không là đồng một thể hay chẳng đồng một thể ? Hay vừa đồng vừa chẳng đồng, vừa khác vừa chẳng khác ?

“Anan, nếu cái thấy đó cùng với sáng, tối và hư không vốn là một thể, thì sáng và tối tiêu diệt lẫn nhau. Khi tối thì không sáng, khi sáng thì không tối. Nếu cái thấy cùng một thể với cái tối, thì khi sáng cái thấy phải tiêu mất. Nếu cùng một thể với cái sáng, thì đến khi tối cái thấy phải diệt. Làm sao còn thấy được sáng, thấy được tối. Còn như sáng và tối khác nhau, cái thấy thì không sanh diệt, thì làm sao đồng một thể được ?

“Nếu cái thấy đó không đồng một thể với cái sáng và cái tối thì lìa ngoài cái sáng, cái tối và hư không ông hãy phân tích cái thấy có hình tướng gì ? Lìa ngoài cái sáng, tối và hư không, cái thấy đó cũng đồng là lông rùa, sừng thỏ. Nếu cả ba cái sáng, tối và hư không hoàn toàn khác nhau, thì đo đâu mà lập thành cái thấy ?

“Sáng và tối trái ngược lẫn nhau làm sao đồng được ! Lìa ngoài ba cái sáng, tối và hư không, cái thấy vốn chẳng có gì, thì làm sao khác được ? Cái phần của hư không hay cái phần của cái thấy vốn không bờ mé, sao lại chẳng đồng ! Thấy cái tối, thấy cái sáng, tánh không dời đổi làm sao lại chẳng khác !

“Ông hãy xét kỹ, suy xét tinh vi, xem cho kỹ, thấy cho cùng : Sáng do mặt trời, tối từ đêm đen, thông thuộc về hư không, bít thuộc về đại địa, thì cái thấy như thế nhân đâu mà có ? Cái thấy thì có biết, hư không thì vô tri, không phải hòa không phải hợp, chẳng lẽ cái thấy không do đâu mà có ?

“Như sự thấy, nghe, hay, biết tánh nó đầy đủ toàn khắp, vốn chẳng động lay. Nên phải biết : Kiến đại cùng với hư không vô biên, bất động cùng vốn bốn đại địa, thủy, hỏa, phong có lay động đều gọi là sáu đại, bản tánh chân thật viên dung, đều là Như Lai Tạng, vốn không sanh diệt.

“Anan, tánh ông trôi chìm, không ngộ cái thấy, nghe, hay, biết của ông vốn là Như Lai Tạng. Ông hãy nhìn xem cái thấy, nghe, hay, biết này là sanh là diệt, là đồng là khác, là chẳng sanh diệt, là chẳng đồng, khác ?

“Ông nào có biết, trong Như Lai Tạng cái thấy là tánh minh giác, tánh minh giác hiển lộ ra thành cái thấy, thanh tịnh bản nhiên, toàn khắp pháp giới tùy theo tâm chúng sanh mà ứng với lượng hay biết.

“Như một cái căn thấy thấy khắp pháp giới, thì cái biết nghe, biết ngửi, biết nếm, biết cảm xúc, biết các pháp đều là cái diệu đức sáng rõ toàn khắp pháp giới, tròn đầy cả mười phương hư không, nào có riêng nơi chốn. Chỉ

tùy nghiệp hiện bày, thế gian lại không biết lầm cho là tánh nhân duyên hay tánh tự nhiên. Hết thấy đều chỉ là sự phân biệt, đo lường của thức tâm : chỉ có lời nói, danh tự, toàn không có thật nghĩa.

*Thông rằng* : Năm đại địa, thủy, hỏa, phong và không ở trước thì đủ cả sáu trần : sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp, gọi là tướng phần. Nay là sáu căn thấy, nghe, hay và biết cũng đều do bốn đại trong sạch hợp thành. Phạm nhân có sắc không trước mắt, đối cảnh tức biết, chưa nhập vào sự phân biệt của năm thức trước, đó gọi là kiến phần. Do đó, lấy kiến đại mà gồm chung.

Như một cái căn thấy thấy khắp pháp giới, thì cái biết nghe, biết ngửi, biết nếm, biết xúc, biết pháp cũng toàn khắp pháp giới, diệu đức rõ ràng vậy. Sao đều gọi là Diệu ? Có hình bèn là thấy, có tiếng là nghe, chẳng gấp mà lẹ, chẳng đi mà đến, không do nghĩ toan, chẳng bởi xếp đặt nên gọi là Diệu.

Cái kiến đại này không có tự thể, chỉ nhân cảnh mà có. Cảnh trước mắt nếu không có, cái thấy cũng chẳng sanh. Há có một thể hay nhiều thể để cùng cảnh mà lìa mà hợp, để có thể luận là đồng, là khác theo tứ cú ư ? Sự lập luận của tứ cú<sup>(1)</sup> đều là hý luận vậy.

Thế nên, sáng, tối, thông, bít thay nhau ở trước mắt cũng như địa, thủy, hỏa, phong thay nhau giữa hư không. Cảnh có sanh diệt, cái thấy không sanh diệt. Cảnh có động lay, cái thấy không hề lay động. Nó toàn khắp pháp giới, cùng hư không chẳng hai. Nhưng cái thấy thì có hay biết,

---

<sup>1)</sup> Có, Không, vừa Có vừa Không, không Có không Không.

ngoan không thì vô tri chẳng thể hòa hợp. Cái giác tức là không, gọi là Chân Không. Cái ngoan không thì sanh diệt, Chân Không nào có sanh diệt. Cái ngoan không sanh diệt ở trong Tánh Chân Giác cũng như bốn đại sanh diệt trong hư không. Hư không cùng bốn đại không thể lấy sự sanh diệt, đồng khác mà luận. Thế thì kiến đại đối với sắc không sao có thể lấy sự sanh diệt, đồng khác mà xem thấy được ư ?

Phàm nói là sanh diệt, đồng khác đều là thuộc về vọng trần. Phàm nói chẳng phải sanh, chẳng phải diệt, chẳng phải đồng, chẳng phải khác đều thuộc về vọng kế. Chỉ ở nơi cảnh mà phân biệt, chẳng ở nơi tánh mà phân minh : đó là hý luận. Nếu ở nơi tánh mà phân biệt, thì cái thấy này duyên với tánh cảnh, như mặt trăng thứ hai, không lia mặt trăng thật.

Tánh phát ra mà thành cái thấy, tức là cái Chân Giác phát ra mà làm cái Sáng. Giác là cái thể hằng sáng của cái thấy. Cái Sáng là dụng của cái thấy. Như đèn có ánh sáng : đèn là cái thể của sự chiếu sáng, ánh sáng là cái dụng của sự chiếu sáng. Tức thấy là giác, tức giác là không. Vốn không nhiễm ô, nên nói là thanh tịnh. Vốn không tạo tác, nên nói là bốn nhiên. Vốn không nơi chốn, nên nói là toàn khắp.

Theo Tam Thân mà luận, thì thanh tịnh là Pháp Thân. Bốn nhiên là Báo Thân, toàn khắp là Hóa Thân. Theo Ba Đức mà luận, thanh tịnh là Lý, bốn nhiên là Trí, toàn khắp là Hạnh. Hợp cả ba mà dung nhiếp thì đưa lên một tức cả ba, đưa lên ba tức là một. Khi chưa cảm ứng thì thanh tịnh bản nhiên, toàn khắp pháp giới, cái thấy này không thể nói được là không. Khi có cảm ứng, diệu đức sáng rõ, toàn khắp pháp giới, cái thấy này chẳng vướng nơi có. Sáu căn

thanh tịnh, tròn đầy mười phương hư không, nên thấy trăm cõi Phật, thấy ngàn cõi Phật, thấy toàn khắp pháp giới, mới là tròn vẹn cái lượng thanh tịnh. Còn chẳng như thế, cũng ứng với cái chỗ thấy biết hạn hẹp, chỉ theo nghiệp có hiện ra mà thôi.

Sau có nói “Ông phát minh ra theo cái không, thì có cái hư không hiện. Địa, thủy, hỏa, phong mỗi mỗi đều phát minh ra, thì mỗi mỗi đều hiện. Các cái ấy là các thứ ứng ra theo sở tri lượng vậy.” Bỏ giác mà hợp với trần, thì phát sanh trần lao. Ngược trần hợp giác, thì thấy rõ Chân Như. Thế cũng là sự theo nghiệp phát hiện vậy. Cái Tánh Giác Minh không có sự làm, không có sự tạo, không có người nhận lãnh, nghiệp thiện nghiệp ác cũng đều dứt bật. Cái Ấy, đó là Như Lai Tạng.

Ông Quan Cung Phụng là Hạo Nguyệt hỏi Tổ Trường Sa Cấm rằng : “Con trùn dứt làm hai đoạn, hai đầu đều cử động, chưa rõ Phật Tánh ở đầu nào ?”

Tổ Sa nói : “Động và bất động, đó là cảnh giới nào ?”

Ông Nguyệt nói : “Lời nói không liên quan đến kinh điển, chẳng phải là chỗ đàm luận của người trí. Như lời Hòa thượng nói : Động cùng bất động, đó là cảnh giới nào ? Từ kinh nào mà đem ra vậy ?”

Tổ Sa nói : “Hẳn nhiên, nói mà không có kinh điển chẳng phải là chỗ đàm luận của người trí. Ông không thấy kinh Thủ Lăng Nghiêm nói rằng “Phải biết mười phương vô biên bất động hư không, cùng với bốn đại đất, nước, lửa, gió động lay kia đều gọi là sáu đại, tánh vốn chân thật, viên dung đều là Như Lai Tạng, vốn không sanh diệt” đó sao ?”

Bèn khai thị một bài kệ :



“Rất sâu xa, rất sâu xa  
 Pháp giới, thân này ấy tức Tâm  
 Mê ấy, mê tâm làm các sắc  
 Ngộ thì cảnh cảnh chính Chân Tâm  
 Thân, cảnh hai trần không thực tướng  
 Thấu rõ chỗ này gọi tri âm.”

Tổ Trường Sa khéo thuyết Lăng Nghiêm, đến chỗ nói là căn thân và thế giới hai trần không thực tướng thì trong không thấy có căn năng kiến, ngoài không có cảnh sở kiến. Năng, sở đều Không, tìm cái thấy rốt là không thể đắc, còn chỗ nào để nói sanh diệt, đồng dị ư ?

Kinh : “Anan, tánh của thức không có nguồn gốc, nhân nơi sáu thứ căn và trần mà hư vọng hiện ra. Nay ông hãy xem khắp Thánh chúng trong hội này, lấy con mắt lướt qua. Mắt ông trông khắp, chỉ như cái gương, không phân tích riêng biệt. Cái thức của ông ở trong đó, lần lượt chỉ ra đây là Văn Thù, đây là Phú Lâu Na, đây là Mục Kiền Liên, đây là Tu Bồ Đề, đây là Xá Lợi Phất. Cái thức nhận biết ấy sanh ra do cái thấy, sanh ra do các tướng, do nơi hư không hay không nhân cái gì, bỗng nhiên mà hiện ?

“Anan, nếu cái thức của ông sanh ra do cái thấy, thì như không có các tướng sáng, tối và sắc không thì không có cái thấy của ông. Cái thấy còn không có, do đâu mà có ra cái thức ? Nếu cái thức của ông sanh ra do các tướng, chứ không do cái thấy, thì không thấy được cái sáng cũng chẳng thấy được cái tối. Sáng tối đã không thấy thì cũng không có sắc không. Các tướng kia còn không có thì cái thức do đâu mà phát sanh ? Nếu cái thức ấy sanh do nơi hư không, không phải do tướng hay do cái

thấy, ngoài cái thấy, thì không thể phân biệt, chẳng có thể tự biết được các tướng sáng, tối, sắc, không. Ngoài các tướng thì không còn các duyên, thì cái thấy, nghe, hay, biết do đâu mà thành lập. Cả hai thứ : cái thấy và sắc trần đều chẳng phải, nếu là Không thì đồng với không có gì hết, còn nếu là Có thì cũng chẳng phải đồng với vật, dầu cho có phát ra cái thức của ông, thì phân biệt cái gì ?

“Nếu cái thức không nhân gì mà bỗng nhiên phát ra, thì tại sao giữa trưa lại không riêng biết để có ra mặt trăng sáng ?

“Ông hãy kỹ càng, suy xét chín chắn : cái thấy gá vào mắt của ông, các tướng trả về cho trần cảnh, cái gì có thể hình trạng ra được thì mới thành Có, cái gì không hình tướng thì thành ra Không, còn cái thức như thế do đâu mà ra ? Cái thức động, cái thấy lặng yên, chẳng phải hòa chẳng phải hợp. Cho đến với các sự nghe, ngửi, hay, biết cũng đều như vậy. Không lẽ cái thức không do đâu mà tự có ra ?

“Nếu cái thức đó vốn không do đâu, thì nên biết rằng : cái thức đại và cái kiến đại thấy, nghe, hay, biết tròn đầy, vắng lặng, bản tánh không do đâu mà có, cùng với hư không và địa, thủy, hỏa, phong đều gọi là bẩy đại, tánh chân thật, viên dung đều là Như Lai Tạng, vốn không sanh diệt.

“Anan, tâm ông thô phù, không ngộ được cái thức hay biết các điều thấy, nghe vốn là Như Lai Tạng. Ông hãy nhìn xem sáu cái thức là do đồng hay khác, là không hay có, là không phải đồng, khác, hay không phải không có. Ông vốn không biết trong Như Lai Tạng, cái thức là Tánh Giác Minh. Tánh Giác Minh là Chân Thức, là cái biết nhiệm mầu vắng lặng toàn khắp pháp giới, ngậm chứa và nhả ra mười phương hư không, nào có nơi chốn. Chỉ

tùy theo nghiệp mà hiện bày ra, thế gian không biết lầm cho là tánh nhân duyên hay tánh tự nhiên, đều là sự phân biệt, so lường của thức tâm : chỉ có lời nói, danh tự, toàn không có thật nghĩa.”

*Thông rằng* : Nói đất, nước, lửa, gió nương nơi hư không, là tánh năm đại của thế giới, gọi là tướng phần. Nói thấy, nghe, hay, biết nương vào nơi thức, là tánh năm đại của căn thân, gọi là kiến phần. Kiến phần và tướng phần đều từ thức thứ tám sanh khởi, cho nên thức thứ tám vắng lặng như nhiên, thì gọi đó là Diệu Giác, là Như Lai Tạng.

Nay lấy năm thức trước làm kiến đại, đó là chỗ gọi tánh cảnh thuộc hiện lượng. Lấy thức thứ sáu làm thức đại, đó là chỗ gọi phân biệt sự thức, thuộc về tỷ lượng hay phi lượng. Hàng Nhị thừa vì không biết có thức thứ bảy và thức thứ tám, lấy cái này cho là chủ nhân ông, cho là gây ra nghiệp lành nghiệp dữ và nghiệp vô lậu. Thế nên, năm thức trước thì không có phân biệt, đến thức thứ sáu mới có thể phân biệt. Vậy nên ở đoạn kinh này có nói “Cái thức thì động, cái thấy thì lặng yên”. Đó chỉ là cái thức này, chẳng sanh do cái thấy, chẳng sanh từ các tướng, chẳng sanh do nơi hư không, chẳng phải nhân duyên sanh, chẳng phải không nguyên nhân mà bỗng nhiên tự có, chẳng phải tự nhiên sanh ! Cái thức thứ sáu này đủ cả ba tánh thiện, ác và vô ký với cái kiến đại của sáu căn ở trước mỗi cái đều có chủng tử và hiện hành, vốn chẳng phải hòa, chẳng phải hợp, cả ba cái ấy đồng là chẳng phải, rốt ráo là không chỗ nương. Thức này do từ đâu mà đến ư ? Nếu sanh từ nơi cái thấy, sanh từ các tướng, sanh nơi hư không thì đã có chỗ từ đó mà đến. Đã có chỗ từ đó mà đến, bèn có nơi chốn, thì chẳng toàn khắp. Chỉ là không từ đâu, không từ

không đến, không từ có đến, tức là tánh không có chỗ từ đâu : vốn không có bờ cõi, vốn tự tròn đầy, toàn khắp. Cho nên cái phân biệt sự thức này cùng với hai cái kiến phần và tướng phần đều gọi là thất đại. Thức này rốt là vắng lặng, tức là hợp với thức thứ tám, gọi là Như Lai Tạng.

Nếu thức thứ sáu hợp với trần, tức là đồng, là có. Lìa khỏi trần, tức là khác, là không. Chẳng phải hợp, chẳng phải lìa, không còn mảy dấu vết có thể tìm được, mới được gọi là vắng lặng, như nhiên. Cái thức vắng lặng như nhiên này sao lại gọi là tánh của thức, là thức chân thật ? Vì từ cái minh mà biết, chẳng phải từ tình khởi ra. Cái thức này từ trong Chân Tánh, Chân Giác mà lưu xuất, thức bèn là tánh vậy, thức bèn là giác vậy. Đó gọi là chuyển thức thứ tám thành Đại Viên Cảnh Trí.

Cái Minh Trí của tánh thức này là chân thức của Tánh Giác Minh. Như sau có nói Diệu Minh, Minh Diệu, cũng gọi là Diệu Giác vắng lặng như nhiên, toàn khắp pháp giới. Sáu đại trước thì gọi là thanh tịnh bản nhiên, chỉ có đại này gọi là Diệu Giác trạm nhiên, xét với Đẳng Giác, Diệu Giác có chỗ phân biệt vi tế. Sáu đại trước thì nói "Tròn đầy khắp mười phương", như là nghĩa xứng tánh. Còn thức đại này thì nói "Ngậm chứa và nhả ra mười phương hư không", như là nghĩa phát khởi. Thức tánh không có nguồn mà hay làm nguồn cho muôn pháp. Phàm ở trước nói là Như Lai Tạng đều quy về đây vậy.

Ở không đại thì nói "*Tâm ông hôn mê*", vì mê bốn đại và hư không khác nhau, vốn không biết tánh của hư không là Giác.

Ở kiến đại thì nói "*Tánh ông chìm đắm*", vì theo trần trôi chảy không quay trở lại, không biết kiến đại là giác mà bất động.

Ở thức đại thì nói “*Tâm ông thô phù*”, tức là thức tiềm tàng ở trong, *phù* là chỉ nhận phù căn, *thô* vì không đạt đến nguồn gốc của thức.

Năm ấm là thuộc về mười tám giới, ở đây chỉ nói về thức, vì trong Như Lai Tạng vốn chẳng sanh chẳng diệt, cùng hòa hợp với cái sanh diệt mà thành thức A Lại Da. Nếu rốt ráo quay về cái bất sanh bất diệt, thì gọi là thức thứ chín, tức thức là tánh vậy. Chẳng thể rốt ráo mà còn chút ít sanh diệt, thì tuy là lặng trong không sóng cũng chỉ là thức mà chẳng phải tánh. Người thấy tánh thì chẳng mê nơi thức, nên an trụ nhiệm mầu nơi cái tâm ngộ vậy.

Tổ Bửu Thọ thượng đường nói : “Tam giới duy Tâm, vạn pháp duy thức. Ngoài hiên mây sanh, trước rèm mưa giọt, khe suối trong như lam, hoa đồng nở như gấm. Giờ đây mà chẳng xét căn nguyên. Trễ nải mai kia hỏi Di Lạc. Hiểu chẳng ? Đừng có đứng lâu cho mệt.”

Tổ Đôn Hà tụng rằng :

*“Linh nhiên chẳng dính cỏ hay kim  
Tam giới đều trong một điểm Tâm  
Ngoài hiên hoa đào, xuân bướm múa  
Trước cửa dương liễu rục, oanh ca.”*

Sách Duy Tâm Quyết nói rằng : “Cây sườn núi, trước sân mỗi mỗi đều trời bày cái tướng nhiệm mầu của vô biên. Vượn hú, chim kêu đều cùng nhau phát lên tiếng vẹn tròn của bất nhị.”

Có ngộ được chỗ này mới tin được là khắp đại địa không có chỗ nào chẳng phải là thuốc, đâu chỉ ở trong thất đại mà thôi đâu ? Chẳng được như thế, có nhập lý, luận đàm sâu xa thì cũng đổi ra thành thuốc độc ! Đâu phải chỉ có nhân duyên, tự nhiên mới là hý luận !

Có nhà sư hỏi Tổ Dược Sơn : “Chuyện mình chưa rõ, xin Hòa thượng chỉ bày.”

Tổ Sơn nói : “Ta nay vì ông mà nói một câu thì cũng không khó. Chỉ như ông nay dưới lời nói mà thấy được thì còn có đôi chút rõ ràng. Còn nếu rơi vào suy lường, thì thành ra tội lỗi của ta. Chi bằng ai nấy ngậm miệng, khỏi làm lụy đến nhau.”

Thế mới biết cái thức tâm đo lường mò mẫm thì với đạo ngày càng đi xa. Chỉ dùng lời nói thì chẳng phải là thật nghĩa.

## II. ĐỐN NGỘ PHÁP THÂN VÀ PHÁT NGUYỆN

Kinh : Lúc bấy giờ, Ông Anan và cả đại chúng nhờ Phật Như Lai vi diệu chỉ bày, thân tâm rỗng rang, không gì chướng ngại. Cả đại chúng ấy, mỗi người đều tự biết tâm đầy khắp mười phương. Thấy mười phương không như xem chiếc lá trong bàn tay, tất cả thế gian, hết thảy vật gì cũng đều là Bồ Đề Diệu Minh Nguyên Tâm. Tâm Tánh tròn khắp, trùm chứa cả mười phương cõi nước. Nhìn trở lại cái thân cha mẹ sanh ra, như một hạt bụi trong hư không mười phương, như còn như mất. Như biển lớn lặng trong, nổi trôi một bọt nước, khởi diệt chẳng màng. Rõ ràng tự biết, vào được cái Tâm nhiệm mầu xưa nay, thường trụ bất diệt.

Được cái chưa từng có, bèn chấp tay lễ Phật, đối trước Như Lai, nói lên bài kệ xưng tán bậc Giác Ngộ :

*Thông rằng* : Tâm Tánh tròn khắp, hết thảy mười phương đều bao trùm trong đó, tâm lượng rộng lớn vô biên, nên tự nó như thế. Cho đến thấy mười phương không như vật

trong bàn tay, trong đó có cả thân chánh báo và hết thủy vi trần, đó cũng mới là hội vọng về chân, dường còn cái nhị kiến. So với cái thấy “*Thân tâm nhất như, ngoài thân không vật*” vẫn còn cách một sự xả bỏ<sup>(1)</sup> vậy.

Quan đại phu họ Lục hỏi Tổ Nam Tuyền rằng : “Ngài pháp sư Tăng Triệu thật là kỳ đặc, Ngài nói : Trời đất với ta đồng nguồn, vạn vật cùng ta một thể.”

Tổ Nam Tuyền chỉ cây mẫu đơn trước sân mà nói : “Này đại phu ! Vậy mà người đời thấy cây hoa này như mộng ảo !”

Ông Lục hệt hững.

Ngài Tuyết Đậu tụng rằng :

*“Thấy nghe hay biết đều chẳng phải  
Núi sông sao lại thấy trong gương  
Trời sương trăng xế, đêm gần nửa  
Ai soi bóng lạnh với dầm trong.”*

(Văn kiến giác tri phi nhất nhất  
Sơn hà bất tại cảnh trung quan  
Sương thiên nguyệt lạc dạ tương bán  
Thùy cộng trùng dầm chiếu ảnh hàn.)

Ngài Thiên Đồng tụng rằng :

*“Soi thấu, ngoài vi đấy cội nguồn  
Xôn xao khởi diệt, thấy diệu môn  
Thần chơi ngoài kiếp, gì là có ?  
Để mắt nhìn ra, biết diệu tồn  
Cọp rống ào ào hang núi vắng  
Rồng ngâm muôn vẻ động mù mây*

<sup>1)</sup> Nghĩa là có chi đâu mà buông bỏ.

*Nam Tuyền điểm phá người đời mộng  
Biết đầy đường đường Bồ Xứ Tôn (Bồ Xứ Phật)."*

Cổ đức nói, "Xứ xứ đều là Từ Thị.<sup>(1)</sup> Cửa cửa đều có Thiện Tài". Đây tức là : tất cả thế gian, mỗi mỗi sự vật đều là Bồ Đề Diệu Minh Nguyên Tâm. Ở đó mà biết được thì tự biết cái thường trụ bất diệt, mà tin hiểu mỗi mỗi bọt nước là toàn thể đại dương. Không thấy ở đâu có tướng khởi diệt, nên nói "Khởi diệt chẳng màng".

Vua Thuận Tông nhà Đường hỏi Tổ Phật Quang Mãn : "Phật từ đâu mà đến, tịch diệt hướng về đâu mà lui ? Đã nói thường trụ thế, thì nay Phật tại chốn nào ?"

Tổ Mãn đáp : "Phật từ cái Vô Vi đi lại, tịch diệt hướng về cái Vô Vi lui về. Pháp Thân đồng hư không, thường trụ nơi vô tâm. Có niệm cũng là vô niệm, có trụ cũng là vô trụ. Đến, vì chúng sanh mà đến ; đi vì chúng sanh mà đi. Biển Chân Như thanh tịnh, thể thường trụ vắng lặng như nhiên. Kẻ trí khéo tư duy, chớ sanh lòng lo nghĩ."

Vua lại hỏi : "Phật hướng về cung vua mà sanh, diệt hướng về Song Lâm mà tịch, trụ thế bốn mươi chín năm, lại nói chẳng có pháp nào để thuyết. Núi, sông cùng biển lớn, trời đất cho đến trời trăng, đến thời đều diệt tận, ai nói được là không sống chết ? Lòng nghi dường ấy, xin Trí giả khéo phân biệt cho."

Ngài đáp : "Thế Phật vốn vô vi, mê tình vọng phân biệt. Pháp Thân đồng hư không, chưa từng có sanh diệt. Có duyên, ấy là Phật xuất thế. Không duyên, ấy là Phật nhập diệt. Chốn chốn giáo hóa chúng sanh, cũng như trăng dưới nước. Chẳng phải thường cũng chẳng phải đoạn, chẳng

<sup>1)</sup> Di Lạc.



phải sanh cũng chẳng phải diệt. Sanh cũng chẳng từng sanh, diệt cũng chưa từng diệt. Rõ thấy chỗ vô tâm, tự nhiên không có pháp nào để nói.”

Vua rất đẹp lòng.

Tướng quốc Bùi Hưu ngày nọ vào chùa Khai Nguyên, thấy bức tranh trên vách, hỏi vị chủ chùa : “Cái ấy vẽ cái gì ?”

Chủ chùa nói : “Vẽ cao tăng.”

Tướng Bùi nói : “Hình ảnh ở đó, cao tăng ở tại chỗ nào ?”

Vị chủ chùa không đáp được.

Bùi Hưu nói : “Ở đây không có Thiên sư sao ?”

Chủ chùa nói : “Có một người.”

Bèn thỉnh Ngài Hoàng Bá đến gặp, và kể lại chuyện trước mà hỏi Ngài.

Tổ Bá gọi lớn : “Bùi Hưu !”

Ông Bùi ứng tiếng : “Dạ.”

Tổ Bá nói : “Ở tại chỗ nào ?”

Bùi Hưu nghe xong có chỗ tỉnh ngộ.

Chỗ này đây có thể làm chứng cứ cho cái thường trụ bất diệt, nên chép vào.

Kinh :

**“Diệu Trạng Tổng Trì Bất Động Tôn  
Thủ Lăng Nghiêm Vương đời ít có.**

*Thông rằng* : Ngài Định Lâm nói : “Cái thức Tinh là nước. Nước chẳng dao động thì gọi là trạm, lặng trong. Nói

là Viên Trạ̣m,<sup>(1)</sup> ấy là thanh tịnh bản nhiên, toàn khắp pháp giới chẳng chia làm sáu (sáu thức), tức là toàn lặng vậy. Gọi là Diệu Trạ̣m, vì đó là cái Diệu Lực Bất Động tổng trì tất cả, tức là cái Lặng Trong Nhiệm Mầu vậy.”

Nói Tánh Giác Trạ̣m Minh, là Giác hợp với Thức Tinh, như mặt trời hợp với nước mà có tánh trong sáng. Nói “Trạ̣m Tinh Viên Thường” tức là Thức Tinh Toàn Lặng vậy.

Đã dứt hết sanh diệt, nói là thường. Nhưng cái Trạ̣m này không phải là không còn chảy, chỉ vì chảy nhanh quá mà nhìn thấy dường như đứng yên đấy thôi. Kinh nói “Cái thức động, cái thấy lặng yên”, nghĩa là thức có tánh động, gọi là nguồn gốc các tướng. Thức tự nó chẳng phải là Diệu Trạ̣m Tổng Trì nên niệm niệm chịu huân tập, tạo ra dòng tập khí chảy mạnh, thành ra các hành. Trong kinh nói các hành ví dụ như dòng nước, là theo như dây vậy. Nhưng thức mà so với các hành thì giống như đứng lặng, nên sau có nói “Lặng yên nhập vào lặng yên”, như sóng diệt thì thành nước lặng yên, mà gọi là hành ấm hết tận. Ở trong xa, lặng trong mà sáng tỏ, nhập mà không có chỗ nhập, là lãnh vực của thức ấm. Vậy thì nói trạ̣m nhập, cái trong lặng nhập vào ấy, là thức ấm. Trạ̣m nhập là thức ấm, thì trạ̣m là cái minh tri của tánh thức. Cái minh tri là trí. Thức nằm trong giới hạn của trí. Nên nói đến năm ấm thì nói là “Lặng yên nhập vào lặng yên”, nghĩa là đưa về trong giới hạn của thức. Tánh thức thì không gọi là trạ̣m nhập, mà toàn khắp pháp giới, không có xuất, không có nhập.

Chỗ gọi là “Nội nội trạ̣m minh, nhập vô sở nhập” là cái trạ̣m (lặng trong) xuất ra thì làm hành ấm, cái hành như

<sup>1)</sup> Ven toàn lặng trong.

nước chảy. Trạng nhập là thức, cái thức diệt hết hành ấm, thế là “sâu lại càng sâu, lặng yên trong sáng” cho đến nguồn căn của các tướng rốt không có chỗ nhập (vô sở nhập).

Cái gọi là Thức Tinh tức là A Đà Na Thức. Còn chỗ gọi là làm dính che cái Trạng,<sup>(1)</sup> tức là làm dính che cái Thức Tinh này. Thức Tinh này như nước trong sạch, vốn không có tính dính, chỉ vì vọng khởi phân biệt, nên cùng với sắc hiệp, cũng như nước hòa với đất thành ra sự dính. Nếu biết cái Thức Tinh ấy như nước trong sạch, vốn không có tính dính, thì không hợp với sắc, thoát ra khỏi sự dán dính.

Trạng có Viên Trạng, Diệu Trạng, Giác Trạng và Tinh Trạng ; có Trạng Nhập, có Niêm Trạng như các nghĩa nói ở trước, khác biệt rất ít, toàn là những cách ví dụ.

Ngài Mã Minh nói : “Vì y theo cái bất giác nên tâm động mà thành nghiệp. Tánh Giác thì bất động”. Phạm Tánh Giác là chẳng động, tức là cái “Diệu Trạng Tổng Trì” vậy. Động là nghiệp, trôi lăn mà thành các hành vậy. Gọi là Thủ Lăng Nghiêm Vương vì cái Định Thủ Lăng Nghiêm thì hàng Thập Địa thường trụ ở trong đó, nên Đức Phật là vua vậy.

Ngài Phó Đại sĩ một hôm đang giảng kinh thì nhà vua đến. Đại chúng đều đứng dậy, chỉ có Ngài là ngồi yên chẳng động.

Cận thần báo rằng : “Thánh Giá đến đây sao chẳng đứng lên ?”

Ngài nói : “Đất pháp nếu động, tất cả chẳng an !”

Như Đại sĩ, quả là thật đặc Định Thủ Lăng Nghiêm vậy.

---

<sup>1)</sup> Niêm Trạng.

Có nhà sư hỏi Thiên sư Khương Sơn Phương : “Thế nào là Bất Động Tôn ?”

Tổ Phương nói : “Chỉ mặc một áo vải lót đi qua chợ.”

Nhà sư nói : “Kẻ học nhân chưa hiểu.”

Tổ Phương nói : “Cưỡi lừa đập phá Động Đình hồ.”

Nhà sư nói : “Thấu qua ba lớp sóng, rờng nghe một tiếng sấm.”

Tổ Phương nói : “Duỗi tay chẳng thấy bàn tay.”

Nhà sư : “Có cho phép kẻ học nhân này tiến đến hay không ?”

Tổ Phương nói : “Đạp trên đất mà rao bảo hư không.”

Nhà sư nói : “Dưới cửa sấm, đánh trống kêu gì ?”

Tổ Phương nói : “Vào trong trái cầu thêu, chẳng dùng cờ ngũ sắc.”

Nhà sư nói : “Ba mươi năm sau, lời này sẽ thịnh hành.”

Tổ Phương bèn đánh.

Tổ Khương Sơn tự là người ở trong ấy, chẳng ngại theo dòng mà được Diệu. Nhà sư ấy nhận lầm phương hướng nên khó nói cùng nhau.

Kinh :

**Tiêu diên đảo tướng trong ức kiếp,  
Chẳng trải tăng kỳ được Pháp Thân.**

*Thông rằng* : Ưc kiếp thì còn có số để chỉ, còn a tăng kỳ là ba vô số kiếp. Từ vô thủy đến nay mê cái chân mà nhận lấy vọng, đều là cái thấy diên đảo. Nay đem vọng về chân, được cái bản tâm nhiệm mầu, thường trụ, bất diệt. Như ở trước nói Như Lai Tạng, tức là Pháp Thân vậy.

Có vị tăng hỏi Ngài Hoàng Bá : “Kinh dạy rằng : “*Tiêu diên đảo tưởng trong ức kiếp. Chẳng trải tăng kỳ được Pháp Thân*”, là như thế nào ?”

Tổ Bá nói : “Nếu lấy sự tu hành trong ba vô số kiếp để có chỗ chứng đắc, thì hết hàng hà sa số kiếp cũng chẳng được. Còn nếu trong một sát na mà được Pháp Thân, liền ngay thấy tánh vậy. Đó cũng là chỗ nói rất ráo của Tam thừa. Vì sao thế ? Vì, thấy có Pháp Thân để đắc, tức thuộc về giáo pháp bất liễu nghĩa.”

Tổ Hoàng Bá xuất lời, nhả khí thật là căn khí Đại thừa.

Ông Anan đã được Pháp Thân sao lại còn nói “Mong được xét trừ lầm vi tế ?” Vì ông còn thấy có Pháp Thân để được vậy.

Thượng tọa Thái Nguyên Phu ban đầu giảng kinh Niết Bàn ở chùa Quang Hiếu tại Dương Châu. Có một Thiền giả vì trời mưa tuyết nhân đó đến nghe kinh. Đến chỗ “Ba cái Nhân của Phật Tánh, ba cái Đức của Pháp Thân”, vị Thượng tọa đang giảng rộng về diệu lý của Pháp Thân, Thiền giả bật cười.

Giảng xong, Thượng tọa mời Thiền giả uống trà, rồi nói : “Chí tôi hẹp cạn, nên y theo văn mà giải nghĩa, bỗng nhờ gặp tiếng cười, xin được nghe chỉ dạy.”

Thiền giả nói : “Quả là tôi cười vì Tòa chủ không biết Pháp Thân.”

Thầy Phu nói : “Giảng thuyết như thế, chỗ nào chẳng được đúng ?”

Đáp : “Xin Tòa chủ nói lại một lần nữa !”

Thầy Phu nói : “Cái lý của Pháp Thân là giống như thái hư, dọc suốt ba thời, ngang khắp mười phương, điều

hòa bát cực, bao gồm âm dương, tùy duyên cảm ứng, không đâu chẳng khắp.”

Thiền giả nói : “Tôi không nói Tòa chủ giảng không đúng. Nhưng ấy là chỉ mới nói được chút ít cái lượng của Pháp Thân, mà quả thật chưa biết Pháp Thân ở đâu.”

Thầy Phu nói : “Đã như thế, xin Thiền đức vì tôi mà nói.”

Thiền giả : “Tòa chủ có tin không ?”

Thầy Phu nói : “Đâu dám chẳng tin.”

Thiền giả nói : “Nếu như thế thì Tòa chủ tạm ngừng giảng vài ngày, ở trong tịnh thất an nhiên dứt nghĩ, thân tâm nhiếp niệm, thiện ác các duyên một phen buông bỏ hết.”

Thầy Phu theo đúng lời dạy, từ đầu hôm đến canh năm, nghe tiếng mõ, hốt nhiên khế ngộ. Bèn chạy đến gõ cửa.

Thiền giả hỏi : “Ai đó ?”

Thầy Phu đáp : “Dạ, tôi.”

Thiền giả la rằng : “Dạy ông gìn giữ đại giáo, thay Phật thuyết pháp sao nửa đêm lại say rượu nằm đường !”

Thầy Phu nói : “Thiền đức tự đến giảng kinh, đem cái lỗ mũi cha sanh mẹ đẻ của tôi ra mà vện. Từ nay trở đi, chẳng dám lầm lỗi như vậy nữa.”

Thiền giả nói : “Đi đi, ngày sau gặp nhau.”

Như Thầy Phu thật là “Chẳng trải tăng kỳ được Pháp Thân.”

Có nhà sư hỏi Hòa thượng Lợi Sơn : “Chẳng trải tăng kỳ được Pháp Thân, xin thầy chỉ thẳng.”

Tổ Sơn nói : “Con nối nghiệp cha.”

Hỏi : “Làm sao lãnh hội ?”

Tổ Sơn nói : “Chê bỏ thì chẳng có lòng từ.”

Hỏi : “Như thế thì đại chúng đã nhờ được rồi ?”

Tổ Sơn nói : “Đại chúng hãy để đó, thế nào là Pháp Thân ?”

Nhà sư không đáp được.

Tổ Sơn nói : “Ông hỏi, ta nói cho.”

Nhà sư nói : “Thế nào là Pháp Thân ?”

Tổ Sơn nói : “Hoa không, bóng nắng.”<sup>(1)</sup>

Thử nói xem chỗ nói Pháp Thân của Ngài Lợi Sơn so với Ông Anan xa gần thế nào ?

Kinh :

**Nguyện nay đắc quả, thành Bảo Vương,  
Về độ như thế, hằng sa chúng,**

*Thông rằng* : “Chẳng trái tăng kỳ được Pháp Thân”, thì Tín Vị là đúng mà Nhân Vị thì chưa phải. Cho nên, Hạnh tròn Quả mãn, thật chứng Chân Trí, như ngọc lưu ly thanh tịnh, ngâm chứa mặt trăng báu ở trong, mới đắc thành Bảo Vương. Lúc ấy, nhìn khắp tất cả chúng sanh đều có đức tướng Trí Huệ Như Lai, ta đều mỗi mỗi độ hết ; chúng sanh vô tận, nguyện này vô tận, từ bi tròn đầy, trong ấy chẳng còn cái ta nữa. Thế mới là Phật, Pháp, Tăng, ba Thế quý báu, là cầu bến của chúng sanh vậy.

Ngài Động Sơn Sơ ban đầu ra mắt Tổ Vân Môn.

Tổ hỏi : “Mới rời chốn nào ?”

Đáp : “Tra Độ.”

Tổ Môn nói : “Nhập hạ ở đâu ?”

---

<sup>1)</sup> “Không hoa, dương diệm.”

Đáp : “Chùa Báo Từ ở Hồ Nam.”

Tổ Môn nói : “Rời chỗ đó khi nào ?”

Đáp : “Ngày Hai Mười Lăm, tháng Tám.”

Tổ Môn nói : “Tha cho ông ba mươi gậy.”

Sáng hôm sau, Ngài Động Sơn lại đến, hỏi : “Hôm qua nhờ Hòa thượng tha cho ba mươi gậy, không rõ có lỗi gì ?”

Tổ Môn nói : “Đồ túi cơm ! Giang Tây, Hồ Nam bèn thế ấy !”

Ngài Động Sơn ngay nơi lời nói đại ngộ, bèn nói : “Từ nay về sau hương về chốn bặt không người, không khói, không giữ một hạt cơm, không trồng một cọng rau, mà tiếp đãi hết ráo mười phương qua lại. Vì họ mà nhổ đinh tháo chốt, lột bỏ cái mũ thoa dầu, cởi ra cái áo lót hôi thúi, dạy y vĩnh viễn làm ông thầy tu vô sự, há chẳng khoái sao ?”

Tổ Môn nói : “Thân ông chỉ lớn bằng trái dưa, sao há miệng lớn thế !”

Ngài Động Sơn bèn lễ bái.

Kinh :

**Nguyện đem toàn thể thâm tâm này,  
Phụng sự cõi nước nhiều như bụi,  
Thế mới gọi là báo Phật ân,**

*Thông rằng* : Hai chữ “*thâm tâm*” này có cái mùi vị mà hạng thiển cận không thể đo lường nổi. Cõi nước nhiều như bụi, không có bến bờ, Trí Bi vô lượng, cùng với Phật đồng tâm Từ, mới gọi là báo ơn vậy.

Ngài Lâm Tế từ giã Tổ Hoàng Bá.

Tổ hỏi : “Đi đến chốn nào ?”



Ngài Lâm Tế đáp : “Không phải là Hà Nam, thì là Hà Bắc !”

Tổ Bá liên đánh. Ngài chụp lại rồi thoi một thoi.

Tổ Bá cười lớn, gọi thị giả : “Dem cây thiền bản trên bàn thờ của Tiên sư Bách Trượng lại đây.”

Ngài Lâm Tế nói : “Thị giả, dem lửa lại đây !”

Tổ Bá nói : “Tuy nhiên như thế, ông hãy dem đi, về sau rồi ngồi trên đầu lưỡi cửa thiền hạ.”

Sau này, Tổ Quy Sơn hỏi Ngài Ngưỡng Sơn : “Lâm Tế há chẳng cô phụ Hoàng Bá đấy ư ?”

Ngài Ngưỡng Sơn nói : “Không đâu.”

Tổ Quy nói : “Con lại còn cho làm sao ?”

Ngài Ngưỡng Sơn nói : “Biết ơn mới biết trả ơn.”

Tổ Quy nói : “Xưa kia cổ nhân có chuyện tương tự như thế không ?”

Ngài Ngưỡng nói : “Có chứ, nhưng lâu xa quá nên không muốn nêu ra.”

Tổ nói : “Dầu như thế, ta không biết, con hãy nêu ra đi.”

Ngài nói : “Như ở hội Lăng Nghiêm, Anan tán thán Phật rằng : *“Nguyện đem toàn thể thân tâm này. Phụng sự cõi nước nhiều như bụi. Thế mới gọi là báo Phật ân.”* Đó chẳng phải là việc báo ơn sao ?”

Tổ Quy nói : “Thế đấy, thế đấy ! Chỗ Thấy ngang Thấy, thì giảm một nửa đức của Thấy. Chỗ Thấy hơn Thấy mới nên truyền thọ.”

Lại Tổ Quy Sơn hỏi Ngài Ngưỡng Sơn : “Sau này Lâm Tế như thế nào ?”

Ngài Ngưỡng Sơn đáp : “Khoảng giữa đất Ngô, đất Việt có một người, gặp gió lớn thì ngừng lại.”

Tổ Quy nói : “Vậy là thế nào ?”

Ngài Ngưỡng nói : “Đem thâm tâm này hiến trần sát. Đó mới gọi là báo Phật ân !”

Về sau, Ngài Phong Huyệt Chiêu đắc pháp với Ngài Thủ Sơn Niệm. Người ta cho đó là Ngưỡng Sơn trở lại.

Như Tổ Ngưỡng Sơn quả là có thâm tâm, thế nào lường được ư ? Thế nào lường được ư ?

Kinh :

**Cúi xin Thế Tôn chứng minh cho,  
Ngũ trước ác thế, thề vào trước,**

*Thông rằng* : Năm ấm chưa Không, thì năm trước khó phá, làm sao độ hết thủy khổ ách ? Chỉ có bậc đắc quả, đã chứng pháp xuất thế gian nên chẳng ngại “Thống tay vào chợ”, lấy Giác mà giác ngộ cho người. Chỗ nói “Đem thâm tâm này hiến trần sát”, tất trước dâng cho đời ác năm trước vậy. Cái nghiệp của Ông Anan là cái Nguyên này. Ở quốc độ này, có Ngài Phó Đại sĩ đủ sức đảm đương việc đó.

Đại sĩ tên là Hấp, năm mười sáu tuổi cưới cô gái Diệu Quang nhà Lưu Thị, sanh hai con tên là Phổ Kiến và Phổ Thành. Năm hai mươi bốn tuổi bán vợ con mà làm hội cúng thí các loài dưới nước, trên cạn. Rảnh rồi thì cùng người trong làng ngăn bờ bắt cá. Bắt được, nhận giỏ cá xuống sông, rồi chú nguyện cho : “Đi thì thả, ở thì giữ”. Ai cũng cho là khùng dại.

Gặp vị Đầu đà người Ấn là Tăng Tung. Vị này nói : “Ta cùng ông đã phát nguyện ở chỗ Phật Tỳ Bà Thi. Nay

y bát vẫn còn ở cung trời Đâu Suất, ngày nào ông trở về ?” Rồi bảo Ngài ra nơi nước nhìn bóng, thì thấy hào quang và lọng báu.

Ngài cười mà nói : “Nơi lò rèn còn nhiều sắt vụn, nơi cửa thầy thuốc có lắm bệnh nhân. Cứu đời là cần gấp, sao mà nghĩ đến cái vui kia ?”

Vị Đầu đà chỉ lên ngọn Tùng Sơn mà nói : “Chỗ ấy đừng ở được.”

Đại sĩ tự mình cày ruộng ở đó. Có người trộm đậu, lúa, dưa, trái Ngài cho luôn giỏ để đựng.

Năm thứ hai đời Thiên Gia thị tịch, cảm ứng có bảy vị Phật cùng theo đưa, đức Thích Ca dẫn đầu, cuối là Ngài Duy Ma Cật. Đức Thích Ca nói mấy lời : “Làm Bồ Xứ cho Ta.”

Chỉ thẳng tâm người, thấy tánh thành Phật, Chánh Pháp Nhân Tạng từ Đức Ca Diếp, Đức Anan truyền đến Tổ Đạt Ma là hai mươi tám đời. Cõi này tuy có kinh điển, nhưng chưa được nghe cái tông phong tối thượng. Thế mà Tổ Đạt Ma chưa tới, Ngài Đại sĩ đã sanh, thế không phải là cái minh chứng cho việc *Vào trước* hay sao ?

Kinh :

**Còn một chúng sanh chưa thành Phật,  
Rốt chẳng nơi kia nhận Niết Bàn,**

*Thông rằng* : Vô lượng chư Phật đời quá khứ độ thoát vô lượng chúng sanh. Đâu phải ai ai cũng thành Phật rồi, mà đã nhập Niết Bàn ? Kinh Kim Cang nói : “Ta đều khiến nhập Niết Bàn Vô Dư mà diệt độ, kỳ thật không có chúng sanh được diệt độ.” Đến cảnh giới này thì không thấy có

Phật để thành, có chúng sanh để độ, cũng không có Niết Bàn để nhập, mới là chánh kiến.

Có vị tăng hỏi Ngài Trung Quốc sư : “Cái gì là Phật Tâm ?”

Quốc sư nói : “Tường vách gạch ngói chính là đó.”

Tăng hỏi : “Rất trái với kinh vậy. Kinh Niết Bàn nói “Lià ngoài vật vô tình tường vách, nên gọi là Phật Tánh”. Nay nói đó là Phật Tâm, chưa rõ tâm và tánh là khác hay chẳng khác ?”

Ngài đáp : “Mê thì khác, ngộ tức chẳng khác.”

Tăng nói : “Kinh nói : Phật Tánh là thường, tâm là vô thường, nay nói chẳng khác nhau, là sao vậy ?”

Ngài đáp : “Ông chỉ y vào lời nói, mà chẳng y vào nghĩa. Ví như tháng lạnh, nước kết thành băng. Đến khi trời ấm, băng tan thành nước. Khi chúng sanh mê, thì kết tánh thành cái tâm. Khi chúng sanh ngộ, rã tan cái tâm thành tánh. Nếu chấp rằng vô tình không có Phật Tánh, thì rất ráo chẳng nói được Tam Giới Duy Tâm. Rõ ràng ông tự trái với kinh, ta nào có trái.”

Tăng nói : “Trong kinh giáo chỉ thấy nói hữu tình thành Phật, chẳng thấy có vô tình được thọ ký. Vả lại, ngàn Phật đời Hiền Kiếp có ai là Phật vô tình đâu ?”

Ngài nói : “Như Hoàng Thái tử khi chưa lên ngôi thì chỉ có một thân. Lên ngôi rồi, toàn quốc độ đều thuộc về vua, há có quốc độ riêng nhận ngôi vị ư ? Nay khi chỉ có hữu tình được thọ ký làm Phật, thì mười phương quốc độ đều là thân Phật Tỳ Lô Giá Na, há lại có vô tình được thọ ký ư ?”

Tăng nói : “Tất cả chúng sanh đều ở trên thân Phật, ỉa đái dơ lấm thân Phật, xoi đục dày đập thân Phật, há chẳng có tội sao ?”

Ngài nói : “Toàn thể chúng sanh là Phật thì còn ai làm ra tội ?”

Tăng hỏi : “Kinh nói : Thân Phật không quái ngại, nay lấy vật hữu vi chướng ngại mà làm thân Phật, thế chẳng trái với thánh chỉ ư ?”

Ngài nói : “Kinh Đại Phẩm nói : Không thể lìa hữu vi mà nói vô vi. Ông có tin sắc là Không chăng ?”

Tăng nói : “Lời chân thật của Phật sao dám chẳng tin.”

Ngài nói : “Sắc đã là Không, sao còn quái ngại ?”

Tăng nói : “Chúng sanh vốn đồng Phật tánh, thì chỉ cần một vị Phật tu hành, khi ấy hết thảy chúng sanh đều giải thoát. Nay đã không thế, thì nghĩa đồng ở đâu ?”

Ngài nói : “Ông chẳng thấy Lục Tướng nghĩa Hoa Nghiêm nói rằng : trong cái đồng có cái khác, trong cái khác có cái đồng. Tướng Thành, tướng Hoại, tướng Tổng, tướng Biệt mỗi mỗi đều như thế. Chúng sanh cùng Phật, tuy đồng một tánh mà chẳng trở ngại mỗi mỗi tự tu tự đắc. Chưa từng thấy người ăn mà mình no. Lấy bọt nước và biển làm ví dụ. Một bọt nước đã tan mất thì toàn thể vẫn vốn là biển cả. Chưa hề thấy một bọt nước tan mà tất cả bọt đều tan. Nên trong cái tánh ấy đâu có ngại gì mỗi người tự tu, mỗi người tự đắc.”

Đã ngộ khắp hết thảy đều là nước, thì có bọt nào mà không là nước ? Chúng sanh chẳng phải là Phật đấy sao ? Nếu thấy tất cả chúng sanh là Phật, thì bèn ở trong Niết Bàn.

Kinh :

**Đại Hùng, Đại Lực, Đại Từ Bi,  
Mong xét trừ cho lầm vi tế,**

*Thông rằng* : Đại Hùng,<sup>(1)</sup> vì bậc Thập Địa bên dưới là Thư, con mái. Đại Lực vì vượt quá Ngũ Lực. Cho sự vui là Từ. Cứu khỏi khổ gọi là Bi. Muốn khiến cho cái tâm kia thông suốt mới gọi được là Tự Tánh hiện bày, nên Anan hy vọng Thế Tôn xét trừ cho mê lầm vi tế. Đã được Pháp Thân, sao lại còn điều lầm ?

Tổ Vân Môn nói : “Được ngay sự chạm mắt không vướng ngại, thấu được Danh thân, Cú thân tất cả các pháp đều Không, núi sông đất đai là Danh thân, cũng là bất khả đắc. Gọi đó là Biển Tánh Tam Muội sẵn đủ, như biển không sóng gió. Được ngay sự quên thấy biết nơi cái giác, giác là Phật Tánh đó vậy. Gọi là người Vô Sự, nhưng cũng cần biết có một khiếu (lỗi) hướng thượng !”

Tổ Thiên Đồng nêu ra : “Khách, chủ không hòa, cả hai đều có lỗi. Mỗi bên đều cho hai mươi gậy. Còn một khiếu hướng thượng thì làm sao ? Tê giác nhân xem trăng mà sừng sanh vằn. Voi bị sấm hoảng kinh mà hoa in vào ngà.”

Ngày khác, Tổ Vân Môn lại nói : “Ánh sáng không thấu thoát do có hai loại bệnh. Một là tất cả chỗ không sáng, trước mặt có vật. Hai là thấu suốt được tất cả pháp là Không, mà còn có cái mơ hồ tương tự như vật, đó cũng là ánh sáng không thấu thoát. Pháp Thân cũng có hai loại bệnh. Một là đến được Pháp Thân, nhưng vì pháp chấp chưa hết, cái thấy của mình dường như còn, mà ngồi một bên Pháp Thân. Hai là tuy đã thấu được Pháp Thân mà bỏ đi chẳng được, kiểm điểm kỹ càng trở lại, có chút khí tức gì cũng là bệnh.”

Ngài Thiên Đồng tụng rằng :

---

<sup>1)</sup> Hùng là con trống.

“Um tùm muôn tượng khá chênh vênh  
 Thấu thoát không đâu ngại mắt mình  
 Quét sạch môn đình ai đủ sức ?  
 Núp trong lồng ngực : tự thành tình  
 Thuyền ngang bờ lục, màu thu biếc  
 Vào đám bông lau, tuyết sáng soi  
 Xâu sợi ông chài ôm đến chợ  
 Êm êm thuyền lá mặc buông trôi.”

Tổ Càn Phong nói : “Pháp Thân có ba thứ bệnh, hai thứ ánh sáng, sao Vân Môn lại thiếu đi một thứ ?” Các nơi đều nói : “Chưa đến thì chạy quàng. Đến rồi thì bám riết. Thấu thoát không chỗ nương. Đó là ba. Thế là trước thiếu một thứ.” Phật Nhãn nói : “Cõi lửa tìm lửa, là một. Cõi lửa rồi chẳng chịu xuống, đó là hai.” Thế là sau còn thiếu một thứ.”

Chư Tôn túc bàn luận ba thứ bệnh của Pháp Thân, vi tế đến như thế. Đâu có liên quan gì đến kinh giáo ư ?

Kinh :

Khiến tôi sớm lên Vô Thượng Giác,  
 Nơi mười phương cõi ngồi đạo tràng,

Thông rằng : Vô Thượng Giác ấy tức là một khiêu hướng thượng vậy. So với ở trước “được Pháp Thân và đắc quả”, thì có sai khác ư ? Không sai khác ư ? Chỗ có thể nói là Phật Quả thì có bảy, Bồ Đề, Niết Bàn, Chơn Như, Phật Tánh, A Ma La Thức, Không Như Lai Tạng và Đại Viên Cảnh Trí.

Ngộ Bồ Đề, thấy Phật Tánh có thể nói là được Pháp Thân. Sau khi thấy tánh, xét trừ mê lầm vi tế khiến sanh

diệt, diệt sanh đều vắng lặng, cùng hợp với Niết Bàn, Chân Như. Trong trắng thuần sạch, hợp cùng A Ma La Thức. Rỗng suốt tròn soi, hợp cùng Không Như Lai Tạng, Đại Viên Cảnh Trí. Như thế mới có thể gọi là đặc quả, nhưng chưa có thể gọi là lên Vô Thượng Giác.

Xem một chữ *Sóm* (Tảo)<sup>(1)</sup> là pháp môn Đốn Ngộ, một hiểu được thì trăm thành ra ngay, không nhờ tu hành thứ bậc, chẳng kể phạm phu hay Thập Địa, ai ai cũng có thể lên.

Đức Phật nói rằng : “Ta có Chánh Pháp Nhân Tạng, Niết Bàn Diệu Tâm mật phó cho Ông Ca Diếp.” Nào có dấu vết tăm hơi gì khá được ư ? Đây tức là Vô Thượng Giác vậy. Một lần lên cái Giác này là đến địa vị Phật, bèn ở mười phương cõi ngòai tòa sen báu, vì chúng sanh thuyết pháp. Long Nữ còn như vậy, huống là bậc đệ tử Thanh Văn ư ?

Ngài Dược Sơn ở với Đức Mã Tổ ba năm.

Đức Mã Tổ hỏi : “Gần đây chỗ thấy của ông ra sao ?”

Ngài Sơn nói : “Da dẻ rơi rụng sạch, chỉ còn một cái Chơn Thật.”

Đức Mã Tổ nói : “Chỗ được của ông khá gọi là hợp với tâm thể, trải khắp tay chân. Đã như thế thì đem ba miếng cật tre bó giữ da bụng, tùy chỗ mà trụ sơn<sup>(2)</sup> đi.”

Ngài thưa : “Tôi là người nào mà dám nói chuyện trụ sơn ?”

Đức Mã Tổ nói : “Chẳng phải thế đâu. Chưa hề có đi mãi mà không đứng lại. Chưa hề có dừng mãi mà không đi. Muốn ích mà không có chỗ ích, muốn làm mà không có chỗ làm, nên làm thuyền bè, không nên dừng lâu ở đây.”

<sup>1)</sup> Linh ngã *tảo* dăng Vô Thượng Giác.

<sup>2)</sup> Dạy chúng.



Ngài Đức Sơn đến Tổ Quy Sơn, kẹp một cái áo lót lên nhà giảng, từ tây sang đông, từ đông sang tây quay nhìn Tổ Quy Sơn mà nói : “Có chăng ?”

Tổ Quy Sơn cứ ngồi, không để ý đến.

Ngài Đức Sơn nói : “Không, không !”

Rồi bỏ đi ra.

*(Ngài Tuyết Đậu chú rằng : “Khám phá xong rồi !”)*

Ngài Đức Sơn ra đến cửa, bèn nói : “Tuy là như thế, cũng chẳng được buông tuồng.”

Rồi đây đủ oai nghi, trở vào tương kiến. Vừa qua khỏi cửa, đưa lên cái tọa cụ, nói : “Hòa thượng !”

Tổ Quy Sơn định lấy cây phát tử. Ngài bèn hét, phát tay áo mà đi ra.

*(Ngài Tuyết Đậu chú thêm : “Khám phá xong rồi !”)*

Tổ Quy Sơn đến tối hỏi Thủ tọa : “Cái ông mới đến ngày hôm nay có dây không ?”

Thủ tọa nói : “Ngay khi ra khỏi nhà giảng thì mang dép cỏ đi luôn rồi.”

Tổ Quy Sơn nói : “Ông ấy về sau lên đỉnh núi đơn độc chót vót kết thảo am, la Phật mắng Tổ đó.”

Ngài Tuyết Đậu chú rằng : “Trên tuyết lại thêm sương !”

Rồi tụng rằng :

*“Một khám phá, hai khám phá !  
Trên tuyết thêm sương, thêm hiểm họa  
Tướng quân bay ngựa vào triều giặc  
Về được hoàn toàn có mấy ai ?  
Mau chạy qua, chẳng bỏ qua !”*

Trên đỉnh cô phong, ngồi am cỏ  
 Ói !”

Thêm một chữ “Ói” này là ngón nghề kỳ đặc của Ngài Tuyết Đậu. Chẳng lên Vô Thượng Giác khó mà hiểu nổi.

Kinh :

Tánh hư không còn có thể tiêu,  
 Tâm Kim Cang không hề động chuyển.”

Thông rằng : Thuấn Nhã Đa<sup>(1)</sup> (Sūnyata) là Hư Không ;  
 Thước Ca Ra<sup>(2)</sup> (Cakravāda) là kiên cố như kim cương. Câu  
 này xưa nói “Tánh hư không vô thể còn có thể tiêu vong.  
 Tâm kiên cố của tôi rất ráo không động chuyển.” Tựa như  
 Ông Anan phát nguyện như vậy. Đã nguyện “đắc quả thành  
 Bảo Vương”, sao lại có nguyện này ? Đã “lên Vô Thượng Giác  
 tọa đạo tràng”, sao lại khẳng khẳng “không động chuyển” ?

Câu này vốn chẳng có lầm, phải cần biết cái yếu chỉ  
 quy về. Đó là “Diệu Trạng Tổng Trì Bất Động Tôn. Thủ Lăng  
 Nghiêm Vương đời ít có”, nói ở trước.

Sao nói là Diệu Trạng ? Vì, tuy Lăng Trong Bất Động,  
 mà chẳng bám giữ hư không, nên mới gọi là Diệu. Nếu  
 trụ bám hư không mà cho là bất động, thì rất cuộc chẳng  
 phải “Cả thấy rất ráo kiên cố”. Ý Ông Anan là : dù mười  
 phương ngồi đạo tràng, cũng không trụ bám Pháp Thân

<sup>1)</sup> Dịch nghĩa là Không Tánh, cái thật thể của hư không.

Trường Thủy Sơ : Thuấn Nhã Đa là Không vậy. Cái tánh của hư  
 không chẳng khác tiêu diệt được.

<sup>2)</sup> Theo Tạp Danh, Cakravāda (Thước Ca Ra) Là tên núi Thiết Vi Sơn.  
 Theo Tạp Ngữ, Cakra (Thước Kiết), dịch là Kim Cương, luân, tinh tấn.

Trường Thủy Sơ : Thước Ca Ra nói rằng kiên cố chẳng hư nát vậy.

Hư Không, nên Chánh Pháp Nhân Tạng rốt ráo kiên cố. Cũng như nói “Thủ Lăng Nghiêm Vương, Diệu Trạng Bất Động” vậy. Đầu đuôi ứng nhau, lý thú còn lâu dài mãi.

Cổ đức nói, “Dài là Pháp Thân dài, ngắn là Pháp Thân ngắn.”

Ngài Thiên Đồng nêu ra rằng : “Thử nói xem : *Thuần Nhã Đa* sao lại gọi đó là Pháp Thân ?”

Ngài im lặng một lúc rồi nói : “Có hiểu không ? Không thể nối dài con le le mà cắt chân con hạc, phá hòn núi để lấp cái lỗ hang !”

Lời nói này chính là vì sợ người ta hướng về trong hư không mà đóng chết ở trong đó.

Tổ Sơ Sơn thượng đường, nói : “Bệnh tăng rõ hết trước năm (niên tiền), thì hiểu được chuyện bên phía Pháp Thân. Rõ hết sau năm (niên hậu) thì hiểu được chuyện hướng thượng của Pháp Thân.”

Ngài Vân Môn bước ra, hỏi : “Thế nào là chuyện bên phía Pháp Thân ?”

Tổ Sơn nói : “Cây Xuân<sup>(1)</sup> khô.”

Hỏi : “Thế nào là chuyện hướng thượng của Pháp Thân ?”

Tổ Sơn nói : “Chẳng phải cây Xuân khô !”

Hỏi : “Có cho phép tôi nói đạo lý không ?”

Tổ Sơn nói : “Cho.”

Ngài Vân Môn nói : “Cây Xuân khô há chẳng phải tỏ rõ cái chuyện bên phía Pháp Thân sao ?”

Tổ Sơn nói : “Đúng vậy.”

---

<sup>1)</sup> Cây Xuân là một loại cây sống đến mấy ngàn năm.

Ngài Vân Môn nói : “*Chẳng phải cây Xuân khô* há chẳng phải tỏ rõ chỗ hướng thượng của Pháp Thân sao ?”

Tổ Sơn nói : “Đúng vậy.”

Ngài Vân Môn nói : “Như thế Pháp Thân bao trùm tất cả phải không ?”

Tổ Sơn nói : “Pháp Thân toàn khắp, sao chẳng trùm hết ?”

Ngài Vân Môn chỉ cái tịnh bình, nói : “Như thế cái tịnh bình có bao trùm Pháp Thân không ?”

Tổ Sơn nói : “Xà lê chớ hướng về một bên tịnh bình tìm kiếm !”

Ngài Vân Môn bèn lễ bái.

Rõ ràng chỉ ra “*chẳng phải cây Xuân khô*” là một con đường sống. Chỉ là cái “*chẳng phải cây Xuân khô*” này, chánh thật hợp với ý chỉ “*tánh hư không còn có thể tiêu*” vậy.

Ngài Tào Sơn ban đầu ra mắt Tổ Động Sơn.

Tổ Động Sơn nói : “Thầy Xà lê tên gì ?”

Ngài đáp : “Bổn Tịch.”

Tổ Động Sơn nói : “Hình dạng gì ?”

Ngài đáp : “Chẳng gọi là Bổn Tịch.”

Tổ Động Sơn nói : “Rất là pháp khí vậy.”

Từ đó, được nhập thất, trải qua mấy năm mới xin đi. Tổ Động Sơn mới mật truyền cho “*Bảo Cảnh Tam Muội*”, lại hỏi : “Ông hướng chỗ nào đi ?”

Ngài Tào Sơn đáp : “Đi vào chỗ chẳng hề thay đổi.”

Tổ nói : “Chỗ chẳng hề thay đổi lại có đi ư ?”

Ngài nói : “Đi cũng chẳng thay đổi !”

Ngài Đơn Hà tụng rằng :

*“Nhà nhà cửa đóng, ánh trăng soi  
Chốn chốn oanh kêu dương liễu rung  
Nếu bảo tung hoành không đổi khác  
Cũng như quăng kiếm chém hư không.”*

Tổ Tào Sơn, Chánh Thiên kiêm đối,<sup>(1)</sup> có thể nói là được con mắt kim cương. Như định nhìn nhận chỗ không thay đổi, dường vẫn còn cây kiếm. Ôi, vi tế, nhỉ !



---

<sup>1)</sup> Sự Lý viên dung.



## QUYỂN IV

### MỤC TÁM :

## CHỈ RÕ CĂN NGUYÊN HƯ VỌNG VÀ TÁNH GIÁC TOÀN VỆ

### I. ÔNG MÃN TỪ TRÌNH BÀY CHỖ NGHI

Kinh : Lúc bấy giờ, Ông Phú Lô Na Di Đa La Ni Tử ở trong đại chúng, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trật vai áo phải, gối phải chầm dất, chấp tay cung kính mà bạch Phật rằng : “Thế Tôn oai đức lớn, khéo vì chúng sanh diễn bày Đệ Nhất Nghĩa Đế của Như Lai. Đức Thế Tôn thường cho rằng trong những người thuyết pháp, tôi là thứ nhất. Nay tôi nghe pháp âm vi diệu của Như Lai, cũng như người điếc, cách ngoài trăm thước, nghe tiếng muỗi mòng vốn đã không thấy, hướng là được nghe. Phật tuy tuyên bố rõ ràng, muốn khiến tôi trừ mê lầm, nhưng tôi còn chưa rõ nghĩa rốt ráo, vào chỗ không còn nghi hoặc.

“Bạch Thế Tôn, như các Ông Anan, tuy nghe mà ngộ, nhưng tập khí hữu lậu chưa trừ hết, còn bọn chúng tôi, là những người lên bậc Vô Lậu, tuy sạch hết các lậu, nay nghe pháp âm của Như Lai diễn nói, vẫn còn mắc những điều nghi hỏi.

“Bạch Thế Tôn, nếu như tất cả Căn, Trần, Xứ, Giới... của thế gian, đều là Như Lai Tạng, thanh tịnh bản nhiên sao bỗng dựng sanh ra có núi sông, đất đai, các tướng hữu vi theo nhau dời đổi, hết rồi lại có ?

“Lại Đức Như Lai còn nói rằng đất nước, lửa gió, tánh vốn viên dung, toàn khắp pháp giới, lặng trong thường

trụ. Bạch Thế Tôn, như tánh của địa đại là khắp cả, làm sao mà dung được thủy đại ? Tánh nước là toàn khắp, thì hỏa đại chắc chẳng sanh, làm sao lại phát minh hai tánh thủy đại và hỏa đại đều khắp cả hư không, không xâm lấn tiêu diệt lẫn nhau ? Bạch Thế Tôn, tánh của địa đại là ngăn ngại, tánh của hư không là rộng suốt, làm sao cả hai đại ấy đều toàn khắp pháp giới ?

“Nay tôi không biết nghĩa ấy do đâu, xin Đức Như Lai ban bố lòng đại từ, vén mây mê lầm cho tôi cùng hết thảy trong đại chúng.”

Ông Mãn Từ nói thế xong, nắm vóc gieo xuống đất, kính mong lời dạy từ bi vô thượng của Như Lai.

*Thông rằng :* Như Lai Tạng Diệu Chân Như Tánh là Đệ Nhất Nghĩa Đế, viên dung vi diệu, cốt yếu ở chỗ tâm ngộ. Người ngộ rồi, đưa ra không gì là chẳng phải, chỗ chỗ dùng chẳng có nghi nan, một phen vượt lên liền đứng vào, nào mượn công lao huân tập ? Như nhóm các Ông Anan, tập khí hữu lậu chưa trừ hết, đã phá các điều mê lầm thô, mà mê lầm vi tế hãy còn. Các vị đã lên hàng Vô Lậu ở trong hội chúng, thì tuy đoạn hết phiền não chướng, mà sở tri chướng vẫn còn, mắc ở trong địa vị có tu tập, làm sao lãnh ngộ cái Đệ Nhất Nghĩa Đế tối thượng ?

Các tướng kia là hư vọng, vốn tự chẳng sanh mà nay nghi là có sanh. Bốn đại trong sạch như ngọc Ma Ni, tùy phương mà hiện sắc, tựa hồ có xanh vàng đỏ trắng mà vốn là không có. Thế mà nay nghi rằng chúng xâm lấn nhau ! Chẳng phải là Ông Phú Lô Na chấp lấy tướng để vấn nạn cái tánh, mà thật ra, ông ở trong bản tánh viên dung lặng trong thường trụ mà sanh nghi. Cái “Nghịệp” của ông là đã lên bậc vô lậu, ở trong vô lậu ấy mới chỉ thấy cái lặng trong (*Trạm*)



mà chưa thấy cái lạng trong nhiệm mầu (*Diệu Trạng*) của nó, mới chỉ thấy cái trụ, mà chưa thấy được cái vô trụ của nó.

Tổ Triệu Châu nói : “Người ta thì khó thấy mà dễ biết, ta ở trong ấy thì dễ thấy mà khó biết.” Đây là chỗ kinh nói “Cũng như người điếc, cách ngoài trăm thước, nghe tiếng muỗi mòng”, đâu phải là lời hư dối ư ?

Pháp Sư Trường Thủy Tuyên hỏi Hòa thượng Lang Nha Giác : “Thanh tịnh bỗng nhiên sao bỗng đứng sanh núi sông đại địa ?”

Tổ Giác nói : “Thanh tịnh bỗng nhiên sao bỗng đứng sanh núi sông đại địa ?”

Thầy Tuyên ở nơi đó tỉnh ngộ.

Hãy nói, như thế là có trả lời câu ấy hay không trả lời câu ấy ? Nếu bảo là có trả lời, thì hiểu đạo lý ấy làm sao ? Nếu bảo không trả lời, thì sao lại tỉnh ngộ ?

Ngài Thiên Đồng tụng rằng :

*“Thấy có, chẳng có  
Ngửa tay, úp tay  
Cái người trong núi Lang Nha ấy  
Chẳng có rút sau Đức Cù Đàm.”*

Lại có nhà sư hỏi Tổ Thiệu Quốc sư : “Hết thấy núi sông đại địa từ đâu mà dấy ra ?”

Tổ Thiệu nói : “Câu hỏi này từ đâu mà tới ?”

Thật là mổ bụng khoét tim !

## II. VÔ MINH ĐẦU TIÊN

Kinh : Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Ông Phú Lô Na và các vị A La Hán Vô Học hết lậu trong hội này rằng :

“Ngày nay Như Lai vì khắp hội này, ở trong thắng nghĩa, hiển bày cái Tánh Chân Thắng Nghĩa. Khiến cho ở trong hội, những hàng định tánh Thanh Văn cùng hết thảy các vị A La Hán, chưa đắc hai pháp Ngã Không và Pháp Không, phát tâm hướng về Thượng Thừa đều được chỗ tu hành chân thật là Nhất Thừa Tịch Diệt, một vị thuần chân. Ông nay nghe kỹ, Ta hiện vì ông mà nói.”

Các Ông Phú Lô Na kính vâng pháp âm Phật, yên lặng lắng nghe.

Phật dạy : “Phú Lô Na ! Theo như ông nói, thanh tịnh bốn nhiên sao bỗng dựng sanh núi sông, đại địa ? Ông chẳng thường nghe Như Lai tuyên thuyết “Tánh Giác diệu minh, Bản Giác minh diệu” sao ?”

Ông Phú Lô Na thưa : “Bạch Thế Tôn, thế đấy, tôi thường nghe Phật tuyên thuyết nghĩa ấy.”

*Thông rằng* : Như Lai Tạng là Thắng Đế Đệ Nhất Nghĩa, ở đây nói là Tánh Chân Thắng Nghĩa. Tức là chỉ thẳng cái nguồn gốc sanh khởi ra núi sông, đất đai, khiến cho người ở ngay nơi nguyên đầu mà thấu suốt, lập tức liền tự thấy tánh.

Hàng định tánh Thanh Văn tuy không còn rộn tạp, nhưng đó là cái tịch diệt chưa chân thật, vì chưa chứng các pháp vốn tự tịch diệt. Bậc A La Hán, tuy đắc Ngã Không mà chưa đắc Pháp Không, mê đắm vào không tịch, chưa thể hướng về Thượng Thừa. Thế nên, đến đây đều được Nhất Thừa, chẳng còn Thừa nào khác, nhập Phật Tri Kiến, mới là chỗ chánh tu hành vậy.

Nơi Tánh Giác thì nói Diệu Minh, vì cái thể ấy vốn tự nhiệm mầu (*Diệu*) mà hằng sáng (*Minh*), chẳng do cái

nào khác mà sáng. Nơi Bản Giác thì nói là Minh Diệu, vì do lực huân tu bất tư nghi mà rõ biết tánh giác nhiệm mầu vậy. Tức là *Diệu* mà *Minh*, chẳng có chút vô minh nào. Tức là *Minh* mà *Diệu*, thì chẳng ngừng trụ nơi cái Minh. Chính đó là chỗ Tâm Vương bày lộ rõ ràng. Còn như cái Giác Minh (A Lại Da) bèn rơi vào tình thức, lia Giác liền là vô minh, làm sao nói rằng Diệu ? Nên ở sau, kinh nói : “Cái Giác Minh là lầm lỗi.”

Tổ Triệu Châu thượng đường nói : “Đạo lớn không khó. Chỉ lia chọn lựa. Vừa có lời nói là rơi vào chọn lựa, là minh bạch ! Lão tăng chẳng ở trong minh bạch, vậy các ông có che chở, thương tiếc cho không ?”

Khi ấy có nhà sư hỏi : “Đã chẳng ở trong minh bạch, thì che chở thương tiếc cái gì ?”

Tổ Châu nói : “Ta cũng không biết.”

Nhà sư nói : “Hòa thượng đã không biết, sao lại nói chẳng ở trong minh bạch ?”

Tổ Châu nói : “Chỗ hỏi được đó, lẽ bái mà lui đi !”

Ngài Tuyết Đậu tụng rằng :

*“Tột Đạo không khó, mối đầu ngôn ngữ  
 Một : có nhiều thứ ; hai : không riêng khác  
 Giữa không, mặt trời lên mặt trăng lặn  
 Trước vách, nước lạnh, núi sâu.  
 Sợ khô thức tận, vui đâu lập ?  
 Cây khô rỗng ngâm, chưa hết khô  
 Khó, khó !  
 Chọn lựa minh bạch ông tự xem !”*

Ngài Triệu Châu nói “*Chẳng ở trong minh bạch*”, đó là cái cảnh giới thuần túy Diệu Minh của Ngài. Lại dạy người

che chở thương xót là thông cho biết chút ít tin tức của cái Minh Diệu đó.

Nhà sư trộm thấy lối đường của Ngài Triệu Châu, muốn cùng Ngài trùng trùng mở rõ, bèn hỏi “*Đã không ở trong minh bạch, thì che chở thương tiếc cái gì ?*” Tổ Châu nói “*Ta cũng không biết*”, lộ bày cái Minh Diệu rõ ràng !

Lại hỏi, “*Hòa thượng đã không biết, sao lại nói chẳng có ở trong minh bạch ?*”, thật là cái Diệu Minh rành rành vậy.

Tổ Triệu Châu rất ưng ý vị tăng có ít nhiều thấy biết, chõ hỏi đều thông suốt, nên dạy “*Lẽ bái rồi lui.*”

Trước sau, vị tăng đều không ở trong minh bạch, thì còn nói chọn lựa gì !

Ngài Tuyết Đậu muốn cùng Ngài Triệu Châu đối vấn đề, tức là cần chọn lựa, cần minh bạch !

Tín Tâm Minh của Tam Tổ Tăng Xán có nói “*Chí đạo vô nan, duy hiểm giản trạch.*”

Tổ Triệu Châu bèn nói : “*Vừa có ngữ ngôn, đã là chọn lựa, đã là minh bạch, chính là sợ người ta rơi vào ngôn thuyết mà thành nghĩa thứ hai.*”

Nếu là người thấy rõ suốt thì lời nói cũng không trở ngại, nên Ngài Tuyết Đậu nói “*Đầu mối của ngôn, đầu mối của ngữ.*” Còn nếu lìa ngôn ngữ, mà về ở một nơi, thì thật là “*Cây khô trước hang núi có nhiều lối lạc, nên có nhiều thứ.*” Như thấy được mỗi mỗi đều là đạo, thì tuy ngôn ngữ chi ly cũng không có hai thứ. Nên nói “*Trên trời mặt trời, mặt trăng, trước hiên nước lạnh*”, đều là một Cái Ấy, dao búa chẻ không ra. Đến chỗ này thì phân biệt, trò vui của ý thức đều hết sạch, đó là rỗng ngâm trong cây khô, hồn nhiên là một cái Diệu Minh Chân Tế. Há dễ đến được ư,

nên nói “*Khó, khó !*” Nếu còn chút vui mừng, còn chút ý thức, thì gọi là “*chưa khô ráo hết*”, đó còn là cái dụng sự của Giác Minh. Bởi thế mới nói : “Ánh sáng chiếu mắt tợ người mê. Minh bạch chuyển thân địa vị thối đọa.” Như thế thì không có chọn lựa, không minh bạch sao ? Nói “*ông tự xem*”, chính là muốn xét định cái chọn lựa này, cái minh bạch này có cùng với cái Chí Đạo tương đương hay không ?

Đức Tam Tổ nói : “Chỉ không thương ghét, suốt nhiên minh bạch !”

Tổ Triệu Châu nói : “Chẳng ở trong minh bạch.”

Ngài Tuyết Đậu nói : “Chọn lựa, minh bạch, ông tự xem !”

Lời nói mỗi người mỗi khác, mà thật là đồng. Tham !

Kinh : Phật bảo : “Ông gọi là Giác Minh, vì Bản Tánh của nó là Minh, nên gọi là Giác. Hay vì cái Giác ấy chẳng Minh, mà gọi là Minh Giác ?”

Phú Lâu Na thưa : “Nếu cái ấy mà chẳng có Minh, mà gọi là Giác, thì không Minh chỗ nào cả (Vô Sở Minh).”

Phật dạy : “Nếu không có chỗ nào để Minh, thì cũng không có cái Minh Giác. Có chỗ thì không phải là cái Giác, không có chỗ thì cũng không có cái Minh. Không có Minh lại chẳng phải là cái Tánh Giác trong lạng sáng suốt. Vậy Tánh Giác vốn là Minh, vọng tưởng mà cho là cái Minh Giác.

*Thông rằng* : Một chữ *Diệu* là chỗ tự bí nhiệm của Phật. Ngắt bỏ ra chữ *Diệu*, mà chỉ luận cái Giác Minh, thì dù cho có mười năm phân giải cũng chẳng xong ! Vì Tánh thể vốn là Minh, tức là rõ rõ ràng ràng thế, mà gọi là Giác, thì lọt

vào giới hạn của Minh, hóa ra Giác thể có mờ tối, có chỗ chẳng Minh ! Còn nếu thêm vào một chữ Minh, gọi đó là Minh Giác, thì lọt vào giới hạn của chẳng Minh ! Hai bên đều là chông gai, vậy thế nào là con đường thoát thân ?

Ông Phú Lô Na dù có giỏi thuyết pháp đi chẳng nữa cũng đâu có thể lấy cái không có chỗ để mình (vô sở mình) mà gọi là Giác được. Thế nên ông mới nói cái thể chẳng Minh ấy mà gọi là Giác, thì đã không có cái Năng Minh, tức cũng không có cái Sở Minh. Rõ ràng là Tánh thể vốn là Minh mới có thể gọi là Giác. Cái Minh mà đã có chỗ (Sở), bên là bỏ Giác mà hiệp trần, thì quá cách xa với cái Diệu của Tánh Giác vốn lià thoát khỏi trần rồi vậy. Nếu thấy được cái Diệu của nó, thì hiểu rõ Như Lai nói "*Tánh Giác Diệu Minh*", tức là Diệu mà Minh, chứ chẳng phải chẳng Minh ! Còn Bốn Giác Minh Diệu, tức là Minh mà Diệu, thì đâu cần phải có Minh nữa ! Chẳng phải Minh chẳng phải bất Minh, lià hai lối phải và chẳng phải ấy, mới gọi là Tánh Giác.

Đức Thế Tôn vì thấy Ông Phú Lô Na chưa hiểu thấu chỗ này, nên dạy : "Nếu theo lời ông, thì có chỗ Minh (Sở Minh), mới gọi là Minh Giác, nếu không có chỗ nào để Minh (Vô Sở Minh) thì không có Minh Giác, thì hóa ra Tánh Giác do Minh hay chẳng Minh mà còn hay mất ư ? Ông há không biết Chân Giác là độc lập, lià xa năng, sở đó sao ?" Nếu cái Minh mà có chỗ, thì đã lià ngoài địa vị Giác, không thể gọi là Giác nữa. Nếu cho cái Giác không có chỗ, rồi bày ra đèn đuốc mà soi, thì không thể gọi là Minh được nữa. Nếu tất cả chẳng Minh, thì đó là vô ký, chẳng phải là Tánh Chân Giác Trạng Minh. Tánh Giác Trạng Minh không cần có Minh mà không đâu chẳng là Minh. Cái ngoan không kia làm sao sánh được ! Cái Tánh Giác nhậm vận biết khắp,

tất nhiên là Minh. Nhưng nếu chấp chặt phải là Minh, liền vọng sanh phân biệt, tính toán bám níu không dứt, bèn trở thành cái Minh Giác. Cái Giác mà còn phải Minh, thì chẳng phải là Diệu Minh vậy. Có sở hay không có sở, rốt vẫn chưa lìa sở. Không có Minh hay phải có Minh, toàn chẳng có lìa năng. Cái Diệu của Tánh Giác, há có thể như vậy sao ?

Ngài Triệu Châu hỏi Tổ Nam Tuyền : “Thế nào là đạo ?”

Tổ Nam Tuyền nói : “Bình thường tâm, đó là đạo.”

Ngài Triệu Châu hỏi : “Lại có thể noi theo chăng ?”

Tổ Tuyền nói : “Định hướng về là đã sai !”

Hỏi : “Không nghĩ suy được thì sao biết đó là đạo ?”

Đáp : “Đạo chẳng phải biết, chẳng phải không biết. Biết là vọng giác, không biết là vô ký. Nếu tỏ suốt cái đạo vốn chẳng có sự nghi ngờ, thì tròn khắp như thái hư, rộng rãi như trời đất, sao còn có chuyện phải trái ư ?”

Ngài Triệu Châu ngay dưới lời nói mà khế ngộ.

Như hai Ngài Nam Tuyền, Triệu Châu mới có diệu giải được như vậy. Tiếc cho Ngài Phú Lô Na, còn nằm trong lý chướng, chưa khỏi chuyện hướng về đầu thứ hai (nghĩa thứ hai) mà phân giải !

### III. NGUYÊN NHÂN VỌNG THẤY CÓ THỂ GIỚI

Kinh : “Cái Giác không có gì là Sở Minh, thế mà nhân Minh lập nên cái sở. Cái sở đã vọng lập nên, thì sanh khởi ra cái Vọng Năng<sup>(1)</sup> của ông. Trong cái vốn không đồng, không khác bỗng khởi dậy thành có cái khác. Khác với cái khác đã có, nhân cái khác ấy mà lập nên

<sup>1)</sup> Cái Năng đối trá.

cái đồng. Cái đồng, cái khác đã phát minh ra, thì nhân đó mới lập ra lại cái không đồng không khác !

“Như thế mà rối loạn, đối đãi với nhau mà sanh lao nhọc. Lao lự kéo dài sanh ra trần tướng mà làm vấn đục nhau, do đó mà dẫn khởi ra những trần lao, phiền não. Khởi lên thì có ra thế giới, yên lặng thì thành hư không. Hư không là đồng, thế giới là khác. Dầu là không đồng, không khác cũng vẫn là pháp hữu vi.

*Thông rằng* : Tánh Giác Trạng Minh, bất động toàn khắp, nào có chốn nơi. Đã chẳng sa vào nơi, chốn tức là không Đồng-Khác. Cái không Đồng-Khác này, chính là Pháp Vô Vi Chân Thật vậy.

Đức Mã Minh nói : “Nếu nói tâm có động, thì chẳng phải là hiểu biết rốt ráo.”

Động còn không có, hướng là có cái Sở ư ? Vừa một niệm vọng động, liền nhận lấy cái Minh mà lập nên cái Sở. Sở lập thì Chân Giác ẩn mất. Cái Sở vọng lập nên, là do phân biệt mà gọi là Sở. Cái phân biệt đó là Năng. Cái bị phân biệt là Sở, thì cái hay phân biệt là Năng. Năng, Sở đã lập nên, thì cái đồng, cái khác bèn hiện hình, vì Năng tức là khác Sở, Sở tức là khác Năng. Vốn là một Chân Giác, vốn không đồng-khác, mà hốt nhiên thành khác. Như thế đó, chỉ vì nhân cái Minh mà lập cái Sở vậy. Mà đâu chỉ có thành ra cái khác mà thôi đâu ! Muốn khác với tướng khác ấy, lại lập nên cái tên đồng. Ở trong động, thì có cái khác, còn tịnh thì chỉ cho là đồng. Khác ấy, là khác với cái Giác không đồng, không khác. Đồng ấy, là đồng với cái Giác không đồng, không khác. Ở trong đó mà phát minh ra, thì cho là khác mà lại có đồng, cho là đồng mà lại có khác. Bèn nhân đó mà lập thêm cái không đồng, không khác. Do cái



chẳng sanh, chẳng diệt hòa hiệp cùng cái sanh diệt, mà thành Thức A Lại Da.

Vốn chẳng phải là một, chẳng phải khác. Thế mà cho là đồng, thì năm thức liền nắm quyền đối cảnh, thức thứ sáu hay phân biệt, thức thứ bảy nhiệm ô. Cho là khác, thì năm thức bèn là tướng phần, thức thứ sáu không có tướng phần nên chẳng lập được, thức thứ bảy không có phân biệt nên chẳng có. Cái không đồng không khác này cũng toàn là thức, so với cái không đồng-khác trước kia không do lập mà có, đó là Chân Tánh chẳng sanh chẳng diệt. Cái không đồng, không khác sau này là do lập ra, bèn là chủng tử sanh diệt. Trong ấy độc chỉ có cái bóng dáng của năng-sở, đồng-khác, mà thành cái phôi thai của nghiệp quả thế giới và chúng sanh. Thế nên có tướng đồng, có tướng khác, có tướng không đồng, không khác. Rồi loạn lên như vậy, năng sở đối nhau, đồng và khác cùng thành hình, chẳng được thanh tịnh, mà có ra tướng lao nhọc. Tướng lao nhọc là vô minh. Lao nhọc kéo dài phát ra trần tướng, tự làm vẩn đục nhau.

Trộn lẫn lộn Chân Tánh, gọi là “vẩn”, làm nhiệm cái thể thanh tịnh, gọi là “đục”. Từ đó mà dẫn khởi ra phiền não, trần lao, hai cái Kiến hoặc và Tư hoặc.

Do phiền não biến ra hai thứ Y Báo, Chánh Báo. Động là thế giới, tĩnh thành hư không. Hư không là chỗ ở, trước đã nói “*Nhân cái khác lập nên cái đồng*”, tuy không có năng và sở, cũng là ngoan không. Thế giới là chỗ trên nói “*Khởi lên mà thành cái khác*.” Động là thể của “*thế*”, Khác là thể của “*giới*”, có năng có sở thuần là cảnh động. Cái có đồng có khác là chỉ thế giới Y Báo, là dấu vết thô phù hữu vi. Còn chúng sanh Chánh Báo, vì có tâm tánh nên chẳng phải

như cái “*khác*” của thế giới, và vì có sắc tướng, nên chẳng phải như cái “*đồng*” của hư không. Nhưng cái sở thì có sanh diệt, cái năng thì không sanh diệt. Rốt ráo thì cái năng cũng là sanh diệt. Dù lia cả năng và sở để đến chỗ không sanh diệt, không đồng, không khác, thì cũng đều là pháp hữu vi.

Cái thức, vì có phân biệt nên là hữu vi. Cái trí, không phân biệt nên là vô vi. Hữu vi, nên có các tướng hữu vi là nghiệp quả. Vô vi, tức là không có các tướng hữu vi nên không có nghiệp quả. Núi sông, đất đai vốn chẳng tự sanh, chỉ nhân minh lập nên sở, theo vọng mà thấy có vậy.

Có nhà sư hỏi Thiền sư Vân Cư Ứng : “Núi sông đại địa do đâu mà có ?”

Tổ Ứng nói : “Do vọng tưởng có.”

Nhà sư nói : “Thầy *tưởng* ra cho tôi một nén vàng được không ?”

Tổ Ứng bèn im lặng bỏ đi. Nhà sư không chịu.

Sau này, Tổ Vân Môn nói rằng : “Đã là dây leo chùm gối, chẳng có thể chặt đứt nối lại được. Hãy đợi y nói “Tưởng ra một nén vàng được không?”, thì cầm gậy mà đánh !”

Đây là cỡ tác dụng nào ?

Nên Tổ Vân Môn lấy cây trụ tượng dạy chúng rằng : “Cây gậy hóa thành con rồng, nuốt hết càn khôn. Núi sông đất đai còn chỗ nào được nữa ?”

Ngài Tuyết Đậu tụng rằng :

“*Cây trụ tượng, nuốt càn khôn*  
*Nói gì chuyện bên ba ở lãng Đào Hoa*<sup>(1)</sup>”

1) Chỗ cá thi làm rồng.

Thành rồng (đốt đuôi)<sup>(1)</sup> đầu phải kéo mây, làm mù !  
 Thi rớt nào phải vỡ mặt kinh hồn  
 Nêu ra rồi, nghe chẳng nghe !  
 Ngay đây sừng sững lỗi lạc  
 Thôi đi trăm mối phân vân  
 Bảy mươi hai gậy nhẹ tha cho  
 Trăm năm mươi gậy khó tha ông  
 Sư vội chụp cây gậy xuống tòa  
 Đại chúng đồng nhau chạy tứ tán !”

Ở chỗ này mà thấu triệt thì không chỉ là núi sông vẫn như xưa, mà cái Giác Minh cũng chẳng có chỗ ló đầu ra !

Kinh : “Cái Giác Minh và cái hư không vô tri đối đãi nhau thành ra có lay động, cho nên hóa ra phong luân nắm giữ thế giới. Do cái hư không mà sanh lay động, phát minh ra tánh cứng thì thành sự ngăn ngại, các thứ kim quý đều từ Minh Giác lập nên tính cứng, cho nên có kim luân mang giữ cõi nước. Giác Minh thành tính cứng, thì thành có kim quý, rồi lay động mà thành ra gió. Gió và kim cọ xát nhau, nên có hỏa đại làm tánh biến hóa. Lửa bốc lên, kim quý sanh ra tánh ướt, mà có thủy luân trùm khắp mười phương cõi. Lửa bốc lên, nước sa xuống, giao nhau phát nên tính cứng, chỗ ướt là biển lớn, chỗ khô là gò nổi. Do nghĩa ấy, trong biển lớn kia, hơi nóng thường bốc lên, trong gò nổi kia, sông ngòi thường chảy xuống. Thế nước kém thế lửa, thì kết thành núi cao, bởi thế đá núi, đập vào thì xệt lửa, nung thì chảy ra nước. Thế đất kém thế nước, nẩy ra làm cỏ cây, cho nên rừng rú đốt thì thành đất, vắt ra thành nước.

<sup>1)</sup> Cá hóa rồng ắt có sấm sét đốt cái đuôi. Ý nói tuyệt hậu sanh.

“Các thứ hư vọng đó giao nhau mà phát sanh, thay đổi làm chủng tử cho nhau. Do nhân duyên ấy, thế giới tiếp tục lẫn nhau.

*Thông rằng* : Thanh tịnh bốn nhiên, sao bỗng dưng sanh núi sông đại địa ? Trước kia, năm đại : đất, nước, lửa, gió và không đều là Như Lai Tạng, thanh tịnh bốn nhiên, toàn khắp pháp giới, theo nghiệp mà phát hiện, nào có nơi chốn ? Sự có ra của chúng là do nghiệp lực của chúng sanh. Nghiệp lực của chúng sanh là do vô minh từ lúc ban đầu, mất đi cái Tánh Giác Diệu Trạng Tổng Trì, một niệm bỗng khởi động. Cái giác đã lìa cái không mà sanh ra minh, thì không cũng lìa giác mà sanh muội.<sup>(1)</sup> Cái giác minh phát sanh ra thức. Thức tinh ở cái chỗ trong lặng chẳng động lay là nước. Cái không muội kết thành sắc, là đất vậy. Đối đãi nhau thành ra lay động, thành gió, thành nước, do đất khắc nước mà sanh ra mộc. Do thổ của không muội lay động mà sanh ra mộc, thì cái giác minh không lay động bèn thành cứng ngại, tức là mộc khắc thổ mà sanh kim. Kim cùng mộc hợp sanh hỏa, nên nói : “Phong và kim chà sát nhau mà có ra hỏa.” Hỏa cùng kim hợp sanh thủy, nên nói : “Ngọn lửa bốc lên, nên có ra thủy luân.” Thủy và hỏa hợp sanh thổ, hỏa bốc lên, thủy chảy xuống mà sanh ra biển cả, đất liền. Thổ cùng thủy hợp, lại sanh ra mộc ; thổ yếu thủy mạnh, nên thảo mộc tươi tốt. Tồn là gió, là mộc ; phong là tánh của mộc. Trước đã nói là đối đãi thành ra lay động nên có phong luân, thì mới có tánh của mộc. Đến khi “*nảy ra làm cây cỏ*” thì mộc mới rõ ràng có hình tướng.

Ngũ hành lấy sự sinh khắc làm vợ chồng, lấy tương sanh làm cha con. Con do mẹ sanh, ấy là cha yếu ; sau đó

---

<sup>1)</sup> Mê mờ.

âm dương hòa, sinh ra con. Con sanh mà khí của cha mẹ vẫn còn, nên đá núi có thể xẹt ra lửa, có thể chảy ra nước. Ấy là do thủy khắc hỏa mà thành. Cây cỏ có thể thành đất, có thể thành nước, là do thổ khắc thủy mà thành vậy. Suy theo đó thì vạn vật đều là như vậy cả. Tôi thường lấy Kinh Dịch so sánh : như hợp với các chi tiết. Mới tin rằng thánh đời trước với đời sau, cái Đạo là một thôi vậy.

Cái giác minh phát sinh ra cái thức, là nguồn gốc lạng lẽ tối sơ, đó là nghĩa Trời sanh thủy trước hết vậy. Thủy sanh ra mộc của chấn, tổn ở phương đông. Mộc sanh ra ly hỏa ở phương nam. Hỏa sanh khôn thổ ở tây nam. Thổ sanh đoài kim ở phương tây. Mà càn kim ở tây bắc lại sanh khảm thủy ở phương bắc. Như chiếc vòng không đầu mối, tiếp nối làm chũng tử cho nhau, nên Kinh Dịch nói : Để xuất ra ở chấn, tề ở tổn. Chấn là động, tổn là gió, chẳng phải là cái ý chỉ đối đãi nhau mà sanh động lay ư ? Chấn là mộc, đoài là kim, đông tây đối nhau mà làm vợ chồng, hỏa ở nơi đó mà sanh ra, thế chẳng phải là ý chỉ phong kim cọ xát nhau ư ? Ly là hỏa, khảm là thủy, nam bắc đối nhau mà làm vợ chồng, thổ ở nơi đó sanh ra, chẳng phải là ý chỉ "Lửa nước giao nhau mà thành tính cứng" ư ? Khôn là đất, cấn là núi, đều thuộc thổ, đây là chỗ bắt đầu và chấm dứt của vạn vật vậy. Thế nên, mùa xuân, mùa hạ vạn vật phát sanh, ở trên mặt đất, nên dễ thấy. Thu đông vạn vật thu góp lại, ở dưới mặt đất, nên không thể thấy.

Bức Hà Đồ, sở dĩ thành biến hóa ngũ hành và quý thần, không chỉ hợp với cái dụng lưu hành, mà cũng hợp với nguồn gốc sanh khởi. Chỗ tốt đáy của thế giới này, y phong luân mà trụ, tốt đáy của đại địa, thì y kim luân mà trụ. Thổ và kim đồng là tính cứng, đều thuộc địa đại. Hỏa thì không nói chữ *luân* vì tánh nó là biến hóa, hay chảy tan và làm chín thành muôn vật.

Câu Xá Luận nói “Cái nghiệp lực của chúng sanh, trước hết ở dưới cùng nơi hư không, mà có phong luân sanh. Trên phong luân là thủy luân. Trên thủy luân mới có kim luân.” Đối với đây có khác chút ít. Luận Câu Xá nói về sự an lập, từ dưới lên trên theo thứ tự. Ở đây nói về sự sanh khởi. Chẳng sợ lẫn lộn trở ngại nhau.

Tổ Ngưỡng Sơn Dũng dạy chúng rằng : “Một lời nói trọn hết non sông !”

Có vị tăng hỏi : “Như thế nào là một lời ấy ?”

Tổ Sơn lấy đũa gấp lửa cắm vào phía bên lò, rồi để lại chỗ cũ.

Tổ Đầu Tử tụng rằng :

*“Một câu nêu ra trùm muôn tượng  
Ma Kiệt thành<sup>(1)</sup> không, tự đóng cửa  
Đương sơ thiền tăng mở hé mắt  
Cắm đũa bếp bên lò lửa đỏ.”*

Nếu là người đại triệt ngộ, thì xem ba cõi khởi diệt trong biển Đại Giác cũng đồng như bọt sanh diệt trong biển cả vậy. Huống là vốn tự vô sanh, tìm tướng của ba cõi, có chỗ nào được !

Kính : “Lại nữa, Phú Lô Na, cái minh vọng đó, chẳng phải là cái gì khác, lỗi là cái giác minh. Cái sở minh hư vọng đã lập, thì phạm vi của cái năng minh không vượt qua được. Do nhân duyên đó, mà nghe không ra ngoài tiếng, thấy chẳng vượt ngoài sắc. Sáu cái vọng : sắc, hương,

---

<sup>1)</sup> Ma Kiệt : ở thành này, ngoại đạo hỏi Phật về sự sinh thành vũ trụ, Phật im lặng không nói gì.

vị, xúc... thành lập, do đó mà phân ra có thấy, nghe, hay, biết.

“Đồng nghiệp ràng buộc lẫn nhau mà có hiệp, có lia, có thành, có hóa. Cái thấy mà làm năng minh thì sắc phát ra, rồi cái năng minh cho cái thấy thì thành ra có tư tưởng. Thấy khác thì thành ra ghét, cùng cái tư tưởng thì thành thương. Chảy tràn cái thương yêu làm hạt giống, thu vào tưởng niệm làm ra thai. Giao cấu phát sanh, hấp dẫn cái cùng một nghiệp, nên có nhân duyên sanh ra Yết La Lam,<sup>(1)</sup> Át Bồ Đàm... Thai sanh, noãn sanh, thấp sanh hay hóa sanh tùy theo chỗ mà ứng : noãn chỉ do tưởng niệm mà sanh, thai thì do ái tình mà có, thấp sanh thì do cảm mà hợp, hóa sanh thì do phân lia mà ứng ra. Tình và tưởng, hợp và lia thay đổi lẫn nhau, do đó mà chịu lấy nghiệp, theo đuổi sự nổi chìm. Do nhân duyên ấy, chúng sanh nối tiếp nhau.

*Thông rằng* : Thế giới lấy cái hư không mê muội làm thể, nên có câu “Cái tướng lắng xuống thành quốc độ”. Chúng sanh lấy cái giác minh làm tánh, nên có câu “Tri giác là chúng sanh”.

Hư không mê muội nhân giác minh mà hiện bày, cho nên thế giới do nghiệp lực của chúng sanh mà thành. Hai cái nối tiếp nhau, đều là lỗi lầm hư vọng nhân Minh mà lập cái Sở vậy. Chẳng phải tứ đại kia có sanh ra. Chỉ vì nhân nhận cái giác làm cái minh, mới có cái sở minh. Sở thì thuộc tướng phần, Năng thì thuộc kiến phần. Tứ đại ở ngoài thể

---

<sup>1)</sup> Cũng gọi là Ca la la. Tiếng Phạn : Kalala. Dịch nghĩa là tạp uế (cái nhơ bẩn, trộn lộn). Là một trong năm địa vị (từng giai đoạn của thai theo thai kỳ) của thai, gọi là thai nội ngũ vị.

giới là sơ tướng phân, tứ đại ở thân thể là thân tướng phân. Cái sở đã vọng lập nên, bèn khiến cho sáu căn cách ngại, nên trong kiến phần, phạm vi của cái sáng không thể vượt qua khỏi sáu căn.

Vốn chỉ là cái Giác vô thượng, viên dung, nay lại chia thành thấy, nghe, hay, biết thành ra ba thứ căn, trần, thức dẫn khởi lên cái nghiệp hư vọng. Từ đó cùng một Nghiệp ràng buộc nhau, có cha, mẹ và mình là ba thứ cùng nghiệp, mà thành thai, noãn là vật hữu tình. Còn thấp sanh và hóa sanh, không do cha mẹ, chỉ do nghiệp của mình mà thành vật. Lý do hấp dẫn đồng nghiệp, đều là do thấy có mình mà ra.

Lấy vọng tâm mà thấy vọng cảnh, thì sắc do cái thấy mà phát sanh, không có cái thấy tức là không có sắc vậy. Lấy cái vọng thấy mà đuổi theo đám vọng sắc, thì cái tướng niệm bèn do cái thấy mà thành, không có cái thấy thì không có tướng vậy. Cái thấy kết nhóm thành cái tướng, biết có mình thì tự thành tình. Đó là sự kết hợp của đồng nghiệp, hấp dẫn nhau. Thấy khác thì thành thương, nên mẹ là chỗ mà mình thương. Con gái ở trong thai thì ngược lại. Tướng chảy tràn thì thành sự thương, thương thì chẳng rời, mầm mống chủng tử sinh ra ở đó vậy. Nên thương yêu là gốc rễ của luân hồi. Mẹ đã thu nạp cái tướng, tướng kết lại thành khí huyết, thai thành ở đó vậy. Cho nên, cái tướng là môi giới của sự nối truyền sinh mạng, từ giao cấu mà phát sanh hình thể. Tinh huyết hòa hợp, một tuần chất lỏng đông lại, hai tuần là cái bọc, ba tuần là thịt mềm, bốn tuần là thịt chắc, năm tuần có hình thể, thai hay trứng đều như thế. Thấp sanh, hóa sanh thì cũng chẳng qua tiến trình đông đặc và bao bọc.

Noãn sanh vì sao để ở trước tiên ? Vì tướng niệm khởi động trước, sau mới có tình ái. Hơn nữa, noãn lại gồm cả



thai, thấp hóa vậy. Loài người cũng có đủ bốn thứ sanh. Như Bà Tỳ Xá Khê Nhĩ La có ba mươi hai người con đều là noãn sanh (Luận Câu Xá). Bà Yểm Thuộc La Bà Lợi Đánh sanh một vị Chuyển Luân Thánh Vương,<sup>1)</sup> gọi là thấp sanh. Đời Đức Phật, trong tứ chúng có một Tỳ kheo ni tên A La Bà, từ trong đất hóa sanh ra. Do đó mà biết rằng tình biến ra tướng, hợp biến ra lìa, vốn chẳng có nghiệp nhất định. Noãn đổi thành thai, thấp đổi ra hóa, cũng không có định chất. Chỉ theo nghiệp mà lên xuống, tùy theo chỗ mà ứng hiện ra, không có nẻo đường nhất định. Chỉ do tướng ái làm nhân, cha mẹ làm duyên, mà chúng sanh tiếp nối, như vậy đến vô cùng.

Ngài Đại Đồng Tế đến thăm Bàng cư sĩ.

Bàng cư sĩ nói : “Nhớ lúc trong thai mẹ, có một tắc ngữ, xin đưa ra với thầy, cốt chẳng được làm đạo lý.”

Ngài Tế nói : “Giống như cách đời vậy.”

Cư sĩ nói : “Đã nói chẳng được làm ra đạo lý.”

Ngài Tế nói : “Câu nói kinh người, há chẳng sợ sao ?”

Cư sĩ nói : “Như kiến giải của thầy, có thể nói là kinh người !”

Ngài Tế nói : “Chẳng làm ra đạo lý, lại làm ra đạo lý !”

Cư sĩ nói : “Không chỉ cách một đời, hai đời !”

Ngài Tế nói : “Ông thầy cơm cháo này, cứ việc tra xét lỗi lầm !”

---

<sup>1)</sup> Tích xưa, có vua tên Bố Sát Đà Vương, trên đầu bồng sanh một bọc mụn, trong bọc mụn sanh ra một đứa con. Lớn lên làm Kim Luân Vương, xưng là Đánh Sanh Vương. Đánh Sanh Kim Luân Vương chinh phục bốn châu thiên hạ, rồi lên cung trời Đao Lợi muốn hại Đế Thích để thay ngôi. Việc chẳng thành, trở về đất lại, bị bệnh chết. Đánh Sanh Vương ấy nay là Thích Ca Phật đó.

Cư sĩ búng tay ba tiếng.

Lại có Thiên sư Quy Tông Khả Tuyên, nhân Ông Quận Thú tức giận chẳng đúng theo lễ của quan, bức bách Ngài quá lắm. Ngài bèn viết thư cho ông Quách Công Phủ rằng : “Duyên đời của tôi còn sáu năm, nay Ông Quận Thú bức bách phải chết, sắp phó thác cái sanh ra sự bức tức còn dư lại ấy, mà thác sanh nhà ông, xin ông đừng lấy làm ngại.”

Ông Phủ xem thư vừa sợ vừa mừng. Nửa đêm, bà vợ nằm mộng thấy sư vào chỗ ngủ, la lên rằng : “Đây chẳng phải là chỗ để Hòa thượng đến !” Ông Phủ lay bà vợ hỏi, bà liền thuật lại rõ ràng. Gọi lấy đèn đọc thư, cùng nhau vui mừng không dứt. Bèn mang thai, đến khi sanh ra, đặt tên là Tuyên Lão. Đúng năm như đã báo trước.

Năm ba tuổi, có Ông Bạch Vân Đoan đến nhà, Tuyên Lão mới thấy thì bảo : “Cháu tôi đến vậy.”

Ông Đoan hỏi : “Xa Hòa thượng mấy năm rồi ?”

Tuyên Lão đếm ngón tay nói : “Bốn năm rồi.”

Ông Đoan hỏi : “Xa nhau ở chỗ nào ?”

Đáp : “Ở trại Bạch Liên.”

Ông Đoan nói : “Lấy gì để nghiệm.”

Đáp : “Ba má ngày mai mời Hòa thượng độ trai.”

Bỗng nghe tiếng xe đẩy tới.

Ông Đoan hỏi : “Ngoài cửa đó là tiếng gì ?”

Tuyên Lão dùng tay làm bộ đẩy xe. Ông Đoan hỏi : “Về sau như thế nào ?”

Đáp : “Bình địa lưỡng đầu câu.”<sup>(1)</sup>

<sup>1)</sup> Chữ Lục.

Quả nhiên, sáu năm sau không bệnh mà mất. Đó là do Tuyên Lão thường ngày chẳng có cốt làm đạo lý, nên tuy cách đời, mà vẫn tỉnh thức như vậy. Nếu còn chút tư hào tình tướng Giác Minh treo trong ngực, thì đã bị Ông Bạch Vân Đoan khám phá ra rồi !

Kinh : “Ông Phú Lô Na, các tướng ái cùng nối kết, lòng thương chẳng thể rời, thì cha mẹ, con cháu trong thế gian sanh nhau không dứt, họ lấy dục tham làm gốc. Tham và ái cùng nuôi nhau, tham muốn chẳng ngừng thì các loài thai sanh, noãn sanh, thấp sanh, hóa sanh trong thế gian, tùy theo sức mạnh yếu, lần lượt ăn nuốt lẫn nhau, chúng lấy sát tham làm gốc. Người ăn dê, dê chết làm người, người chết làm dê, như vậy cho đến mười loài chúng sanh chết sống, sống chết, ăn nuốt lẫn nhau, nghiệp dữ cùng sanh, đến hết đời vị lai, loại này thì lấy đạo tham làm gốc.

“Người này mắc nợ mạng người kia, người kia trả nợ cũ cho người này, do nhân duyên ấy, trải qua trăm ngàn kiếp, thường ở trong sanh tử. Người này yêu cái tâm của người kia, người kia thích cái sắc của người này, do nhân duyên ấy, trải qua trăm nghìn kiếp, thường ở trong trời buộc. Chỉ ba thứ sát, đạo, dâm làm gốc rễ, mà do nhân duyên đó, nghiệp quả cứ tiếp tục.

“Phú Lô Na, ba thứ tiếp nối nhau điên đảo ấy, đều là cái thấy biết của Giác Minh. Nhân biết mà phát ra có hình tướng, từ cái vọng thấy sanh ra có núi sông đất đai, các tướng hữu vi, thứ lớp đối đời, đều nhân cái hư vọng đó mà hết rồi lại bắt đầu.”

*Thông rằng* : Thế giới thuộc về Y Báo, Y Báo thì vô tình, do đó chẳng kết nghiệp. Chúng sanh thuộc Chánh Báo,

Chánh Báo thì hữu tình, tức là có nghiệp. Nghiệp không gì lớn hơn Sát, Đạo, Dâm, mà gốc bắt đầu từ Dâm. Cùng tư tưởng thì thương, thấy khác thì ghét, chỉ là cái thương ghét này, ngay đó là căn nguyên gây nghiệp. Tưởng, ái không kết hợp thì còn có thể lìa, chứ cả hai bên đã kết nối, thì đời đời, kiếp kiếp, chẳng thể tự rời nhau. Cha mẹ, con cháu sanh nhau ra chẳng dứt, đều do dâm làm gốc.

Tham và ái cùng nuôi dưỡng nhau, nên cảm thấy vui thích mùi vị mà sát từ đó sanh ra. Tham mùi vị không ngừng, thì cầu cho được, đạo (trộm cắp) từ đó sanh ra. Kỳ thật, chỉ bắt đầu từ một cái ưa thích : ái. Yêu thích chẳng được thì ép uống mà sát hại. Âm thầm lấy là đạo (trộm cắp), đều để thành tựu sự ái cả. Cớ nên, trong cái dâm, có đủ sát, đạo hai nghiệp. Ghét mà kết tụ thì đền nợ, đền mạng, thường ở trong sanh tử. Thương mà kết tụ, thì thích tâm, thích sắc, thường ở trong trói buộc. Đó là thương ghét là nguyên nhân của nghiệp, mà sanh tử trói buộc là quả của nghiệp. Hết thấy ba loại điên đảo của chúng sanh trong thế giới đều là do trái với chân mà hợp với vọng, đều là do giác minh sanh ra. Cái giác minh hư vọng, vọng lập nên có năng, có sở, nên có ra núi sông, đất đai, thế giới tiếp nối, nghiệp quả chúng sanh, các tướng hữu vi, sanh rồi diệt, diệt rồi sanh, tiếp tục chẳng ngừng. Nếu liền ngộ vọng vốn không tự tánh, hiện tại tức là vô sanh, thì còn cái gì thứ lớp đối đời, cái gì hết rồi lại bắt đầu sanh ? Thế là Căn, Trần, Xứ, Giới rõ ràng là một cái Thanh Tịnh bản nhiên, Như Lai Tạng Tánh vậy.

Tổ Vĩnh Gia nói : *“Ngộ tức nghiệp chướng bỗng lai Không. Chưa ngộ đành trả hoàn nợ cũ.”* Lời nói có ý vị biết bao !

Ngài Vân Cư Ứng, tham học tại Tổ Động Sơn, khi làm việc vô ý cuốc chết con trùn.

Tổ Động Sơn nói : “Đồ quỷ ấy.”

Ngài Ứng nói : “Nó chẳng chết.”

Tổ Sơn nói : “Nhị Tổ đi qua Nghiệp Đô, lại làm sao ?”

Ngài Ứng chẳng trả lời.

Sau có vị tăng hỏi Ngài : “Lúc Hòa thượng ở Tổ Động Sơn, về nhân duyên giết chết con trùn, phải chăng Hòa thượng không có lời đáp ?”

Ngài Ứng nói : “Lúc ấy có lời chứ, chỉ là không có người để chứng minh !”

Xem Ngài Vân Cư Ứng, thật là người ở ngoài ba cõi. Nên cái chỗ tình và tướng không tới được, thì nói gì đến tướng nghiệp quả, chúng sanh !

#### IV. CHỈ RÕ GIÁC CHẴNG SANH MÊ

Kinh : Ông Phú Lô Na thưa : “Nếu cái Diệu Giác đó, bản tánh là Diệu Minh, cùng với Tâm Như Lai, không tăng không giảm, mà không có gì bỗng sanh các tướng hữu vi núi, sông, đất đai. Vậy nay Như Lai đã đắc Diệu Giác Minh Không đó, thì lúc nào lại sanh ra núi, sông, đất đai và các tập lậu hữu vi ?”

Phật bảo Ông Phú Lô Na : “Ví như người mê, nơi một xóm làng, lầm phương nam lầm phương bắc, thì cái mê ấy nhân do mê mà có hay nhân ngộ mà sinh ra ?”

Ông Phú Lô Na thưa : “Người mê như vậy, cũng chẳng nhân mê, cũng chẳng nhân ngộ. Vì sao thế ? Cái mê vốn không có gốc gác, làm sao mà nhân mê ? Ngộ chẳng sanh ra mê, làm sao mà nhân ngộ ?”

Đức Phật nói : “Cái người mê kia, ngay trong lúc mê, bỗng có người ngộ chỉ bày cho khiến tỏ ngộ. Nay

Phú Lâu Na, ý ông thế nào ? Người ấy đã thả cái mê ra rồi, thì đối nơi xóm làng đó, có còn sanh mê lại không ?”

– Bạch Thế Tôn, không.

– Phú Lâu Na, mười phương Như Lai lại cũng như thế. Cái mê ấy không có gốc gác, tánh nó rất ráo không. Xưa vốn chẳng có mê, chỉ hình như có mê, có giác. Giác được cái mê, thì mê diệt mà cái giác vốn chẳng sanh mê. Cũng như người lòa mắt, thấy hoa đốm giữa hư không. Bệnh lòa nếu hết, thì hoa đốm ở hư không diệt mất. Bỗng có người ngu, ở chỗ hư không mà hoa đốm kia đã diệt, đợi chờ hoa đốm sanh ra trở lại. Ông xét người đó là ngu hay là trí huệ ?

Ông Phú Lâu Na thưa : “Hư không vốn không có hoa đốm, mà vọng thấy có sanh có diệt. Thấy có hoa diệt mất giữa hư không đã là điên đảo rồi. Lại còn muốn bảo nó sanh ra lại thì thật là điên dại, làm sao mà gọi người điên như vậy là ngu hay là trí.”

Phật dạy : “Ông hiểu như thế, sao lại còn hỏi : “Tánh Diệu Giác Minh Không của chư Phật Như Lai khi nào lại sanh ra núi, sông, đất đai ?” Cũng như quặng vàng lẫn lộn với vàng ròng, một khi vàng đã thành ròng, chẳng trở lại thành dơ tạp. Như cây đã đốt thành tro, không trở lại thành cây nữa. Bồ Đề, Niết Bàn của chư Phật Như Lai cũng lại như thế.

*Thông rằng* : Kinh Viên Giác, Bồ tát Kim Cang Tạng hỏi Đức Thế Tôn rằng : “Nếu chúng sanh xưa nay thành Phật, thì tại sao có hết thảy vô minh ? Nếu chúng sanh vốn có vô minh, thì vì nhân duyên gì Như Lai lại nói bốn lai thành Phật ? Các loài dị sanh trong mười phương, vốn

thành Phật Đạo, sau lại khởi vô minh, thì tất cả Như Lai khi nào lại sanh ra tất cả phiền não ?”

Thế Tôn đáp rằng : “Này trai lành ! Hết thủy thế giới thủy chung sanh diệt, trước sau có, không, tụ, tán, khởi, dừng niệm niệm nối nhau, xoay vòng đi lại, đủ thứ nắm bỏ, đều là luân hồi. Chưa ra khỏi luân hồi mà tìm hiểu Viên Giác thì tánh Viên Giác kia cũng đồng trôi chuyễn. Nếu thoát khỏi luân hồi, thì làm gì có chuyện đó !”

Nay chỗ nghi của Ông Phú Lô Na không khác với Bồ tát Kim Cang Tạng mà Thế Tôn chỉ tùy theo cái thấy sanh diệt của ông mà phá. Đưa tiếp nhau bốn ví dụ : Thứ nhất là giác chẳng trở lại mê ; hai là diệt rồi chẳng sanh trở lại ; ba là vàng ròng chẳng trở lại quặng ; bốn là tro chẳng thành lại cây. Hai ý sau diễn lại hai ý chánh trước. Giác chẳng trở lại mê, tức là Bồ Đề. Diệt chẳng trở lại sanh, tức là Niết Bàn. Đây là đã ra khỏi luân hồi mà biện hiểu Viên Giác. Tánh Viên Giác ấy tức chẳng có luân hồi, nên nói Bồ Đề, Niết Bàn của chư Phật Như Lai cũng lại như thế.

Chúng sanh ở trong mê, chỗ cần yếu là phải giác. Nhưng từ xưa vốn không có sự mê, cái mê từ vô thủy, chỉ tương tự như mê. Bởi vì ngay khi mê cũng chưa từng bỏ mất, nên nói chỉ tựa hồ như mê. Nay cũng không phải là không có giác. Từ mê mà giác, thì cũng tựa hồ có giác, vì ngay khi giác, thì có đắc gì đâu, nên gọi là tựa hồ như giác. Giác cái mê, thì mê diệt, đó là Thủy Giác. Giác cho đến chỗ Thủy Giác và Bốn Giác không khác, thì chỉ là một Diệu Giác. Thế là chẳng trở lại sanh mê, chỉ tự chẳng mê, giác cũng thành vô dụng.

Quốc sư Huệ Trung hỏi quan Cung Phụng Tử Lân rằng : “Phật là nghĩa gì ?”

Lân đáp : “Là nghĩa Giác.”

Ngài nói : “Phật có từng mê không ?”

Lân đáp : “Chẳng từng mê.”

Ngài nói : “Thế dùng giác làm gì ?”

Ông Lân không đáp được.

Lại Hòa thượng Mã Hồ, khiến nhà sư đến hỏi Tổ Ngưỡng Sơn : “Người đời nay có mượn sự ngộ không ?”

Tổ Ngưỡng nói : “Ngộ thì chẳng phải là không, ngặt vì sợ lạc vào đệ nhị đầu !”

Thầy Mã Hồ rất chịu đó.

Tổ Đầu Tử nêu ra rằng : “Ngưỡng Sơn nói với người thì được, nhưng tự mình có khỏi lạc chẳng ? Nếu khỏi được, lại có người nhất định chẳng chịu đấy. Nếu không khỏi được, thì cũng lạc vào đệ nhị đầu. Mã Hồ tuy là chấp nhận đó, nhưng tự mình lại có đường xuất thân hay không ? Các ông thử xét xem coi ! Nếu xét ra được, thì cả hai người ngói vỡ, băng tan ! Nếu xét không được, hãy chớ gấp gáp !”

Rồi tụng rằng :

*“Chót núi cao xanh mượn hỏi người  
Chỉ nơi tốt núi chữa yên thân  
Tuy là khỏi được (tiết) Trùng Dương khiến  
Cũng tự linh miêu chẳng phạm xuân.”*

Về sau, Ngài Thiên Đồng tụng rằng :

*“Đệ nhị đầu : phân ngộ phá mê  
Mau hãy buông tay bỏ lưới, nôm  
Công chưa xong hết, thành trói buộc  
Trăng già mặt tuyết sương thu khóc  
Chim hàn cây ngọc, gió thê lương*



*Đem đến Ngưỡng Sơn phân chân giả  
Tỳ vết tuyệt không, ngọc trắng trong."*

Tóm lại, chẳng có được gió xuân thì hoa không nở, đến khi hoa nở lại thổi rụng ! Dầu có diệu ngộ, cũng cần mưa bỏ !

## V. CHỈ CÁC ĐAI CÓ THỂ TƯƠNG DUNG

Kinh : “Phú Lô Na, lại chỗ ông hỏi : địa, thủy, hỏa, phong, bản tánh viên dung, toàn khắp thế giới mà nghi sao tánh nước, tánh lửa lại không diệt lại nhau. Ông lại nêu ra hư không và đất đai đều cùng khắp pháp giới, lẽ ra chẳng tương dung.

“Phú Lô Na, ví như hư không, bản thể chẳng phải là các tướng, nhưng không chống lại các tướng phát huy. Tại sao như thế ? Phú Lô Na, trong hư không kia, mặt trời soi thì sáng, mây tụ thì tối, gió lay thì động, tạnh ráo thì trong, mù đọng thì đục, bụi nổi thì mịt mù, nước lắng thì óng ánh. Ý ông thế nào ? Các thứ tướng hữu vi khác nhau như vậy, là nhân các thứ kia mà sanh, hay nhân hư không mà có ? Phú Lô Na, nếu nhân các thứ kia sanh, thì khi mặt trời chiếu soi, đã là mặt trời sáng, mười phương thế giới đều thành sắc của mặt trời, làm sao ở giữa hư không, lại còn thấy mặt trời tròn ? Nếu là hư không sáng, thì hư không phải tự chiếu soi lấy ; thế sao giữa đêm hay lúc mây mù, lại chẳng có sáng chiếu ? Vậy, nên biết rằng cái sáng đó, chẳng phải là mặt trời, chẳng phải là hư không mà cũng chẳng khác mặt trời và hư không. Xét kỹ các tướng, vốn là hư vọng, không thể chỉ bày, cũng như mong hoa đốm giữa hư không kết thành quả của hư không ! Sao lại còn hỏi nghĩa lẫn diệt lẫn nhau ? Xét kỹ cái tánh, vốn

là chân thật, chỉ là Tánh Giác Diệu Minh, Tâm Tánh Diệu Minh đó vốn chẳng phải là lửa hay nước, thế sao lại còn hỏi chẳng có tương dung ?

“Tánh Giác Diệu Minh chân thật thì cũng như vậy. Ông phát minh cái hư không, thì có hư không hiện ; phát minh ra mỗi mỗi đất, nước, lửa, gió thì mỗi mỗi thứ hiện. Nếu cùng phát minh thì cùng có hiện.

“Thế nào là cùng có hiện ra ? Phú Lô Na, như trong một chỗ có nước hiện ra bóng mặt trời, hai người cùng xem mặt trời trong nước. Rồi một người đi về phương Đông, một người đi về phương Tây, thì mỗi bên đều có mặt trời đi theo, một cái về phương Đông, một cái về phương Tây, không có mâu mực nhất định. Chẳng nên hỏi rằng : Mặt trời chỉ có một, tại sao mỗi cái đi theo mỗi người ? Mặt trời đã thành hai, vì sao hiện ra chỉ có một ? Quanh quẩn hư vọng như vậy, không có gì có thể làm bằng cứ.

*Thông rằng :* Ở trước, đáp câu hỏi “Thanh tịnh bốn nhiên sao bỗng dung sanh núi sông, đại địa ?” Lấy tướng mà luận, thì có sanh là từ vọng thấy mà sanh. Trong tánh mà luận, thì tức là vô sanh, giác chẳng trở lại mê vậy. Tướng nguyên là vọng, có gì mà lán diệt ? Tánh vốn vô sanh, cái gì mà chẳng tương dung ? Cho nên bảy đại là Như Lai Tạng Diệu Chân Như Tánh. Như Lai Tạng vốn chẳng phải là bảy đại, nhưng chẳng ngăn bảy đại kia phát hiện. Ví như hư không, bản thể của nó chẳng phải là các tướng mà chẳng ngăn ngại các tướng kia phát huy. Chỉ một hư không mà đất tích tụ thì tướng của đất hiện ra, nước lắng thì tướng nước hiện ra, mặt trời chiếu thì tướng lửa hiện ra, gió thổi thì tướng gió hiện ra, trong tịnh thì tướng hư không hiện

ra. Sáng, tối là thuộc về cái thấy, khí đục nên thuộc về cái thức. Bảy ví dụ trên để ví dụ cho bảy đại vậy.

Bảy đại không tự sanh, cũng chẳng phải do cái khác sanh. Chẳng phải cái khác sanh, nên chẳng phải là không hay là có. Chẳng do mặt trời, chẳng do hư không, nên chẳng phải là cộng sanh. Chẳng khác mặt trời và hư không, nên chẳng phải là không nguyên nhân mà sanh. Do đó, nói : vốn vô sanh vậy. Đã vốn vô sanh, thì tùy theo nghiệp mà có hiện, cũng là hoa đốm. Hoa-không nào kết thành trái-không, thì làm sao có chuyện lẩn diệt cho đến sự chẳng tương dung ? Tướng tuy là hư vọng mà tánh vốn là chân, thanh tịnh toàn khắp, vốn chẳng phải là hình tướng nước, lửa gì đâu. Không hình thì có gì mà ngăn ngại nhau, há lại có sự chẳng tương dung cho đến sự hại diệt lẫn nhau sao ? Tướng của bảy đại đã như hoa không, tánh của bảy đại cũng như hư không, thì Như Lai Tạng, Diệu Giác Minh Tâm cũng giống như thế vậy.

Như phát minh ra hư không, thì có hư không hiện. Lấy sự mà nói, thì như đào giếng. Lấy nghiệp mà nói, thì đó là vọng khởi lên cái thấy có hư không. Do cái thấy mà có hư không, đất, nước, lửa, gió cũng là như thế. Mỗi mỗi phát minh, thì mỗi mỗi hiện ra. Nếu cùng phát minh, thì cùng có hiện. Chẳng kể núi Nam nổi mây mà núi Bắc mưa xuống, đều là trong hư không vô ngại. Bèn như mặt trời trong nước, mỗi người đi về mỗi hướng Đông, Tây, đều có mặt trời cùng theo. Chẳng tin vào mặt trời trên không, mà lại nghi ngờ mặt trời trong nước, cũng như mây bay mà tưởng mặt trăng chạy ; thuyền đi mà cứ tưởng là bờ trôi ! Đã từ vọng thấy mà có sanh ra, thì há có thể ở nơi chỗ thấy hư vọng đó mà biện luận là một hay chẳng phải một, thế chẳng phải là cái lằm quá cỡ sao ?

Hoặc hỏi rằng : “Đất, nước, lửa, gió hiện có thật trước mắt, sao gọi là hư vọng ?”

Đáp rằng : “Người vô trí gọi là thật có. Người có con mắt trí huệ xem thì chẳng phải thế ! Ví như đứa trẻ con xem thấy bóng trong gương vui mừng muốn chụp lấy. Người lớn hiểu biết, đâu có bị lầm theo. Phạm phu thấy vi trần hòa hợp gọi là đất thực, bậc có thiên nhãn có thể thấy ra sự phân tán của đất này, ở nơi chỗ bắt đầu, vốn bất khả đắc, nên biết hình tướng nguyên là hư vọng.”

Tổ Pháp Nhân hỏi Trưởng lão Bảo Tư rằng : “Người xưa nói : Núi sông không cách trở, quang minh chốn chốn thấu suốt. Vậy làm sao là cái quang minh chốn chốn thấu suốt ?”

Ngài Bảo Tư nói : “Bờ Đông tiếng đánh lưì !”

Tổ Quy Tông Nhu riêng nói rằng : “Hòa thượng định cách trở !”

Như chỗ hỏi đáp của hai vị Tôn túc, chẳng có rỉ giọt, mà còn bị Quy Tông xét ra !

Thầy Tam Tạng Đại Nhĩ ở Ấn Độ đến kinh đô, tự nói là có tha tâm thông. Vua Túc Tông mời Quốc sư Huệ Trung xét thử.

Quốc sư nói : “Ông hãy nói lão tăng bây giờ ở tại đâu ?”

Vị kia đáp : “Hòa thượng là thầy của một nước, sao lại đi Tây Xuyên xem đua thuyền !”

Chập lâu, lại hỏi : “Ông hãy nói lão tăng bây giờ ở tại nơi đâu ?”

Vị Tam Tạng đáp : “Hòa thượng là Thầy của một nước, sao có thể đến cầu Thiên Tân xem hát khi !”

Chấp lâu, lại hỏi : “Ông nói lão tăng ngay bây giờ ở tại nơi đâu ?”

Thầy Tam Tạng chịu, không biết được.

Tổ sư quát rằng : “Con cáo đồng, tha tâm thông ở tại chốn nào ?”

Vị kia không đáp được.

Có nhà sư hỏi Tổ Ngưỡng Sơn : “Thầy Đại Nhĩ Tam Tạng vì sao trong lần thứ ba chẳng thấy được Quốc sư ?”

Tổ Ngưỡng nói : “Hai lần trước là cái tâm giao thiệp với cảnh, còn lần sau thì vào Tam muội Tự thọ dụng, nên chẳng thấy !”

Vị tăng thuật lại, và hỏi Tổ Huyền Sa.

Tổ Huyền Sa nói : “Ông nói hai lần trước thấy cái gì ?”

Lại có vị tăng hỏi Tổ Triệu Châu : “Trong lần thứ ba, vị Tam Tạng chẳng thấy Quốc sư, chưa rõ Quốc sư ở tại chỗ nào ?”

Tổ Châu nói : “Ở trên lỗ mũi Tam Tạng !”

Vị tăng sau lại hỏi Tổ Huyền Sa : “Đã ở trên lỗ mũi, tại sao mà chẳng thấy ?”

Tổ Huyền Sa nói : “Chỉ vì quá gần !”

Tổ Thiên Đồng nêu ra rằng : “Tam Tạng không thấy Quốc sư hãy để đó. Ông hãy nói xem Quốc sư có tự biết chỗ không ? Nếu nói là tự biết, thì trăm chim ngậm hoa, chư Thiên cúng dường, chưa có ngày thôi ! Hãy nói chính ngay lúc ấy, ở tại chốn nào ?”

Thế, có thể biết Quốc sư hai lần tâm giao thiệp với cảnh, chẳng ngăn ngại mỗi mỗi phát minh thì mỗi mỗi hiện ra. Huống như Diệu Giác Minh Tâm là cái Tam muội

Tự thọ dụng thì chỗ ở làm sao mà biết, sao còn gạn hỏi chuyện lẩn diệt hay chẳng tương dung ?

## VI. CHỈ TÁNH DIỆU MINH LÀ NHƯ LAI TẠNG, RỜI CẢ HAI NGHĨA “PHI” VÀ “TỨC”

Kinh : “Phú Lô Na, ông lấy cái sắc, cái không mà lẩn cướp lẩn nhau ở nơi Như Lai Tạng, thì Như Lai Tạng theo ông làm sắc làm không, toàn khắp pháp giới. Vậy nên ở trong đó, gió thì động, hư không thì yên lặng, mặt trời thì sáng, mây thì tối. Chúng sanh mê muội, trái với giác, hợp với trần, nên phát ra trần lao mà có các tướng thế gian.

“Ta thì lấy Tánh Diệu Minh, bất sanh bất diệt, hợp với Như Lai Tạng. Như Lai Tạng đó chính là Tánh Giác Diệu Minh, tròn vẹn chiếu soi pháp giới. Thế nên, ở trong ấy, một là vô lượng, vô lượng là một, trong nhỏ hiện lớn, trong lớn hiện nhỏ, đạo tràng bất động, cùng khắp mười phương thế giới. Thân trùm cả mười phương hư không vô tận, nơi đâu một mảy lông, hiện ra cõi Phật, ngồi trong vi trần, chuyển bánh xe pháp lớn. Diệt trần hợp giác, nên Chân Như Diệu Giác Minh Tánh hiện bày.

*Thông rằng* : “Chưa ra khỏi luân hồi mà bàn luận Viên Giác, thì tánh Viên Giác cũng cùng trôi lăn. Nếu hết khỏi luân hồi thì làm gì có chuyện đó”. Tức ở đoạn này nói : Lấy cái tướng của sắc, của không, mà lẩn cướp lẩn nhau để luận Như Lai Tạng thì tánh Như Lai Tạng cũng theo sắc không mà thành tam giới lưu chuyển ; như vậy mà muốn khỏi thế gian nhọc mệt thì không thể có. Chúng sanh mê muội, không thấu suốt được rằng Sắc Không cùng với ta vốn là một Thể. Vì hình tướng trôi buộc nên dụng đâu cũng

thành ra trở ngại, chính là vì trái với Tánh Giác, nên vốn là Minh mà chẳng được Diệu, bèn gọi đó là Mê. Trần tướng thuộc về sanh diệt, nguyên chẳng phải vốn có. Tánh Giác tuyệt không sanh diệt, chẳng nhờ ngoài đến. Chẳng phải vốn có, thì có thể diệt ; chẳng ở ngoài đến, nên có thể hợp cùng. Đó là Chân Như Diệu Giác, tròn đủ chiếu soi pháp giới, một tức tất cả, tất cả tức một, ngang dọc tự do, sự sự vô ngại. Đây là diệu dụng không thể nghĩ bàn, chẳng phải do tu mà thành, nên tạm nói là hiện bày ra mà thôi vậy.

Luận An Tâm Pháp Môn của Sơ Tổ Đạt Ma nói : Khi mê thì người đuổi theo pháp, khi ngộ thì pháp đuổi theo người. Ngộ thì thức thu nhiếp sắc, mê thì sắc thu nhiếp thức. Hễ có tâm phân biệt so đo trong hiện lượng của Tự Tâm, bèn đều là mộng. Nếu thức tâm tịch diệt, không có một chỗ nào cho động niệm, đó gọi là Chánh Giác.

Ngài Thần Tú làm bài kệ :

*“Thân là cây Bồ Đề  
Tâm như đài gương sáng  
Luôn luôn siêng chùi lau  
Chớ để bám bụi trần.”*

Chỉ một cái “Siêng chùi lau” đó, bèn là lấy tâm sanh diệt mà hợp với Như Lai Tạng, nên mới ở ngoài cửa.

Bài kệ của Đức Lục Tổ là :

*“Bồ Đề vốn không cây  
Gương sáng chẳng phải đài  
Xưa nay không một vật  
Chỗ nào dính bụi đời ?”*

Chỉ cái “Không một vật” này, bèn là lấy chẳng sanh chẳng diệt hợp cùng Như Lai Tạng, hợp nối địa vị Tổ vậy.

Tổ Triệu Châu thượng đường nói : “Như ngọc sáng trong tay, người Hồ đến thì người Hồ hiện, kẻ Hán đến thì kẻ Hán hiện. Lão tăng cầm một cọng cỏ dùng làm thân vàng trượng sáu.<sup>(1)</sup> Lấy thân vàng trượng sáu dùng làm một cọng cỏ. Phật là phiền não, phiền não là Phật.”

Có nhà sư hỏi : “Phật là phiền não của nhà nào ?”

Tổ đáp : “Là phiền não đối với tất cả mọi người.”

Hỏi : “Làm sao được khỏi ?”

Tổ Triệu Châu nói : “Dùng cái khỏi để làm gì ?”

Ở đây, Tổ Triệu Châu không dùng cái Diệt Trần, không dùng sự Hiệp Giác, lại hay ở trong nhỏ hiện lớn, trong lớn hiện nhỏ, đủ để cùng Lục Tổ nắm tay cùng đi !

Tổ Viên Chiếu thượng đường nói : “Nơi đầu một mảy lông, hiện quốc độ Phật, ngồi trong vi trần, chuyển bánh xe pháp lớn.”

Cầm đứng cây gậy lên mà nói : “Cái này đây là trần, làm sao nói là cái đạo lý chuyển pháp luân ? Hôm nay sơn tăng chẳng tiếc lông mày, mà nói rõ với các ông : Đưa lên thì nước biển nổi sóng, núi Tu Di chập chùng ! Bỏ xuống thì bốn biển lặng trong, đất trời nghiêm tịnh. Xin hỏi các ông : Đưa lên là phải ? Bỏ xuống là phải ? Nên đoạn hay chẳng đoạn, lưỡng trùng công án !”

Rồi gõ thiền sàng mà xuống tòa.

Lại nữa, Ni Sư Diệu Tổng thượng đường nói : “Tông thừa một phen xướng lên, thì Ba Tạng hết đường dẫn giải. Tổ lệnh thi hành ra, mười phương yên dứt. Hàng Nhị thừa nghe đến hoảng hồn chạy mất, Thập Địa đến chỗ này vẫn

---

<sup>1)</sup> Thân Phật.



còn như nghi. Nếu là bậc tuấn kiệt, thì chưa nói đã rõ. Giả sử có thủ đoạn dời sao, đổi Bắc Đẩu, bày bố trưng cờ giống trống thì cũng bỏ công, nào có thật nghĩa ! Một đường hướng thượng, ngàn thánh chẳng truyền, người học nhọc công, như vượn bắt bóng ! Linh Sơn phó chúc, rủ lòng thuận với thời cơ mà diễn nói ba Thừa, mỗi tùy theo căn khí. Bắt đầu ở vườn Lộc Uyển, chuyển pháp luân Tứ Đế, độ trăm ngàn vạn chúng.

“Ngày nay, sơn tăng cùng với địa phương nơi này, cũng Phật cũng Tổ, sông núi, đất đai, cỏ cây rừng bụi, bốn chúng ngay đây, mỗi mỗi đều chuyển đại pháp luân, ánh sáng giao nhau thành lưới báu. Nếu mỗi một cọng cỏ, mỗi một cội cây không chuyển đại pháp luân thì chẳng gọi được là chuyển pháp luân lớn. Bởi thế mà nói nơi đâu một mảy lông hiện ra cõi nước chư Phật, ngồi nơi một vi trần, chuyển bánh xe pháp lớn. Ở trong thời gian không gian ấy mà làm ra vô lượng vô biên Phật sự rộng lớn, khắp cùng pháp giới, một là vô lượng, vô lượng là một, trong nhỏ hiện lớn, trong lớn hiện nhỏ. Chẳng động bước mà dạo chơi lầu các Di Lạc. Chẳng xoay lại cái nghe mà nhập vào cửa mở khắp của Quan Âm. Tình với vô tình, tánh tướng bình đẳng, chẳng phải là *thần thông diệu dụng*, cũng chẳng phải *pháp vốn như thế*.”

Ở chỗ này mà tự do rành rẽ thì ơn vua, ơn Phật tức thời trả hết ! Hãy nói như thế nào là một câu trả ơn ?

*Trời cao muôn trượng ở,  
Biển rộng trăm sông về.*

Các vị Tôn túc khế hợp sâu xa với cảnh giới Diệu Minh, cực lực tuyên dương, lời lời đều có đạo vị.

Kinh : “Nhưng Như Lai Tạng Bản Diệu Viên Tâm không phải là tâm, không phải là địa, thủy, phong, hỏa ;

không phải là nhân, nhĩ, tử, thiệt, thân, ý ; không phải sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp ; không phải nhãn thức giới cho đến không phải là ý thức giới ; không phải là minh hay vô minh, không phải hết minh hay hết vô minh, như vậy cho đến không phải là lão, không phải tử, không phải hết lão, tử ; không phải là Khổ, Tập, Diệt, Đạo ; không phải Trí, không phải đắc ; không phải là bố thí, trì giới, tinh tấn, nhẫn nhục, thiền định, trí huệ ; không phải là Ba La Mật Đa, như vậy cho đến cũng không phải là Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, không phải Đại Niết Bàn, không phải Thường, không phải Lạc, không phải Ngã, không phải Tịnh ; tất cả đều *chẳng phải, chẳng phải* là pháp thế gian hay xuất thế gian.

“Tức Như Lai Tạng Diệu Minh Tâm Nguyên, tức là tâm, tức là không, tức là địa, thủy, phong, hỏa tức là nhân, nhĩ, tử, thiệt, thân, ý ; tức là sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp ; tức là nhãn thức giới cho đến tức là ý thức giới ; tức là minh, tức là vô minh, tức là minh và vô minh tận, như thế cho đến tức là lão, tức là tử, tức lão tử tận ; tức là Khổ, Tập, Diệt, Đạo ; tức là Trí, tức là đắc ; tức là bố thí, trì giới, tinh tấn, nhẫn nhục, thiền định, trí huệ, tức là Ba La Mật Đa. Như thế cho đến tức là Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri ; tức là Đại Niết Bàn, tức là Thường, Lạc, Ngã, Tịnh, tất cả đều *tức là, tức là* pháp thế gian và xuất thế gian vậy.

“Tức cái Như Lai Tạng Diệu Minh Tâm Nguyên, là *tức là, là chẳng phải, cũng tức là cũng chẳng phải*. Làm sao chúng sanh trong ba cõi và các hàng Thanh Văn, Duyên Giác xuất thế gian, lấy cái tâm có chỗ biết mà đo lường Bồ Đề Vô Thượng của Như Lai, hay dùng ngôn ngữ thế gian mà vào Tri Kiến Phật.

*Thông rằng* : Đoạn kinh này chỉ có Ngài Trường Thủy là xếp lại có thứ tự.

Nói rằng : Bản Diệu Viên Tâm không phải là tâm, không phải là không, hết thấy đó, là tóm về *chẳng phải tướng* để hiển bày Chân Đế.

Nói rằng : Nguyên Minh Diệu Tâm tức là tâm, tức là không, hết thấy đó, là tóm về *tức là tướng* để hiển rõ Tục Đế.

Nói rằng : Diệu Minh Tâm Nguyên *lià tức là, lià chẳng phải* cũng *tức là cũng chẳng phải*, là tóm về phủ che và soi chiếu để hiển bày Trung Đạo. Phủ che cả chân lẫn tục, nên nói *lià tức là, lià chẳng phải*. Chiếu soi cả chân và tục, nên nói *cũng tức là cũng chẳng phải*.

Ba Đế là một thể, nên đều nói tức là Như Lai Tạng.

Ban đầu, lấy cái *chẳng phải* để dẹp tướng, kể đó lấy chỗ *tức là* để dẹp cái *chẳng phải*, cuối cùng nói rằng còn mang vác danh từ, lời nói thì chưa cùng tột ý chỉ của Nhất Chân. *Lià tức là lià chẳng phải*, không cả *chẳng phải* và *không chẳng phải*, ngôn ngữ hết đường, tâm hành tuyệt dấu, mới hiển lộ Nhất Chân pháp giới Như Lai Tạng Tâm. Cho nên, trong kinh Duy Ma Cật, ba mươi một vị Bồ tát thuyết pháp môn Bất Nhị đều dùng lời nói để dẹp hình tướng, còn Ngài Văn Thù lấy lời nói để dẹp lời nói. Đức Duy Ma Cật lấy không lời nói mà dẹp lời nói, mới là rốt ráo.

Tất cả pháp thế gian không ra ngoài năm ấm, bảy đại, căn, trần, xứ, giới. Pháp xuất thế gian không ra ngoài Thanh Văn, Duyên Giác Nhị thừa. Chỉ có Bồ tát với Phật, ở nơi thế mà xuất thế, chẳng có chuyên về xuất thế vậy. Tâm thuộc về thức, nên thu nhiếp năm ấm, nhãn thức giới v.v...

thì thu nhiếp mười hai xứ. Đó là sáu cõi phàm phu vậy. Hàng Duyên Giác quán mười hai nhân duyên, có tướng sanh khởi, có tướng tu trừ, đó là cảnh giới Duyên Giác. Biết cái Khổ, đoạn cái Tập, chứng Diệt, tu Đạo, là cảnh giới Thanh Văn. Có Trí, có đức, cho đến sáu Ba La Mật, là cảnh giới của Bồ tát. Ba hiệu Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri và bốn đức Niết Bàn, Thường, Lạc, Ngã, Tịnh đều là Phật Giới. Thế gian và xuất thế gian không ngoài những cảnh giới trên. Nếu nơi mỗi giới mà chấp trước vào cái *tức là* thì chẳng có tròn vẹn, nên phải ở nơi *chẳng phải* mà thấy tròn vẹn. Một khi chấp trước lấy cái *chẳng phải*, thì chẳng diệu, nên phải ở nơi *tức là* để thấy cái Diệu. Diệu mà Minh, Minh mà Diệu, chẳng phải *tức*, chẳng phải *phi*, cũng là *tức*, cũng là *phi*, năng sở đều lìa, không còn chút bóng dáng vang vọng nào khá được, đó là Bồ Đề vô thượng chân thật vậy.

Ngài Mã Minh nói : “Cái Chân-Thật-Không ấy là từ xưa đến nay không tương ứng với tất cả nhiễm pháp, lìa tất cả pháp và tướng sai biệt, không có một chút tâm phân biệt hư vọng vậy. Nên biết Chân Như chẳng phải là có tướng, chẳng phải là không có tướng, chẳng phải là hữu-vô-tướng, chẳng không phải hữu-vô-tướng, chẳng phải tướng *khác*, chẳng tướng *một* hay *khác*, chẳng phải không tướng *một*, *khác*. Nói tóm lại, vì hết thấy chúng sanh có phân biệt hư vọng, nên không thể tiếp xúc được Chân Như. Thế nên, chúng sanh ba cõi thì thấy cái Giả của Chân Như ; Thanh Văn, Duyên Giác thì thấy cái Không của Chân Như, nên đối với Trung Đạo Đế của Bồ tát còn không thể đo lường nổi, huống là Đệ Nhất Nghĩa Đế. Chỉ có Phật cùng với Phật mới có thể thấu suốt rốt ráo. Ngay hàng Đẳng Địa Bồ tát, còn có chỗ chẳng thấy, thì há ngôn ngữ thế gian mà có thể suy đoán tâm hơi ư ? Vô Thượng Bồ Đề không thể lấy tâm

trí mà biết, không thể lấy lời lẽ nói năng mà nhập, càng thâm nhập thì càng thấy chỗ nhiệm mầu của nó vậy.”

Có nhà sư hỏi Tổ Mã Tổ<sup>(1)</sup> : “Hòa thượng vì sao nói “Tức tâm tức Phật” ?”

Đáp : “Để đỡ trẻ con nín khóc.”

Hỏi : “Nín rồi thì như thế nào ?”

Đáp : “Chẳng phải tâm, chẳng Phật.”

Hỏi : “Người ngoài hai loại ấy đến chỉ dạy làm sao ?”

Đáp : “Vì y mà nói chẳng phải vật.”

Hỏi : “Bỗng gặp người trong ấy đến thì như thế nào ?”

Đáp : “Liên dạy y thể hội đạo lớn.”

Ngài Mã Tổ đã ở trong Niết Bàn Diệu Tâm nên xuất lời, hà hơi đều hợp với tâm đó.

Lại nữa, Đức Mã Tổ nghe Ngài Đại Mai trụ sơn, mới bảo nhà sư đến hỏi : “Hòa thượng ra mắt Mã Đại sư, được cái gì mà trụ núi này ?”

Ngài Đại Mai nói : “Đại sư nói với tôi “Tức Tâm, tức Phật”. Tôi bèn ở trong ấy mà trụ.”

Nhà sư nói : “Gần đây, Phật Pháp của Đại sư lại khác.”

Ngài Mai nói : “Ra sao ?”

Đáp : “Đại sư lại nói : Chẳng phải tâm, chẳng phải Phật.”

Ngài Đại Mai nói : “Cái ông già ấy làm mê loạn người chưa có ngày thôi ! Mặc kệ ông ta chẳng phải tâm, chẳng phải Phật. Tôi vẫn tức tâm, tức Phật !”

---

<sup>1)</sup> Đạo Nhất Thiên sư, xứ Giang Tây, đời Đường. Là người kế pháp của Tổ Nam Nhạc Nhượng. Ngài họ Mã thị, đời ấy gọi là Mã Tổ. Trong niên hiệu Nguyên Hòa được phong tặng là Đại Tịch.

Nhà sư ấy về thưa lại với Đức Mã Tổ, Ngài nói : “Trái mơ (Đại Mai) chín rồi vậy.”

Thiền sư Đông Tự Hội thường sợ đệ tử lấy câu “Tức tâm, tức Phật” mà đàm luận, ghi nhớ, đọc tụng không ngừng. Ngài bảo : “Phật trụ chỗ nào mà nói tức tâm ? Tâm như ông thầy vẽ, sao nói tức Phật ?” Bèn khai thị cho chúng rằng : “Tâm chẳng phải Phật, trí chẳng phải Đạo. Gươm mất đã xa rồi, mới khắc dấu vào ghe !”

Tổ Nam Tuyền có lần nói : “Giang Tây Mã Tổ dạy tức tâm tức Phật, Vương Lão sư (là Nam Tuyền) chẳng nói thế ! Chẳng phải tâm, chẳng phải Phật, chẳng phải vật, nói như thế thì có lỗi gì chẳng ?”

Ngài Triệu Châu lễ bái rồi bỏ đi ra.

Khi ấy có nhà sư hỏi Tổ Triệu Châu : “Thượng tọa lễ bái rồi bỏ đi ra, là ý gì thế ?”

Ngài nói : “Ông hãy trở lại hỏi lấy Hòa thượng.”

Nhà sư bèn hỏi Tổ Nam Tuyền : “Vừa rồi ý của Triệu Thượng tọa là thế nào ?”

Tổ Tuyền nói : “Ông ấy lãnh hội được ý chỉ lão tăng.”

Ở nơi chỗ dụng xứ của các vị Lão túc mà chẳng có nghi, mới có thể nhập Phật Tri Kiến.

Kinh : “Ví như đàn cầm, sắt, không hầu, tỳ bà tuy là có diệu âm, mà không có ngón tay diệu thì rốt cuộc chẳng phát ra được. Ông và chúng sanh cũng như thế đó. Cái Chân Tâm hằng giác quý báu, mỗi mỗi đều tròn đủ. Như ta ấn ngón tay thì Hải Ấn phát ra ánh sáng. Còn các ông vừa tạm khởi tâm, thì trần lao đã nổi dậy. Do chẳng siêng năng cầu đạo Vô Thượng Giác, ưa nhớ Tiểu thừa được chút ít đã cho là đủ.”

*Thông rằng* : Diệu Minh, Minh Diệu chính là Diệu Âm này, với cái diệu của ngón tay đều chẳng phải là chỗ nghĩ bàn có thể đến được. Tức là như ta ấn ngón tay, tiếng nhiệm mầu theo đó phát ra, như Hải Ấn phát sáng, sắc sắc tròn đầy, có gì tạo tác đâu ?

Kinh Đại Tập nói : “Toàn thể sắc tượng của cõi Diêm Phù Đề đều là ấn văn của đại hải, nên gọi là Hải Ấn.”

Các ông thì vừa mới móng tâm, cũng như đàn với tay chẳng có rập nhau, đã chẳng nghe được nhiệm mầu, mà trần lao nổi lên loạn xạ. Chỉ vì dùng cái tâm sanh diệt tương ứng với Như Lai Tạng, không tùy thuận định huệ chiếu soi, mà tùy với vô minh phiền não, nên có trần lao. Trần lao che khuất thì tuy có Chân Tâm Bảo Giác, mỗi mỗi tròn đầy, cũng không thể phát ra được.

Thiền sư Đông Minh Thiên, một hôm đang đọc kinh Lăng Nghiêm, có vị đạo giả tên Trung hỏi : “*Như Ta ấn ngón tay thì Hải Ấn phát quang, ý Phật như thế nào ?*”

Ngài nói : “Cái lão Thích Ca, đáng cho hai mươi gậy !”

Hỏi : “Vì sao như thế ?”

Đáp : “Dùng ấn ngón tay làm gì ?”

Hỏi : “Ông vừa móng tâm, trần lao đã nổi, lại là sao ?”

Đáp : “Đó cũng là Hải Ấn phát quang !”

Kỳ diệu thay, kỳ diệu thay ! Phải thấy được như thế mới gọi là chuyển Lăng Nghiêm.

Thiền sư Tiến Phúc Ngô Bổn thượng đường nói : “Vua Càn Thát Bà vừa tấu nhạc, thì núi sông, đất đai đều nhảy múa. Có đâu như lão què Vân Môn, thoát đạo Hai Mươi Lăm tháng Chạp ! Bác Sơn này ngày nay, có *Điều* thì chụp *Điều*, không có *Điều* thì chụp lấy *Lệ*, chỉ cần ứng với thời tiết.”

Bồng cầm lên cây gậy, gác ngang đầu gối, làm thế gảy đàn, rồi nói : “Có nghe thưởng thức tiếng đàn chăng ?”

Chập lâu nói rằng : “Dầu cho làm tiếng phụng hoàng kêu. Rốt cuộc có ai hay chỉ pháp !”<sup>(1)</sup> Đánh vào bàn một cái, rồi xuống tòa.

Than ôi, Chỉ Pháp há thật chẳng truyền sao ? Siêng năng cầu đạo Vô Thượng Giác, tự mình hiện được đó.

### **CHỈ MÊ VỌNG KHÔNG CÓ NHÂN, HẾT MÊ LÀ BỒ ĐỀ**

Kinh : Ông Phú Lô Na thưa : “Chân Tâm tròn sáng, trong sạch nhiệm mầu của tôi và của Như Lai, đều tròn đầy không hai, thế mà tôi từ xưa mắc lấy vọng tưởng, ở lâu trong luân hồi nay được Thánh Thừa, còn chưa rõ ráo. Thế Tôn thì các vọng đều diệt sạch, đợc chỉ một Chân Thường mầu nhiệm. Xin hỏi Như Lai, tất cả chúng sanh nhân gì mà có vọng, tự mình che lấp tánh Diệu Minh, phải chịu sự trôi chìm này ?”

Phật bảo ông Phú Lô Na : “Ông tuy trừ được nghi ngờ, mà các điều lầm còn sót lại chưa dứt hết. Nay ta lại lấy những việc thế gian trước mắt mà hỏi ông. Ông há chẳng có nghe trong thành Thất La Phiệt, có anh Diên Nhã Đạt Đa vào buổi sáng lấy cái gương soi mặt, bỗng ư cái đầu trong gương và mày mắt có thể thấy được, rồi nổi giận trách cái đầu của mình sao không thấy mặt mày, cho là loài yêu quái, rồi không vì có gì phát điên lên bỏ chạy. Ý ông thế nào ? Người ấy vì nguyên nhân nào mà khi không phát điên bỏ chạy ?”

---

<sup>1)</sup> Pháp của ngón tay.



Ông Phú Lô Na thưa : “Tâm người ấy điên cuồng, chứ không có lý do nào khác.”

Đức Phật nói : “Tánh Diệu Giác tròn đầy vốn sáng suốt, nhiệm mầu tròn khắp. Đã gọi là vọng thì làm sao có nhân, nếu có nguyên nhân thì sao gọi là vọng ? Chỉ tự các vọng tưởng xoay vần làm nhân cho nhau, từ cái mê mà tích chứa thêm mê, trải qua vô số kiếp nhiều như bụi. Tuy Phật chỉ rõ ra, còn chưa thể trở lại. Như thế, nguyên nhân của mê chỉ là nhân mê mà tự có. Tỉnh ngộ cái mê ấy vốn không có nguyên nhân, vọng nào còn có chỗ nương dựa ? Còn không có chỗ sanh ra, muốn diệt cái gì ?

“Người được Bồ Đề như người tỉnh giấc, kể lại chuyện trong chiêm bao, tâm dù rõ ràng nhưng đâu còn nhân duyên nào nữa để cầm được vật trong mộng ? Huống là cái mê thấy mọi sự hiện giờ chẳng có nguyên nhân ở đâu cả, vốn không chỗ có ! Như anh chàng Diễm Nhã Đạt Đa<sup>(1)</sup> trong thành kia nào có nhân duyên gì, bỗng tự sợ cái đầu mình rồi bỏ chạy. Tự nhiên hết điên, thì cái đầu đâu phải từ ở ngoài mà có được. Dầu chưa hết cuồng, cái đầu kia cũng có khi nào mất.

“Phú Lô Na, bản tánh của vọng là như vậy đó, đâu có nguyên nhân gì mà có ?

“Ông chỉ không tùy theo phân biệt các thế gian, nghiệp quả và chúng sanh, ba thứ tương tục đó. Ba duyên

---

<sup>1)</sup> Ở đây, lấy cái đầu của mình ví dụ cho Chơn Tánh ; cái đầu trong gương ví dụ cho vọng tưởng ; chỗ vui vẻ thấy cái đầu trong gương có mặt mày ví dụ chỗ nhìn nhận cái giả tưởng là thật, chấp cứng, chẳng chịu bỏ. Chỗ chẳng thấy cái đầu của mình là vì Chơn Tánh không có hình tướng chi cả.

ấy đã đoạn, thì ba nhân cũng chẳng sanh, liền trong tâm ông cái điên cuồng của chàng Diên Nhã Đạt Đa tự hết. Hết đó tức là Bồ Đề, cái tâm tuyệt vời trong sạch sáng suốt, vốn khắp cùng pháp giới, không do đâu mà được, nào phải nhờ nhần khổn thiết tu chứng gì đâu.”

*Thông rằng* : Ông Phú Lô Na đã chứng *Hết Lộ*, đã được Thánh Quả, sao lại còn các điều mê lầm còn sót chưa hết dứt ? Chỉ vì trước kia có dụng công diệt trừ vọng tưởng, nghĩa là cái tâm diệt trừ vọng tưởng này chính là cái giác mình phân biệt sợ cái đầu của mình mà phát điên bỏ chạy ! Diệt vọng cầu chân, có cái chân để đắc thì cũng như nhìn cái đầu trong gương, mà mắt thấy được. Chân nào có mất bao giờ, nhưng khó nổi do lường, cũng như cái đầu vốn chẳng hề mất mà mặt mà khó thấy. Một khi sanh phân biệt đây là chúng sanh, đây là nghiệp quả rồi cho là khác với Chân Như của ta. Thế dầu có được Chân Như, do đoạn trừ vọng mà chứng đắc, cũng chẳng phải là Tự Tánh Thiên Chân Phật xưa nay vậy. Ông Phú Lô Na chưa thấu rõ chỗ này, nên cho rằng Vọng đã có thể diệt, thì vọng sanh ắt phải có nguyên nhân, cần biết cái nguyên nhân của nó, mới đoạn trừ được.

Ở đoạn trước đã nói : nhân Minh mà lập Sở, chính bởi vì thế mà vọng sanh ra. Thế ấy cũng là phân biệt, chính thật là vọng !

Đức Thế Tôn chỉ thẳng Đốn Môn, chẳng cần diệt vọng, chỉ ngưng đi phân biệt, thì Bồ Đề tự sẵn đủ. Chỉ thôi chạy điên, thì cái đầu xưa vẫn y nguyên ra đó !

Sở dĩ vọng phân biệt, vọng chạy điên, là vì tích chứa mê lầm mà có. Cái mê vốn chẳng nhân đâu mà có, không từ mê mà sanh ra, không từ ngộ đến. Mê đã không gốc gác

gì, thì vọng nương đâu mà có ? Vọng thật không chỗ nương, vọng vốn chẳng sanh vậy. Vọng nguyên là chẳng sanh, không đâu mà có thể diệt. Diệt mà không đâu có thể diệt, đó là Tịch Diệt hiện tiền.

Tánh Diệu Giác tròn sáng, vốn sáng suốt nhiệm mầu tròn khắp, nguyên là không có chuyện sanh diệt, tuyệt không có mảy mún vọng nào cả. Trong Bồ Đề, tìm cái chân còn không thể được, thì từ chỗ nào kiếm được cái vọng ư ?

Cho nên, không tùy thuận theo phân biệt nơi chỗ sanh ra của ba thứ tương tục cùng cái nhân duyên đoạn trừ để cho khởi sanh ra, tức thì một tâm niệm chẳng sanh, vạn pháp nào có lỗi ? Đó là cái Bồ Đề tuyệt trần trong sạch, nào mượn sức người tu chứng để được ư ? Ba duyên tịch diệt, ba nhân chẳng sanh, ở ngay trong đó mà tự thành Diệt Tận định.

Ông Phú Lô Na đều thường khởi ra các sự phân biệt, cho là Bồ Đề do tu chứng mà được. Chỉ cần dừng phân biệt rồi rảnh như vậy, thì không có vọng nào để phá diệt, không có chân nào khó đắc, bèn là thanh tịnh bốn nhiên, toàn khắp pháp giới. Nếu nói Như Lai Diệu Chân Thường, là do cả thấy đều trọn dứt diệt mà chứng được, thì chưa thấy chỗ diệu kỳ của Như Lai vậy.

Có nhà sư hỏi Tổ Hoàng Bá : “Như nay hiện có đủ thứ vọng niệm, vì sao lại nói không ?”

Tổ Hoàng Bá nói : “Vọng vốn không có tự thể, chỉ là nơi tâm của ông khởi lên. Như ông biết tâm nguyên là Phật, tâm vốn chẳng có vọng, thì tâm nào có khởi, luống lại đi nhận vọng ư ? Như ông chẳng sanh tâm động niệm, thì tự nhiên chẳng có vọng nào cả. Do đó mới nói : tâm sanh thì thấy thấy pháp sanh, tâm diệt thì thấy thấy pháp diệt.”

Nhà sư hỏi : “Nay ngay lúc vọng niệm khởi, thì Phật tại chỗ nào ?”

Tổ Bá nói : “Nay ngay khi ông tỏ ra biết vọng niệm khởi lên, thì cái tỏ biết đó chính là Phật. Còn trong ấy mà không có vọng niệm, thì Phật cũng không. Vì sao như thế ? Vì ông khởi tâm làm nên cái thấy Phật, bèn là có Phật để thành. Làm nên cái thấy có chúng sanh, bèn là có chúng sanh để độ. Khởi tâm động niệm đều là chỗ thấy của ông. Nếu không có tất cả mọi cái thấy thì Phật có ở chốn nào ? Như Ngài Văn Thù vừa khởi lên cái Phật kiến, liền bị hai ngọn núi Thiết Vi đè !”

Nhà sư hỏi : “Nay chính lúc tỏ ngộ, Phật ở tại chốn nào ?”

Tổ Bá đáp : “Cái hỏi đó từ đâu mà lại ? Cái giác đó từ đâu mà khởi lên ? Nói, nín, động, tịnh, cả thấy thanh sắc, toàn là Phật sự, chỗ nào tìm Phật ? Chẳng thể trên đầu lại chồng thêm cái đầu, trên miệng để thêm cái miệng ! Chỉ đừng sanh dị kiến, thì núi là núi, nước là nước, tảng là tảng, tục là tục. Núi sông đại địa, nhật nguyệt tinh tú đều chẳng ra ngoài tâm ông. Tam thiên thế giới đều là tự kỷ của ông. Chỗ nào mà có lắm thứ ? Ngoài tâm không pháp, ngập mắt núi xanh, thế giới, hư không, xứ xứ sáng rõ, không một mảy tơ để ông chen vào kiến giải. Thế nên, tất cả thanh sắc là con mắt huệ của Phật. Pháp chẳng khởi lên một mình, nương cảnh mới có sanh, vì có vật mà có nên nhiều trí. Suốt ngày nói mà nào từng nói. Suốt ngày nghe mà nào từng nghe. Như thế nên Đức Thích Ca bốn mươi chín năm thuyết pháp mà chưa hề nói ra một chữ.”

Nhà sư hỏi : “Nếu như thế, chỗ nào là Bồ Đề ?”

Tổ Bá nói : “Bồ Đề không là chỗ nào hết. Phật cũng chẳng đắc Bồ Đề, chúng sanh chẳng mất Bồ Đề. Không thể

lấy thân mà được đó, không thể lấy tâm mà cầu đó. Tất cả chúng sanh tức là tướng Bồ Đề.”

Nhà sư hỏi : “Như thế nào phát Bồ Đề Tâm ?”

Tổ Bá nói : “Bồ Đề là không chỗ đắc. Nay ông chỉ phát tâm Vô Sở Đắc, quyết định không có một pháp nào để đắc, tức là Bồ Đề Tâm. Bồ Đề không có chỗ sanh ra, cho nên không có chuyện đắc. Thế nên nói rằng : “Ta ở chỗ Phật Nhiên Đăng, không có chút pháp nào có thể đắc, Phật bèn thọ ký cho Ta”. Phải rõ rằng, tất cả chúng sanh vốn là Bồ Đề, không lẽ trở lại đắc ư ? Giờ đây ông hỏi phát Bồ Đề Tâm, muốn đem một cái tâm mà học lấy Phật Đạo. Chỉ nghĩ định làm Phật Đạo thôi, thì mặc cho ông tu ba a tăng tỳ kiếp cũng chỉ định được cái Báo Thân, Hóa Thân Phật. Thế thì đối với cái Chân Tánh Phật bốn nguyên của ông có giao thiệp gì ? Nên nói : Cầu bên ngoài ông Phật có hình tướng, thì có giống gì ông đâu ?”

Lại Tổ Lâm Tế nói rằng : “Chư vị học đạo ở các nơi nói có đạo để tu, có pháp để chứng. Các ông thử nói xem chứng pháp gì, tu đạo gì ? Hiện giờ đây chỗ dùng của các ông có thiếu hụt cái gì đâu ? Sửa sang thêm thất chỗ nào ? Các ông thấy trẻ tuổi hậu sinh không hiểu, liền tin ngay dám cáo chồn tinh my đó, để cho họ bày chuyện trói buộc người khác.

“Họ nói : Hình tướng đạo lý là do giữ gìn, mền tiếc ba nghiệp mới được thành Phật.

“Nói như vậy thì chỉ như mưa bụi mùa xuân.

“Cổ nhân nói : Trên đường gặp người dạy đạo, thứ nhất là chẳng hướng về đạo !

“Do đó mà nói :

“Nếu người tu đạo, đạo chẳng hành  
 Muôn ngàn tà cảnh lại đua sanh  
 Gươm trí đưa ra không một vật  
 Cái sáng chưa bày, tối đã minh !”

“Bởi thế, cổ nhân nói “Bình thường tâm là Đạo.” Đại đức tìm kiếm cái gì ? Ngay bây giờ đây, cái trước mắt nghe pháp là đạo nhân không chỗ nương,<sup>(1)</sup> khắp chốn rõ ràng phân minh, chưa từng thiếu hụt. Các ông như muốn cùng Phật, Tổ chẳng khác, chỉ như thế mà thấy, chẳng khởi nghi lằm. Như các ông tâm tâm chẳng khác, thì gọi là Tổ. Tâm mà có chút sai khác đi : Tánh, tướng liền khác nhau. Tâm như như chẳng khác, thì tâm và tướng không hai.”

Lại có nhà sư hỏi Thiên sư Tiến Phúc Tư rằng : “Điện xưa không có Phật thì như thế nào ?”

Tổ Tư nói : “Phạm âm ở đâu tới ?”

Lại hỏi : “Chẳng mượn tu chúng, làm sao đắc thành ?”

Tổ Tư nói : “Tu chúng tức chẳng thành.”

Chỗ thấy của các vị Tôn túc, mỗi mỗi đều suốt hợp với ý chỉ “*Nào phải nhọc nhằn, ráo riết tu chúng gì đâu ?*” Đây tức là Niết Bàn Diệu Tâm, Chánh Pháp Nhân Tạng, nào phải chờ đến chuyện Linh Sơn đưa lên cành hoa, Ngài Ca Diếp mỉm cười, rồi sau mới gọi là “*biệt truyền tâm ấn*” ư ?

Kinh : “Ví như có người ở trong áo mình buộc một hạt Châu Như Ý mà không hay biết ; nên phải xin ăn lưu lạc phương xa, nghèo nàn gầy ốm. Tuy bần cùng hết sức nhưng hạt châu không hề mất. Bỗng dưng có người

---

<sup>1)</sup> Đạo nhân vô y.

trí chỉ bày cho hạt châu, liền muốn gì có nấy, thành giàu có lớn, mới hay hạt Thần Châu chẳng phải do ở ngoài mà được.”

*Thông rằng* : Kinh Pháp Hoa, kinh Lăng Nghiêm chỉ thẳng tâm người, thấy tánh thành Phật đều lấy hạt châu trong áo làm ví dụ. Như Lai Tạng Tánh, bị năm Ấm che đậy, như hạt châu buộc trong áo, nên không dễ thấy được. Hường ra ngoài chạy kiếm thì mỗi ngày đều thấy chẳng đủ, nghèo ốm ở phương xa, chạy cuồng chín cỗi. Cầu cái vui của trời, người, giữ riêng cái lợi ích nhỏ nhen, thì cũng còn là rong ruổi ăn xin. Còn như được bốn tâm, thì đầy đủ dư dật. Hạt châu tên như ý, muốn gì được nấy. *Nào ngờ tự tánh vốn tự sẵn đủ ! Nào ngờ tự tánh hay sanh muôn pháp !* (Lục Tổ khi ngộ đạo) Nên diệu dụng chẳng hề thiếu hụt, thành giàu có vô biên. Một hạt thần châu này, mê cũng chưa từng mất, ngộ cũng chẳng từng được. Chỉ được người trí chỉ cho, bèn tự thọ dụng không cùng, nào mượn chỗ tu chứng ư ?

Một hôm, Đức Thế Tôn đưa ra một viên ngọc ma ni tùy sắc, rồi hỏi các vị Thiên Vương của năm phương rằng : “Viên ngọc này màu gì ?”

Các vị Thiên Vương mỗi người nói mỗi màu khác nhau. Thế Tôn cất viên ngọc vào tay áo, rồi đưa tay lên hỏi : “Viên ngọc này có màu gì ?”

Các vị Thiên Vương thưa : “Trong tay Phật không có châu, lấy chỗ nào có màu ?”

Đức Thế Tôn than rằng : “Các ông sao mê mờ điên đảo lắm thế ! Ta lấy hạt châu của thế gian đưa ra thì mỗi ông đều tranh nhau nói màu xanh, vàng, trắng, đỏ... Còn ta đưa hạt châu thật ra chỉ cho, lại rút cuộc chẳng hay biết !”

Khi ấy, các vị Thiên Vương năm phương đều ngộ đạo.

Ngài Đại Châu, ban đầu ra mắt Đức Mã Tổ.

Tổ hỏi: "Từ đâu đến?"

Đáp rằng: "Ở chùa Đại Vân tại Việt Châu đến."

Tổ nói: "Đến đây định có chuyện gì?"

Đáp: "Thưa, đến cầu Phật Pháp."

Tổ đáp: "Kho báu nhà mình thì chẳng đoái hoài, bỏ nhà chạy rong làm chi? Ta, trong ấy một vật cũng không, ông cầu Phật Pháp nào?"

Ngài bèn làm lễ rồi hỏi: "Cái gì là kho báu nhà mình của Huệ Hải (Đại Châu)?"

Đức Mã Tổ nói: "Tức nay đang hỏi ta là cái đó. Kho báu của ông, hết thấy hiện thành, tuyệt không thiếu hụt, liền dùng tự tại, nào phải hướng ngoài tìm kiếm."

Ngài Đại Châu ngay dưới lời nói tự rõ bốn tâm, chẳng do hiểu biết, vui mừng lễ tạ, hầu Tổ trong sáu năm. Về sau, viết cuốn "Đốn Ngộ Nhập Đạo Yếu Môn Luận". Tổ xem rồi bảo với đại chúng: "Ở Việt Châu có viên ngọc lớn (Đại Châu), tròn sáng trong suốt, tự tại không gì ngăn ngại."

Ngài Ngưỡng Sơn tham lễ Thiên sư Đông Tự Hội.

Thiên sư hỏi: "Ông là người xứ nào?"

Ngài Ngưỡng đáp: "Người Quảng Nam."

Thiên sư Hội nói: "Tôi nghe ở Quảng Nam có viên minh châu trấn biển, có đúng không?"

Ngài Ngưỡng đáp: "Thưa, phải."

Tổ Hội nói: "Châu ấy như thế nào?"

Ngài Ngưỡng nói: "Không trăng thì ẩn, có trăng thì hiện."



Tổ Hội : “Có đem đến được không ?”

Ngài Ngưỡng : “Đem đến được.”

Tổ Hội : “Sao chẳng trình ra với lão tăng ?”

Ngài Ngưỡng Sơn khoanh tay bước tới, nói : “Hôm qua đến Quy Sơn cũng bị đòi hạt châu ấy ! Ngay ấy không có lời để đối đáp, chẳng có lý lẽ nào để đưa ra !”

Tổ Hội nói : “Thật là sư tử con khéo hay gặm rống !”

Trăm, ngàn năm về sau, nhờ có các vị Tôn túc hộ trì được hạt thân châu, chẳng do ngoài mà được, thì càng tin lời Phật chẳng có sai lầm.

## VII. LẠI PHÁ XÍCH NHÂN DUYÊN, TỰ NHIÊN

### A. XƯA NAY KHÔNG VỌNG

Kinh : Khi ấy Ông Anan ở trong đại chúng, đánh lễ chân Phật rồi đứng dậy thưa rằng : “Đức Thế Tôn hiện nói về các nghiệp sát, đạo, dâm. Ba duyên đã đoạn, nên ba nhân chẳng sanh. Tánh điên trong tâm chàng Nhã Đa tự hết, hết tức là Bồ Đề, chẳng từ ai mà được. Đây là nhân duyên rồi, thật là rõ ràng, tại sao Như Lai lại bỏ đi nghĩa nhân duyên ? Chính tôi từ nhân duyên mà tâm được khai ngộ.

“Bạch Thế Tôn ! Nghĩa ấy đâu chỉ đối với hàng Thanh Văn Hữu Học tuổi nhỏ như chúng tôi, mà nay trong hội này, Ông Đại Mục Kiền Liên, cùng Xá Lợi Phất, Tu Bồ Đề đều từ ông Lão Phạm Chí nghe được lý nhân duyên của Phật mà phát tâm khai ngộ, được thành vô lậu. Nay nhờ Phật dạy rằng Bồ Đề chẳng do nhân duyên, thì các thuyết tự nhiên của nhóm Câu Xá Ly thành Vương Xá lại thành Đệ Nhất Nghĩa ! Xin Phật rủ lòng từ bi, khai mở cho sự mê lầm.”

*Thông rằng* : Đức Thế Tôn dạy, “Ba duyên dứt lia, nên ba nhân chẳng sanh”, chính là dạy nhóm Ông Phú Lô Na chẳng tùy theo phân biệt các pháp ba thứ nhân duyên đoạn diệt nối nhau, thì tánh cuồng điên tự hết, Bồ Đề hiện tiền. Đó là Đức Phật chẳng muốn họ lấy cái tâm sanh diệt mà hợp với Như Lai Tạng, riêng mở ra một pháp môn Đốn Ngộ. Nghĩa là lấy sự đoạn trừ nhân duyên mà được cái bất sanh bất diệt còn chẳng cho phép thay, hướng là lại có nhân duyên sao ?

Ông Anan, một bề da vắn, quen theo cái biết nhân duyên và tự nhiên phá hoại lẫn nhau, rồi hiểu lầm rằng ba duyên đoạn dứt, ba nhân chẳng sanh, nghĩa là theo trong Tiểu thừa, ba nghiệp Sát, Đạo, Dâm chẳng có duyên theo thì ba nhân Tham, Sân, Si chẳng sanh ra. Nếu có nhân duyên thì có đối đãi, rõ ràng thế kia, sao có thể nói là không có nhân duyên ? Ngay như Ông Đại Mục Kiền Liên, Xá Lợi Phất gặp được Tỳ kheo Mã Thắng dạy cho “Các pháp theo nhân duyên mà sanh, các pháp theo nhân duyên mà diệt”, ngay dưới lời nói chứng Sơ Quả, thế là do nhân duyên mà khai ngộ. Các Trưởng lão cũng đều như thế. Nay Phật bỏ lý nhân duyên, thì hóa ra nhóm Mạt Già Lê, Câu Xá Ly nói rằng “Chúng sanh tuy có sướng khổ, nhưng không có nhân duyên, chỉ tự nhiên như vậy thôi”, thì có gì khác đâu ? Há chẳng biết rằng nghe lý nhân duyên của Phật, được thành vô lậu, thì chỗ nói “Theo duyên mà sanh, theo duyên mà diệt” là đã ngộ thấy cái yếu chỉ vô sanh. Cái sanh diệt kia, đều là duyên đó vậy, cho nên, đắc vô lậu, há lại vướng mắc ở nhân duyên ư ?

Thị giả Hội Thông của Tổ Ô Sào một ngày kia muốn từ giả mà đi.

Tổ Sào nói : “Nay ông đi đâu ?”

Đáp : “Hội Thông này vì pháp mà xuất gia, Hòa thượng chẳng rủ lòng từ dạy bảo, nên nay đi các nơi để học Phật Pháp.”

Tổ Sào nói : “Nếu là Phật Pháp thì ở đây ta cũng có chút ít.”

Hỏi : “Như thế nào là Phật Pháp của Hòa thượng ?”

Tổ Ô Sào liền rút ra một sợi lông bố, đưa lên mà thổi.

Thầy Hội Thông bèn lãnh ngộ.

Ngài Phần Dương tụng rằng :

*“Sơ tâm thị giả mộ thắng duyên  
Biệt thầy định trải học tham thiền  
Ô Sào biết đấy, cơ duyên đến  
Thổi lông, ngay đó được tâm an.”*

Như cái cơ duyên này, há cũng nói là nhân duyên ư !

Kinh : Phật bảo Ông Anan : “Như Anh Diễn Nhã Đạt Đa ở trong thành, cái nhân duyên tánh cuồng mà diệt trừ được, thì cái tánh không cuồng tự nhiên hiện ra. Các lý lẽ nhân duyên, tự nhiên rốt cuộc chỉ là như vậy.

“Anan, Anh Diễn Nhã Đạt Đa cái đầu vốn là tự nhiên, vốn tự như thế, có khi nào mà không tự nhiên đâu, thì vì nhân duyên gì mà sợ cái đầu để phát điên cuồng bỏ chạy ? Nếu cái đầu là tự nhiên, vì nhân duyên mà điên thì sao không cứ tự nhiên, vì nhân duyên mà mất ? Cái đầu vốn không mất, mà sự điên cuồng sợ hãi vọng có ra, chứ nào có bao giờ thay đổi gì, thì nào phải cần đến nhân duyên. Nếu tính điên vốn là tự nhiên, vốn có sẵn sự điên rồi sợ hãi như vậy, thì khi chưa điên, cái điên ấy núp trốn chỗ nào ? Nếu tính không điên là tự

nhiên, thì cái đầu cũng vẫn tự nhiên, sao lại điên cuồng bỏ chạy ? Nếu ngộ cái đầu vốn sẵn như thế, biết sự phát điên bỏ chạy của mình, thì nhân duyên và tự nhiên đều là hý luận.

*Thông rằng* : Nếu nói nhân duyên đoạn diệt rồi sau đó Chân Tánh Bồ Đề tự nhiên hiện ra, thì chẳng phải là chánh luận. Chuyện Anh Diễn Nhã Đạt Đa sợ đầu bỏ chạy mà xét cho cùng, thì chẳng phải nhân duyên, chẳng phải tự nhiên, dứt khoát rõ ràng vậy. Trước tiên, lấy cái đầu mà luận, thì cái đầu vốn tự nhiên, chắc không thể vì nhân duyên mà bị đoạt mất. Thế sao vì nhân duyên soi gương mà phát cuồng ? Đã cho nhân duyên là đúng, thì tự nhiên không còn đứng vững, thế thì tại sao không do nhân duyên mà thật mất cái đầu ? Nhưng cái đầu vốn chẳng mất, anh chàng kia tự cuồng mà chạy, thì cái cuồng này vốn hư vọng có ra, thì rõ ràng chẳng có liên quan gì đến chuyện nhân duyên vậy. Đã chẳng từ nhân duyên mà sanh, cũng chẳng theo nhân duyên mà diệt, mà nói nhân duyên tánh cuồng có thể diệt trừ được, là hoàn toàn sai lầm vậy.

Lấy tánh cuồng mà luận, nếu tánh cuồng vốn là tự nhiên thì nó núp trốn ở đâu ? Còn tánh không cuồng là tự nhiên thì tại sao điên chạy ? Cuồng hoặc không cuồng đều không có tự tánh, chẳng có liên quan gì đến lý tự nhiên, thật là rõ ràng như vậy. Đã chẳng phải là tự nhiên núp ẩn, cũng chẳng phải tự nhiên có ra, nên nói tánh không cuồng tự nhiên hiện ra là sai lầm vậy. Thế nên biết rằng, nói nhân duyên, nói tự nhiên nào có dính dáng gì với cái đầu ? Nói vốn là cuồng, nói vốn là không cuồng, thì nào có xong hết chuyện tánh cuồng ? Những thứ ấy đều thuộc về hý luận, chẳng có gì chân thật.

Chỉ cần ngộ được cái đầu xưa nay vốn có sẵn, vốn không hề mất. Biết rõ sự phát diên bỏ chạy, thì diên vốn hư vọng mà có ra. Chỉ một chữ ngộ này, chỉ một chữ biết này, tức là sự thọ dụng chân thật của nhà mình, chẳng có lời lẽ nói năng nào đến được nổi. Ngộ cái đầu, tức là ngộ Bản Lai Diện Mục, nào có chút gì đổi khác. Biết cuồng, tức là biết sự vọng sanh ra phân biệt mà chạy diên trong chín cõi. Cái ngộ ấy, cái biết ấy, như tia chớp, như lửa xẹt ra từ đá, trong khoảng sát na, há là cái chỗ đứng được của các thứ nhân duyên, tự nhiên sao ? Thế nên, nói rằng “Hết tức Bồ Đề, không do ai mà được, xa lìa các thứ nhân duyên và tự nhiên” là thế.

Thiền sư Trí Nham ở núi Ngưu Đầu, đời Đại Nghiệp nhà Tùy làm chức Lang tướng, lập nhiều chiến công. Đến đời Vũ Đức nhà Đường, bốn mươi tuổi bèn xin xuất gia, theo học Thiền sư Bảo Nguyệt. Có hai người bạn trước ở trong quân đội nghe Ngài ẩn tu, mới vào núi tìm Ngài. Gặp gỡ, mới hỏi rằng : “Lang tướng quân diên sao, ở chốn này làm gì ?”

Ngài đáp : “Cái diên của tôi thì sắp tỉnh, cái diên của các ông thì đang phát ! Than ôi ! Ham sắc mê thanh, tham danh muốn lợi, trôi lăn sanh tử, từ đâu mà có !”

Hai người cảm ngộ, than thở mà đi.

Sau, Ngài tham yết Thiền sư Lại Dung, phát minh được đại sự. Tổ Lại Dung bảo rằng : “Ta lãnh nhận yếu quyết chân chánh của Đại sư Đạo Tín, chỗ sở đắc đều mất sạch. Nếu như có một pháp vượt hơn Niết Bàn, ta cũng nói như là mộng huyễn. Ôi ! Một mảy bụi bay mà che trời ! Một hạt cải rơi mà trùm đất ! Ông nay đã trải qua cái thấy ấy, ta lại còn gì nói nữa.”

Bởi thế, hết duyên thì như Ngài Trí Nham, có thể nói là chân ngộ vậy.

## B. ĐƯA VÀO BỒ ĐỀ

Kinh : “Thế, nên Ta nói : Ba duyên lia đứt, tức là tâm Bồ Đề. Tâm Bồ Đề sanh, tâm sanh-diệt diệt, đó cũng chỉ là sanh diệt. Diệt và sanh đều hết ráo, là vô công dụng đạo. Nếu có tự nhiên, như vậy là nói tâm tự nhiên sanh, tâm sanh-diệt diệt, thế cũng là sanh diệt, và cái không sanh diệt thì gọi là tự nhiên. Cũng như thế gian, những tướng hòa lẫn thành một thể gọi là tính hòa hiệp, còn cái chẳng hòa hiệp thì gọi là tính bản nhiên. Bản nhiên chẳng phải bản nhiên, hòa hợp chẳng phải hòa hợp, hòa hợp và bản nhiên đều lia. Lia và không lia đều chẳng phải. Câu nói ấy mới gọi là pháp không hý luận.

“Bồ Đề Niết Bàn còn ở xa lắm, nếu ông không trải qua nhiều kiếp siêng năng tu chứng thì tuy có ghi nhớ thanh tịnh diệu lý mười hai bộ kinh của mười phương Như Lai như cát sông Hằng cũng chỉ tăng thêm hý luận.

*Thông rằng* : Đoạn này giải bày rõ cái ý “*Nào nhờ siêng năng cần khổ tu chứng*”. Bỗng nhiên cuồng hết chẳng phải khó nhọc đoạn trừ duyên, nên không phải là nhân duyên. Nếu nói : “*Vì ba duyên đoạn đứt, thì ba nhân chẳng có sanh ra, nhờ nhân duyên đó mà được tâm Bồ Đề*”, thế là tâm Bồ Đề sanh là do tâm sanh-diệt diệt. Diệt vọng chứng chân thì chân cũng thành vọng, đó cũng chỉ là pháp sanh diệt thôi, chẳng phải là Bồ Đề. Cái nhân duyên như vậy thuộc về sanh diệt, nên cũng dễ hết.

Đến chỗ diệt và sanh đều hết ráo, thì không những tâm sanh diệt hết mà cái diệt sanh diệt cũng hết tận. Đã

không có sự sanh ra để diệt, tức là không có công phu nào để dùng. Ở trong đó nếu có cái bất sanh bất diệt mà gọi là tự nhiên, thì cái tâm tự nhiên này do nơi diệt và sanh đều hết mà hiển ra, đó là cái tâm tự nhiên sanh. Nhưng nhờ ở tâm sanh-diệt diệt mất mà có thì cũng là pháp sanh diệt, chẳng phải là Bồ Đề. Chữ “*cũng*” thật có ý vị ! Cái không sanh diệt kia gọi là tự nhiên, sao cũng gọi là sanh diệt ? Vì đối với cái sanh diệt mà hiển bày cái không sanh diệt, thế là có đối đãi vậy. Cũng như đối với hòa hợp mà hiển bày cái không hòa hợp. Có cái bản nhiên thì có cái không bản nhiên, có cái hòa hợp thì có cái không hòa hợp, rõ ràng toàn là đối đãi. Cũng như đối với sừng trâu có, rồi nói sừng thỏ không, nên cũng thuộc về sanh diệt. Cái kia chỉ làm *không* cái sanh diệt, chẳng có thể làm *không* cái tự nhiên. Cũng như nói “Nhà kia *không* có người”, thì mới chỉ làm “*không*” người ở trong đó, chứ chưa “*không*” được cái nhà. Đó không phải là cái thấy chân thật. Nên nói là hý luận.

Nếu giờ đây mà hợp và không hợp, bản nhiên và không bản nhiên, các pháp đối đãi, hết thấy đều xa lìa mà cũng không có cái tâm xa lìa, nên lìa hay hợp đều mất hết. Đã lìa sở, lại lìa năng ; năng sở đều lìa, chỉ là một Chân Thật, câu này mới gọi là pháp không hý luận.

Nhưng nếu y theo câu này mà giữ Bồ Đề Niết Bàn Vô Thượng, thì cũng còn xa lắm ! Vì sao thế ? Vì còn ở tại hữu vi, có công phu, có huân tập vậy. Bồ Đề Chánh Giác, Niết Bàn Diệu Tâm chỉ có thể ở tại sát na mà ngộ nhập, chẳng phải là chỗ ông trải qua nhiều kiếp cần khổ để tu chứng được. Cái chẳng do trải qua nhiều kiếp cần khổ tu chứng mà được, cái ấy không nương nhờ nhân duyên, tự nhiên gì ráo để đắc. Cái mà phải nhờ trải qua nhiều kiếp cần khổ tu chứng, thì tất phải do nhân duyên, tự nhiên mà

được. Cứ thế, thì tuy ghi nhớ diệu lý thanh tịnh của mười phương chư Phật là pháp không hý luận, cũng chỉ tăng thêm các thứ hý luận nhân duyên, tự nhiên mà thôi, nào có thật đắc được gì. Nên chi, nghe nói "Ba duyên đoạn dứt, ba nhân chẳng sanh, rồi theo đó phân biệt mà được tâm Bồ Đề", thì chẳng phải là thực đắc, đó là chỗ nói "*lấy tâm sanh diệt hợp với Như Lai Tạng*" vậy. Chỉ không theo đó mà phân biệt, thì tánh cuồng tự hết. Hết là Bồ Đề, không do ai mà được, bèn là thật đắc, vì là lấy cái chẳng sanh chẳng diệt hợp với Như Lai Tạng vậy. Cái cơ duyên tối thượng này, há đồng với lối nói tự nhiên của nhóm Câu Xá Lê được ư ?

Đức Lục Tổ dạy : "Cái bất sanh bất diệt mà ngoại đạo nói, là lấy diệt dừng sanh, lấy sanh mà bày ra cái diệt, thế là có diệt mà xem như không diệt, có sanh mà nói là chẳng sanh. Ta nói chẳng sanh chẳng diệt là vốn tự vô sanh, nay cũng không có diệt. Bởi thế, chẳng đồng với ngoại đạo."

Ngài Tiến Sơn Chủ hỏi Ngài Tu Sơn Chủ rằng : "Biết rõ tánh sanh mà chẳng sanh, thì vì sao còn lưu lại cái sanh ?"

Tu Sơn nói : "Mãng rớt cuộc thành tre chửi, như nay làm cật tre, khiến trở lại đầu được !"

Tiến Sơn nói : "Sau này ông sẽ tự ngộ chỗ ấy."

Tu Sơn nói : "Tôi chỉ như thế, ý chỉ của Thượng tọa như thế nào ?"

Ngài Tiến Sơn nói : "Cái này là Giám viện phòng, cái kia là Điển tòa phòng."

Ngài Tu Sơn bèn lễ bái.

Ngài Thiên Đồng tụng rằng :

*"Hoát nhiên mất chỗ nương  
Tự do nào chẳng quản*



Nước nhà bình ổn thấy ai đâu  
 Lực lượng móng sanh phân giai cấp  
 Thân tâm rỗng rang tuyệt thị phi  
 Thị phi tuyệt !  
 Lập cả đại phương : không dấu vết !"

Thế đó, chứng Bồ Đề Vô Thượng vốn đâu có sa vào thêm bực (giai cấp). Lại có dấu vết gì thấy được !

Kinh : “Ông tuy nói lý nhân duyên, tự nhiên, chắc chắn rõ ràng, người đời xưng ông là đa văn bậc nhất. Vậy mà lấy cái đa văn huân tập nhiều đời đó cũng chẳng khỏi nạn Cô Ma Đăng Già, phải đợi thần chú Phật Đảnh của Ta khiến cho lửa dâm trong lòng Cô Ma Đăng Già hết tức thời mà đắc A Na Hàm, hiện ở trong Pháp của Ta, tinh tấn như rừng, sông ái cạn khô, khiến ông giải thoát.

“Bởi thế nên, Anan, ông tuy nhiều kiếp ghi nhớ những bí mật màu nhiệm trang nghiêm của Như Lai, không bằng chỉ một ngày tu nghiệp vô lậu, lia xa thế gian hai thứ khổ ghét-thương. Như Cô Ma Đăng Già, trước là dâm nữ, do sức thần chú, tiêu tan lòng ái dục, nay ở trong Phật Pháp tên là Tánh Tỳ Kheo Ni. Cùng với Da Du Đà La là mẹ của La Hầu La, đồng ngộ được nhân đời trước, biết nhân khiến trải qua nhiều đời, tham ái là khổ, một niệm huân tu pháp thiện vô lậu ; một người được ra khỏi trói buộc, còn một người được thọ ký. Sao ông còn tự coi thường mình, ở mãi trong vòng nghe, thấy !”

Thông rằng : Rõ ràng là Ông Anan nhiều kiếp đa văn mà không tránh khỏi nạn Cô Ma Đăng Già, thế thì ghi nhớ diệu lý thanh tịnh của Như Lai không thể chứng quả được. Cũng rõ ràng là thần chú Phật Đảnh có thể khiến cho lòng

dâm của Cô Ma Đẳng Già tức thời tiêu hết, nghĩa là sự huân tu không thể nghĩ bàn khiến tự ra khỏi ràng buộc vậy. Nhớ giữ pháp bí mật nhiệm mầu trang nghiêm, tức là hữu lậu. Bỏ vọng theo chân, tức là hai cái khổ thương, ghét. Khổ còn không khỏi, huống là đắc quả ư ? Tu tập pháp môn viên đốn tức là vô lậu. Ngộ biết nhân đời trước, tham ái chẳng sanh, bèn được thọ ký, nào chỉ đắc quả thôi sao ? Cô Ma Đẳng Già chứng quả thứ Ba, A Na Hàm, gọi là ra khỏi trói buộc. Bà Da Du Đà La cũng là nhân duyên nhiều kiếp với Đức Thế Tôn, ở hội Pháp Hoa được thọ ký thành Phật. Đây chỉ là nữ giới mà một niệm xoay lòng còn nên bậc tinh tấn. Huống gì hàng Thanh Văn các ông, sao tự khinh thường mình, không liền đốn ngộ ? Đã thế lại nương nhờ nhân duyên trừ vọng mà bám lấy hý luận của ngoại đạo để ở mãi trong vòng thấy nghe sao ?

Thiền sư Sở Nam thượng đường nói : “Này các ông, dù có hiểu giáo pháp của chư Phật ba đời như rót nước vào bình, chẳng bằng một niệm tu Vô Lậu Đạo, khỏi bị nhân quả trời người trói buộc !”

Khi ấy có nhà sư hỏi : “Vô Lậu Đạo như thế nào để tu ?”

Tổ Sở Nam nói : “Chưa từng có Xà lê để nắm bắt !”

Hỏi : “Chưa từng có tôi đây, thì dạy ai nắm bắt ?”

Đáp : “Cái nắm cũng không !”

Được một hai lời chuyển ngữ này, thì ý chỉ chưa nói hết của Như Lai đã lộ rồi !



**MỤC CHÍN :**  
**CHỈ NGHĨA QUYẾT ĐỊNH**

**I. CÁC PHÉP TU HÀNH SAU KHI ĐỐN NGỘ, PHÁT BỒ ĐỀ TÂM**

Kinh : Ông Anan và cả đại chúng nghe lời Phật dạy, nghi lầm tiêu tan, ngộ được Thật Tướng, thân ý nhẹ nhàng an ổn, được cái chưa từng có. Rồi lại rơi nước mắt, đánh lễ chân Phật, quỳ thẳng, chấp tay mà bạch Phật rằng : “Đấng Vô Thượng Đại Bi, Thanh Tịnh Bảo Vương, khéo mở tâm chúng tôi, dùng đủ thứ nhân duyên như thế, phương tiện dìu dắt những kẻ chìm đắm trong tối tăm ra khỏi bể khổ.

“Bạch Thế Tôn, nay tôi được vâng nghe pháp âm như vậy, biết Như Lai Tạng, Diệu Giác Minh Tâm cùng khắp mười phương thế giới, trùm chứa các cõi nước của Như Lai trong mười phương, các cõi Phật Diệu Giác Vương trong sạch, quý báu trang nghiêm. Như Lai lại trách tôi đa văn mà không có công dụng, không kịp thời tu tập. Nay tôi giống như người long đong phiêu bạt, bỗng nhiên gặp vị Thiên Vương cho cái nhà tốt ; mặc dầu được cái nhà lớn, nhưng cần yếu phải do cửa mà vào. Xin nguyện Như Lai, không bỏ lòng đại bi, chỉ bày cho chúng tôi, những kẻ mờ tối trong hội này, rời bỏ Tiểu thừa, đều được con đường phát tâm căn bản đến Vô Dư Niết Bàn của Như Lai, khiến cho hàng Hữu Học biết theo đâu nhiếp phục các sự bám níu (phan duyên) lâu đời, được Tổng Trì Đà La Ni, nhập Phật Tri Kiến.”

Ông Anan nói lời ấy rồi, nắm vóc mọp sát đất, trong hội một lòng mong đợi ý chỉ từ bi của Phật.

*Thông rằng* : Từ lúc bắt đầu, phân lựa chân vọng để phát minh Tánh Giác, cho đến chỗ nói lên cái Tánh Chân Thắng Nghĩa trong thắng nghĩa, để thông suốt các nghi ngờ, vướng mắc khiến cho tin hiểu Chân Tánh là Tâm Nhân Địa. Cái Tâm Nhân Địa đã chân thật, mới có thể viên thành quả địa tu chứng. Thế nên, đoạn trước là phần Kiến Đạo. Từ đây về sau, riêng nói phần Tu Đạo.

Ông Anan đã được Pháp Thân, nhưng vẫn còn vô minh vi tế. Nay đã trừ các điều mê lầm, ngộ Thật Tướng, nhưng lại có lời than là không kịp thời tu tập. Rốt cuộc là vẫn còn là ở ngoài cửa. Tuy biết có cái nhà đẹp dễ của Thiên Vương nhưng chưa thể vào. Sở dĩ không được cái cửa để vào, thứ nhất là, do còn ưa mến Tiểu thừa, chẳng rõ con đường phát tâm căn bản ; thứ hai là, do sự bám níu, đó chính là cái khổ mà không thể nhập Tri Kiến Phật. Tuy là do thói quen đa văn khiến như thế, nhưng cũng là vì hàng Hữu Học trong hội mà hỏi.

Tổ Mục Châu nói với đại chúng rằng : “Tất cả các ông có được chỗ đầu mối để vào chưa ? Nếu chưa được cái chỗ đầu mối để vào, thì cần phải tìm cho ra chỗ đầu mối để vào, để sau này khỏi cô phụ lão tăng.”

Thiền sư Nghiêu Phong Xiêm thượng đường dạy : “Đông qua thu lại, cửa lâu dài mở hoác. Nếu vào được, chớ có chân chờ. Các Thượng tọa ! Hướng vào trong ấy bước vào được chưa ? Như bước vào được thì đúng như cổ nhân nói “Nơi đây là Di Lạc. Cửa nào chẳng Thiện Tài”. Nếu bước vào chưa được, ấy là các Thượng tọa tự mình chạy điên. Chớ có đau đầu đứng hoài như vậy ! Trân trọng !”

Có vị quan hỏi Tổ Mục Châu : “Ba cửa đều mở, theo cửa nào nhập ?”

Tổ Châu gọi lớn : “Thượng thơ !”

Quan ứng tiếng : “Dạ !”

Tổ Châu nói : “Theo cửa Tín mà vào.”

Vị quan lại thấy bức họa trên vách, hỏi rằng : “Hai vị Tôn giả đối mặt nhau bàn luận chuyện gì ?”

Tổ Châu đánh cây lộ trụ, nói : “Trong Ba Thân, thân nào chẳng nói pháp !”

Ngài Mục Châu môn phong cao ngất, đến chỗ này đều bày trọn hết rõ ràng, như tin đến nơi, bèn chẳng trải qua thứ bậc.

Kinh : Khi ấy, Đức Thế Tôn thương xót các hàng Thanh Văn, Duyên Giác trong hội chưa được tự tại nơi tâm Bồ Đề, cùng những chúng sanh về sau phát Bồ Đề tâm trong thời mật pháp, khi Phật diệt độ rồi, khai thị cho con đường tu hành nhiệm mầu vô thượng thừa, mà tuyên giảng cho Anan và các đại chúng rằng : “Các ông quyết định phát tâm Bồ Đề, đối với Pháp Tam Ma Đề nhiệm mầu của Như Lai chẳng sanh lòng mệt mỏi, thì trước hết nên rõ hai nghĩa quyết định của Sơ Tâm Giác Ngộ.

*Thông rằng* : Chỗ Ông Anan hỏi, có hai nghĩa : Một là, con đường căn bản phát tâm để đến Vô Dư Niết Bàn của Như Lai. Hai là, nhiếp phục tâm bám níu, nhập Phật Tri Kiến. Bởi thế, Đức Thế Tôn nói lên hai nghĩa quyết định.

Muốn biết con đường phát tâm căn bản, phải chọn lựa gốc rễ sanh tử, để được cái tánh không sanh diệt, lấy đó làm cái tâm Nhân Địa, rồi mới viên thành Diệu Đức Niết Bàn chẳng sanh chẳng diệt. Đây là nghĩa thứ nhất của Sơ Tâm.

Muốn nhiếp phục tâm phan duyên bám níu, phải xét rõ gốc rễ phiền não, biết sáu căn làm môi giới cho giấc, tự làm tự chịu. Chỉ cần chọn lựa một căn viên thông, một cửa mà thâm nhập, thì sáu căn hay biết kia, đồng thời trong sạch, đây là nghĩa thứ hai của Sơ Tâm.

Muốn đắc Vô Sanh, phải diệt sạch phiền não. Hết sạch phiền não, thì chứng Vô Sanh. Hai cái này chưa từng rời nhau được. Ở đây nói Diệu Tam Ma Đề, lại nói Diệu Tu Hành Lộ, là luôn luôn tỉnh thức nơi một chữ Diệu, cần yếu tương ứng với Diệu Minh, Minh Diệu, mà chẳng chấp lấy tướng để cầu Bồ Đề vậy.

Các hàng Thanh Văn, Duyên Giác chưa khởi được sự chấp nắm lấy tướng, nên ở trong Bồ Đề chưa được tự tại. Duy chỉ ngộ một cái Diệu này, chẳng mượn khó nhọc, cần cù tu chứng, mới gọi là Vô Thượng Thừa vậy.

Sơ Tổ Đạt Ma đến Kim Lăng, Lương Võ Đế hỏi : “Trẫm lên ngôi đến nay, xây chùa, chép kinh, độ tăng nhiều không kể xiết, vậy công đức thế nào ?”

Tổ đáp : “Đều không có công đức.”

Vua hỏi : “Vì sao không ?”

Tổ nói : “Đó chỉ là quả nhỏ của trời, người, là cái nhân hữu lậu, như bóng theo hình, tuy là có mà không thật.”

Vua hỏi : “Thế nào là công đức chân thật ?”

Tổ nói : “Trí trong sạch, tròn đầy, mẫu nhiệm, thể tự không tịch, công đức như thế không thể lấy thế gian cầu được.”

Vua lại hỏi : “Như thế nào là Thánh Đệ Đệ Nhất Nghĩa.”

Tổ nói : “Rỗng rang như nhiên, tuyệt không có Thánh.”

Vua nói : “Vậy trước mặt trẫm đây là ai ?”

Tổ nói : “Không phân biệt.”

Vua không lãnh hội được. Tổ biết căn cơ chẳng khế hợp, bèn ẩn qua Giang Bắc.

Ngài Tuyết Đậu tụng rằng :

*“Thánh Đế rỗng nhiên,  
 Có đâu nói trúng !  
 Đối Trẫm là ai ?  
 Lại nói : Không biết<sup>(1)</sup>  
 Bởi thế lặng lẽ qua sông  
 Há đâu khỏi sanh gai góc ?  
 Cả nước đuổi theo, không trở lại  
 Nghìn thuở, muôn xưa, chẳng nhớ nhau  
 Hết nhớ nhau !  
 Gió mát khắp cùng, đâu chỗ tốt ?”*

Ngài nhìn qua trái, qua phải rồi nói : “Trong ấy lại có Tổ Sư chăng ?”

Tự nói : “Có, thì kêu lại đây rửa chân cho lão tăng !”

Ngài Thiên Đồng tụng rằng :

*“Rỗng nhiên không Thánh  
 Căn cơ xa tít  
 Đắc, chẳng trúng nhằm mũi mà quơ búa  
 Thất, chẳng quày đầu mà rút vào ống bễ lò  
 Lặng lẽ ngồi yên tại Thiếu Lâm  
 Nín thính toàn nêu lên chánh lệnh  
 Thu trong, trăng chuyển, sương vẫn  
 Ban đêm sao Bắc Đẩu soi cán*

---

<sup>1)</sup> Biết : phân biệt.

*Y bát truyền con cháu không ngừng  
Từ đó trời người thành thuốc, bệnh."*

Nếu luận về con đường vô thượng thừa tu hành mẫu nhiệm, thì Thánh Đế Đệ Nhất Nghĩa còn chẳng chịu cho, huống là rơi vào nghĩa thứ hai, thứ ba !

## II. TÂM NHÂN ĐỊA

Kinh : “Thế nào là hai nghĩa quyết định của Sơ Tâm ? Anan, nghĩa thứ nhất là : Nếu các ông muốn rời bỏ Thanh Văn, mà tu Bồ Tát thừa để vào Tri Kiến của Phật, thì nên xét kỹ cái Nhân Địa Phát Tâm và cái Quả Địa Giác Ngộ là đồng nhau hay khác nhau. Anan ! Nếu ở nơi nhân địa mà lấy cái tâm sanh diệt làm gốc, nhân đó mà tu để cầu quả bất sanh bất diệt của Phật Thừa, thì không thể có chuyện ấy được.

*Thông rằng* : Đây là chỉ bày Thấy Tánh Đệ Nhất Nghĩa vậy. Nếu luận về Thấy Tánh, thì chẳng mượn ở công phu huân tập, mà chỉ quán xét chỗ nhân địa phát tâm cùng với quả địa giác ngộ là đồng hay khác. Bởi thế, thánh nhân không nghĩ suy mà đắc, không gắng sức mà vẫn trúng. Hạng Xích Tử<sup>(1)</sup> cũng chẳng lo nghĩ mà biết, chẳng học hành mà nên. Chẳng học tập, chẳng lo toan, là cái Nhân ; chẳng nghĩ suy, chẳng cố gắng, là cái Quả vậy. Nên nói : “Bậc đại nhân chẳng hề mất cái tâm xích tử. Nhân và quả vốn kế hợp, tuyệt không có tăng, giảm”. Không thấy tánh, đâu đủ sức nói lời ấy !

Ngài Mã Tổ khi còn tại núi Nam Nhạc, ở riêng một phòng nơi viện Truyền Pháp, chỉ tập ngồi thiền, ai đến thăm

---

<sup>1)</sup> Cái Tâm như con nít vô tư.



hỏi đều không màng đến. Đại sư Hoài Nhượng đến cũng chẳng để ý. Đại sư thấy Mã Tổ cốt cách khác thường, bèn nhớ lại lời tiên tri của Đức Lục Tổ, mới dùng những phương tiện dẫn dắt cho.

Một hôm, Đại sư lấy một viên gạch ra trước am mà mài. Mã Tổ cũng không để ý đến.

Lâu lắm, Ngài Mã Tổ mới hỏi : “Làm cái gì thế ?”

Đại sư đáp : “Mài để làm cái gương soi !”

Mã Tổ hỏi : “Mài gạch mà thành gương được sao ?”

Đại sư nói : “Mài gạch đã không thành gương, thì ngồi thiền hóa lại thành Phật ư ?”

Mã Tổ bèn rời chỗ ngồi thiền, nói : “Như thế nào là phải ?”

Đại sư đáp : “Ví như ngồi xe, xe chẳng đi, thì đánh xe là đúng hay đánh bò là đúng ?”

Mã Tổ không đáp được.

Đại sư lại nói : “Ông học tọa thiền, hay học tọa Phật ? Nếu học tọa thiền thì thiền chẳng phải là chuyện ngồi, nằm. Nếu học tọa Phật thì Phật chẳng phải là cái tướng ngồi, nên trong pháp vô trụ, chẳng có nắm bắt. Nếu ông tọa Phật tức là giết Phật. Nếu chấp vào tướng ngồi thì chẳng tỏ suốt được lý.”

Mã Tổ bèn lễ bái, và hỏi : “Dụng tâm như thế nào, liền hợp với Vô Tướng Tam Muội ?”

Đại sư nói : “Ông học pháp môn Tâm Địa, như gieo giống xuống. Tôi nói pháp yếu, như trời mưa thấm. Duyên ông thích hợp nên sẽ thấy Đạo.”

Mã Tổ nói : “Đạo chẳng phải là sắc tướng, làm sao có thể thấy ?”

Đại sư nói : “Pháp nhãn Tâm Địa thì thấy Đạo. Vô Tướng Tam Muội cũng thế.”

Ngài Mã Tổ hỏi : “Có thành hoại không ?”

Đại sư nói : “Nếu lấy sự thành hoại, tụ tán mà thấy Đạo, thì chẳng phải là thấy Đạo. Nghe kệ ta đây :

*“Tâm địa ngậm muôn giống  
Gặp mưa mầm đều sanh  
Hoa tam muội, vô tướng  
Nào hoại với nào thành.”*

Mã Tổ nghe qua lời dạy, hoát nhiên khai ngộ. Hầu Đại sư mười năm, ngày càng mật nhiệm, về sau hoằng hóa ở Giang Tây.

Đại sư Hoài Nhượng hỏi chúng : “Mã Tổ Đạo Nhất có vì chúng nói pháp không ?”

Chúng đáp : “Đã nói pháp cho chúng rồi.”

Đại sư nói : “Chưa thấy có ai mang tin tức của ông ta đến.”

Bèn sai một nhà sư đi, dặn rằng : “Đợi lúc ông ta thượng đường nói pháp, thì chỉ hỏi : “Làm sao ?” Ông ấy nói thế nào hãy nhớ lấy đem về đây.”

Vị sư đến chỗ Mã Tổ, làm y theo lời Đại sư dặn.

Khi trở về, nói với Đại sư rằng : “Đạo Nhất nói : Từ sau loạn rợ Hồ, ba mươi năm nay chưa hề thiếu tương muối.”

Đại sư bằng lòng.

Tổ Tuyết Phong gửi lời cho Tổ Nham Đầu rằng : “Từ khi ở Ngao Sơn thành đạo về sau, cho đến bây giờ no hoài chẳng đói.”

Thế thì, cũng tương tự với câu trên của Ngài Mã Tổ, đều là Nhân Địa Phát Tâm với Quả Địa Giác Ngộ không

có đồng, khác vậy. Kia học ngôi thiên, có tu có chứng, bèn thuộc về pháp sanh diệt, đối trong chỗ vô thượng thừa, xa bao ngàn dặm !

Kinh : “Do nghĩa đó, ông phải thấy rõ các vật của thế gian đều là pháp có thể làm ra, tất cả đều phải theo sự biến diệt.

“Anan, ông xem các pháp có thể làm ra trong thế gian, có cái nào là không hư hoại ? Nhưng không hề nghe hư không tan rã. Vì sao thế ? Vì hư không chẳng có thể làm ra, do đó trước sau không có hoại diệt. Vậy trong thân ông tướng cứng là địa đại, thấm ướt là thủy đại, hơi ấm là hỏa đại, động lay là phong đại. Do bốn cái ràng buộc này mà chia cái Diệu Giác Minh Tâm trong lặng tròn khắp của ông thành ra cái thấy, cái nghe, cái biết, cái xét nghĩ. Từ đầu đến cuối tạo thành năm lớp bản trước.

“Thế nào là Trước ? Anan, ví như nước trong, thanh khiết bản nhiên, còn bụi đất, tro cát kia bản chất là ngăn ngại. Hai bên tự thể như vậy thì không hợp nhau được. Có người thế gian, lấy bụi đất kia, ném vào nước sạch, thì đất mất đi ngăn ngại, nước mất đi trong sạch, hình trạng đục vẩn, gọi đó là trước. Năm lớp bản trước của ông cũng giống như vậy.

“Anan, ông thấy hư không khắp mười phương thế giới. Hư không và cái thấy chẳng phân rời nhau. Có cái không mà không có hình thể, có cái thấy mà không hay biết, đan nhau giả dối mà thành. Đó là lớp thứ nhất, gọi là Kiếp Trước.

“Thân ông hiện nắm giữ bốn đại làm cái thể, thấy, nghe, hay, biết bị che bít thành ra ngăn ngại. Còn các thứ

địa, thủy, hỏa, phong lại thành ra hay biết. Đan nhau hư vọng mà thành. Đây là lớp thứ hai, gọi là Kiến Trước.

“Lại trong tâm ông, những sự nhớ, biết, học tập, phát ra tri kiến, dung chứa hiện ra sáu trần. Rời trần thì không có tướng ; rời hay-biết thì không có tánh. Đan nhau hư vọng mà thành. Đây là lớp thứ ba, gọi là Phiền Nảo Trước.

“Lại tâm ông ngày đêm sanh diệt không ngừng, cái tri kiến thường muốn ở lại thế gian, nhưng nghiệp xoay chuyển thì lại thường dời đi các cõi. Đan nhau hư vọng mà thành. Đây là lớp thứ tư, gọi là Chúng Sanh Trước.

“Cái thấy, cái nghe của ông vốn tánh không khác nhau, mà do các trần cách trở, không do đâu lại sanh ra khác nhau. Trong tánh thì biết nhau, mà trong chỗ dùng lại trái ngược nhau. Cái đồng và cái khác mất chuẩn đích. Xen nhau hư vọng mà thành lập. Đây là lớp thứ năm, gọi là Mệnh Trước.

*Thông rằng* : Nghĩa thứ nhất là cần rõ con đường phát tâm căn bản, phải xét xem nhân địa phát tâm với quả địa giác ngộ là đồng hay khác. Gọi là xét xem thì hẳn phải xét kỹ : Cái gì là căn bản sanh tử, khác với quả địa giác ngộ ; cái gì là căn bản bất sanh bất diệt, đồng với quả địa giác ngộ ?

Vốn là một cái Diệu Giác Minh Tâm lặng trong tròn khắp, vốn không có sự chẳng đồng, lấy đâu có khác ? Chỉ vì dán kín tánh trong lặng mà phát khởi bốn đại, kết thành sáu căn. Căn và trần làm nhiễm ô nhau, tạo thành năm lớp trước, còn cái Diệu Giác Minh Tâm rời cái bản vị của nó mà chia ra thành thấy, nghe, hay, biết lưu chuyển trong vòng sanh tử. Cái thấy nghe hay biết đó, từ đầu cho đến cuối, từ sắc đến thức, chẳng rời khỏi phạm vi của năm ấm, chính

là căn bản của sanh tử vậy. Lấy cái này làm nhân để cầu Phật Thừa thì không thể nào được. Vì sao ? Các pháp có thể-làm-ra của thế gian đều theo biến diệt, nhưng hư không chẳng thể làm ra nên không hư hoại. Độc chỉ Phật không có làm, nên chẳng sa vào các số, đó là Chân Không. Tuy cái hư không của thế gian cũng cần tiêu mất, huống là bốn đại ở trong thân đều có chỗ để trả về ! Cái thấy nghe hay biết lìa ngoài trần không có tự thể, thì cái hay biết sanh diệt của năm lớp trước đó lại có thể lấy làm nhân để tu hành sao ?

Nói năm trước là sao ? Sắc thuộc tướng phần, thức thuộc kiến phần ; nước ví dụ cho thức, đất ví dụ cho sắc. Cái thấy và hư không đan kết với nhau, như nước và đất hợp lại nên gọi là Trước.

Khi cái thấy mới vừa động, chỉ thấy một hư không. Có hư không mà không hình thể, tức là ngoan không. Có cái thấy mà không hay biết, đó là vô minh. Đã có hư không khắp mười phương cõi, thì thành, trụ, hoại, không do đấy mà bắt đầu, nên gọi là kiếp. Hư không và cái thấy chẳng phân chia, nghĩa là kiến phần và tướng phần xen lộn làm thành trước, nên gọi là Kiếp Trước, thuộc về sắc ấm.

Cái thấy, nghe, hay, biết vốn không ngăn ngại, do bốn đại lấp bít nên có ngăn ngại. Đất, nước, gió, lửa vốn không có hay biết, do sự xoay lại của sáu căn mà có hay biết. Đó là kiến phần với tướng phần trong thân xen lộn mà thành cái trước, nên gọi là Kiến Trước, thuộc về thọ ấm.

Ở trước, thu nhiếp sáu căn làm kiến đại, ở đây cũng tóm gồm sáu căn làm cái thấy. Cái trước thấy cảnh thì nhận lấy, thu vào, thuộc về năm thức trước. Ghi nhớ, học tập thuộc về thức thứ sáu. Cái thấy biết chính là do chân tánh

phát khởi, Tánh phát ra mà biết, cho nên cái thấy biết là thức, không thể gọi là tánh. Chính là trong cái ý tưởng, chứa nhận sáu trần, hiển hiện bóng dáng gọi là nội trần, cũng có thể gọi là tướng. Nội trần lia ngoài sáu trần, tự nó không có thật tướng, lia ngoài cái hay biết, tự nó không có chân tánh. Đó là phiền não, trần lao làm loạn nhiều cái tánh giác trong lặng. Thế nên, cái hay biết và pháp trần (nội trần) xen lẫn mà làm thành trước, nên gọi là Phiền Não Trước, thuộc về tướng ấm.

Cái ý tưởng hiểu biết thì muốn ở mãi thế gian, luyến níu tam giới, điều này cũng dễ biết. Luân hồi, nghiệp lực xoay chuyển thường khiến đời các cõi nước, biến hóa chuyển dời kín nhiệm, không thể dễ biết. Hết thấy chẳng rời ngoài nhân và quả của chúng sanh. Cái hiểu biết của ý và hình tướng của chúng sanh lưu chuyển mà thành ra cái trước, nên gọi là Chúng Sanh Trước, thuộc về hành ấm.

Hành ấm thuộc về thức thứ bảy, cái trước của nó dễ phân biện ra. Còn thức ấm thuộc về thức thứ tám, cái trước của nó khó biết. Cái thấy, nghe, hay, biết là từ cái nguồn vốn trong lặng mà phân ra, nên vốn là không khác bản tánh. Sáu trần thì chẳng đồng, dẫn dắt mà sanh ra sáu thức ; mắt chẳng phân biệt được tiếng, tai chẳng phân biệt được sắc, chẳng dùng lẫn cho nhau được, nên sanh ra khác nhau. Bản tánh thì chẳng khác nhau, nên ở trong tánh vốn là biết nhau. Chỉ có các trần cách trở, nên ở trong dụng thì trái nghịch nhau. Tánh vốn chẳng sanh chẳng diệt nên đồng. Chỗ dùng thì hòa hợp với sanh diệt, nên có khác. Chưa chuyển được thức thứ tám thì chưa có hậu đắc trí, nên đối với năm thức trước chẳng được viên diệu. Thế nên, ở trong tánh thì vốn rõ ràng biết nhau, mà đến khi dùng ra, lại ngược trái với cái dùng của Như Lai. Bởi vì chuyển chẳng

tận nên mất chuẩn đích mà gọi là thức. Chuyển tận thì không mất chuẩn đích, nên bình đẳng mà gọi là tánh. Như Lai Tạng vốn Một Tánh, không có hai, Đức Phật y vào chuẩn đích đó mà diệt cái tâm sanh diệt. Còn hàng Nhị thừa thấy có tự tướng và cộng tướng, nên ở trong cái đồng mà mất chuẩn đích. Như Lai Tạng tùy duyên mà hiện sắc, không ; Đức Như Lai y theo đó mà nói cả hai loại đều Không. Còn hàng Nhị thừa giữ lấy cái chân mà chứng cái diệt, nên ở nơi cái khác mà mất đi chuẩn đích.

Còn một mảy tơ chưa chuyển hóa, thì mệnh căn vẫn còn, thọ sanh thì đến trước, chết thì dứt đi sau cùng, làm chủ nhân ông. Đây là tánh và thức, đan lẫn nhau mà thành cái trước, gọi là Mệnh Trước, thuộc về thức ấm.

Năm lớp trước này đều chẳng phải thật có, nên gọi là hư vọng mà thành. Như nước trong sạch, nguyên không có đất bụi ; hay như đất ngăn ngại, nguyên không có nước. Hai tánh chẳng có hợp theo nhau, vì tâm, cảnh chẳng có đến nhau. Nếu biết tánh trong lặng vốn không có tính dán kín kia, thì biết vọng tức là lia, lia vọng tức là giác. Chỉ là một Diệu Giác Minh Tâm vắng lặng tròn khắp, chẳng sa vào thấy, nghe, hay, biết như nước vốn tự sáng trong, trước nào có được ? Ất phải rõ suốt cái xưa nay vốn không có trước, mới có thể làm cái căn nhân chẳng sanh chẳng diệt về sau vậy.

Có nhà sư hỏi Tổ Lương Sơn : "Thế nào là chuyện trước Không kiếp ?"

Tổ Sơn đáp :

*"Đánh vang trống trời đất  
Người đời lắng chẳng nghe."*

Ngài Đơn Hà tụng rằng :

*“Hư không làm trống khắp căn đánh  
 Người đánh tuy nhiều, ít kẻ nghe  
 Nửa đêm sọ khô kinh tan mộng  
 Đầy đầu trắng sáng chẳng lo về.”*

Đức Tứ Tổ Đạo Tín, năm mươi bốn tuổi đến lễ Đức Tam Tổ Tăng Xán, hỏi rằng : “Xin Hòa thượng từ bi, ban cho pháp môn giải thoát.”

Tam Tổ nói : “Ai trói buộc ông ?”

Đáp : “Không ai trói buộc.”

Tam Tổ nói : “Vậy cầu giải thoát làm gì ?”

Tứ Tổ ngay dưới lời nói đại ngộ. Đây là chỗ gọi là đại căn, đại khí vậy.

Thiền sư Tư Không Sơn Bốn Tịnh làm bài kệ :

*“Thấy nghe hay biết không chướng ngại  
 Sắc hương vị xúc, thường tam muội  
 Như chim trong không, chỉ thế bay  
 Không nắm, không bỏ, không thương ghét  
 Nếu rõ ứng xứ chẳng phải tâm  
 Mới được gọi là Quán Tự Tại.”*

Như Thiền sư Bốn Tịnh ấy thì tuy ở nơi ngũ trước ác thế mà nào từng chẳng sạch ?

Kinh : “Anan, nay ông muốn cho cái thấy, nghe, hay, biết vĩnh viễn khế hợp với Thường Lạc Ngã Tịnh của Như Lai, thì trước hết phải lựa bỏ gốc rễ sanh tử, y theo cái không sanh diệt, thì tánh trong lặng toàn khắp thành tự. Dùng cái trong lặng này, mà xoay các thứ sanh



diệt hư vọng trở về Bốn Giác. Được tánh không sanh diệt của Bản Giác thuần sáng làm cái tâm nhân địa, như thế mà sau viên thành quả địa tu chứng. Như lóng nước đục, đựng trong một món đồ để yên lặng, để yên lặng thâm sâu bất động, thì đất cát tự chìm lắng xuống. Nước trong hiện ra ngay trước mặt, gọi là bắt đầu dẹp phục phiền não khách trần. Bỏ hết bùn chỉ còn nước trong, gọi là vĩnh viễn dứt lìa căn bản vô minh. Sáng suốt tinh thuần, tất cả các biến hiện không còn là phiền não, đều hợp với diệu đức trong sạch Niết Bàn.

*Thông rằng* : Sách Đại Học có câu : “Biết Chỉ rồi sau mới có Định”, mấy chữ này là bí quyết của ngàn Thánh. Đoạn kinh này hợp với câu nói ấy. Ông Lục Tượng Sơn nói : “Tâm này Lý này đồng vậy”, cho nên chẳng phải là lời nói hư dối.

Câu “Trước hết phải chọn ra căn bản sanh tử, y theo cái không sanh diệt, thì tánh trong lặng toàn khắp thành tựu. Như lóng nước đục, đựng trong món đồ để yên”, là chỗ nói “Biết *chỉ* rồi sau mới *định*” vậy.

Câu “Dùng cái trong lặng này mà xoay các thứ sanh diệt hư vọng trở về Bốn Giác, như nước yên lặng thâm sâu không động thì đất cát tự chìm, nước trong hiện ra ngay trước mắt”, là chỗ nói “Định rồi sau mới *tĩnh*”.

Câu “Nước trong hiện tiền, gọi là bắt đầu dẹp phục phiền não khách trần, bỏ hết bùn chỉ còn nước trong, gọi là vĩnh viễn dứt lìa căn bản vô minh”, là chỗ nói “Tĩnh rồi sau mới *an*”.

Câu “Sáng suốt tinh thuần, tất cả các biến hiện không còn là phiền não”, là chỗ nói “An rồi sau mới *gặp việc*”.

Câu “Điều hợp với Diệu Đức trong sạch Niết Bàn”, là chỗ nói “Ứng đối với việc rồi sau mới *đắc*”.

Thường, Lạc, Ngã, Tịnh là bốn diệu đức của Niết Bàn, chỉ có Phật với Phật mới có thể rốt ráo, nay lấy thấy, nghe, hay, biết mà khế hợp nên gọi là “*viễn*”, lâu dài.

Trước hết, chọn ra căn bản sanh tử, tuy để chỉ cái nghiệp dụng của năm trước, nhưng thức ấm chính là gốc rễ sanh tử. Thức ấy nương theo cái chẳng sanh diệt hòa hợp với cái sanh diệt mà có tên. Nên phải lựa bỏ chủng tử sanh diệt mà y theo tánh trong lặng tròn khắp chẳng sanh diệt. Thức ấm lặng trong không lay động, tựa như chẳng có sanh diệt, nhưng trong lặng mà thực ra là căn bản sanh diệt. Còn tánh trong lặng tròn đầy, vốn tự viên thành, chẳng phải do tạo tác, tức là thật tế lý địa Chân Như vậy. Y theo cái trong lặng tròn đầy này, thì vốn tự là vô sự, bèn ở nơi cái tánh tròn lặng này mà xoay lại các thứ sanh diệt hư vọng. Từ trước kia bao nhiêu công phu sanh diệt đều là hư vọng, tuy đến chỗ sanh diệt đều hết, cũng là do công phu huân tập mà được, thì chẳng phải là Bản Giác. Thức ấm xoay về, thì Bản Giác hiện tiền. Cái Bản Giác sáng suốt này, vốn là không có sanh diệt, chỉ do phân ra làm thấy, nghe, hay, biết mà lọt vào trong phạm vi của thức ấm, bị thức ấm che lấp, chẳng hiển lộ ra được.

Nay thức diệt, tánh hiện, bày lại cái Bản Lai Diện Mục của ta. Cái Bản Giác sáng suốt này tức là thấy, nghe, hay, biết mà chẳng phải là thấy, nghe, hay, biết. Cái thấy, nghe, hay, biết có khởi, có diệt, tánh Bản Giác sáng suốt không có khởi diệt. Bởi thế, chẳng lấy thấy, nghe, hay, biết làm tâm nhân địa, mà lấy Bản Giác sáng suốt làm tâm nhân địa, sau mới viên thành quả vị bất sanh bất diệt Như Lai. Bốn

đức Niết Bàn tức là cái quả chẳng sanh chẳng diệt nên nói rằng hay đoạn khách trần phiền não và căn bản vô minh. Nên nói “*tánh sáng thuần*”, là như vàng ròng, chẳng trở lại thành quặng, tro chẳng lại thành gỗ, chẳng làm ra phiền não nữa. Bởi thế mà một niệm vô sanh, tức là chứng Niết Bàn, tức nhân tức quả, tức ngay một lần mà đầy đủ. Có sự “*Lý tuy là đốn ngộ, Sự thì dần dần trừ dứt*” ấy, là nhân gồm Thập Tín, cho đến quả địa suốt thông, các phần tròn đủ ; tóm lại là một tánh Giác nguyên minh trọn thành mà thôi vậy.

Tổ Tào Sơn, thấy ông đạo giả Chỉ Y<sup>(1)</sup> bèn hỏi : “Có phải là đạo giả Chỉ Y không ?”

Thầy Chỉ Y rằng : “Không dám.”

Tổ Sơn nói : “Như thế nào là công chuyện của Chỉ Y (áo giấy) ?”

Thầy Y đáp : “Một cái áo lông vừa khoác lên thân, vạn pháp thấy đều Như.”

Tổ Sơn nói : “Như thế nào là cái dụng của Chỉ Y ?”

Thầy Y tiến lên, ứng : “Dạ.” Bèn đứng mà đi thoát (chết).

Tổ Tào Sơn nói : “Ông đã biết như thế mà đi, sao lại chẳng như thế mà đến ?”

Thầy Y bỗng mở mắt hỏi : “Một chân tánh nhiệm mầu, khi không mượn bào thai thì như thế nào ?”

Tổ Sơn nói : “Vẫn chưa là Diệu.”

Thầy Y nói : “Thế nào là Diệu ?”

Tổ Tào Sơn nói : “Chẳng mượn lấy cái mượn !”

Thầy Y bèn cung kính xuống tăng đường mà ngồi tịch.

---

<sup>1)</sup> Chỉ y : áo giấy.

Ngài Tào Sơn có bài tụng :

*“Giác tánh sáng đầy, không tướng thân  
Chớ đem thấy biết vọng sơ, quen  
Niệm khác, ngay trong huyền chỉ, tối  
Tâm sai, với Đạo chẳng chung gần  
Tình phân vạn pháp, chìm tiền cảnh  
Thức soi nhiều mối, mất gốc chân  
Như thế, trong câu mà hiểu được  
Như nhiên vô sự, bốn lai nhân.”*

Lại như Ngài Cửu Phong Kiên, ở chỗ Tổ Thạch Sương làm thị giả. Sau khi Tổ Thạch Sương tịch, đại chúng muốn mời Ông Thủ tọa nối tiếp làm trụ trì.

Ngài Cửu Phong không chịu, nói : “Đợi tôi hỏi qua đã ! Nếu hiểu ý Tiên sư, thì xin hầu hạ như Tiên sư vậy.”

Bèn hỏi : “Tiên sư nói *“Thôi đi ! Hết đi ! Một niệm muôn năm đi ! Tro lạnh cây khô đi ! Lư hương cổ miếu đi ! Một vốc lựa trắng đi !”* Những thứ khác thì chẳng hỏi, như thế nào là *“Một vốc lựa trắng đi !”* ?”

Thủ tọa nói : “Đó chỉ là nói rõ một chuyện về bên sắc.”

Ngài Cửu Phong nói : “Vốn chưa hiểu ý của Tiên sư.”

Thủ tọa nói : “Ông chẳng chấp nhận tôi ư ?”

Thủ tọa bèn thắp hương mà nói : “Tôi nếu chẳng hiểu ý của Tiên sư, thì khói hương bay lên rồi vẫn không thoát đi được !”

Nói xong liền ngồi mà tịch.

Ngài Cửu Phong bèn vỗ vào lưng vị Thủ tọa mà nói : “Ngôi tịch, đứng chết thì chẳng phải là không có, nhưng ý của Tiên sư vẫn còn chưa mòng thấy !”

Ngài Thiên Đồng tụng rằng :

“Một tông Thạch Sương  
 Tự trao Cửu Phong  
 Thấp hương di thoát  
 Chánh mạch khó thông !  
 (Hạc) Lấy trắng làm ố : ngàn năm mộng !  
 Nhà tuyết người mê, một sắc công (trình) !  
 Tọa đoạn mười phương còn bị lộ  
 Im đời một bước : ngắm rồng bay.”

Thuận Mặc Hòa thượng tụng rằng :

“Ngôi chi uống mất một cây hương  
 Cửu Phong nào có bức cao hiền  
 Nếu đem một sắc thừa ngôi vị  
 Cô phụ Tiên sư chẳng cây duyên.”

Tổ Thạch Sương dạy chúng có nói rằng : “Chưa từng mất cái chiếu soi, vẫn còn là ngoại thiệu,<sup>(1)</sup> chỉ là loại bầy tôi, cũng gọi là mượn. Nếu sanh ra mà mảy lông chẳng hờ, như Thái tử mới sanh ra thì có thể nối ngôi báu, gọi là nội thiệu,<sup>(2)</sup> gọi là dòng dõi nhà vua, chẳng cần mượn danh cú vậy.”

Mượn tức là chuyện một bên của một sắc. Kia nguyên chưa được cái Tánh chẳng sanh diệt để làm tâm nhân địa, thế mà muốn viên thành quả địa, cùng hợp với diệu đức trong sạch của Niết Bàn, thì khó vậy.

## A. XÉT RÕ GỐC RỄ PHIỀN NÃO

Kinh : “Cái nghĩa Thứ Hai là, các ông muốn quyết phát tâm Bồ Đề, nơi Bồ Tát thừa sinh đại đồng mãnh

<sup>1)</sup> Nói Pháp theo bên ngoài.

<sup>2)</sup> Nói ở bên trong.

quyết định quăng bỏ các tướng hữu vi, thì phải xét rõ gốc rễ phiền não : những thứ ấy từ vô thủy đến nay, phát sanh nghiệp và nảy nở ra, là ai làm ai chịu ?

“Anan, ông tu đạo Bồ Đề mà không xét kỹ cái căn bản phiền não thì không thể biết căn trần hư vọng điên đảo chỗ nào ? Chỗ điên đảo còn chẳng biết thì làm sao hàng phục được chúng mà giữ Như Lai Vị ?

*Thông rằng* : Xét xem cái nhân địa phát tâm để thể hội cái chân. Xét xem căn bản phiền não, để dứt hết cái vọng. Trong cái vọng lại chẳng có vọng, tức là vọng tức là chân vậy.

Căn bản phiền não có hai thứ : Một là, phát sanh nghiệp vô minh, là phiền não đời quá khứ. Hai là, nảy sanh vô minh, là khi đầu thai, đối với cha mẹ mà khởi thức tình<sup>(1)</sup> thương ghét. Cả hai thứ phiền não vốn không có tự tánh. Như biết là vô tự tánh, trọn không có người làm ra, cũng không có người lãnh chịu. Đương thể không tịch, cái gì là phiền não ? Người Tiểu thừa kia, chưa rời công dụng hữu vi, cho là có thật phiền não, cần nên phá trừ. Thế là vì chưa rõ căn trần là hư vọng. Như Bồ Tát thừa thì khác, bước đi ngay trong cái vô thượng Bồ Đề, chỉ ở giữa căn và trần, xét biết rõ cái gì làm ra, cái gì lãnh chịu, bỗng nhiên phá tan vô minh từ vô thủy, lập tức dừng ngay.

Ngài La Sơn Nhàn, trước hỏi Tổ Thạch Sương : “Khi khởi diệt chẳng ngừng thì như thế nào ?”

Tổ Sương nói : “Ngay giờ tro lạnh, củi khô đi ! Một niệm muôn năm đi ! Nấp, rương hợp nhau đi ! Sạch rỗng không vết đi !”

---

<sup>1)</sup> Sáu thức trong sáu tình.

Ngài La Sơn không hiểu, qua hỏi Tổ Nham Đầu. Tổ Nham quát rằng : “Thế cái gì khởi diệt ?”

Ngài Thiên Đồng tụng rằng :

“Chặt đứt dây leo già  
 Hang bọng chồn đập phá  
 Báo gặp sương mù mà đổi vằn  
 Rồng nường sấm sét mà thay cốt  
 Á !  
 Khởi diệt lãng xãng đó vật gì ?”

Ở đây mà tỉnh thức, thì chẳng hướng về cửa sáu căn mà nắm giữ, phân chia quen lạ vậy.

Bàng cư sĩ kệ rằng :

“Một bày sáu tên giặc  
 Đòi đòi lừa giết người  
 Ta nay rõ bấy rồi  
 Chẳng cùng bấy gân gũ  
 Nếu bấy chẳng phục ta  
 Đến đâu ta cũng nói  
 Dạy người biết hết bấy  
 Nếu bấy chịu phục ta  
 Ta bèn chẳng phân biệt  
 Cùng bấy ở một chỗ  
 Đồng chứng không sanh diệt.”

Đây là cái biết chân thật chỗ nào diên đảo, nên hay hàng phục được mà giữ Như Lai vị vậy.

Kinh : “Anan, ông hãy xem người trong thế gian mở nút. Hễ không thấy chỗ thắt nút, thì làm sao biết mở ?

Nhưng không hề nghe nói hư không bị phá tan. Vì sao thế ? Vì hư không không có hình tướng, không có thất hay cõi vậy. Thì như ông hiện giờ, sáu thứ : nhān, nhī, tỳ, thiệt cho đến thân ý đang làm mai mối cho giặc, tự cướp của báu trong nhà. Do thế mà từ vô thủy, thế giới chúng sanh sanh ra ràng buộc ở nơi sự vật thế gian, không thể siêu vượt khỏi.

*Thông rằng :* Ở trước, lấy ví dụ hư không chẳng hư hoại, nên chẳng sanh diệt. Ở đây, dụ hư không không có thất nút nên không có phiền não. Hư không còn thế, thì Tự Tánh Chân Không sao lại có phiền não sanh diệt ư ? Như bỏ sanh diệt, giữ lấy cái Chân Thường, thì cái ánh sáng thường hằng hiện bày trước mắt, khi ấy căn, trần, thức tiêu mất, thì thế giới chúng sanh còn thể nào sanh trói buộc ? Bên trong ánh sáng phát ra thì các trần tướng biến hóa của thế gian tiêu tan như băng gặp nước sôi ; tức thời hóa thành Tri Giác vô thượng. Thế là nơi sự vật thế gian mà siêu vượt khỏi vậy. Của báu nhà mình là như vậy, sao chẳng tự giữ gìn thương tiếc.

Sáu thức ở trong, sáu trần ở ngoài, đều do sáu căn dẫn dắt tự phát sanh ràng buộc, nên gọi là mai mối cho giặc.

Có nhà sư hỏi Tổ Tào Sơn : “Bậc Sa môn há chẳng phải là người đầy đủ đại từ, đại bi sao ?”

Tổ Tào Sơn nói : “Phải.”

Hỏi : “Bỗng gặp sáu tên giặc cướp đến thì sao ?”

Tổ Sơn nói : “Cũng cần đầy đủ đại từ, đại bi.”

Hỏi : “Thế nào là đầy đủ đại từ, đại bi ?”

Tổ Sơn nói : “Một gương chém sạch !”

Hỏi : “Sau khi hết sạch rồi thì sao ?”



Tổ Sơn nói : “Mới được hòa đồng.”

Lại có nhà sư hỏi Tổ Bửu Phước : “Nhà nghèo nà mà gặp ăn cướp thì làm sao ?”

Tổ Phước nói : “Không thể hết sạch đâu.”

Hỏi : “Vì sao mà không thể hết sạch ?”

Tổ Phước nói : “Ăn cướp chính là người nhà.”

Hỏi : “Đã là người nhà, tại sao lại đổi thành ăn cướp của nhà ?”

Tổ Phước nói : “Trong đã không có nội ứng, thì ngoài làm gì được ?”

Hỏi : “Bỗng nhiên bắt được ăn cướp thì công về đâu ?”

Tổ Phước nói : “Thường cũng chưa từng nghe.”

Hỏi : “Như thế thì nhọc nhằn mà không có công ư ?”

Tổ Phước nói : “Công chẳng phải là không có, nhưng thành mà không có chỗ ở.”

Hỏi : “Đã thành công vì sao không có chỗ ở ?”

Tổ Phước nói : “Chẳng có nghe nói : “Thái bình vốn chỗ tướng quân mong. Chẳng để tướng quân thấy thái bình” sao ?”

Ở chỗ này có thể biết rằng, mượn công phu để tỏ rõ địa vị thì Tông Môn chẳng phế bỏ, chứ nào từng một mực nói thiên là vô sự không tu gì cả sao ?

Kinh : “Anan, thế nào gọi là thế giới chúng sanh ? Thế là thời gian dời đổi ; giới là không gian phương chốn. Nay ông nên biết rằng những phương đông, tây, nam, bắc, đông nam, tây nam, đông bắc, tây bắc, phương trên, phương dưới là giới. Quá khứ, vị lai, hiện tại là thế. Phương chốn có mười, sự trôi chuyển có ba. Tất cả chúng sanh dệt cái

hư vọng mà hõ tương thành ra như vậy. Sự đổi dời là ở trong thân, thời gian và không gian gắn bó với nhau. Nhưng tính của giới đó tuy thiết lập ra mười phương, mà rõ ràng có thể xác định nơi chốn của nó. Thế gian chỉ nhận các phương đông, tây, nam, bắc ; phương trên, phương dưới thì không có vị trí rõ ràng ; còn phương giữa cũng không có vị trí nhất định. Số bốn của giới đã rõ rồi, hợp cùng với số ba của thế, thì ba nhân bốn, bốn lần ba, xoay chuyển thành số mười hai. Biến đổi ba lớp, từ một chục thành trăm, thành ngàn. Ở trong sáu căn trước sau bao gồm, mỗi thứ có thể có đến một ngàn hai trăm công đức.

“Anan, ông lại xét trong sáu căn đó, hơn kém thế nào ?

“Như nhãn căn xem thấy, phía sau thì tối, phía trước thì sáng, phương trước toàn sáng, phương sau toàn tối, trái phải hai bên, ba phần chỉ được có hai. Tóm lại, công đức của nhãn căn không toàn vẹn, trong ba phần thì một phần không có, vậy nên biết nhãn căn chỉ có tám trăm công đức.

“Như nhĩ căn nghe khắp, mười phương không sót, động thì như có xa, có gần, tĩnh thì không có bờ bến. Nên biết nhĩ căn đầy đủ một ngàn hai trăm công đức.

“Tỷ căn ngửi biết cả lúc thở ra, thở vào. Có ra, có vào mà thiếu khoảng giao tiếp giữa ra và vào. Nghiệm nơi tỷ căn, ba phần thiếu một. Nên biết rằng tỷ căn chỉ có tám trăm công đức.

“Thiệt căn phô bày tận cùng trí thế gian và xuất thế gian. Lời nói có giới hạn, còn nghĩa lý thì vô cùng tận. Nên biết rằng thiệt căn đầy đủ một ngàn hai trăm công đức.

“Thân căn biết chạm xúc, biết các cảm xúc dễ chịu và khó chịu. Khi hợp thì biết, khi rời thì không biết. Rời

chỉ có một phần, hợp thì có hai phần nên nghiệm nơi thân căn ba phần thiếu một. Nên biết rằng thân căn chỉ có tám trăm công đức.

“Ý căn lặng chứa hết thảy các pháp thế gian, xuất thế gian trong mười phương, ba đời. Dù thánh hay phàm, không có cái gì chẳng bao dung cùng tột bờ bến. Nên biết rằng ý căn đầy đủ một ngàn hai trăm công đức.

*Thông rằng* : “Hết thảy chúng sanh dặt cái hư vọng mà hõ tương thành ra như vậy. Sự dời đổi là ở trong thân, thế và giới gắn bó với nhau”, câu ấy nghĩa là thế giới là sự kết thành của nghiệp lực chúng sanh. Thân là chánh báo, thế gian là y báo, chỉ do nghiệp quả mà nên dạng hình, làm khách trọ đối đời, trôi nổi không cùng. Giao thiệp với trần thế, đều do sáu căn làm môi giới. Trong sáu căn, mỗi cái đều có một ngàn hai trăm công đức, căn cứ trên tánh hiểu biết thì đồng, còn đối với cái dụng của sáu căn phân biệt thì có khác, bởi thế mà có đầy đủ và thiếu kém khác nhau.

Ở trước có nói “Khiến ông lưu chuyển thì lỗi lầm là tâm và mắt”, thế nên bảy lần hỏi tâm, tám chỗ trả về, để tỏ rõ cái thấy hư vọng. Ở đây lại tỏ rõ đủ sáu căn là môi giới cho giặc, nên luận bàn rõ ràng sự hơn kém của sáu căn ấy. Khiến chọn lấy nhĩ căn viên thông để làm gốc tu chứng. Nhãn căn, tỷ căn, thân căn thì ba phần thiếu đi một, không đầy đủ dung lượng của cái tánh. Thiệt căn, ý căn, tuy đầy đủ công đức như nhĩ căn, nhưng thiệt căn thì rơi vào lời nói, ý căn thì rơi vào sự suy nghĩ. Chẳng bằng được nhĩ căn, không hình tướng, không mùi, rất gần với tánh thể, bởi vậy phải nên theo nó vậy.

Lấy không gian giao thiệp với thời gian, gọi là nhân thành ba lớp. Thứ nhất là, bốn phương hướng với ba đời,

thành ra mười hai. Thứ hai là, một phương với ba đời, biến thành mười, các phương khác cũng thế, cộng thành một trăm hai mươi. Thứ ba là, một phương từ mười biến thành một trăm, các phương khác cũng như vậy, cộng thành một ngàn hai trăm. Số của thời gian là số ba, nên nhân ba lần. Không gian phương hướng có mười, nên một biến thành mười. Đó là con số của tự nhiên. Trong Kinh Dịch, số đại diện là năm mươi, lấy năm nhân mười, lấy mười nhân năm, cũng giống như phép này. Chỗ dùng của thánh nhân trước sau đồng một đường lối.

Mỗi phương có hai trăm công đức, mỗi phương phụ có một trăm công đức. Tóm lại, mỗi phương có ba trăm công đức. Nay nhân căn thấy ba phương chính phía trước và hai bên thì có sáu trăm công đức, cộng với hai phương phụ phía trước là hai trăm, thành có tám trăm công đức. Còn ở phía sau thiếu một phương chính (hai trăm) và hai phương phụ (một trăm nhân hai) không thấy được. Thật ra, thì sáu căn mà trong sạch, có thể dùng thay cho nhau. Như trong kinh Hoa Nghiêm, y theo kinh mà tu hành, nếu đã phát ra được cái giải tương tự, thì tuy nhân căn chỉ có tám trăm công đức, cũng đầy đủ bao nhiêu công đức như năm căn kia. Còn nếu sáu căn làm mối cho giặc, tự cướp của báu trong nhà, thì đan dệt hư vọng mà dối đời, không còn bờ bến. Cho nên, tu thì công đức vốn vô cùng, không tu thì nghiệp quả cũng vô cùng vậy.

Tổ Pháp Nhãn thượng đường nói : “Người xưa nói : “Thế nào là Thiền ? Ba cõi đấng đấng !<sup>(1)</sup> Thế nào là Đạo ? Mười phương mênh mêng !” Vì sao nói ba cõi đấng đấng ? Đâu là mười phương mênh mêng ? Cái đạo lý ấy thế hội

<sup>1)</sup> Không hở sót.

được chẳng ? Lấp mắt đi, lấp tai đi, lấp hết lười, thân, ý !  
 Chỗ nào thiếu hụt ? Chỗ nào động lay ? Các Thượng tọa  
 hiểu làm sao ? Ngang cũng chẳng được, dọc cũng chẳng  
 được, bỏ cũng chẳng được, nắm cũng chẳng được, không  
 có chỗ dụng tâm, cũng không có chỗ bày vẽ ! Nếu hiểu  
 được như thế, mới thấu hiểu pháp môn tuyệt hết chọn lựa,  
 cả thầy ngữ ngôn dứt rỉ chảy !

“Tùng có nhà sư hỏi : “Thế nào là lời tuyệt hết rỉ chảy ?”  
 Trả lời cho nhà sư rằng : “Miệng giống như lỗ mũi thì rất  
 phải.” Các Thượng tọa như hiểu được chỗ này, thì tự nhiên  
 rỗng suốt. Như tổ suốt được, thì hết mười phương thế giới  
 là tròng mắt Kim Cang. Hễ vô sự ! Trân trọng.”

Lại còn Thiền sư Hoàng Long Chấn thượng đường  
 nói : “Nêu ra cái nhân duyên của người xưa hỏi thầy Xà  
 lê, thầy chẳng được lấy theo xưa mà hiểu. Nếu lấy theo xưa  
 mà hiểu thì mất đi con mắt hiện giờ. Nêu ra cái nhân duyên  
 hiện giờ hỏi thầy Xà lê, thầy không được lấy theo hiện giờ  
 mà hiểu. Nếu lấy theo hiện giờ mà hiểu, thì ngăn che con  
 mắt xưa nay của thầy. Dù cho chẳng mất đi, chẳng ngăn  
 che, chẳng phải xưa, chẳng phải nay, thì cũng còn là thuốc  
 với bệnh trị lẫn nhau, là lời nói dối cho hết khóc ! Còn như  
 một câu thấu thoát, thầy Xà lê nói được chẳng ? Nếu không  
 nói được, hãy đợi nói chuyện Thực Tướng với La Hán Phong,  
 rồi sẽ nói cho mấy thầy.”

Các lời nói ở trên, tuy chỉ riêng tỏ rõ việc hưởng thượng,  
 mà lại cùng kinh này khai phát. Liền được *miệng giống như  
 lỗ mũi, mắt tựa lông mày*, sáu căn không chỗ nương gởi, bèn  
 chứng cái nhiệm mầu của vô sanh. Đến khi *hết cả đại địa  
 là một con mắt lẻ của Sa môn*, thì lại không còn chỗ nào để  
 nuốt hay nhả. Cái công đức này há có thể lấy chuyện thế  
 gian mà cầu được ư ?

Kinh : “Anan, nay ông muốn ngược dòng ái dục sanh tử trở lại cùng tốt của sự lưu chuyển, đến chỗ không sanh diệt, thì phải nghiệm xét sáu căn đang thọ dụng đây : cái nào là hợp, cái nào là lia, cái nào sâu, cái nào cạn, cái nào viên thông, cái nào chẳng viên mãn. Nếu ở chỗ đó ngộ được căn viên thông, ngược dòng nghiệp tử vô thủy dết đan hư vọng, theo được tánh viên thông, thì so với cái căn không viên thông, thật là gấp bội, như một ngày so với một kiếp. Nay Ta đã hiển bày đầy đủ những công đức vốn có của sáu căn trong lặng, tròn sáng, số lượng là như vậy. Tùy ông chọn cho kỹ, cái nào có thể vào, ta sẽ phát minh khiến ông tăng tiến.

“Mười phương Như Lai, nơi mười tám giới, mỗi mỗi đều tu hành mà được Vô Thượng Bồ Đề tròn đủ, trong các giới đó, không có chỗ nào hơn kém. Chỉ vì ông có thấp kém, mà ở trong ấy chưa tròn cái Huệ Tự Tại được. Thế nên, ta nêu lên khiến ông chỉ cần ở nơi một căn mà thâm nhập. Nhập Một thì không có vọng, cả sáu căn kia cùng lúc thanh tịnh.”

*Thông rằng* : Cái gốc của sự lưu chuyển tức là cái Diệu Trạng Bất Động vậy. Tách ra khỏi cái ấy, thì trôi lăn theo cảnh, gọi là dòng sanh tử. Nghịch lại mà nhập vào, ngược dòng vẹn tròn cái Một, gọi là chẳng sanh diệt. Sanh diệt là vọng, chẳng sanh diệt thì không vọng. Sáu căn thọ dụng, tuy là liên quan với vọng mà bày tỏ công đức, thật vốn là một tinh minh phân ra, đồng một tánh trong lặng tròn sáng vậy. Chỉ cần thâm nhập một cửa, đạt thẳng đến chỗ bản nguyên, theo tánh viên thông, chẳng sanh ràng buộc, nhiếp phục được tâm bám níu trước kia, nhập Phật Tri Kiến, thì sáu căn thọ dụng đều thành diệu dụng.

Đức Lục Tổ dạy : “Nếu khởi cái chân chánh Bát Nhã quán chiếu, trong khoảng sát na vọng niệm đều tan hết. Như biết tự tánh, một ngộ liền đến Phật địa. Thiện Tri Thức ! Trí Huệ quán chiếu, trong ngoài sáng suốt, thấu suốt từ bốn tâm. Nếu thấu suốt bản tâm tức là giải thoát. Giải thoát, đó là Bát Nhã Tam Muội. Bát Nhã Tam Muội, tức là vô niệm. Sao gọi là vô niệm ? Như thấy tất cả pháp, tâm chẳng nhiễm trước, đó là vô niệm. Dùng bèn khắp tất cả chỗ, mà cũng chẳng bám luyến chỗ nào. Trong sạch lấy bốn tâm, khiến sáu thức ra sáu cửa, ở trong sáu trần mà không nhiễm, không lẫn lộn ; đến đi tự do, suốt dùng không mắc vướng, tức là Bát Nhã Tam Muội, tự tại giải thoát, gọi là hạnh vô niệm.”

Lời nói này của Đức Lục Tổ, theo ý căn mà vào, nối tiếp thẳng từ môn phong của Đức Ca Diếp.

Tổ Ngưỡng Sơn ở Tổ Quy Sơn, đang chăn trâu trước sườn núi, thấy một nhà sư lên núi, không bao lâu lại xuống.

Tổ Ngưỡng Sơn hỏi : “Thượng tọa sao không ở lại trong núi ?”

Nhà sư đáp : “Chỉ vì nhân duyên chẳng khế hợp.”

Tổ Ngưỡng nói : “Có nhân duyên nào, ông thử nêu ra đi !”

Đáp : “Hòa thượng hỏi tôi tên gì. Tôi nói “Quy Chơn”. Hòa thượng nói “Quy Chơn ở chỗ nào ?” Tôi không đáp được.”

Tổ Ngưỡng nói : “Thượng tọa hãy trở lại thưa với Hòa thượng : *Tôi nói được.* Hòa thượng hỏi : *Nói làm sao ?* Thì chỉ trả lời : *Trong mắt, trong tai, trong mũi !*”

Nhà sư trở lại, làm như lời chỉ dẫn.

Tổ Quy Sơn nói : “Gã nói láo buông tuồng ! Đây là lời nói thiện tri thức của năm trăm người.”

Thiền sư Bàn Am Thành thượng đường nói :

*“Trong mũi là tiếng, trong tai hương  
 Trong mắt mận lạt, lưỡi đen vàng  
 Ý thì cảm giác, thân phân biệt  
 Nhà tuyết như xuân, hạ mát trong.”*

Thấy được như vậy, mới biết rằng trong thân nam nhập định thì trong thân nữ xuất định. Hoa quý theo mặt trời mà xoay chuyển, vẫn con tê giác do ngấm trăng mà sanh ! Cây Hương Phong thành ông lão ; con sâu thành trái quả-lỏa. Nếu mà chẳng biết, khổ thay cho Phật ! Cho phép các ông đầy đủ *“Một con mắt lẻ !”*

Quả như chỗ thấy của các vị Tôn túc, mới được cái tin tức của sáu Căn thanh tịnh.

Kinh : Ông Anan bạch Phật : *“Thưa Thế Tôn ! Làm sao ngược dòng vào sâu một căn lại có thể khiến cho sáu căn cùng một lúc đều thanh tịnh ?”*

Phật bảo Ông Anan : *“Ông nay đã đắc quả Tu Đà Hoàn, đã diệt được kiến hoặc của chúng sanh thế gian ba cõi, nhưng còn chưa biết những tập khí hư vọng chứa nhóm trong căn từ vô thủy. Các tập khí kia cần phải nhờ tu mới đoạn trừ được. Huống chi, những phân loại, số mục “sanh, trụ, dị, diệt” ở trong đó.*

*Thông rằng : Kiến Đạo đoạn tám mươi tám kiết sử ; Tu Đạo đoạn tám mươi một cái tư hoặc. Sơ quả Tu Đà Hoàn tuy đoạn hoặc phân biệt chỗ thô, vẫn còn tế hoặc câu sanh chưa đoạn, nên chưa chứng đến biên giới của Khổ. Chứng được Khổ biên tế cho đến địa vị Vô Học, thì không những biết các phân loại, số mục sanh, trụ, dị, diệt của một hữu*



tình, mà còn hành tướng vi tế của hết thấy hữu tình và vô tình trong tam thiên đại thiên thế giới. Sự tỏ suốt cùng cực này, hẳn là do sự đoạn trừ do tu hành mà được vậy.

Có nhà sư hỏi Tổ Quy Sơn : “Người đốn ngộ lại còn tu nữa không ?”

Tổ Quy Sơn nói : “Nếu thật ngộ được cội gốc, thì người ấy tự biết, khi ấy tu và không tu chỉ là lời nói hai đầu. Như nay tuy nhờ duyên mà được sơ tâm, một niệm đốn ngộ cái Lý ở nơi mình, nhưng còn tập khí từ vô thủy kiếp, chưa thể nhanh chóng thanh tịnh. Cần dạy người ấy tịnh trừ các hiện nghiệp lưu chứa nơi thức, tức là tu vậy. Không có riêng pháp nào để dạy người ấy hướng theo tu hành nữa.

“Từ chỗ nghe nhập vào Lý, cả cái nghe lẫn cái Lý đều bày hiện nhiệm mầu, tâm tự tròn sáng, chẳng ở trong chỗ mê lầm. Dù có trăm ngàn diệu nghĩa, chế phục đương thời, cũng chỉ mới được ngồi mà mặc áo, phải tự hiểu làm ra kế sống mới được. Nói tóm lại, ở nơi Thật Tế chẳng thọ nhận một mảy trần, nhưng trong cửa muôn hạnh không bỏ một pháp. Như một dao xông suốt vào, thì tình phàm ý thánh đều hết ráo, thể lộ chân thường, lý sự không hai, tức Như Như Phật.”

Phàm lý sự chẳng hai, chẳng phải tu, chẳng có chứng. Tổ Quy Sơn hết lời bày tỏ một đường tối thượng. Nào có quét dẹp hết tiệm tu, mà lại chẳng cần phương tiện trợ giúp.

Kinh : “Nay ông hãy xem sáu căn hiện giờ là Một hay là Sáu ?”

“Anan, nếu nói là một thì sao tai chẳng thấy, mắt chẳng nghe, đầu sao chẳng đi, chân sao chẳng nói ?”

“Nếu sáu căn nhất định là sáu, thì như nay trong hội này, ta đang tuyên dương pháp môn vi diệu cho ông, trong sáu căn của ông cái nào đang lãnh nhận ?”

Anan thưa : “Tôi dùng tai nghe !”

Phật dạy : “Tai ông tự nghe, thì liên quan gì đến miệng và thân, mà miệng lại hỏi nghĩa, còn thân thì lại đứng dậy kính vâng ! Thế nên phải biết, chẳng phải một mà cuối cùng thành sáu, chẳng phải sáu mà cuối cùng thành một. Rốt cuộc cái căn của ông, vốn chẳng phải là một, hay là sáu. Chỉ vì do từ vô thủy đến nay, điên đảo kết nhóm, nên ở nơi tánh trong lặng tròn khắp mà sanh ra cái nghĩa một và sáu. Ông là Tu Đà Hoàn, tuy được cái sáu đã tiêu, mà chưa mất hết cái một.

“Như hư không bao la, tham hợp với các vật dụng, do vật dụng có hình dáng khác nhau, mà gọi là hư không có khác nhau ! Nếu trừ bỏ các vật dụng mà xem hư không, thì nói là hư không là một. Hư không bao la kia đâu có vì ông mà thành đồng hay chẳng đồng, huống gì lại gọi đó là một hay chẳng phải một. Thế thì sáu căn thọ dụng hay biết của ông, cũng lại như thế.

*Thông rằng* : Chỗ này chính là giải nghĩa chỗ nghi về “Vào sáu một căn, thì sáu căn đồng thời thanh tịnh”. Nếu sáu căn nguyên là một, vốn tự thanh tịnh, thì sao lại là sáu tên giặc ? Nếu sáu căn nguyên là sáu, chẳng có thể dùng thay cho nhau, thì làm sao có thể thanh tịnh cùng một lúc ? Nay như hư không vốn là một, mà tham hợp với những vật dụng thì thành sáu. Do các vật dụng hình dáng khác nhau mà gọi là có những hư không khác nhau, rồi gọi đó là sáu chứ không phải là một. Nếu dẹp hết vật dụng, nhìn xem hư không, thì nói hư không là một, cho là cái sáu tiêu rồi,

chỉ còn lại cái một. Đây là để ví dụ về nghĩa phát sanh của một và sáu. Hư không bao la kia nào có hòa hợp gì với hình thể của vật dụng, vốn chẳng phải là đồng, là khác. Đã không có chuyện đồng hay khác thì chỗ nào mà lập ra cái tên sáu với một ? Đây là để ví dụ vốn chẳng có gì là một hay sáu. Khi thấy ra vốn chẳng phải là một hay sáu, trong lặng tròn đầy, xưa nay tịch diệt, thì có chỗ nào mà chẳng thanh tịnh đâu ?

Tu Đà Hoàn, gọi là Nhập Lưu, vào dòng, mà không có chỗ nhập. Chẳng nhập vào sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp tức là cái sáu tiêu tan. Nhưng còn chấp là có Niết Bàn ở đâu đó, nên chưa mất đi cái Một. Cái Một từ chỗ nào tới ? Hư không từ chỗ nào khởi ra ? Thế mới biết đã “hương thượng” mà lại còn có chuyện !

Tổ Dược Sơn hỏi Ngài Vân Nham : “Ngoài chỗ Bách Trượng ra, ông còn đến chỗ nào ?”

Đáp : “Có từng đến Quảng Nam.”

Tổ Sơn nói : “Nghe nói ngoài cửa Đông thành Quảng Châu có một tảng đá bị Quan Châu dời đi, có thật không ?”

Ngài Nham nói : “Không những Quan Châu, mà hết thầy người trong nước dời cũng chẳng động.”

Tổ Dược Sơn lại hỏi : “Nghe nói ông biết giỡn đùa làm trò với sư tử, có phải không ?”

Đáp : “Phải.”

Hỏi : “Làm trò được mấy xuất ?”

Đáp : “Làm trò được sáu xuất.”

Tổ Sơn nói : “Ta cũng làm trò được.”

Hỏi : “Hòa thượng làm trò được mấy xuất ?”

Tổ Sơn nói : “Ta làm trò được một xuất.”

Ngài Nham nói : “Một tức sáu, sáu tức một.”

Sau Vân Nham đến Tổ Quy Sơn, Tổ hỏi : “Có nghe Trương lão ở chỗ Dược Sơn làm trò giỡn sư tử, có thật không ?”

Đáp : “Thật.”

Hỏi : “Giỡn hoài hay có lúc đẹp bỏ ?”

Ngài Nham nói : “Muốn giỡn thì giỡn, muốn đẹp thì đẹp.”

Hỏi : “Khi đẹp thì sư tử ở chỗ nào ?”

Ngài Nham nói : “Đẹp hết, đẹp hết vậy.”

Cần biết Ngài Vân Nham giỡn sư tử, chứ không phải giỡn với tinh hồn, vì Ngài có tảng đá mà người cả nước đẩy xô chẳng động.

Kinh : “Do hai thứ sáng và tối bày tỏ lẫn nhau trong tánh tròn đầy nhiệm mầu, mà làm dính che tánh trong lặng, phát ra cái thấy. Cái kiến tinh dọi ra cái sắc, kết sắc thành căn. Gốc căn gọi là bốn đại thanh tịnh. Nhân gọi là hình thể con mắt, như trái bồ đào. Phù căn bốn trần, rong ruổi chạy theo sắc.

“Do hai thứ động và tĩnh đối chọi lẫn nhau trong tánh tròn đầy nhiệm mầu, mà làm dính che tánh trong lặng, phát ra cái nghe. Cái thính tinh phóng dọi ra cái tiếng, cuộn xếp cái tiếng lại thành căn. Gốc căn gọi là bốn đại thanh tịnh, nhân gọi hình thể cái tai, như lá mới cuộn. Phù căn bốn trần, rong ruổi chạy theo tiếng.

“Do hai thứ thông và bít phát hiện lẫn nhau trong tánh tròn đầy nhiệm mầu, mà làm dính che tánh trong lặng, phát ra cái ngửi. Cái khứu phóng dọi ra hương, thu nạp cái hương thành căn. Gốc căn gọi là bốn đại thanh

tịnh, nhân gọi hình thể cái mũi như hai móng tay rủ xuống. Phù căn bốn trần, rong ruổi chạy theo hương.

“Do hai thứ nhạt và có vị xen phát lẫn nhau trong tánh tròn đầy nhiệm mầu, mà làm dính che tánh trong lạng, phát ra cái nếm. Cái nếm phóng dọi ra mùi vị, thất cái vị thành căn. Gốc của căn gọi là bốn đại thanh tịnh, nhân gọi hình thể cái lưỡi như vành trăng non. Phù căn bốn trần, rong ruổi chạy theo vị.

“Do hai thứ lia và hợp so sánh lẫn nhau trong tánh tròn đầy nhiệm mầu, mà làm dính che tánh trong lạng, phát ra cái biết xúc chạm. Cái biết xúc chạm phóng dọi ra thành xúc, ôm nắm cái xúc lại thành căn. Gốc căn gọi là bốn đại thanh tịnh, nhân gọi là hình thể cái thân như cái trống cơm. Phù căn bốn trần, rong ruổi chạy theo xúc.

“Do hai thứ sanh và diệt, nối tiếp lẫn nhau trong tánh tròn đầy nhiệm mầu, mà làm dính che tánh trong lạng, phát ra cái biết. Cái biết phóng dọi ra thành các pháp, tóm thu các pháp thành căn. Gốc căn gọi là bốn đại thanh tịnh, nhân gọi cái ý như cái thấy trong phòng tối. Phù căn bốn trần, rong ruổi chạy theo pháp.

*Thông rằng* : Nguyên nương y một Tinh Minh, chia thành sáu cái hòa hợp, ở đây mà thấy rõ. Từ nguyên do kết tạo ra sáu căn cho đến cách thể rong ruổi chạy theo trần, đều đầy đủ chi tiết. Ở đây cũng như chỗ ví dụ trước về hư không bao la tham hợp với các vật dụng. Cái thể Tinh Minh, sắc gặp thì thành cái thấy, tiếng gặp thì thành cái nghe. Thế sao là tánh tròn đầy mầu nhiệm ?

Thật cũng như nước lạng trong mà bởi có bụi rớt vào mà thành dính che vậy.

Bốn đại thanh tịnh tỏ rõ cái căn thẳng nghĩa, hay soi chiếu cảnh mà phát ra cái thức, là sắc căn trong sạch. Phù căn bốn trần để tỏ rõ cái căn phù trần, hay rong ruổi chạy theo trần tướng, đủ thứ nghiệp. Tánh của đất, nước, lửa, gió tất cả vốn là Không, nên gọi là bốn đại trong sạch. Tướng của đất, nước, lửa, gió vốn là lay động, nên nói bốn trần như cái thấy trong phòng tối. Sao có được phù căn bốn trần ? Bởi mê muội thành ra hư không, trong cái hư không mê muội đó, kết cái tối làm hình sắc. Cái sắc tối tăm này xen lẫn với vọng tưởng, nhóm các duyên mà lay động bên trong. Vì có cái tối để thấy nên gọi là phù căn. Vì có lay động nên gọi là trần. Như trong năm loại sắc, cái sắc vô hình là do chỗ thọ nhận mà dẫn phát ra, rồi cũng cái thọ nhớ giữ. Căn chìm vào bên trong, trần nổi ra bên ngoài. Trần là cái chỗ để nương sao lại nói là rong ruổi ? Vì, nêu lên cái sở y để hiển cái năng y vậy.

Thiền sư Phổ An có bài kệ :

*“Vê chẳng thành viên, đập chẳng rời  
 Nào cần Nam Nhạc với Thiên Thai  
 Đầu cửa sáu căn không người dụng  
 Có chuyện Hồ Tăng<sup>(1)</sup> đến tự Tây ?”*

Có nhà sư ở Tổ Bửu Phước đến Tổ La Hán Sâm.

Tổ Sâm hỏi : “Phật Pháp ở đây chỉ dạy người ta như thế nào ?”

Nhà sư đáp : “Ngài Bửu Phước có lần dạy chúng rằng : Bịt đi mắt ông, dạy ông nhìn mà chẳng thấy ! Lấp đi tai ông, dạy ông lắng mà chẳng nghe ! Giữ chặt ý ông, dạy ông phân biệt chẳng được !”

---

<sup>1)</sup> Tổ Đạt Ma.

Tổ Sâm nói : “Ta hỏi ông : Không bịt mắt ông, ông thấy cái gì ? Không lấp tai ông, ông nghe được cái gì ? Không giữ chặt ý ông, ông làm thế nào để có sự phân biệt ?”

Nhà sư nghe xong tỉnh ngộ.

Đó là ở chính nơi đầu cửa sáu căn thấy được lối vào, bèn thấy ngay một đoạn chân phong là tánh tròn đủ nhiệm mầu.

Lại có nhà sư, nghe một khúc trong cuốn Tây Vương Ký, “*Nào ngăn được lúc đi. Khóe mắt đâu chuyển động*”, bèn đại khế ngộ.

Há phải đợi Hồ Tăng từ Tây đến sao ?

Kinh : “Anan, sáu căn như vậy do tánh giác minh kia, có cái minh mà thành minh giác, mất đi tánh thuần túy tỏ biết, dính với cái vọng mà có ra cái hay biết. Do đó mà nay ông rời tối rời sáng thì chẳng có cái thấy ở đâu cả. Rời động, rời tĩnh thì không có cái nghe ở đâu cả. Không có thông, không có bít, thì cái ngữi chẳng sanh. Chẳng mùi, chẳng nhạt, thì cái nếm chẳng ở đâu mà có. Không rời, không hợp thì cảm giác vốn không. Không diệt không sanh, thì cái hay biết có ở chỗ nào ?

“Ông chỉ không theo mười hai tướng hữu vi động tĩnh, lìa hợp, nhạt vị, thông bít, sanh diệt, sáng tối kia, mà tùy đó nhổ rút một căn ra khỏi cái dính, phục về bên trong, phục về nguồn chân, phát ra cội nguồn sáng suốt chói rực. Cái bốn tánh chói rực đã hiện ra rõ ràng thì năm cái dính kia cũng bứt ra, giải thoát hoàn toàn. Khi đó, cái hay biết có mà chẳng do tiền trần, vốn sáng suốt mà chẳng theo căn, cái sáng suốt chỉ gởi ở nơi căn mà chiếu sáng. Bởi thế mà sáu căn có thể dùng thay lẫn nhau.

*Thông rằng* : Đoạn trước nói : “Biết rõ cái vọng chẳng phải là cái gì khác, mà lỗi là cái giác minh. Cái sở minh đã vọng lập ra, thì cái minh chẳng thấu thoát, mà hạn cuộc nơi căn.”

Đoạn này nói : “Do tánh giác minh kia, có cái minh mà thành minh giác, mất đi tánh thuần túy tỏ biết, dính với cái vọng mà có ra cái hay biết, chạy theo trần tướng.”

Cả hai đoạn bày rõ sáu cái căn hư vọng thành tự là do phân chia tánh trong lặng tròn đầy kia, cái hay biết thuần túy ban đầu phóng dọi ra mà có ! Thế nên, vốn là tánh minh diệu chân thật, mà ở trong chẳng lìa khỏi căn, bên ngoài chẳng thể rời trần, bèn bị căn trần che lấp, không còn chỗ nào hiển lộ.

Phải biết sáu trần là hư vọng, vốn không có tự tánh. Sáu căn là hư vọng vì lìa ngoài trần thì không có tự thể. Trần không có tự tánh, nên cũng có thể dính kín, mà cũng có thể ra thoát vậy. Căn thì không tự thể, nên có cảnh thì bèn có, không cảnh thì bèn không.

Luận Bát Thức Quy Củ nói : Bạc Nhị Địa chỉ trụ ở ba thứ : nhãn, nhĩ, thân gọi là Sơ Thiên của Sắc Giới. Không ăn bằng cách nhai, nên thiệt thức chẳng khởi. Không có các thứ tạp uế, nên tử thức chẳng sanh. Độc chỉ trụ trong ba cái thức của mắt, tai và thân. Đến Đệ Tam Địa, vì do Định sanh nên ba cái thức mắt, tai và thân cũng không khởi lên.

Chỗ này tức là trừ bỏ vật dụng mà thấy hư không, thì hư không cũng làm gì có ? Thế nên, biết rằng có được một hay sáu đều là hư vọng ráo, còn chẳng phải một, chẳng phải sáu mới là có chút chân thật. Cái vọng nép phục tức là cái chân hiện. Chân hiện thì vọng không còn dính. Đã



thoát khỏi sự dính, thì cái sáng chói rực rỡ phát ra mà chẳng do trần tướng khởi. Đã chẳng do trần thì đó là cái chân thật, xưa nay vốn sáng suốt chẳng phải từ căn ra, là tánh sáng lặng, tròn đầy vậy.

Tuy chẳng theo căn mà có, nhưng nương gởi ở căn mà phát ra ánh sáng đó thôi. Căn gọi là nương gởi, vì nguyên là không có vị trí nhất định. Thế nên, nghe chẳng phải nhất định ở tai, thấy không nhất định ở mắt, mà sáu căn có thể dùng thay lẫn cho nhau, chứ không như trước kia : sự nghe chẳng ra ngoài tiếng, thấy chẳng vượt khỏi sắc, tự sanh ràng buộc, chẳng thể siêu việt được.

Đức Phật Tỳ Xá Phù có kệ :

*"Giả mượn bốn đại để làm thân  
 Tâm vốn vô sanh, nhân cảnh có  
 Tiền cảnh là không, tâm cũng không  
 Tội phước như huyễn, khởi cũng diệt."*

Đoạn kinh trên là chú giải của bài kệ này vậy.

Có nhà sư hỏi Thiệu Quốc sư : "Theo trong giáo pháp có lời dạy : Mắt chẳng thấy sắc trần. Ý chẳng biết các pháp. Như thế nào là mắt chẳng thấy sắc trần ?"

Quốc sư nói : "Đó là lỗi tai thấy !"

Hỏi : "Như thế nào là ý chẳng biết các pháp ?"

Quốc sư nói : "Con mắt biết."

Hỏi : "Như vậy thì thấy nghe bật đường, mà thanh, sắc vẫn náo động ?"

Quốc sư nói : "Ai nói với ông ?"

Rồi nói : "Phàm tất cả vấn đáp như mũi kim đối nhau, không mấy tơ sai khác. Sự không gì chẳng thông suốt, lý

không đâu chẳng đủ. Bởi vì tất cả ngôn ngữ, tất cả tam muội, ngang dọc, cạn sâu, ẩn hiện, đến đi, chính là thực tướng của chư Phật. Chỉ cứ như giờ đây tức thời nghiệm lấy.”

Hòa thượng Định Huệ Tín hỏi một nhà sư : “Quốc sư Huệ Trung nói vô tình thuyết pháp. Các vị Tôn túc phương nam bàn luận như thế nào ?”

Nhà sư nói : “Khấp cả đều là sáu căn dùng thay nhau.”

Ngài Huệ Tín nói : “Trong kinh nói : Vô nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý. Lấy cái gì dùng lẫn cho nhau ?”

Nhà sư định suy nghĩ, Ngài bèn đánh.

Như Ngài Huệ Tín mới là hổ dụng hiện tiền, còn vượt Thiều Quốc sư bảy bước !

Kinh : “Anan, ông há chẳng biết ngay ở trong hội này, Ông A Na Luật Đà không có mắt mà thấy ; rồng Bạt Nan Đà không có tai mà nghe ; thần nữ Căng Già không có mũi mà ngửi được hương, Ông Kiều Phạm Bạt Đề khác lưỡi mà biết mùi vị ; thần Thuấn Nhã Đa không có thân mà biết cảm giác, trong hào quang Như Lai chiếu ra, làm cho tạm hiện ra có thân, chứ bản chất của ông là gió làm gì có thân thể ? Các vị Thanh Văn được tịch diệt ở trong diệt tận định, như Ông Ma Ha Ca Diếp trong hội này, diệt mất ý căn từ lâu mà vẫn hiểu biết tròn vẹn sáng suốt, không do ở tâm niệm.

*Thông rằng* : Kinh nói, “Vốn sáng suốt mà chẳng theo căn”, cho đến việc “Sáu căn dùng thay nhau”, ở chỗ nào mà nghiệm ? Ông Luật Đà được nửa cái thiên nhãn nên không cần nhờ con mắt. Rồng lấy sừng nghe nên chẳng cần đến tai. Thần sông Căng Già ngửi hương vốn chẳng dùng mũi. Ông Ba Đề lưỡi trâu mà vẫn phân biệt các vị. Thần Thuấn Nhã không

thân mà vẫn có xúc giác. Các vị Thanh Văn đã chứng diệt tận định, như Đại Ca Diếp, đã diệt mất ý căn từ lâu.

Do đó mà biết sáu căn có thể không có, thì vốn chẳng phải là sáu. Sáu căn có thể dùng thay nhau, thì vốn chẳng phải là một. Chẳng phải một, chẳng phải sáu, mà cái thể trong lặng tròn đầy kia, ai ai cũng sẵn đủ, há chẳng ở nơi đây mà càng tự tin lấy sao ?

Ngài Phổ Dung Trí Tạng đến chỗ Ngũ Tổ Pháp Diễn đang nhập thất, Tổ đem chuyện Thánh Nữ<sup>(1)</sup> lia hôn mà hỏi. Ngài liền khế ngộ, làm bài kệ :

*“Hai cô hợp thành một cô dâu  
Cuộc đời ngắn đứt, khó gặp nhau  
Từ nay qua lại không tung tích  
Lúc đến, người đi chớ hỏi đường !”*

Ông Trương Tử Thiều đến Tổ Kính Sơn, cùng với ông giúp việc trong chùa đàm luận về “Cách Vật”.

Tổ Kính Sơn Huệ nói : “Ông chỉ biết có Cách Vật mà không biết có Vật Cách.”

Ông Thiều ngơ ngác. Tổ Huệ cười lớn.

Tử Thiều hỏi : “Thầy có thể đem ra thí dụ được chăng ?”

Tổ Huệ nói : “Không thấy trong tiểu thuyết có chép : Đời Đường, có người làm quan Lang Thủ cùng An Lộc Sơn

---

<sup>1)</sup> Chuyện Cô Thánh Nữ lia hôn như sau : Đời Đường có ông Trương Giật, có con gái là Thánh Nương, đã hứa gả cho cháu là Vương Trụ. Lớn lên, định gả cho nơi khác. Vương Trụ bỏ đi. Nửa đêm thấy Thánh Nương tới. Hai người ở với nhau có hai con. Sau năm năm, Vương Trụ đưa vợ con về thăm nhà để xin lỗi. Ông Giật rất kinh ngạc, vì cô Thánh vẫn ở nhà từ trước đến giờ, và nằm bệnh đã năm năm. Hai cô gặp nhau thì nhập thành một.

mưu phản. Khi vua Đường Minh Hoàng đến đất Thục, thấy hình tượng của người này, nổi giận ra lệnh cận thần chém đầu bức tượng. Khi ấy Lang Thủ đang ở Thiểm Tây mà đầu bỗng rớt xuống đất.”

Ông Tử Thiều nghe xong liền ngộ ý chỉ sâu mầu.

Ngài Phần Dương có bài tụng Lục Tướng :

“Thấy là A Na Luật  
 Rõ ràng không một vật  
 Núi sông cùng đất đai  
 Diển bày Ba La Mật.  
 Nghe là Bạt Nan Đà  
 Tiếng thông, không gì quá  
 Xa gần đồng đều rõ  
 Chẳng cần niệm Ma Ha.  
 Người là Căng Già nữ  
 Tâm từ bi cùng khắp  
 Sạch đơ đều rõ hết  
 Túc đó, không ta người.  
 Ném là Kiều Phạm Ba  
 Ngọt đắng cũng bình thường  
 Vào miệng rõ cay chua  
 Giống như trăng giữa trời.  
 Xúc là Thuấn Nhã Đa  
 Thiện ác, hết thấy hòa  
 Cắt xẻ không vui giận  
 Chỉ thật A Di Đà.  
 Ý là Đại Ca Diếp  
 Tỳ Lô<sup>(1)</sup> là Một Pháp

<sup>1)</sup> Pháp Thân.

*Nhà tối rõ ràng phân  
Chi phái ngàn hoa lá."*

Chỗ thấy của Ngài Phần Dương xa thăm lạ thường, mượn sáu căn này mà mỗi mỗi chỉ ra cửa hướng thượng. Tóm lại, không rời chuyện "Phục về nguồn chân, phát ra cội nguồn sáng suốt chói rực" mà thôi vậy.

Kinh : "Anan, giờ đây các căn của ông mà nhổ sạch ra được, thì cái sáng chói bên trong phát ra. Như thế, các phù trần và các tướng biến hóa của thế gian vật chất đều tiêu mất như băng gặp nước sôi, lập tức hóa thành Tri Giác vô thượng.

Thông rằng : Tùy theo nhổ dứt một căn, thoát khỏi sự dính, phục về bên trong, trở lại cùng tột dòng căn đến chỗ chẳng sanh chẳng diệt. Đó là chuyện phía bên công phu, cái cơ duyên là do ở ta.

Các căn nhổ sạch, cái sáng chói bên trong phát ra, sanh diệt dứt hết, tịch diệt hiện tiền. Đây là chuyện phía bên đốn ngộ, cơ duyên chẳng ở tại ta. Do đó, không ngộ thì căn thân phù trần, các tướng biến hóa của thế gian sự vật đều quy về pháp sanh diệt, như nước đóng thành băng. Còn một phen đốn ngộ, liền chuyển cái sanh diệt làm tánh chẳng sanh chẳng diệt, như nước sôi tiêu tan băng giá, mà trở lại thành nước vậy. Nước là cái bền lâu vậy. Vô Thượng Tri Giác là cái vốn có của ta vậy. Đã thành ra cái Tri Giác vô thượng, thì còn có sáu tên giác nào để lo nữa ư ?

Ngài Long Đàm Tín hỏi Tổ Thiên Hoàng Ngộ rằng : "Từ khi đến đây, con chẳng được Hòa thượng chỉ bày cho tâm yếu."

Tổ Hoàng nói : “Từ khi ông đến đây, ta chưa từng có lúc nào mà không chỉ bày tâm yếu.”

Ngài Long Đàm nói : “Chỉ bày chỗ nào đâu ?”

Tổ Hoàng nói : “Ông đem trà tới, ta vì ông rước lấy. Ông đem cơm tới, ta vì ông lãnh lấy. Khi ông cung kính, ta bèn cúi đầu. Có chỗ nào là chẳng chỉ bày cái tâm yếu cho ông đâu ?”

Thầy Long Đàm đứng trôn, suy nghĩ.

Tổ Hoàng nói : “Thấy thì thấy ngay. Nghĩ suy liền trệt.”

Long Đàm ngay khi ấy khai ngộ. Bèn thưa : “Bảo nhiệm<sup>(1)</sup> thế nào ?”

Tổ Hoàng nói :

*“Theo tánh rong chơi  
Tùy duyên phóng khoáng  
Chỉ hết phàm tâm  
Không riêng thánh giải.”*

Tổ Giáp Sơn có Thầy Tiểu Sư theo làm thị giả đã lâu. Tổ bảo đi hành cước, đi các nơi học thiền. Sau nghe Tổ Giáp Sơn nhóm chúng, tiếng đạo vang xa. Thầy Tiểu Sư bèn về thăm và hỏi : “Hòa thượng có chuyện kỳ đặc như thế, sao chẳng sớm nói cho con ?”

Tổ Sơn nói : “Ông vo gạo thì ta chụm lửa, ông dọn cơm thì ta bày bát. Chỗ nào là ta phụ rầy ông đâu ?”

Tiểu Sư nghe đó, liền ngộ nhập.

Đều có thể nói là “*Lập tức hóa thành Tri Giác vô thượng*” đó vậy.

---

<sup>1)</sup> Gìn giữ.

Kinh : “Anan, như người thế gian kia gom cái Thấy ở nơi con mắt. Nếu bảo nhắm kín thì tướng tối hiện ra trước mặt, cả sáu căn đều tối, đầu và chân cũng thế. Người kia lấy tay sờ quanh ngoài thân thể, thì tuy chẳng thấy, mà vẫn phân biệt được đầu và tay, cái tri giác vẫn đồng như cũ.

“Cái thấy nhân nơi sáng, khi tối thành ra không thấy. Còn cái Thấy mà không nhân nơi cái sáng mà vẫn tự phát ra, thì các tướng tối chẳng bao giờ làm mờ tối đi được. Căn và trần đã tiêu tan rồi, thì sao tánh Giác Minh không trở thành nhiệm mầu cùng khắp ?”

*Thông rằng* : Đoạn trước chỉ bày Tánh Trạng Viên chẳng theo căn, ở đây chỉ ra Tánh Trạng Viên chẳng nương nơi duyên. Người nhắm mắt kia, lấy tay sờ theo thân thể người khác thì phân biệt được đầu và chân. Cái tri giác trong tối với cái tri giác khi sáng không khác nhau. Người đời còn chẳng cần mượn cái duyên ánh sáng mà vẫn phân biệt được, huống gì Chân Giác của Thánh Nhân há lại mượn duyên ư ? “*Cái thấy nhân nơi sáng, khi tối thành ra không thấy*”. Đó là nói theo thế đế. Như vậy là cho rằng cái thể Giác Minh, nhờ có ánh sáng mà sáng, do bởi tối mà thành tối. Nay hãy xem người nhắm kín mắt, chẳng có nhờ duyên ánh sáng mà vẫn hay biết, trong bóng tối cũng vẫn phân biệt rõ đầu và chân. Cái thấy này, sáng không làm cho nó sáng, tối không làm cho nó tối, không những căn không thể giới hạn được mà trần cũng không ngăn cách nó được. Căn và trần đã tiêu mất, bèn tay có thể làm mắt, mắt có thể làm tai. Một căn về gốc, sáu căn thanh tịnh, làm sao tánh Giác Minh chẳng thành nhiệm mầu tròn khắp ?

Cái Giác Minh từ sáu căn mà phát ra ấy, phạm vi của cái sáng giới hạn bởi căn, nên chẳng thể nhiệm mầu tròn

khắp. Duy cái Giác Minh chẳng nương cậy căn và trần, mà tự phát ra, đó là thần thông diệu dụng, cảm ứng khắp nơi, đó thật là sáu căn dùng thay nhau, tức là cái gốc cho ba mươi hai Ứng Thân do Viên Thông của Đức Quán Thế Âm vậy.

Ngài Vân Nham hỏi Tổ Đạo Ngô : “Đức Đại Bi Quán Thế Âm Bồ tát dùng bao nhiêu tay mắt ấy như thế nào ?”

Tổ Ngô nói : “Như người nửa đêm trở tay rời cái gối.”

Ngài Nham nói : “Tôi hiểu.”

Tổ Ngô nói : “Ông hiểu làm sao ?”

Ngài Nham nói : “Khắp thân<sup>(1)</sup> là tay, mắt.”

Tổ Ngô nói : “Nói thì quá lắm, mà chỉ nói được tám tướng thành Đạo.”

Ngài Vân Nham nói : “Sư huynh nói thế nào ?”

Tổ Ngô nói : “Suốt thân<sup>(2)</sup> là tay, mắt.”

Ngài Thiên Đồng tụng rằng :

*“Một khiêu rỗng thông  
Tám mắt cửa song  
Không tướng, không thân, xuyên vào luật  
Chẳng ngăn, chẳng ngại, nguyệt trời không  
Mắt quý sạch trong, tay công đức  
Khắp thân nào giống được suốt thân !  
Hiện tiền tay, mắt toàn cơ hiện  
Đại dụng tung hoành, mặc cũ kiêng.”*

Ngài Tuyết Đậu tụng rằng :

---

<sup>1)</sup> Biến thân.

<sup>2)</sup> Thông thân.



“Khấp thân phải, suốt thân phải  
 So ra còn cách mười muôn dặm !  
 Cánh bằng che khắp mây lục hợp  
 Cuốn gió rền vang bốn biển xanh  
 Cái ấy bỗng sao, hề, bụi sanh ?  
 Trong ấy, mảy tơ, hề, chưa dứt !  
 Anh thấy chãng,  
 Lưới châu buông xuống, ảnh trùng trùng  
 Đầu gậy, tay mắt từ đâu khởi ?”

Ôi chao ! Sao khấp thân lại cách suốt thân mười vạn dặm ? Vì khấp thân là chưa lia được thân kiến. Suốt thân là gồm hết thấy mà quên đi. Chút tơ hào sai khác này, không đầy đủ con mắt thì nào có biện được. Ngài Tuyết Đậu thì tay, mắt đều quên. Còn Ngài Thiên Đồng chẳng ngại cơ duyên cùng diệu dụng, nên huyền lại càng huyền vậy.

## B. ĐÁNH CHUÔNG ĐỂ THỂ HIỆN TÍNH THƯỜNG

### 1. Nghi căn tánh không có tự thể

Kinh : Anan bạch Phật rằng : “Thưa Thế Tôn, như lời Phật dạy, muốn cầu được thường trụ, thì phải ở từ nhân địa là giác tâm, và những danh mục tu chứng phải cần tương ứng với quả vị. Thưa Thế Tôn, như trong quả vị đó, thì bảy danh hiệu là Bồ Đề, Niết Bàn, Chân Như, Phật Tánh, Am Ma La Thức, Không Như Lai Tạng, Đại Viên Cảnh Trí, tuy tên gọi khác nhau, nhưng thể tánh là trong sạch tròn đầy, vững chắc như Kim Cương Vương, thường trụ chẳng hoại.

“Nếu cái thấy nghe này lìa ngoài cái sáng, cái tối, cái động, cái tĩnh, cái thông bí thì rốt ráo không có tự thể, cũng như cái tâm niệm rời ngoài tiền trần vốn không

chỗ có, thế thì tại sao lại lấy cái rốt ráo là đoạn diệt này mà làm nhân địa để tu cho được bảy quả đức thường trụ của Như Lai ? Thừa Thế Tôn, nếu lìa ngoài sáng và tối, thì cái thấy rốt ráo không có, nếu không có tiền trần, thì tự tánh của tâm niệm diệt mất. Tới lui qua lại, suy xét chín chắn, thì vốn không có tâm tôi và cái tâm sở của tôi, vậy lấy gì làm nhân địa để cầu Vô Thượng Giác ? Đức Như Lai trước kia có nói cái tánh trong lặng tròn đầy thường trụ, nay lời nói khác nhau, hóa thành hý luận. Đây là lời chân thật của Như Lai. Xin Thế Tôn rủ lòng đại từ, mở chỗ mê chấp cho tôi.”

*Thông rằng :* Ông Anan cho cái nhân là nhân thực, cái quả là quả thực, nên cho là lìa ngoài trần không có tự thể, lìa ngoài niệm không có tâm : nghi là đoạn diệt. Đó là vì ông chưa từng biết rằng cái tâm đối với cảnh nguyên thuộc về sanh diệt, là sanh diệt thì có thể đoạn, còn cái tâm lìa cảnh, không thuộc sanh diệt, nên chưa từng đoạn được. Cái tánh trong lặng tròn đầy thường trụ rốt ráo là vô sở đắc, xem xét nhật nhiệm thì vốn không có tâm ta, cùng với tâm sở của ta. Lấy cái ấy làm nhân, thì đó là chánh nhân ; lấy cái ấy chứng quả, thì đó là chân quả. Cái tánh trong lặng tròn đầy thường trụ vốn là như thế, sao lại nghi ngờ là mâu thuẫn ư ? Vốn là một tánh mà có bảy thứ tên gọi.

Kinh Bảo Tích nói : Không Như Lai Tạng lìa tất cả phiền não của tâm thức không giải thoát. Bất Không Như Lai Tạng đầy đủ hằng sa pháp không thể nghĩ bàn của Phật Trí giải thoát. Không Bất Không Như Lai Tạng tùy hiện sắc không, ứng khắp tất cả.

Không Như Lai Tạng là quả thường trụ. Đại Viên Cảnh Trí thấy rõ tất cả mà không phân biệt. Am Ma La Thức phân

biệt tất cả mà không nhiễm trước. Vì rõ ràng thấu suốt nên gọi là Phật Tánh. Rõ ràng thấu suốt là cứu cánh giác, nên gọi là Bồ Đề. Cứu cánh giác, thể vốn tịch diệt, nên gọi là Niết Bàn. Tịch diệt nên hết thấy vọng tâm không chạm tới được, nên gọi là Chân Như. Bảy quả đức vốn là một thể vậy.

Sơ Tổ Đạt Ma chỉ dùng tám chữ bao quát đầy đủ hết. Đó là : “Tịnh Trí Diệu Viên, Thể Tự Không Tịch”. Tịnh là Bạch Tịnh Thức. Trí là Đại Viên Cảnh Trí. Không là Không Như Lai Tạng. Tịch là Niết Bàn. Còn Chân Như, Bồ Đề, Phật Tánh, không ngoài hai chữ Diệu Viên. Hai chữ Diệu Viên tức là phân biệt mà chẳng phân biệt, sanh diệt mà chẳng sanh diệt, đó là tánh giác như như tròn khắp vậy.

Có nhà sư hỏi Tổ Hoàng Bá : “Thế nào là Đạo ? Thế nào là tu hành ?”

Tổ Bá đáp : “Đạo là vật gì mà ông muốn tu hành ?”

Hỏi : “Tông sư các nơi truyền nhau tham thiền học đạo như thế nào ?”

Tổ Bá nói : “Lời tiếp dẫn hạng độn căn, chưa thể nương dựa được.”

Hỏi : “Ấy đã là lời tiếp dẫn hạng độn căn, còn chưa rõ là tiếp hạng thượng căn thì nói pháp gì ?”

Tổ Bá nói : “Nếu là người thượng căn, thì chỗ nào mà đến Đạo, tìm Đạo ? Cái tự mình còn bất khả đắc, hướng là có riêng pháp để tìm cầu ? Chẳng thấy trong kinh nói, “Các pháp có hình trạng gì?”, sao ?”

Hỏi : “Nếu như thế kia, ắt chẳng cần tìm kiếm gì hết thấy ?”

Tổ Bá nói : “Như thế ấy thì chẳng hao tâm lực.”

Hỏi : “Nếu như thế thì thành đoạn diệt, chẳng phải là không có ư ?”

Tổ Bá nói : “Ai bảo *cái ấy* không có. Nhưng cái đó là gì mà ông định tìm kiếm nó ?”

Hỏi : “Đã chẳng cho tìm kiếm, cứ sao lại còn nói chẳng đoạn lìa nó ?”

Tổ Bá nói : “Chẳng tìm kiếm, tức bèn thôi nghỉ. Ai bảo ông đoạn lìa ? Ông thấy hư không trước mắt đó, làm sao đoạn lìa nó ?”

Hỏi : “Có phải pháp ấy đồng như hư không chẳng ?”

Tổ Bá nói : “Hư không có bao giờ nói với ông là đồng hay khác gì đâu. Ta mới tạm nói thế, ông lại ngay liền ở trong ấy mà sanh tri giải.”

Hỏi : “Vậy nên chẳng cho người sanh tri giải ư ?”

Tổ Bá nói : “Ta không hề ngăn chướng ông. Nhưng tri giải là thuộc tình, tình sanh thì trí cách.”

Hỏi : “Hướng vào *trong ấy* mà chẳng sanh tình, thế có đúng không ?”

Tổ Bá nói : “Như chẳng sanh tình, thì ai nói là đúng ?”

Thế mà hơn ngàn năm rồi, vẫn còn có cái nghi như của Ông Anan, nếu được vài lời của Ngài Hoàng Bá, bèn cùng trùng tuyên cái chỉ thú sâu xa !

## 2. Chỉ bày tánh nghe là thường trụ

Kinh : Phật bảo Ông Anan : “Ông học đa văn, chưa dứt hết sạch các lậu. Trong tâm chỉ biết suông cái nhân điên đảo, mà cái điên đảo thật sự ở trước mắt, lại chưa biết được. E rằng ông thật sự còn chưa tin phục, nay ta thử đem các chuyện trần tục để giải trừ cái nghi của ông.”

Liền đó, Như Lai ra lệnh cho La Hầu La đánh một tiếng chuông, rồi hỏi Ông Anan : “Nay ông có nghe không ?”

Ông Anan và đại chúng đều nói : “Có nghe.”

Chuông hết kêu, không còn tiếng. Phật lại hỏi : “Nay ông có nghe không ?”

Ông Anan và đại chúng đều nói : “Không nghe.”

Khi ấy La Hầu La lại đánh một tiếng chuông.

Phật lại hỏi : “Nay ông có nghe không ?”

Ông Anan và đại chúng lại đều nói : “Có nghe.”

Phật hỏi Ông Anan : “Theo ông, thế nào là nghe, thế nào là không nghe ?”

Ông Anan cùng đại chúng đều bạch Phật rằng : “Tiếng chuông nếu có đánh thì chúng tôi được nghe. Đánh lâu tiếng hết, âm vang đều không còn, thì gọi là không nghe.”

Như Lai lại bảo Ông La Hầu La đánh chuông, rồi hỏi Ông Anan : “Theo ông, hiện giờ có tiếng không ?”

Ông Anan và đại chúng đều nói : “Có tiếng.”

Ít lâu tiếng hết, Phật lại hỏi rằng : “Theo ông, hiện giờ có tiếng không ?”

Ông Anan và đại chúng đều đáp : “Không có tiếng.”

Lát sau, Ông La Hầu La lại đánh chuông ; Phật lại hỏi : “Theo ông nay có tiếng không ?”

Anan và đại chúng đều nói : “Có tiếng.”

Phật hỏi Ông Anan : “Theo ông, thế nào là có tiếng, thế nào là không tiếng ?”

Ông Anan và đại chúng đều bạch Phật rằng : “Chuông nếu có đánh thì có tiếng chuông. Đánh lâu tiếng hết, âm vang đều không còn, thì gọi là không tiếng.”

Phật bảo Ông Anan và đại chúng rằng : “Nay cố sao các ông nói trái ngược, lộn xộn thế ?”

Đại chúng và Ông Anan cùng bạch Phật : “Cớ sao giờ đây chúng tôi bị gọi là trái ngược, lộn xộn ?”

Phật dạy : “Ta hỏi ông sự nghe, thì ông bảo là nghe. Hỏi ông cái tiếng, thì ông nói là tiếng. Chỉ có sự nghe và cái tiếng mà trả lời không nhất định, như thế không gọi là trái ngược lộn xộn sao được ?

“Anan ! Tiếng hết không còn vang, thì ông nói là không nghe. Nếu thật không nghe, nghĩa là tánh nghe đã diệt, giống như cây chết khô, vậy khi tiếng chuông lại đánh lên, làm sao ông còn biết được ? Biết rằng có, biết rằng không, đó là cái tiếng của trần hoặc có hoặc không, chứ tánh nghe đó, há vì ông mà có hoặc không ư ? Tánh nghe nếu thật là không có, thì còn cái gì biết là không có ?

“Thế nên, Anan, cái tiếng ở trong cái nghe tự có sanh có diệt, không phải vì ông nghe cái tiếng sanh cái tiếng diệt, mà khiến cho tánh nghe của ông thành có, thành không. Ông còn điên đảo, lầm cái tiếng là cái nghe, lạ gì chẳng mê mờ mà lấy cái thường làm cái đoạn. Trọn chẳng nên nói rằng, lìa ngoài các thứ động tịnh, đóng bít, mở thông thì cái nghe không có tự tánh.

“Như người ngủ mê trên giường gối, khi ấy trong nhà có người giã gạo. Người ấy trong mộng, nghe tiếng giã gạo, lầm cho là vật gì khác, hoặc cho là đánh trống, hoặc cho là đánh chuông. Ngay trong khi mộng, người ấy cũng lấy làm lạ sao tiếng chuông lại vang lên như tiếng vang của cây, của đá. Khi chợt tỉnh dậy, liền biết là tiếng chày, bèn nói với người nhà : “Khi tôi đang nằm mộng, lầm tiếng chày này là tiếng trống.” Nay Anan, người ấy ở trong mộng nào còn nhớ các thứ động tịnh, mở đóng, thông bít. Thế thì thân thể tuy ngủ mà tánh nghe chẳng mờ. Dầu thân ông có tiêu tan mất, thân mạng đổi dời, Tánh ấy làm sao vì ông mà tiêu diệt được ?

“Bởi vì chúng sanh từ vô thủy đến nay, đeo đuổi theo hình theo tiếng, chạy theo niệm mà lưu chuyển, không từng khai ngộ bản tánh trong sạch, nhiệm mầu, vĩnh cửu. Không theo cái thường còn ấy, mà chạy tìm các thứ sanh diệt, bởi thế đời này sang đời khác cứ dơ trộn mà lưu chuyển. Chỉ bỏ đi chuyện sanh diệt, giữ lấy tánh chân thường, thì cái ánh sáng thường trụ hiện ngay trước mắt, mọi thứ căn, trần, tâm thức tức thì tiêu mất.

“Tướng vọng tưởng là trần, thức tình là cấu. Hai thứ ấy một lúc xa lìa, thì con mắt pháp của ông ngay liền trong sáng. Thế thì sao không thành Tri Giác vô thượng ?”

*Thông rằng* : Đức Phật dạy, “Thoát khỏi sự dính, phục vào bên trong”, tức là tánh lặng trong tròn đầy, thường trụ vậy. Ông Anan nghi rằng lìa ngoài tiền trần thì không có tự tánh, sợ là đồng với đoạn diệt, bởi vậy, ngay nơi tiếng chuông mà hiển tánh nghe. Cái tiếng tan mất không còn âm vang, thì chỉ là không có tiếng chứ thật không phải là không có cái nghe. Cái tiếng thì có sanh diệt, cái nghe thì không có sanh diệt. Nếu nói cái nghe do cái tiếng mà sanh, do cái tiếng mà diệt, thì đang khi không nghe, ai biết là không nghe ? Do đó, cái hoặc có hoặc không thì có thể diệt, còn cái biết có biết không ấy chưa từng diệt vậy. Chẳng những khi tỉnh thức đối cảnh thì chẳng diệt, mà ngay khi ngủ nằm mộng, lìa tiền cảnh cũng chẳng có diệt. Chẳng những khi ngủ nằm mộng căn vẫn còn thì chẳng diệt, mà khi thân thể mất rồi, căn tiêu tan hết cũng chẳng có diệt. Chỗ này so với “cái thấy sông”<sup>(1)</sup> ở đoạn trước cũng tương tự. Ở trước, hiển bày cái thấy, là ý nghĩa về chỗ chẳng sanh

<sup>1)</sup> Xem Quyển II, đoạn vua Ba Tư Nặc (trang 122).

chẳng diệt. Còn ở đây hiển bày cái nghe, ý để chỉ cái nhĩ căn viên thông vậy.

Xoay ngược lại cái nghe để nghe tự tánh, tức là khai ngộ bản tánh trong sạch, nhiệm mầu, thường hằng. Ánh sáng thường trụ hiện ngay trước mặt, tức đó là cái tịch diệt hiện tiền. Da thịt lột thoát hết, chỉ có một cái chân thật. Như thế mới có thể gọi là con mắt pháp sáng trong, thành Vô Thượng Giác.

Ông Đỗ Hồng Tiệm hỏi Thiền sư Vô Trụ ở chùa Bảo Đường rằng : “Đệ tử nghe Hòa thượng Kim nói : Không nhớ, không niệm, chớ vọng. Pháp môn ba câu, có phải không ?”

Sư đáp : “Phải.”

Ông Đỗ hỏi : “Ba câu ấy là một hay ba ?”

Sư nói : “Không nhớ là Giới, không niệm (vô niệm) là Định, chớ vọng là Huệ. Nhất tâm chẳng sanh, đó là Giới Định Huệ, chẳng phải một, chẳng phải ba.”

Ông Đỗ lại hỏi : “Thầy có dùng ba câu ấy để tiếp người không ?”

Sư nói : “Người học nhân sơ tâm, thì còn khiến họ dứt niệm, dừng lắng sóng thức, nước trong thì cảnh hiện, ngộ cái thể vô niệm, tịch diệt hiện tiền, lúc ấy vô niệm cũng chẳng còn lập.”

Khi ấy, trên cây trước sân có tiếng quạ kêu.

Ông Đỗ hỏi : “Thầy có nghe không ?”

Sư nói : “Nghe.”

Quạ bay đi mất, lại hỏi : “Thầy có nghe không ?”

Sư nói : “Nghe.”

Ông Đỗ nói : “Quạ bay đi rồi, đâu còn tiếng, sao nói là nghe ?”



Thiền sư bèn dạy cả đại chúng rằng : “Đời Phật khó gặp, chánh pháp khó nghe ! Mỗi người hãy lắng nghe kỹ ! Có nghe, không nghe, đều chẳng liên quan gì đến tánh nghe. Xưa nay chẳng sanh, sao từng có diệt ? Khi có tiếng, đó là cái tiếng của trần tự sanh, khi không có tiếng, đó là cái tiếng của trần tự diệt, nhưng cái tánh nghe này, chẳng theo tiếng mà sanh, chẳng theo tiếng mà diệt. Ngộ tánh nghe này thì khỏi bị tiếng tăm của trần ràng buộc. Phải biết cái nghe không có sanh không có diệt, cái nghe không có chuyện đến, đi.”

Ông Đỗ và đại chúng cúi đầu vâng lãnh.

Ông Đỗ lại hỏi : “Sao là chẳng sanh, sao là chẳng diệt, như thế nào được giải thoát ?”

Thiền sư nói : “Thấy cảnh, tâm chẳng khởi là chẳng sanh. Chẳng sanh tức là chẳng diệt ! Đã không sanh diệt thì nào có bị tiền trần trói buộc ? Ngay đây là giải thoát. Chẳng sanh là vô niệm, vô niệm thì không diệt. Vô niệm là không buộc, vô niệm là không thoát. Rốt ráo là : Biết Tâm là lìa niệm, Thấy Tánh là giải thoát. Ở ngoài Biết Tâm, Thấy Tánh mà lại có pháp môn chứng Bồ Đề Vô Thượng, thật không thể có.”

Ông Đỗ hỏi : “Sao gọi là Biết Tâm, Thấy Tánh ?”

Thiền sư nói : “Hết thấy người tu học, theo niệm mà trôi dạt, đều vì chẳng biết Chân Tâm. Cái Chân Tâm ấy, niệm sanh cũng chẳng thuận theo mà sanh, niệm diệt cũng chẳng nương theo mà mất. Chẳng đi chẳng đến, chẳng định chẳng loạn, chẳng nắm chẳng bỏ, chẳng nổi chẳng chìm. Vô vi, vô tướng, sống động lưu thông, bình thường, tự tại. Tâm thể ấy rốt ráo bất khả đắc, không thể lấy tri thức mà biết, chạm mắt đều là Như, không có gì là chẳng phải thấy Tánh.”

Ông Đỗ và đại chúng làm lễ, xưng tán, vui mừng hơn hở mà đi.

Ngài Bảo Đường, dẫn lại Lăng Nghiêm, xét xem lời nói như cùng một miệng thuyết ra.

Chỉ có Tổ Vân Môn, chỗ thấy lại khác. Tổ thượng đường, nghe tiếng chuông, liền nói : “Thế giới rộng rãi thế kia, cứ sao nghe tiếng chuông lại mặc áo thất điều ?”

Đối với chỗ này mà chẳng có chút nghi, mới gọi là pháp nhãn<sup>(1)</sup> thanh tịnh.



---

<sup>1)</sup> Một trong ngũ nhãn.